



26

truyện ngắn

SƠN NAM



26 TRUYỆN NGẮN SƠN NAM

Tác giả: **Sơn Nam**

Ebook: **Cuibap**

Nguồn text: **Namkyluctinh**

Mấy Lời Giới Thiệu

Những Câu Chuyện Cũ Về Một Vùng Đất Mới

Đồng bằng sông Cửu Long là một vùng lương thực chủ yếu của miền Nam. Việc khai thác những tiềm năng phong phú của vùng đất mới này bắt buộc mọi người phải ra sức tìm hiểu nó một cách cặn kẽ. Càng đi sâu tìm hiểu những đặc điểm về lịch sử, về địa lý, về xã hội và đặc biệt là về con người miền Nam, người ta càng thấy việc tìm hiểu này không chỉ là cần thiết, không thể thiếu được mà còn bổ ích và đầy hứng thú đối với các nhà khoa học, các nhà văn hoá và nghệ thuật.

Trong bước đầu tìm hiểu, không ít người đã tìm đọc lại Sơn Nam, đặc biệt là cuốn lịch sử khẩn hoang miền Nam và cuốn Đồng bằng sông Cửu Long hay là Văn minh Miệt Vườn. Những cuốn sách và những bài báo của Sơn Nam đã giúp người ta đi trở lại những ngày đầu khai phá tìm hiểu những điều kiện thiên nhiên và xã hội của cuộc sống trong vùng, có khi cách nay nhiều thế kỷ, về cách thức làm ăn và sinh sống của con người những thời kỳ ấy.

Sơn Nam kể "truyện đời xưa" nhưng không phải theo kiểu viết sử thông thường. Nói là Lịch sử... nhưng không viết theo niên biểu, anh viết đọc như thể anh có gì thì nói nấy, cần thì nói không cần thì thôi, không nhứt thiết phải đủ lễ bộ, chương hồi cho đầy đủ, cân đối. Đối với người mới tìm hiểu, chưa có thì giờ vào thư viện lục tài liệu xưa, đọc sách Sơn Nam, thấy rất bổ ích. Thật vậy, sách anh viết, tài liệu vừa đủ để nêu được vấn đề, không nhiều quá làm người đọc phải mệt mà không cần thiết, mà cũng không ít quá để không nắm được gì, viết vui gọn, người đọc như được thưởng thức một bữa cơm bình dân, trông đạm bạc mà ngon miệng.

Trong đồng tài liệu cũ nằm bắt bụi trong những kho lưu trữ, anh tìm ra,

chép lại không phải tất cả, mà gạn lọc lấy những cái cần thiết, những cái thiên hạ chưa biết hoặc ít biết, thành ra những cái vốn đã cũ mà vẫn thấy mới là vậy.

Nhưng Sơn Nam không chỉ có những trang khảo luận mà còn có nhiều truyện ngắn, mà một tuyển tập được nhiều người biết đến, có cái tên khá tiêu biểu: Hương Rừng Cà Mau. Cà Mau vùng đất cuối cùng của Tổ Quốc, được kể lại vào cái thời kỳ mà phần lớn diện tích của nó còn là rừng với đủ thú dữ và hiểm nguy nhưng lại đầy hương sắc vì con người miền Nam đã tới đó sinh cơ lập nghiệp.

Về người nông dân miền Nam, đặc biệt là miền Tây, từ Hà Tiên tới mũi Cà Mau, tức là miền đất được khai phá sau cùng. Vì đi tới đây sau cùng, những người khai phá này đã tới những vùng khi ho cò gáy nhút, trước họ không ai thèm làm. Rừng sâu, nước đục, rả rết hùm beo. Nhưng không thể lùi được vì không còn đất sống nữa người ta mới phải lang bạt tới đây.

Muốn tồn tại, muốn sống sót được trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn như vậy, con người phải có một sức mạnh tinh thần đáng kể. Không được sự giúp đỡ nào của chính quyền lúc bấy giờ mà còn bị áp bức bóc lột nặng nề, những người phải rời bỏ quê quán tới xứ này phải sớm biết đùm bọc lấy nhau. Sức mạnh tinh thần đó không bắt nguồn từ kinh sách của thánh hiền vì phần lớn những người đi khẩn hoang đều thất học. Đó là những giá trị tinh thần của dân tộc mà người ta mang từ nơi chôn nhau cắt rún tới đây và được phát triển lên trong hoàn cảnh đấu tranh mới, đặc biệt là trong cuộc đấu tranh chống lại thiên nhiên còn thù địch với con người và chống lại những thế lực áp bức bóc lột cũng thù địch với con người không kém.

Giá trị tinh thần nổi bật trong cuộc đấu tranh này là tình nghĩa giai cấp của những người nghèo, bắt buộc phải xa xứ mà tới đây, cùng nhau lập quê hương mới, nơi ca dao còn ghi lại:

*Cà Mau khi khọt trên bưng,
Dưới sông sấu lội, trên rừng cọp um.*

Hoặc:

*Tới đây xứ sở lạ lùng,
Chim kêu cũng sợ, cá vùng cũng ghê.
Trong cảnh ngộ đó, con người sống bằng gì?
Bằng cái Nghĩa!*

Ngày xưa, ở xứ này, thường nói! Sống phải điệu nghệ!

Theo Sơn Nam, điệu nghệ là đạo nghĩa, nói trại ra. Rừng của Sơn Nam có hương là vì vậy. Tình nghĩa giữa con người ở đây không có xuất xứ trong cái cộng đồng làng xã, cái "tâm lý làng" như có người gọi, mà nó rộng hơn, nó sinh sôi nảy nở từ trong vùng đất mới, khẩn hoang lập ấp, trong đấu tranh khắc phục ngoại cảnh thù địch, chống áp bức bóc lột, nên nó vẫn giữ được cái chân chất thật thà của người lao động gần thiên nhiên mà lại không tù mủn hẹp hòi. Đây là một nét đặc biệt nữa mà ca dao còn ghi được:

*Dấn mình vô chốn chông gai,
Kề lưng công bạn ra ngoài thoát thân.
Lao xao sóng bủa dưới lùm,
Thò tay vớt bạn chết chìm cũng ưng.*

Cái tình nghĩa bốn phương bè bạn này rất sâu đậm, nó thể hiện trong ca dao, trong các làn điệu dân ca và về sau, chúng được gộp lại nó trong Lục Vân Tiên, giữa Vân Tiên và các bạn, giữa Vân Tiên với Tiểu đồng...

Cái tình bạn này đi liền với cái nghĩa "*giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng tha*", mà chúng ta cũng thấy rõ trong truyện Vân Tiên.

Từ trước tới nay, truyện ngắn của Sơn Nam được biết nhiều nhất là qua tập Hương Rừng Cà Mau. Sự thật, Sơn Nam còn viết rất nhiều truyện ngắn đăng rải rác trên các báo Sài Gòn trong một thời gian dài hàng chục năm chưa được sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu.

Đối với các bạn trẻ hôm nay, truyện "xưa" của Sơn Nam làm sống lại cảnh đời của cha ông đi khai phá thời trước, sống lại cái không khí hoang sơ mà hào hứng của buổi ban đầu lập nghiệp, theo dõi cách sống mộc mạc mà "*điệu nghệ*" của ông cha.

Đối với bạn đọc ở khắp các nơi, những trang khảo cứu và những truyện

ngắn của Sơn Nam là những chìa khoá mở cửa vào tâm hồn của người Việt ở miền Nam.

Trên tinh thần đó, chúng tôi chọn để giới thiệu với bạn đọc thêm 26 truyện ngắn của Sơn Nam, trước đây đăng rải rác trên các báo ở Sài Gòn. Những tên truyện được đưa vào tập này, tự nó đủ giới thiệu nội dung: *Chuyện Rừng Tràm, Nhứt Phá Sơn Lâm, Con rắn ri voi, Cái ổ ong, Con sấu cuối cùng, Đơn Hùng Tín chào đời...* Như đã nói trên, truyện của Sơn Nam, cũ mà mới. Nói những chuyện cũ của một vùng đất mới, một vùng đất mà khó ai dám nói, kể cả những người sanh trưởng tại chỗ, là đã thật hiểu biết đầy đủ. Mong rằng những truyện ngắn này sẽ góp thêm hiểu biết về miền đất thân yêu của chúng ta.

Nhà xuất bản

Hết Thời Oanh Liệt

Non trăm năm về trước, làn sóng người Việt Nam từ Cần Thơ, Vĩnh Long đổ xuống Rạch Giá, Cà Mau để khai khẩn đất hoang. Họ đã gặp những trở ngại thiên nhiên nào? Tài trí, sự dũng cảm của họ ra sao? Lòng chúng ta không khỏi phập phồng âu lo khi ngày nay đọc lại quyển Truyện đời xưa của cụ Trương Vĩnh Ký. Cụ có nhắc lại câu chuyện cọp ở vùng Gò Quao. Cọp ta đi dạo xuống bãi sông để tìm mồi, rùi bị kẹt đuôi trong bụi dừa nước... Rõ ràng thời ấy cọp quá lộng hành dám bỏ rừng sâu, bén mảng đến các xóm nhà sát mé sông, nơi mà chúng bị cô lập, thất thế nhất. Ông cha ta đã đánh đuổi lũ cọp ấy như thế nào? Có người đáp: nhờ các thầy võ giỏi chuyên môn đánh cạp xuất thân ở các trường võ Quảng Nam, Quảng Ngãi. Gặp lúc nước nhà loạn lạc, các thầy chạy vào vùng Cà Mau mà ẩn lánh. Võ nghệ của các thầy quá đổi cao cường, gặp cọp là rượt bắt lại, nắm gáy đè xuống, nện vào lưng cọp những quả đấm thôi sơn chưởng khác nào chúng ta ngày nay đánh một con mèo hoặc một con chó con...

Người khác bảo rằng: họ đã từng gặp mấy ông thầy bùa Xiêm, chuyên môn dụ dỗ cọp. Các thầy Xiêm nằm ngửa dưới gốc cây giữa rừng mà thối kè, nói đúng hơn là thối vào một miếng lá tre. Tức thời cọp mẹ, cọp con chạy lại, quỳ xuống hầu hạ canh gác cho thầy ngủ. Sau khi thức dậy, thầy xiêm võ về từng con, nhổ vài sợi râu hoặc vài sợi lông để nuôi sâu. Lông cọp, râu cọp được đem về cắm trong măng tre đang mọc. Vài hôm sau thì ô hô, mỗi sợi là một con sâu. Tục truyền rằng loại sâu ấy lớn bằng cườm tay, mặt đỏ hói, mình mảy văn vện, có đuôi dài ngoe nguẩy. Nhiều người nuôi nó trong một

cái hũ kín mít để giữ nhà. Khi có khách đến sâu cọt nhảy dựng trong hũ nghe rồn rảng rồi la hét! Ngoài ra, cứt của loại sâu này rất quý giá vì nó là vị thuốc độc, giết người trong nháy mắt. v.v...

Sự thật ra sao?

Cọp U Minh, cọp Gò Quao ngày nay bị tiêu diệt hoặc bị xua về Bảy Núi, về Tà Lơn phải chăng là nhờ các thầy võ Quảng Nam hoặc các thầy Xiêm có bùa phép?

Trả lời câu hỏi ấy, cách hay nhất là đến tìm các ông bà lão hiện còn sống ở vùng Gò Quao, Trà Ban. Máy ông này nếu không trực tiếp đánh cọp thì ít ra cũng đã thấy và nghe rõ ràng hơn chúng ta. Vậy xin mời các bạn đọc thân mến đến phỏng vấn và nghe các ông trả lời.

- Thưa ông, ông xuống đây lập nghiệp từ hồi nào?

- Điều đó không nhớ chắc chắn ngày tháng. Nhưng mà mấy cháu nên nhớ: hồi Tây đánh nước mình, miệt Rạch Giá, Cà Mau còn hoang vu. Ngoài biển, có ghe đánh lưới của người Hải Nam. Còn trong đất liền chỉ có 1mấy nhóm người Triều Châu, Phước Kiến qua đây từ đời ông Mạc Cửu. Họ ở gần chợ Rạch Giá, chợ Bạc Liêu bây giờ. Kỳ dư, có vài sóc người Miên ở giữa đồng. Thưa thốt lắm. Sông Cái Lớn, Gò Quao này nhiều khi chèo ghe suốt ngày mà không gặp một nhà nào. Nghe nói hồi Gia Long tâu quốc, nhiều người cất nhà ở Tân Bằng, Cán Gáo, Tau Dừa, Cái Nước. Hồi tôi xuống Gò Quao này, ở miệt dưới đã có vườn tược, có cau lão rồi. Nhưng đó là chuyện xa xôi, cách mình một khoảng rừng trên trăm cây số. Nghe nói chớ tôi chưa từng đi tới.

- Lúc đó miệt Trà Ban này phải chăng là hoàn toàn không có ai ở?

- Sự thật như vậy. Vài nhà người Miên ở tận giữa đồng nhưng họ không làm ăn chung đụng với người mình. Kỳ dư, ven sông Cái lớn này toàn là rừng. Trên bờ có cọp, dưới sông có sấu. Mình chèo ghe ban ngày, chừng vài trăm trước là thấy sấu nổi trước mũi ghe. Trời chạng vạng, nghe cọp rống, mấy ông úp mặt xuống đất nên có tiếng dội...

- Hồi mới tới cất nhà, chắc cọp khuấy rối mình dữ lắm!

- Không có! Không có! Mình ngu dại gì vô tuốt trong ngọn cùn mà cất

chòi. Làm như vậy có hai điều lợi. Một là mong mấy ngọn rạch không có rừng già. Rừng chỉ ăn dài theo mé sông cái, bề sâu vô chừng hai ba ngàn thước... Phía trong toàn là sậy, đẽ, cây mốp, rừng chòi. Mình có thể phá gấp sậy đẽ đó để làm ruộng trước, co lúa gạo mà ăn liền. Điều lợi thứ hai là ở xa cọp. Lúc mới xuống làm ăn, mình cần sự yên ổn. Hơi đâu mà lo chuyện đánh cọp, trong lúc mình không rành võ nghệ.

- Ở hẻo lánh như vậy, chắc sợ cọp dữ lắm. Cọp ưa tìm người mà ăn thịt...

- Vài người lo xa. Họ rào chung quanh chõng heo. Sợ nhất là khi mình đi ruộng, cọp lén vào nhà bắt con nít. Lần đó, cọp tới sà tôi chạy vòng quanh tìm cách vô nhà. Đứa con tôi ở một mình. Nghe tiếng động dậy nó chạy ra sát hàng rào. Cọp ta không phương thế nào vào trong được nên day lại, thò đuôi vô kẽ hàng rào. Trưa về nhà nghe con tôi nói lại: "Ba ơi! Hồi ba đi ruộng, có con vèo vện lại đây, thò đuôi vô. Con nắm đuôi mà nó mạnh lắm, kéo ra được chạy vuột." Chừng đó, lối xóm ai cũng hoảng sợ xây hàng rào chung quanh nhà. Đêm cũng như ngày chỉ nghe động tịnh là nghĩ tới cọp. Nhưng dân mình gốc ở hai huyện (Cần Thơ, Vĩnh Long) xuống đây. Ở đó, đất khai khẩn lâu đời rồi nên phần đông nghe tới tên cọp là sợ chớ ít ai thấy tường tận ông cọp lần nào. Có một cô nọ ngồi rửa chén sau nhà, thấy cái tàu mo cau rụng xuống bèn vọt chạy vô nhà, đóng cửa lại: "Má ơi, cọp! cọp!.." Hỏi cọp ra sao. Cô ta nói nó cao lắm, lưng nó vàng, bụng nó rằn. Chừng xem kỹ lại rõ ràng là tàu cau... Có bà lão khác ngồi câu cá dưới gốc cây xộp. Cọp trong rừng men chạy ra chụp một cái. Bà nọ té nhào bên một gốc cây. Nhờ vậy mà cọp chụp hụt. Sau đó cọp chạy cong đuôi vô rừng. Bà ngồi dậy mở mo trâu ra ăn rồi lững thững về nhà nói lại. Bữa nay xui xẻo quá. Câu cá không được con nào, nè gặp heo rừng ra nhát. Chừng cả nhà hồ nghi trở ra gốc xộp mà xem kỹ, rõ ràng là dấu móng cọp. Kể từ đó, thiên hạ ưa bàn tán về cọp, bắt đầu lo ngại. Có người bàn: nên thành lập một đội binh để vô rừng đánh cọp. Công việc đầu tiên là đốn tre tầm vông vạt nhọn để sẵn. Khi gặp cọp thì đánh trống lên, cả xóm xách tầm vông tới nghinh chiến. Mới nghe qua, dường như có lý. Nhưng sau đó, ở rạch Cái Cam, Phong Điền, Cần Thơ, có người xuống cho

hay: "Ở xứ tôi, có bố trí như vậy nhưng thất bại. Gặp cọp, đánh trống lên, ai nấy xách tầm vông chạy tới. Cọp im lặng, trụ hình một chỗ. Thình không, ông hét lên. Tức thì ai nấy chạy tán loạn. Có người thiếu điều đồ ruột vì chạy càn đụng nhằm ngọn tầm vông của bạn mình. Về sau, có người gài bẫy được một ông cọp. Họ đút mũi tầm vông vô miệng cọp để đâm. Dè đâu cọp nhai nát như... mình ăn mía."

- Vậy làm thế nào mà đánh cọp đến nỗi không còn sót một con như ngày nay?

- Chuyện đó phải làm lần hồi. Bố trí một đạo binh đánh cọp không xong, dân xóm này mới bày đặt cất miếu thờ cọp. Đó là ngụ ý: "Chúng tôi là người làm ăn, không dám đá động tới ông, xin ông cứ ở trong rừng để chúng tôi được yên ổn!" Cất miếu xong, chạng vạng có người tới đốt nhang. Mấy hôm đầu, ông cọp đi vòng quanh miếu, đứng nhìn nhang rồi về. Bữa sau đem ra cũng một cái đầu heo rừng. Cọp mừng lắm. Từ đó xóm giềng được yên.

Nhưng tạo hoá vẫn xoay, dân miệt trên xuống đây khai khẩn ngày thêm đông.

Đất giữ đồng khai thác hết. Bấy giờ chỉ còn là đất rừng sát mé sông, nơi cọp ở. Đó là hồi nguy nan nhất cho dân mình và cũng cho cọp. Nhiều người làm gan cất nhà sát mé rừng. Ban đầu, đôi ba nhà, sau, năm mười nhà. Họ thấy ở gần rừng mé sông tuy là nguy hiểm nhưng có nhiều huê lợi khác: ăn ong, làm rẫy. Một công rẫy trúng mà được tới một trăm hai chục giỏ khoai lang. Lúc này, nhiều người chết vì đi một mình vô rừng bị cọp chụp bất thành linh. Họ sắm mác thông, thứ có cán dài để ứng phó. Nhưng ở chỗ rừng dày, con người khó bề xoay trở để thủ thế.

Thời thế tạo anh hùng. Bận đó, ông thầy râu (thầy thuốc Nam, vì có râu dài nên gọi là thầy Râu) có đứa con gái bị cọp vồ. Tức mình ông cầm mác rượt theo tận giữa rừng, chém cọp rớt một cẳng. Tư Ngạn bị cọp công mất một con heo nái. Chú rượt theo cầm cự với cọp suốt buổi trưa. Nhờ lối xóm tiếp cứu nên mới thoát nạn. Từ đó về sau, chú ưa uống rượu, cặp mắt luôn luôn đỏ ngầu.

Kinh nghiệm là không nên đánh cọp nơi chậ chội, tứ bề có cây cối. Cọp sợ con người. Bằng cứ là ở giữa đồng trống, mình cầm mác thét lớn là cọp chạy mất. Vì vậy, khi dân mình phá động rừng, cọp tản mác, kiếm nơi khác mà hùng cứ. Rạch Cái Bần này lần hồi còn sót lại được ông Mun.

- Tại sao ông Mun dám ở lại?

- Vì ông thuộc về lại cọp già, đã từng chống chọi nhiều phen với loài người. Cọp nhỏ thì đi. cọp già ở lại. Thứ già là thứ dữ. Mỗi rạch chỉ còn sót lại một hai ông. Dân trong xóm đều quen mặt nên đặt tên. Có hai ông, Ông Vện với Ông Mun. Vện là cọp đực. Ông Mun là cọp cái.

Trời đất dành riêng cho đôi cọp này số phận riêng. Trước hết xin nói về ông Mun.

Thường ngày ông tới lui vòm Xẻo Giữa - một xẻo nhỏ, có cây giữa to lớn, nhỏ giữa (rễ thông xuống) buông xuống hàng trăm cây to bằng cổ tay, bằng cây cột nhà. Ông Mun ngủ sát gốc, chung quanh có nhỏ giữa che chở nhiều lớp.

Ông dạn lắm. Sáng đi, chạng vạng về. Tháng Tư năm đó, ông sanh được bốn ông Mun con...

Thật là khủng khiếp, lạ thường. Xưa nay, cọp sanh một hay sanh đôi là cùng. Đàng này sanh tới bốn con. Dân làng nhìn nhau lắc đầu, tưởng tượng một ngày kia bốn ông Mun nhỏ lớn lên, sung sức.

Phải đối xử bằng cách nào?

Bắt bốn ông Mun con chẳng? Chuyện đó rất dễ. Ông Mun mẹ thường đi tìm môi, để bày con bơ vơ ở gốc cây giữa. Nhưng mất con, ông Mun mẹ sẽ đổ quạu, trả thù, gây nhiều chuyện bất an cho xóm.

Lo xa rồi lại nghĩ gần, ông thầy Râu, ông Hương Văn Huệ, ông Tri Khách lựa bày ra một kế: bắt bớt ba, chừa lại một.

Thi hành xong, ba ông đem ba con cọp nhỏ về nhà. Xóm giềng rất đổi vui mừng. Nhưng ba ông không yên trí, sợ ông Mun mẹ đánh hơi theo tìm con để trả thù...

Sau rốt, các ông mua nhang đèn về dựng bàn thờ trước nhà mà khẩn vái:

- Xin trình cúng ông Mun được hay: Thói thường xưa nay một mẹ thì một con. Đấng này, ông sanh tới bốn con. Dân làng chúng tôi lo sợ nên thừa lúc ông đi vắng có tới xin bớt ba con, chừa lại cho ông một con. Như vậy không mịch lòng ông mà cũng không hẹp bụng chúng tôi.

Ông Mun về ỏ, thấy mất con, gằm thét, rồi vài hôm sau dẫn đứa con còn lại đi đâu mất.

Bây giờ làm sao để nuôi ba ông cọp con nọ?

Cọp con hiền lắm, mình mẩy mềm mại, bò tới bò lui, cái lưng uốn éo như con mèo lớn. Tối ngày, mấy cậu cứ đòi sữa. Biết được chuyện ấy, người đàn bà động lòng, xúm xít lại, đặt mấy cậu ngồi giữa bộ ván, ai nấy ngồi vòng quanh mà dòm ngó cho mãn nhãn. Các cậu đánh hơi rồi từ từ bò ngay lại người đàn bà nào có sữa để đòi bú. Bà chủ H. Cho bú thử. Kết quả, vài ngày sau vú sưng lên làm độc, đau sứt núm vú, bấy giờ thiên hạ càng lo ngại. Sau cùng, chở ba cậu ra chợ Rạch Giá để nạp cho quan phó chủ tỉnh. Ông phó tên Quitxy thưởng cho hai mươi lăm đồng bạc trắng.

- Còn ông Vện?

- Ông Vện có lẽ là chồng ông Mun cha của mấy cậu nọ. Phải chăng vì già nua bệnh hoạn mà ông Vện không theo vợ theo con. Buổi sáng đó người ta thấy ông Vện nằm dài trên bờ rẫy, sát mí rừng. Ban đầu ngỡ là ông ngủ trưa. Chừng mặt trời lên cao ngạc nhiên làm sao, ông vẫn nằm ì không nhúc nhích. Thiên hạ xúm lại gần, lấy đất chọi thử rồi lấy cây dài đem cọp, chừng đó mới biết ông chết. Họ thui râu của ông, lấy thước đo ông dài một thước sáu. Người khác đòi, khiêng lên cân thử. Các bậc kỳ lão cản ngăn, cho rằng làm vậy là quá khinh thị mạng sát kẻ đã chết.

Rạch Cái Bần không còn cọp nữa. Các rạch khác cũng nỗ lực như vậy. Lần hồi, ghe xuồng đi thông thương ngày đêm từ ngọn Cái Cau đến vàm sông Cái Lớn. Câu hát thời xưa: "U Minh Rạch Giá thị quá sơn trường, Dưới sông sấu lội, trên rừng cọp tha" không còn. Ghe xuồng tàu bè tấp nập, bọn sấu phải lui về vàm. Cũng thời câu hát xưa, thiên hạ sửa lại như vậy:

Đường đi Rạch Giá thị quá sơn trường,

Gió run bông sậy, dạ buồn nhớ ai.

Bông sậy là nơi đã khai thác thành rẫy. Lòng dạ con người thơ thới hơn. Không còn sợ cọp, sợ sấu. Họ rảnh trí mà ngắm cảnh nhớ tình. Nhớ ai bây giờ? Trai nhớ gái. Vợ nhớ chồng. Người nay nhớ công ơn người xưa đã đánh cọp để tạo lập nên làng nên xóm. Họ không phải là thầy nghề võ, thầy bùa.

Chẳng qua là họ muốn sống nên phải ráng sức cùng nhau, mỗi người ráng một ít. Sự thật về chuyện đánh cọp Gò Quao là vậy. Nó dễ mà khó, khó mà dễ. Người đánh cọp thời đó không bao nhiêu, tên tuổi của họ không cần bia đồng tượng đá. Vậy mà về sau này có bao nhiêu người tự xưng là thầy đánh cọp thời xưa để hát thuật Sơn Đông, bán thuốc trật gãy xương hoặc bán bùa Xiêm để dụ dỗ gái tơ.

Thiệt đáng trách biết chừng nào!

Chuyện Rừng Tràm

Rừng Cà Mau âm u và mênh mông đến mức nào? Để trả lời câu hỏi đó, người ở địa phương thường xúm xít lại để kể cho nhau một câu chuyện giải trí như vậy:

Năm đó thầy đội kiểm lâm X. vừa đáo nhậm ở lô rừng 321. Thầy ta thích bắn chim nên luôn luôn đích thân bơi xuồng đi rong khắp đường quanh nẻo tắt trong rừng. Cho đến ngày nọ, thầy nghe có tiếng chim gõ kiến, thứ chim chỉ ở vùng đất cao chớ không bao giờ ở nơi rừng tràm tràm thủy. Lấy làm lạ, thầy từ từ bơi xuồng lại ngay hướng đó, lắng tai xác nhận rõ ràng:

- Cốc! Cốc! Cốc! Cốc!

"Chắc là chỗ này chim gõ kiến nhiều lắm." Thầy đội nghĩ thầm như vậy. Mái dầm khoát nước càng lúc càng hăng. Và ngạc nhiên làm sao, tiếng "cóc cóc" lẩn lẩn nghe trầm xuống, thở thành tiếng "cum cum" giống na ná tiếng mõ của đình làng.

Trước mặt hiện ra một cảnh lạ mắt khiến thầy ngỡ như hai chàng Lưu Nguyễn khi giã từ non cao để trở về gặp trần gian. Cảnh rừng tràm dày bịt "cây chen vạ gốc" không còn nữa. Một vòm trời xán lạn hiện ra. Hàng trăm mái nhà cất san sát thành một xóm lớn, trong bản đồ tự hồi nào đến giờ chưa có ghi vào. Chừng điều tra lại thì ô hô! Đó là một số người lén lút vào đây cất nhà phá rừng để bán củi lậu thuế đã ba năm qua mà nhà cầm quyền không bao giờ hay biết.

Sau khi thương lượng, họ đồng ý chịu cho thầy một số tiền "trà nước" hai ngàn đồng, hồi xưa đó là số vốn khá to. Nghe nói nhờ đó mà thầy đội sắm

được chiếc đồ máy và đến năm sau, thầy đâm đơn lên quan trên để xin từ chức, dưỡng già.

Sở dĩ bây giờ chúng tôi đi hơi xa vấn đề là cốt ý giúp độc giả hiểu tối thiểu về lối sinh hoạt của một số người khá đông sống bằng nghề phá củi lậu thuế thời Pháp thuộc.

Anh Tư Hưng ở trong số người ấy.

Qui mô làm ăn của anh so với xóm trên kia thì nhỏ bé hơn nhiều. Anh đã được người bạn giới thiệu vào kinh Mười Lăm. Ở đấy, chỉ có bốn gia đình, thêm anh nữa là năm. Nhờ họ khéo che đậy bằng hình thức giăng câu bắt rắn, nên lính kiểm lâm thời đó ít chú ý.

Hừng sáng, họ đi vào rừng đốn củi. Gặp cây nào to lớn, ngay thẳng họ hạ xuống lột vỏ, ngâm bùn chôn giấu để làm cột nhà, bán với giá đắt hơn. Cứ mười bữa, họ cho người chở củi ra chợ Thới Bình giao cho nhà vựa củi. Vựa này có giấy phép của nhà nước. Đường đi thật gay go. Lắm khi họ phải chịu trần truồng nháy xuống bùn, đẩy xuống củi xuyên qua rừng hàng năm, ba cây số. Đêm hôm tăm tối, họ phải nhìn hướng sao trên trời mà đi. Lắm khi đi lạc đàng trở về xóm cũ, họ chờ ngày khác. Mùa mưa thì trên rừng có nước, việc đi lại tương đối dễ. Qua mùa hạn, muốn buôn bán lậu thuế như vậy phải vác củi đi qua nhiều khu rừng nổi tiếng có rắn và cạp.

Sống như vậy lâu ngày, anh Tư Hưng lần lần mẫn người mẫn cảnh.

Ngày nào bán được củi là nhóm người nọ chở về một xuồng đầy gạo, đường, trà, vải.

Lúc nào bán được một bộ cột nhà thì đó là phần thưởng chung. Họ mở tiệc ăn uống suốt ngày, thâu đêm, mời người ở xóm khác tới dự. Anh Tư Hưng thích dự những cuộc ăn uống đó.

Đây là Hai Đẹt, người đã từng nhậu ba lít rượu đế với ba yến khô cá sặc rần.

Đó là Bảy Vĩnh, người hồi tháng trước đã ăn một lượt ba kí-lô mỡ heo luộc chín, chấm với muối ớt. Sau khi ăn xong, anh còn đòi uống thêm bốn gáo nước lạnh.

Lại còn Tư Cần, đối thủ lợi hại của Bảy Vĩnh, Chính Tư Cần đã ăn bốn chục viên bánh xôi nước và một con vịt luộc, Bảy Vĩnh đáp lại, sẵn sàng ăn tám kí lô sầu riêng. thứ trái này khó kiếm ở rừng Cà Mau, phải gởi tàu đò ra chợ Rạch Giá mua về.

Ngày hôm sau đúng lời hứa, Bảy Vĩnh ăn tất cả. Có điều lạ là sau đó anh trợn trắng, mưa ra toàn sầu riêng, khiến cho cử tọa phải một phen khó xử vì cái mùi "thơm béo" không đến nỗi khó chịu.

Nói chung, anh Tư Hưng không chịu tham dự các cuộc tiêu khiển ấy, không phải anh không có tài ăn nhiều như thiên hạ, ngặt vì anh muốn giữ thể diện để mưu cầu chuyện khác.

Trong số người tụ họp, anh chú ý đến cô Một, cô gái thùy mị của ông lão Bích.

Lão Bích là người đứng tuổi nhất trong xóm. Lão thường đến chung vui với tư cách người thạo chữ nho. Phen đó thấy lão đến, có người dùng chữ nho để cười cợt với lão:

- Tử viết thiện giả, có con không gả; tích thiện phùng thiện, để lâu sanh chuyện; tích ác phùng ác, để lâu tác hoác.

Lão nâng tô rượu mà cười.

- Tôi chỉ có mụn con gái nên phải kén rể đông sàng cho kỹ lưỡng. Cậu nào biết văn chương mới mong.

- Văn chương là thế nào? - người nọ hỏi.

- Là biết hát đối. Đây tôi ra một câu, ai đối được tôi gả con gái cho: Thấy anh hay chữ em hỏi thử đôi lời, thuở tạo thiên lập địa, ông trời do ai sanh?

Anh Tư Hưng xiết đối vui mừng sức nhớ hồi nhỏ anh đã từng nghe câu trả lời như sau, nên anh lập tức lên tiếng: Nghe em hỏi tức, anh trả lời phức cho rồi, thuở tạo thiên lập địa, hai đứa mình chưa sanh!

Ai nấy vỗ tay hoan nghinh. Cô Một e thẹn, cầm đầu chạy về nhà.

Từ đó về sau, anh Tư Hưng thường gặp cô Một để trò chuyện. Lão Bích khuyên anh nán một đôi năm, chờ khi là ăn khá. Anh vui mừng nhận lời. Từ sáng đến chiều đôi trai trẻ cố sức đốn củi để đi bán. Nhưng phen đó, rủi bị

lính kiểm lâm bắt được, tịch thu chiếc xuồng. Vô cùng buồn bực, lão Bích chạy mượn cho Tư Hưng số vốn nhỏ để anh ta xoay qua nghề buôn nôi. Nồi trách, cà ràng ở Hòn Đất giá rẻ, chở về Cần Thơ bán lại lời gấp ba gấp tư. Nhưng họa vô đơn chí, vì chở quá cao nên khi ghé đến Cần Thơ thì bị sóng đánh chìm...

Nghĩ rằng đã đến lúc mặt vận, anh Tư bèn lên chợ tìm nhà anh em bạn quen nhờ bảo lãnh để mượn chiếc xe kéo. Không còn cách nào nhận tin về gia đình lão Bích, anh hằng yên tâm suy nghĩ rằng:

- Năm xưa mình hứa một hai năm sau mới cưới cô Một. Chờ năm mười tháng nữa, mình dành dụm số tiền mượn trở về rừng cũng không thất hẹn.

Như chim gãy cánh, vào một chiều tháng ba năm sau, anh Tư cùng một người bạn ở Cần Thơ trở về kinh Mười Lăm để thăm viếng lão Bích và cô Một.

Rừng tràm không có mùa hạ hay mùa thu rõ rệt. Mãn năm, luôn luôn lá xanh tươi và lấm tấm vài chiếc lá vàng sắp rụng. Anh Tư và người bạn hồi há bơi xuồng vào ngọn kinh. Lòng anh khắp khởi mừng thầm. Nhưng dòng nước hôm nay có khác, nó chảy lờ đờ, trong veo không một miếng xác mía, một manh lá chuối trôi ra. Điều ấy chứng tỏ không còn người nào ở trong ngọn kinh.

Đến xóm cũ thì hỡi ôi, ai nấy đều dời mất chỉ còn sót lại vài căn nhà hoang xiêu vẹo, cất xa nền nhà lão Bích chừng non công đất. Hỏi ai bây giờ? Cây cỏ toàn là lạ, căn nhà xưa đã đóng cửa. Anh in trí rằng gia đình lão Bích đã dời đi nơi khác. Không còn đủ thời giờ để cho anh buồn tủi nữa vì mặt trời sắp lặn sau rừng. Làm sao tìm chỗ ngủ gấp ở chốn rừng này? Người bạn của anh quá nóng lòng đòi trở ra sông Cái, nhưng trở ra sao kịp? Thôi thì đành đi sâu vào rừng tìm nơi nào có đất trống, có củi mục để đốt ngừa rắn rít, cọp beo.

Anh Tư khuyên bạn nên vào gần rừng với anh để giấc ngủ bảo đảm hơn. Cách đó không xa, đúng như anh ao ước, có một đống củi lớn chắc là của ai đốn lậu thuế chưa kịp lưu đi.

Hai người trái nóp ra, nằm hút thuốc. Chập sau vì quá mệt mỗi không ai bài ai họ chui vào nóp ngủ say.

Một tiếng hú lớn khiến cây cối vang dội. Anh Tư giật mình, hé nóp. Bên ngoài trăng sáng vằng vặc, không biết rõ vào canh mấy, anh Tư lắng tai định thần, để tìm hiểu tiếng hú quái dị đó. Anh ngỡ là tiếng chim ụt. Mà kìa! Có bóng trắng thấp thoáng từ xa len lỏi vào rừng tràm và tiếng cười rú lên:

- Hả! Hả! Hả!

Lập tức, anh Tư Hưng gọi bạn:

- Mày! Mày thức hay ngủ?

Bạn đáp liền, giọng run run:

- Tao thức này giờ.

- Mày nghe gì không?

- Nó hú, nó cười phải không? Chắc mình gặp con xà niên rồi.

Anh Tư Hưng quả quyết rằng này âm thấp, không bao giờ có xà niên như ở vùng núi cao. Anh nhướng mắt lên. Bóng trắng ban này đang lù lù tới quá rõ rệt.

Chắc chắn đó là một người con gái bỏ tóc xõa, mình mẩy trắng ngần, tay cầm một món gì ngắn, lòng thòng tựa như cây phát trần...

Anh buột miệng:

- Ma... ma thiệt rồi. Mày tỉnh trí không? Mày nằm sát xuống coi chân nó có đục đất không? Ma thì đi hồng chân khỏi mặt đất.

Bạn anh trả lời:

- Tao coi kỹ này giờ rồi. Nó đi hồng mặt đất.

Bóng trắng nọ dường như chỉ còn gần đề anh chừng một công đất, hai tay quơ lên rồi lại cười lớn. Làm sao bây giờ? Tâm trí đang bối rối lại càng bối rối hơn. Anh vụt đứng dậy khi nghe từ trong rừng có tiếng hú thứ hai đáp lại:

- Hú... Hú...

Anh Tư Hưng ra lệnh cho bạn cùng tẩu thoát sau khi cuốn nóp thật gấp, e bóng ma nọ nhìn được dấu người mà truy nã theo. Họ núp trong bụi rậm, thủ trong tay khúc tràm ngắn để tự vệ.

Bóng trắng nọ là một cô phụ nữ.

Cô ta ngồi xuống đồng trầm mà hai người vừa trải nóp ngủ khi nãy. Cô ta vé giận dữ; đôi tay cấu xé vào đồng trầm nghe rột rột. Chập sau ông lão hiện tới, mặc áo ngắn, quần đùi đen.

Anh Tư Hưng đứng dậy nắm tay bạn:

- Phải chạy mới được, mau!

Bạn cãi lại:

- Để tôi ăn thua với nó...

Bỗng dừng, ông lão đứng ngoài đồng trầm la lớn:

- Ai đó? Bà con nào đó? Phải mày đó không Tư Hưng? Tao là Hai Bích đây...

Nhờ vậy mà anh Tư nhận được bóng ma nọ: cô Một, người hứa hôn với anh ngày nào.

Lão Bích cho biết thêm giọng mỉa máo:

- Bây giờ nó điên rồi. Mày đi vài tháng nó mang thai. Nó chờ mày về, chờ hoài. Rồi nó đẻ trong rừng, không ai làm mụ bà. Tao làm mụ cho nó... Mày tưởng tượng cái cảnh nào nề. Con mày chết non. Kiếm lâm vô đây với hương quản để bắt củi xét thuế thân. Xóm mình tản lạc, tao với vợ mày phải chạy vô trong này. Mày coi vợ mày không thềm bận quần áo nữa mà có bận thì cũng không mua nổi. Nó khóc, nó cười, nó chửi tao. Ban đêm muỗi mòng quá, nó cầm cây xơ quất này đập muỗi. Nó điên vì tình, vì đời...

Anh Tư Hưng khóc không ra nước mắt. Anh cũng không còn mặt mũi nào để nhìn mặt cô Một ngày xưa.

Chắc chắn là anh không cưới cô Một. Năm sau có người gặp anh chạy xích lô ở Sài Gòn. Hỏi anh về vấn đề vợ con, anh đáp:

- Khổ quá. Tôi bây giờ là thằng khùng. Vợ con gì...

Nhứt Phá Sơn Lâm

Trời vừa hừng sáng là khu rừng bắt đầu huyền ảo. Từ sáu tháng nay, trướx sự xâm chiếm của lớp người "tay rìu" bao nhiêu chim cò, răn, rít, khi, chồn, heo rừng phải nhượng bộ rút lui.

Bọn tay rìu vào rừng kinh ngang kin dọc dưới sự điều khiển củacặp rặng . Tất cảcặp rặng đều do một ông"chủ đường" chỉ huy. Đường có nghĩa là con kinh lớn tập trung bao nhiêu củi đã cưa sẵn thành từng khúc hai tấc rưỡi hoặc một thước. Muốn có một đường củi như vậy phải là tay rất có thể lực đối với nhà cầm quyền thực dân thời bấy giờ.

Họ đấu giá một lô rừng cúp, loại rừng mà nhà nước cho phép khai thác cứ hai mươi hoặc hai mươi lăm năm một lần.

Sau khi đấu giá được, việc cấp bách nhứt là mộ nhân công (tay rìu) vì chung quanh khu rừng nói trên rất ít dân c ư. Phải có nhân công thật nhiều mới khai thác xong đúng thời gian cam kết với nhà nước. Vì vậy, người chủ đường phải mộ nhiều nhân công từ Cần Thơ, Hà Tiên, Long Xuyên... đem xuống tận cái lô rừng cúp rạch Thứ Sáu, làng Đông Thái, tỉnh Rạch Giá này.



Anh Tư Bình Thủy tốc nóp, ngồi dậy. Anh ngáp dài, nhìn rừng, nhìn nước rồi từ từ nả lưng xuống với ý định dỗ lại giấc ngủ, bụng nghĩ thầm:

- Làm thêm đôi ba thước củi cũng chưa đủ trả nợ. Không khéo, lại lao lực sanh bệnh tim, bệnh phổi mà mang khốn...

Cum! Cum! Cum!

Tiếng búa bổ vào gốc tràm bắt đầu vang lên từ đầu đến cuối rừng nghe

còn nhạt hơn tiếng mõ thầy chùa tụng kinh.

Đùng! Đùng! Đùng!

Từng thân cây ngã xuống liên hồi mặt nước rung chuyển, sóng gợn lên chạy dài, vỗ vào vách chòi của anh nghe lát chát.

Các "tay riu" bắt đầu nói chuyện cho qua cơn mệt nhọc. Anh Tư Bình Thủy nghiêng tai vào đầu nóp, lắng nghe tỏ rõ từng tiếng một:

- Rừng này gốc của ông Gia Long. Hồi xưa Gia Long cũng như mình...

Đó là giọng của Hai Cờ Đỏ. Gọi là Cờ Đỏ không phải vì cầm cờ Cộng sản đi biểu tình, nhưng vì quê quán anh này ở Cờ Đỏ - một địa phương thuộc đồn điền của Tây "Êmory." Anh có giấy chứng nhận riêng biệt của hãng Tây. Theo lời anh khoe khoang thì giấy đó mạnh hơn giấy thuế thân, bảo đảm không sợ bất cứ một thầy hương quản nào. Giọng Hai Cờ Đỏ nói sang sảng:

- Đố các cha vậy chớ rừng này hồi đời xưa có vua Gia Long đi ngang qua không?

Có tiếng cãi lại:

- Túng tiền thì lại đây, tôi cho mượn đỡ vài cắc, chớ đừng nói dóc. Nói phải có sách, mách phải có chứng...

- Dân ở Cờ Đỏ không bao giờ nói dóc. Để tôi nói lại. Số là xưa kia... Gia Long bị Tây Sơn rượt, ngài phải dùng ghe biển mà chạy từ Cà Mau ra Phú Quốc. Chiếc ghe của ngài gọi là long thuyền... Ngài đứng trước mũi ghe, ngóng vào bờ mền tiếc lắm, vì ngài muốn làm vua ở đất liền chớ nào có mộng làm chúa ở cù lao...

Ai nấy nhốn nháo lên:

- Nghe lòng vòng quá. Nói cho lẹ thử coi... Muỗi cắn gần chết đây nè? Bà con nào cho tôi mượn bếp un, quạt khói lên dùm...

- Tôi nói ông Gia Long ngóng vô bờ, dòm dáo dác cái cụm rừng của tụi mình đương đứng bây giờ. Rồi ông day qua nói với đình thần tả hữu: "Sơn bất cao, thủy bất thâm, phù sa chi địa nhưn tác bất thành tu hú giả. Nhứt phá sơn lâm, nhì thâm Hà Bá, cao phi viễn tẩu giả nan tàng..."

- Cắt nghĩa cho mau. Ở đây ai mà biết chữ nho.

Hai Cờ Đỏ cười dòn:

- Câu đó ngụ ý về địa lý. Gia Long nói xứ Nam Kỳ này không có núi cao, không có sông sâu. Còn đất phù sa thì dờ quá, vô dụng. Đến đổi móc đất lên nắn con tú hú để thổi cũng không kêu. Đó là "bất thành tu hú giả." Duy có hai nghề phá sơn lâm đâm Hà Bá là dễ làm ăn. Nhưng lưới trời lồng lộng không ai chạy khỏi: phá rừng, chài cá khiến con người phải nghèo mạt...

Cả bọn cười vang lên:

- Hay! Hay! Bây giờ tới phiên ông Tư Châu Xương nói cho anh em nghe một chuyện khác.

Nghe đến tên ông Châu Xương, anh Tư Bình Thủy chột sáng mắt lên. Ông này nước da đen ngăm, mặt mày hung tợn nhưng lòng dạ thiệt thà. Trong số tay rìu quen biết chỉ có ông là tử tế với anh nhất. Bằng cố là hôm trước lúc anh đau rét suốt ba, bốn ngày, ông cho đưa con gái lại nấu cháo và cho tiền để mua mấy chai thuốc phát lãnh hoàn. Cô gái ấy tên là Mịn, tuy đen đúa nhưng có duyên. Lúc ban đầu Mịn kêu bằng chú. Anh phải đình chánh lại rằng tuổi anh còn nhỏ, mới có hăm ba vì quá lăn lóc với sanh kế nên mau già đó thôi.

Sau rớt, Mịn chịu gọi anh bằng anh, Mịn săn sóc châu đáo lắm, nhiều đêm ngồi quạt khói un muối cho anh đến quá mười giờ đêm mà không về. Những đêm về khuya đó, anh không bao giờ nghe tiếng ông Tư Châu Xương rầy con gái. Trái lại, có đêm nhiều khi cô Mịn bơi xuống đến thăm anh một lần thứ hai.

- Ba của em sợ anh đặng miệng, biểu em đem qua anh điều thuốc rê này. Ba nói hễ khi nào anh hút thấy ngon là trong mình bớt đau.

Đêm thanh vắng, giữa tứ bề rừng bụi, anh Tư lúc ấy thấy vui sướng không cùng. Anh cố tình nói một câu để dọ thử tấm lòng cô Mịn:

- Làm ơn thì làm ơn cho trót. Không lẽ tôi phải bước xuống sàn lại đặng bếp un để châm thuốc hút. Nhờ em đốt dùm.

Mịn e thẹn:

- Hồi giờ, em đâu biết đốt thuốc. Hay là em gắp cục than cho anh.

- Tội nghiệp. Bộ cô muốn đốt tôi luôn sao? Có gì là đáng. Cô cứ ngậm vô miệng, hút một hơi cha cháy trước.

Và Mịn đã ngoan ngoãn nghe lời của anh. Điều thuốc rê hôm đó ngon làm sao!

Cô Mịn đã xuống về từ lâu mà anh còn ngồi đó, tiếc cái tàn thuốc đã cháy tới da tay, tâm trí mơ màng nhớ đến đôi mắt của Mịn, đôi mắt đen như nước rừng, có đôi vì sao chiếu xuống ngồi lên lấp lánh...

Ông Tư Châu Xương bắt đầu kể chuyện. Anh Tư Bình Thủy lập tức ngồi dậy. Nghe có tiếng cửa cũi, anh đoán chắc hôm nay thế nào cũng có cô Mịn đến giúp cha.

Ông nói:

- Hai Cờ Đỏ nói dứt cái sấm truyền của vua Gia Long. Bây giờ tôi xin nói tiếp về lúc Tây qua đánh thành Long Hồ tức Vĩnh Long bây giờ. Tôi cắt nghĩa tại sao lính Tây có mang mỏ neo ở bầu nói, tại sao trên đồng bạc trắng của Tây có chạm hình người đàn bà...

"Năm đó, Tây kéo tàu binh tới bến Long Hồ. Tụi nó bắn súng lên. Bên này, binh của An Nam mình lập tức nã đại bác thần công xuống. Hai bên kịch chiến khá lâu. Lính Tây chết nhiều quá. Quan đề đốc của Tây ra lệnh kéo neo rút lui về Mỹ Tho.

Thừa cơ, bên mình bắn súng như mưa bắc. Lính thủy Tây ráng sức kéo neo nhưng không xuể. Vì vậy, tàu chạy thối lui không được. Dè đâu, lúc đó trên tàu Tây một con đầm xuất hiện ra, tay cầm cờ phất tới. Đó là vợ của quan đề đốc đứng ra thay chồng để xua binh đổ bộ lần thứ hai. Nhờ vậy, Tây thắng, chiếm thành Long Hồ. Sau đó, tụi nó nhớ ơn cái mỏ neo với con đầm nên mới ra lệnh ghi lại kỷ niệm... Bởi vậy, đàn ông nhiều khi cần có đàn bà giúp mới làm được việc lớn. Và ở đời, nhiều khi cái chuyện rủi ro như cái mỏ neo nọ lại biến thành dịp may..."

Ông Tư Châu Xương dứt lời, ai nấy cười vang. Có người chêm vô một câu:

- Bây giờ tới phía Tư Bình Thủy. Tư Bình Thủy đâu rồi? Nó mê ông lắm

đó ông Tư.

Anh Tư ngồi trong này nín khe, lắng nghe ngoài rừng thiên hạ gọi anh ngày một gấp!

- Đâu rồi? Hay là thua bài cào hồi tối rồi ngã luôn. Hồi tối, tôi thua hai chục đồng, nó thua có năm đồng, nhằm nhè gì. Ông Tư Châu Xương đâu? Kêu... thằng ré của ông thức dậy coi...

Anh Tư Bình Thủy lắng nghe chờ sự phản ứng của ông Tư Châu Xương. Nhưng êm tịnh, chập sau, thấy Hai Cờ Đỏ chống xuống tới chòi. Anh giả vờ như ngủ mới thức dậy mà nói:

- Bữa nay bệnh quá, tôi muốn ngủ luôn. Kêu ra có chuyện gì không?

- Ra rừng rồi hãy biết. Ông già vợ của mày chờ ở ngoài.

- Đừng nói bậy, ông bắt lỗi thì sao?

- Cam đoan không bắt lỗi. Thằng Tư mày biết không? Hồi này ông nói: đàn ông cần có đàn bà mới lập sự nghiệp được. Chắc là ông muốn mở hơi gả con gái cho thằng Tư mày.

Anh Tư Bình Thủy lội xuống rừng. Nước rừng quá lạnh, ngập khỏi lưng quần, khiến anh tỉnh táo lại. Anh cầm búa lội qua gốc tràm gần đó. Nể lời yêu cầu của người chung quanh, anh không thể chối từ:

- Tôi chỉ biết bài thơ ông Tiều. Bà con có đọc Lục Vân Tiên đều biết. Tôi không muốn nói ra vì nó chua chát quá. Tay rìu đời nay là ông Tiều đời xưa đầu thai lại chớ gì...

Tiều rằng: Vốn lão tinh thông,

Một mình thơ thần non lòng hôm mai.

Tấm lòng chẳng muốn của ai,

Lánh nơi danh lợi chông gia mặc lòng.

Kìa non nọ nước thông dong,

Trăng thanh gió mát bạn cùng hươu nai.

Công hầu phú quý mặc ai,

Lộc rừng gánh vác hai vai tháng ngày.

Giọng của Tư Bình Thủy khá trong trẻo nên hấp dẫn được người nghe.

Mặc dầu đó là tâm sự của người xưa nhưng những người lưu lạc ngày nay cũng nhờ đó mà sống lại đôi phút giây mát mẽ, thơ mộng. Họ im lặng nhìn nhau, chờ đợi lời bình luận sôi nổi. Cô Mịn liếc qua Tư Bình Thủy như khâm phục, hãnh diện.

Nhưng từ trong rừng, kìa tên cặp rắng Be chống xuống ló ra. Hấn mặc áo bành tô vàng, miệng ngậm ống vố, hất hàm lên:

- Ê Từ Bình Thủy nói dóc cái gì đó? Thằng này bữa nay bày đặt o mèò nữa hả? Thi phú của mày ăn nhập vào đâu?

Tư Bình Thủy trợn mắt nhìn cặp rắng Be. Hấn nhếch mép:

- Nói chơi không được nữa hả? Tao cho mày hay: Cô Mịn muốn có hạnh phúc thì hãy tìm một người giống như tao. Cô sẽ có áo bông quần lãnh.

Rồi hấn dạy lại cô Mịn mà cười:

- Phải vậy không cô Mịn? Cửa củi làm chi mà áo rách vai, rách ngực. Người ta thấy da, thấy thịt của cô kìa... Cô dòm lại coi... trắng xát.

Nhanh như chớp, Tư Bình Thủy xách búa lợi nước đùng đùng lại gần xuống cặp rắng Be mà chửi:

- Ý làm cặp rắng hả? Đồ tục tui! Tao chém mày!

Cái chuyện cầm búa hăm he chém người như thế ra rất thường giữa cuộc làm ăn hỗn độn này. Ông Châu Xương, ông Hai Cờ Đỏ thấy chưa cần can thiệp, vì ông biết cái tật xỏ lá của cặp rắng Be. Đúng vậy, hấn vội vã chống xuống ra xa rồi dừng lại, nói vài câu để cứu vớt thể diện:

- Bà con ơi! Thằng con nít thất học này làm gì mà biết thi phú, kinh sử. Nó nói dóc.

Tư Bình Thủy nói lớn:

- Thằng nào nói dóc? Chú mày mới là thằng nói dóc. Hồi qua Bình Thủy rủ tao xuống đây, mày nói ở dưới này sướng lắm. Sao mày không nói ở dưới này muối mòng đĩa vắt nước ngập ngang lưng quần, nhà cửa không có. Mày lại còn bày đặt chứa bài cao lấy râu. Mãn mùa, mồ hôi nước nắt của dân tứ xứ bị mày cướp ráo.

Cặp rắng Be đành đuối lý, chống xuống đi. Hấn nói với lại:

- Tao cho Tây hay. Nó vô bản nát óc mày. Xứ này, xứ của tây mày biết chưa?

"Xứ này, xứ của Tây." Mấy tiếng đó khiến cho ai nấy cười rộ lên, cười chua chát thiếu điều ra nước mắt. Gió rừng ngừng lại. Nước rừng bùng tỉnh soi rõ từng lá cây, dáng người. Chập sau, ông Tư Châu Xương nói ôn tồn:

- Mình dốt nát không biết tích Gia Long tẩu quốc, tích Tây đánh thành Long Hồ, nhưng chắc chắn mình không bao giờ nói một câu quá trật lất như thằng cặp răng đó. Hơi đâu mà phiên, Từ Bình Thủy ơi! Trăm sự chỉ vì sinh kế. Ông Tiều này xưa nào có lúc rảnh rang tâm trí. Hồi nãy đọc thơ Lục Vân Tiên, cháu quên mấy câu trước: Mình rằng: đây đó hỏi han, xin vào chùa sẽ luận bàn cùng nhau. Nhưng ông Tiều không được rảnh: Tiều rằng: chẳng dám nói lâu, bởi vì còn phải vào rừng đốn củi bán hầu chợ phiên.

Trăm sự cũng bởi đồng tiền. Bây giờ, mưu kế hay nhất là tối nay cháu lại nhà bác. Bác chỉ cho ni tắc từng cây cột, cây kèo. Mình nên thừa dịp này mà ăn cắp... của Tây một bộ cột. Cứ đốn sẵn, nhận lấp dưới sinh. Hôm nào thuận lợi, mình sẽ lư đi. Mai kia mốt lại, cuộc phá sơn lâm này mãi, chắc chắn thế nào mình cũng lờ được một cái sườn nhà. Cháu chịu vậy không?

Anh Từ Bình Thủy liếc sang cô Mịn rồi cúi đầu trả lời nhỏ:

- Dạ, bác thương con cháu. Con cháu đội ơn bác không hết chớ có dám cãi lại bao giờ.

Tháng Chạp Chim Về

Nó hiện ra từ mí rừng phía đông. Ban đầu chỉ là một đốm đen. Ngỡ đó là con chim đầu đàn, tôi chờ đợi những con khác bay theo sau nhưng tôi ngạc nhiên:

- Con diệc này sao bay về có một mình? Thường thường nó bay về nhiều lắm, sắp thành hai hàng như mũi tên, phải không ông Tư?

- Không phải! Không phải đâu!

Ông Tư trả lời cho có chừng. Mắt ông nhướng lên, theo dõi đốm đen cô độc nọ. Ông bước tới bước lui, quay tròn vòng rồi la lên mừng rỡ:

- Nó đó mà! Tội nghiệp quá. Năm nào cũng như năm nào...

Trên ngọn cây gòn, kìa một con chim to tướng đen thui, đầu có đốm trắng, cao nghệu như đứa trẻ lên mười tuổi. Mặt trời đã gác lên mí rừng dội lên lông cánh của nó, mướt rướt.

- Năm nay nó già đi nhiều... Tội nghiệp!

Khỏi cần lượn vòng quanh, nó cũng nhìn được con rạch Đường Sơn này...

Nóng ruột tôi hỏi:

- Con chi gì mà coi dữ quá vậy ông Tư?

- Con chim già sói. Thứ này bây giờ ít lai vãng tới miệt Cạnh đèn này, chớ hồi đó thì ôi thôi...

- Làm sao bắt nó xuống coi thử. Phải chi mình có súng...

Ông Tư nhìn tôi, nhăn mặt lắc đầu:

- Súng với ống mà làm gì? Đừng nói bậy, nghe được nó bay đi luôn. Giống già sói gan dạ lắm. Cháu chưa biết sao? Hồi năm đó ông kiếm lâm

Rôbe lại đây, cũng vào tháng này gập nó. Ông nỗ nghe cái "rầm", con già sói không thềm nghe, cứ đứng im. Qua phát thứ hai nó ngóng mỏ, coi bộ tức mình bức bội. Tiếng súng thứ ba nỗ lên. Già sói nhè nhẹ cất cánh bay đi, buông xuống một cục phẫn, nhè cái nón của ông Rôbe mà rớt trúng. Báo hại ông mắc cỡ, tôi phải thay mặt con già sói nọ mà xin lỗi ông... Con già sói này sống ít nhất là năm chục năm rồi. Nó có nghĩa lắm, bỏ sần chim không đàn. Hồi năm chục năm về trước, hồi trăm năm về trước rạch Đường Sần ở Chắc Bắg này phồn thịnh lắm.

Vùng Rạch Giá, Hà Tiên nổi danh là nơi tập hợp nhiều sần chim, của trời đất dành riêng cho. Từ vàm đến ngọn sông Cái Lớn, bao nhiêu là sần: sần Cái nước, sần Thầy Quơn, sần Thứ Nhất... Đó là chưa kể mấy sần ở giữa rừng mà chưa ai bước chân tới. Từng vùng rộng chừng mười ngàn thước vuông, tụ tập hàng vạn con chim lớn.

Chúng nó sanh sôi nảy nở, tạo lập một thế giới riêng biệt náo nhiệt, ở khắp nhành cây và mặt đất. Dân chúng kéo đến các sần chim này để bắt chim, nhổ lông bán cho ghe buôn từ Hải Nam đến, họ mua về để kết quạt. Ta có thể chia hai loại chim: thứ làm ổ trên cây và thứ làm ổ trên mặt đất.

Làm ổ trên cây thì có chim chàng bè, chim già sói, chim chó đồng. Là ổ dưới đất thì co chim bồ nông là đáng kể.

Chim bồ nông tụ tập nhiều nhất là ngọn rạch Chắc Bắg đổ ra sông Cái Lớn. Ở đây hoàn toàn hẻo lánh, ít cây to lớn, ít cạp hoặc rần. Hai loại này hay tìm chim mà ăn thịt hoặc ăn trứng. Ngoài ra trên mặt đất phủ dày nhiều dây choại, dây dớn để cho chim làm ổ. Nước dưới đất U Minh lại ngọt, xa xa lấp lánh nhiều vũng bùn chi tha hồ mà bơi lội. Chim bồ nông giống hệt chim thẳng bè nhưng lông nó nhuộm màu xám tro. Bắt đầu tháng Chín tháng Mười, chúng bay từ Biển Hồ hoặc từ sông Hậu về rừng U Minh để làm ổ. Chúng lấy chân đạp dây choại xuống sát mặt đất và dùng mỏ để dò xét bên dưới. Gặp nơi đất ẩm hoặc có trứng, chúng bỏ đi nơi khác vì e sau này trứng sẽ thúi. Gặp chỗ vừa ý, chúng nhổ cỏ xung quanh, dọn một vùng nước khá rộng để bày con sau khi nở ra có chỗ bơi lội.

Tháng Mười Một, chim bồ nông đẻ ra ba trứng, lớn hơn trứng ngỗng chút ít. Sau đó, chim trống và chim mái thay phiên nhau ấp. Khi trứng nở, chúng tiếp tục ấp con dưới cánh cho ấm. Chờ khi chim con có lông ống thì chim trống lẫn chim mái bay đi tận Biển Hồ để tìm mồi nuôi con. Chừng hai ngày sau, khi trở về trong dãy (bọc da dưới mỏ) mỗi con đều đầy cá. Cứ mỗi ngày chim con được đút mồi một lần. Lúc cha mẹ đi vắng bầy chim con tha hồ đùa giỡn trong vũng nước đã dọn sẵn kế bên.

Ngày qua ngày, bầy con lớn lên nhanh chóng, hễ đói là la hét lên inh ỏi. Khi thấy cha mẹ đem mồi về, chim con đập chân quạt cánh, bay sập sập lên không trung. Lúc chim bồ nông đút mồi cho con, chúng ta có thể nói là một trận giặc lớn. Hàng ngàn con già sói, con chim chó đồng bay lại để giựt mồi cho con mình. Vì vậy khi con cá ở Biển Hồ từ trong dãy moi ra là chim bồ nông phải tranh đấu với ba loại chim kia. Và chính loại chó đồng, già sói lại phải đánh lộn lẫn nhau để giành giựt, như ăn cướp chia của...

Trứng bồ nông vừa nở, người chủ sân bắt đầu lo mướn "bạn giữ sân." Nhiệm vụ của "bạn" là dọn một con đường tương đối trống trải từ mé rạch lên sân. Đồng thời, họ cất trại dựng hai vòng thành lớn bằng tre chung quanh sân.

Vòng thành thứ nhất hơi vuông, mỗi cạnh dài cỡ sáu trăm thước, cao hai thước tây.

Kế đó là vòng thành thứ nhì bên trong là tường để xử tử loài chim. Nền đất dọn sạch cỏ. Giữa hai vòng thành có cánh cửa lớn bằng tre.

Đâu đó xong xuôi, chủ sân mướn chừng hai chục người bạn, khác, gọi là "bạn giết". Họ ra tay khi đàn chim bồ nông con bắt đầu bay sập sập nghĩa là mọc lông cánh đầy đủ. Nếu để trễ, chim con sẽ bay mất.

Đêm ấy trời tối, vào khoảng canh ba. Sau khi được cha mẹ đút mồi, đàn chim bồ nông con vui chơi hả hê, bơi lội tung tăng dưới ao rồi trở về ngủ trên ổ. Mẹ cha của chúng đã đi vắng tận Biển Hồ, tìm mồi cho ngày mai.

Bỗng đâu từ bốn phía có tiếng la ó, gầm thét của loài người. Mở mắt ra, bầy chim con phải choá mắt vì những đốm lửa đỏ rực. Mấy người bạn giết đã xông vào, hai tay cầm đuốc quơ qua, quơ lại. Đàn chim con chạy tứ tung, tìm

một lối thoát tuyệt vọng. Chúng bắt đầu chạy dồn vào một xó để lần lượt gom vào vòng thành thứ hai như cá vào rọ.

Cạnh cửa tre hạ xuống, hàng chục người đứng bao vây phía ngoài pháp trường nọ, miệng la inh ỏi, tay quơ đuốc lửa.

Dầu muốn xé rào chui ra, lũ chim nọ cũng không dám. Khi ấy, hai chục người "bạn giết" bước vào phía trường để thi hành nhiệm vụ đao phủ với hai bàn tay không. Quần áo của họ nai nịt gọn gàng. Ngang lưng thắt sợi dây nịt lớn làm bằng yếm dừa để đề phòng loại mòng chim chun vào người. Loại mòng này hay đeo theo cánh chim bồ nông để hút máu như chí, như rận.

Hai chục người phải đối phó với chín mươi ngàn chim bồ nông! Họ lạnh lẽo lắm, tả xông hữu đột như Triệu Tử Long, Dương Dương Trường Bản, tay trái họ nắm cần cổ chim tay mặt nắm đầu chim. Họ vạy lợi lại. Chim chết không kịp ngáp. Giết rồi quăng xuống tại chỗ. Phải lạnh tay lắm mới giết kịp. Để chậm trễ thì chừng mặt trời mọc, bầy chim lớn từ Biển Hồ sẽ chứng kiến cảnh tượng đẫm máu này. Chúng sẵn sàng đáp xuống chiến đấu một mất một còn với loài người để giải thoát cho đàn con.

Trời sáng. Thống thiết dường bao, tiếng kêu la của đàn chim lớn khi trở về không gặp con nghe vang dội cả góc rừng! Vài con may mắn hơn, tìm lại được bầy con nhờ chạy lạc nên thoát chết đêm vừa qua. Chúng tiếp tục đút mồi. Nhưng vài đêm sau, chủ sân mở cuộc tảo thanh lần thứ hai để tóm trọn gói.

Riêng về bầy chim mất con thì cứ bay tới bay lui trên sân, kêu la ba bốn ngày liên tiếp rồi trở về Biển Hồ với niềm oán hận, thề không bao giờ trở lại đất Kiên Giang này nữa.

Xong xuôi công việc, mấy người "bạn giết" về nhà uống rượu nghỉ ngơi. Giờ đây đến lúc người "bạn nhỡ" làm việc. Họ nhổ lông cánh từng con, xong một con là bó lại, giao phó nắm lông cho chủ sân. Chủ sân ngồi kế bên, trao cho họ cây thẻ để sau này làm bằng chứng tính tiền công... Xen vào đó, còn mấy người cán hôi. Mấy người này tình nguyện nhổ lông không ăn tiền. Họ xin lại xác chim bồ nông, đem về lóc mỡ ra, nấu dầu để thắp đèn.

Không cần nói rõ, ai cũng có thể hình dung được bãi chiến trường, hôm sau xác chim bồ nông vun lên cao ngất, như đồng lúa ba bốn trăm gạ.

Đó là cách giết loại chim bồ nông ở trên mặt đất. Đối với loại thẳng bè, già sói, chó đồng làm ổ trên cây thì phải tốn công hơn. Vào khoảng canh ba, mấy "bạn giết" trèo lên tìm ổ chúng bẻ cổ từng con rồi ném xuống đất.

Lông chim bán cho ghe buôn từ Hải Nam đến. Họ mua về để kết quạt. Giá thị trường như sau:

- Lông bồ nông một bó một quan.
- Lông thẳng bè, già sói thì hai quan mỗi bó.

Mỡ chim thì đem về nấu dầu như trên kia đã nói. Thịt chim đem xào sả nghệ, nước cốt dừa ăn cũng ngon ngon. Nhưng ai mà ăn cho hết? Có thể muối phơi khô. Thời bấy giờ, không ai cần làm chuyện đó. Họ thả bỏ xác chim dưới sông cho điều, cho quạ...

Đất hoang, rừng rậm lần lần được khai thác ở vùng Kiên Giang. Vì động đất động rừng, chim bay đi, bỏ sân cũ.

Chúng bị tiêu diệt lần lần. Số chim còn lại bay về đâu? Ngày nay cùng Rạch Giá, Cà Mau còn vài sân chim. Nhưng toàn là cò, diệc, cồng cộc, loại chim nhỏ.

Vài côn Nghichim còn nhớ sân cũ, hàng năm cứ tới tháng Chạp là bay về. Như con chim già sói này trở về rạch Đường Sân.

Và ông Tư - Người giúp chúng tôi những tài liệu trên đây - hồi còn trai tráng chính là người "bạn giữ sân" và người "bạn giết" - hai danh từ xa xăm mà không ai nhắc tới nữa.



Con chim già sói đứng cao nghệu trên cây gòn, day mỏ qua phía nhà ông Tư.

Ông Tư đứng tần ngần, lấy tay che mắt nhìn nó, cố sức nhìn kỹ từ nét mặt như hỏi han sức khoẻ của người bạn già quen thuộc, biết giữ thủy chung đạo bằng hữu.

Ông nói:

- Mấy chục năm rồi, năm nào tháng Tết nó cũng về đây vài ngày. Năm nay nó già nhiều rồi. Đầu sói hơn mọi năm, cháu thấy không?

Như lời ông Tư, tôi thấy rõ ràng một đốm trắng ở giữa đầu con chim nọ. Là kẻ sanh sau đẻ muộn tôi nào gặp con chim này hồi mấy mươi năm về trước để so sánh cho biết nó già nhiều hay già ít? Mặt trời gần lặn rồi, nền trời đỏ khé. Con già sói đứng sững đó, im lìm như đúc bằng đồng đen, phía sau có hào quang.

Nó nhìn ông Tư, râu tóc bạc phều.

Ông Tư nhìn nó. Có lẽ ông nghĩ đến phận mình mà nảy sinh ra bao mối cảm hoài. Trong con tim già, qua thời gian, giờ đây chắc hẳn đã lắng xuống hết bao hung bạo của thời xuân xanh của ông và của đất nước hoang vu. Giữa ông và con chim nọ, không còn oán thù. Biển im lặng sau cơn dông tố. Đây là Bá Nha với Tử Kỳ cảm thông nhau. Cầu cho ông Tư với con chim già sói được sống lâu hơn trăm tuổi! Xin tạ ơn đấng tạo hóa đã dành cho đất nước này bao nhiêu đặc ân như những sân chim đây là một. Hiên ngang thay! Đẹp đẽ thay! Hồi người Việt đầu tiên đến vùng Kiên Giang hưởng ơn Trời lộc Nước mà khai phá miền Nam...

Ruộng Lò Bom

Ông Hai Don đến khu rừng tràm, vừa bơi xuồng vừa nhìn dáo dác. Lệ - đưa con gái ông - đi đốn củi một mình từ sáng đến xế trưa mà vẫn chưa về nhà ăn cơm.

Nó mất dạng nơi chốn nào? Hồi năm ngoái, Lệ đã tư tình với một tên cướp. Ông Hai don bắt quả tang đôi trai gái trác nết, đánh cho một trận đòn nên thân. Tên cướp nọ bỏ xứ, vắng bật. Nhưng dường như Lệ bắt đầu sống phóng khoáng, tập ca vọng cổ, vào rừng đốn củi một mình, chẳng sợ ma rừng như trước. Mới đây, trong xóm lại xuất hiện một tay "anh hùng mới," gọi nôm na là Tư Cồ, vì hăn to lớn xác, vai u thịt bắp. Tư Cồ khoe khoang rằng đã phiêu bạt khắp Nam Kỳ, lục tỉnh, biết làm đủ thứ nghề. Hăn ta còn nói thêm:

- Tôi nghèo vì muốn sống ngang dọc chớ nếu cần làm giàu như thiên hạ thì mấy hồi... Và tôi làm mướn qua tháng qua ngày chỉ vì tôi không muốn làm chủ. Người làm mướn sung sướng trăm bề: không lo xa, có nhà ở, cơm ăn. Khi cháng ông chủ này thì mình giựt nợ, làm tôi tớ cho ông chủ khác. Rốt cuộc kẻ giàu người nghèo đều chết ráo rọi. Chỉ có cỏ cây là sống mãi mãi...

Ông Hai Don đã dè dặt đề phòng. Lệ nói gần nói xa:

- Tư Cồ rõ ràng là người lịch thiệp, có tài như vậy thì chẳng bao giờ chết đói.

Ông Hai đáp:

- Có tài... ăn cướp chớ tài gì. Nó là đứa liều mạng, lười biếng, xem loài người như cỏ cây, thua cỏ cây nữa là khác. Phách lối, xác xược quá!

Lệ vẫn chưa hiểu:

- Anh nói đứng phần nào chớ.

- Nín đi. Nó nói cao xa lắm. Nó ám chỉ rằng tất cả dân xóm này là loài cỏ cây, chứ nho kê bằng thảo giải. Riêng nó mới xứng đáng làm người, dọc ngang ngang dọc.

Dè đâu lời mạt sát ấy lại gieo cho Lệ một ấn tượng tốt đẹp về chàng trai Tư Cồ. Lệ tò mò, muốn hiểu Tư Cồ oanh liệt như thế nào. Nàng muốn tìm người yêu cho xứng đáng. Người bạn trăm năm của nàng phải là người tứ xứ mới tới. Chàng ta chẳng hiểu rành dĩ vãng của nàng. Và theo kinh nghiệm cho biết, kẻ giang hồ tứ chiếng ít kén chọn khắt khe trong tình chồng vợ. Họ dễ dãi đối với sự trinh tiết.

Lệ đã hẹn hò với Tư Cồ nhiều lần, vào rừng tràm để tìm hiểu nhau hơn. Nhưng lần này, ông Hai Don dường như chú ý. Hai người lựa một gốc cây tràm cao ráo, đem cơm ra ăn...

Lệ chợt nghe tiếng động nên cau mày, néo mình vào gốc tràm:

- Em hồ nghi quá.

Từ Cồ vẫn thản nhiên:

- Trong rừng, nghe tiếng cành lá khua rảng rặc hoặc tiếng khoát nước là sự thường. Em sợ hả? Sợ ai? Sợ nỗi gì?

Lệ nói khẽ:

- Sợ ba em bắt gặp.

Từ Cồ nói:

- Dễ quá. Hễ ổng gặp thì xử huề. Chẳng lẽ ổng đánh anh.

- Rũi ổng đánh thì sao?

- Thì anh chạy trốn lẩn quẩn... như con nít chơi cút bắt.

- Anh nói kỳ quá. Bộ... ba em là con nít sao?

- Ủ! Anh xin lỗi. Theo ý em thì anh nên làm gì lúc này...

Tâm hồn Lệ xao xuyến lạ thường. Tuy lẳng lơ trác nết, nhưng nàng chẳng muốn cha buồn phiền. Đối với Tư Cồ, nàng chưa từng gần gũi về xác thịt. Nàng muốn làm lại cuộc đời, kỹ lưỡng hơn. Nếu tình cờ, cha nàng bắt gặp thì oan ức cho nàng quá. Đôi trai gái hò hẹn nhau giữa rừng, kín đáo, thiệt là tình

ngay mà lý gian. Vài con chim áo dà bay tới tấp như giạt mình. Để được vững bụng. Lệ mạnh dạn trèo lên cây tràm.

Nàng nắm lấy một nhánh to, lao mình, rút chân, uốn lưng. Đến ngọn cây tràm, nàng nằm nghiêng, ôm sát thân cây. Đẳng xa, trong bụi lá gồi, như có gió thổi nhẹ, vô cố. Lá gồi như cái quạt xanh tươi, đung đưa. Nàng nói hơi to:

- Coi chừng cọp, anh Cồ ơi!

- Anh xem cọp như... loài cỏ cây! Ý kia! Ngộ quá...

- Cái gì ngộ? Anh phải cúi mặt xuống để nghe tiếng đất. Kia... Dường như cọp tiến lại phía tụi mình.

Tư Cồ đáp:

- Em sao u mê quá... Xứ này đây có cọp. Cọp đâu đại khờ tới đây làm gì?...

Bỗng dưng, có tiếng quát to:

- Tụi bây lộng quá rồi! Đứa nào nói tao là loài thú vật, đại khờ, giống như cỏ cây hả? Còn con yêu tinh kia! Xuống đây. Mày không thấy cha mày đây hả? Rõ ràng phường mèo gà đồng...

Ông Hai Don bước tới, vạch lá. Lệ im lặng như nài nỉ Tư Cồ đừng cãi vã vô lễ. Tư Cồ lắc đầu, buồn bã:

- Tôi có tội. Bác muốn trừng trị cách nào! Tứ thật, hồi nãy tôi nói giỡn cho vui với cô Lệ. Tôi chẳng dám so sánh bác với cỏ cây, thú vật.

Ông Hai Don vẫn chưa vừa lòng. Ông muốn đánh Tư Cồ. Hảng ngồi lì đó, trông thật đáng ghét. Nếu đánh, ông sẽ viện cớ gì? Trai gái gặp nhau giữa rừng, nói chuyện. Câu chuyện giữa Lệ và tư Cồ chẳng có gì xúc phạm thuần phong mỹ tục cho lắm, ông nói đồng:

- Tụi bây làm gì ngoài này?

Tư Cồ bèn lên tiếng, tự bào chữa:

- Dạ, như bác thấy rõ: cô Lệ ở trên ngọn cây, còn tôi thì ngồi trên mặt đất. Không có gì lạ cả.

- Đừng giỡn mặt với tao! Mày ưa giỡn quá. Mày coi tao như loài vô tri vô giác.

Tư Cồ đáp:

- Dạ, bác là cha ruột cô Lệ. Tôi kính mến cô Lệ.

- Nói dóc hoài!

- Dạ, tôi nói thật. Nếu bác thương tôi, tôi hứa làm ăn cho bác thấy. Tôi ghét những người khinh tôi. Chẳng lẽ bác khinh đứa làm ăn giỏi dẫn. Tôi hứa chẳng bao giờ phụ lòng bác.

Ông Hai Don cau mày. Nếu làm to chuyện thì chẳng ích lợi gì cho ai hết. Chi bằng ông giữ thể diện với Tư Cồ và bắt buộc Tư Cồ giữ thể diện đối với ông. Ông nghĩ ra một giải pháp vẹn toàn: cho Lệ và tư Cồ ăn ở với nhau, hai đứa nó phải đi làm ăn ở xứ khác. Dân trong xóm sẽ bớt lời dị nghị, thanh danh của ông được bảo vệ một phần lớn.

Lệ xuống xuống, cầm cây dầm bơi cho cha ngồi. Tư Cồ bơi xuống của mình theo sau. Anh ta đem gói thuốc rê, vấn một điếu, mời ông Hai Don:

- Thưa bác...

Hai Don đưa tay nhận điếu thuốc:

- Được rồi. Tao tính cho tụi bây. Con người ta sống trên cõi đời nên giữ đức hạnh. Nói thiệt cho mày nghe, Tư Cồ...

Tư Cồ im lặng. Ông Hai don lên tiếng thị oai:

- Tao kêu mà mày không dạ hả?

Tư Cồ giựt mình:

- Dạ, thưa bác.

- Mày có sức lực, có tài. Nếu mày bớt phách lối thì nên nhà nên cửa, bằng không thì mần đời mầy cứ như vậy hoài.

Tư Cồ toan cãi lại. Nhưng nghĩ sao không biết, anh ta lại thôi.

Gần mãn mùa mưa. Nước sông Hậu Giang lần lã giựt xuống. Cánh đồng hoang vu, chạy dài tới chân trời, lai láng như biển cả, rộng hàng năm, sáu chục cây số nối liền bờ sông Hậu ra vịnh Xiêm La. Không một bóng người. Không một căn chòi hoặc nhà sàn. Lệ ngồi nấu cơm trên xuống. Tư Cồ hút thuốc, khen tấm tắc:

- Trời vừa mưa vừa nắng hiu hiu, mát quá. Trời đất bao la, đất này vô

chủ...

Lệ bắt đầu ngao ngán. Tư Cờ vẫn giữ thói ngang ngược ngày trước. Anh ta đưa nàng về đâu? Đất này tuy đầy nước lụt và nhấp nhô những lượn sóng cỏ nhưng phải có người làm chủ, ghi tên trong sổ bộ của nhà nước. Tư Cờ cứ bơi xuống thẳng về phía đông bắc:

- Đẳng kia, anh cất sẵn một căn nhà sàn, hồi ba năm về trước, lúc chưa gặp em... Em thấy xứ này ngộ không?

Lệ nói gắt:

- Giống như biển.

- Nó là đất liền, là đồng hoang. Vài tháng nữa, nước giụt xuống, mặt đất bày ra, vợ chồng mình đâu còn bơi xuống thành thoi như vầy. Chừng đó, mình đi bộ... trên đầu ngọn cỏ.

- Anh cứ nói phách hoài. Hồi đó, ba ghét anh cũng vì mấy tiếng cây cỏ đó! Sao anh ư cái vụ cây cỏ, cỏ cây quá vậy! Chẳng lẽ trên mặt đất này chỉ có anh mới là không phải loại cây cỏ...

Tư Cờ nói lảng sang chuyện khác:

- Giống như biển. Cỏ mọc nhấp nhô, giống như rong trôi ngoài biển. Tới chòi rồi! Phía gò đất đằng kia, ngay gốc cây gáo.

Xuồng đậu bèo bến. Bến tức là gốc cây gáo, loại cây chịu đựng nước lụt rất giỏi. Căn chòi đã xiêu vẹo nhưng còn tạm làm nơi trú ẩn được. Nước dâng lên gần ngập sàn nhà. Tư Cờ thúc hỏi:

- Lệ à! Em dọn cơm lên chòi.

Rồi anh ta nhảy xuống tắm. Nước sâu ngập cả đầu. Tư Cờ lặn hụp nhu con còng cộc. Hồi lâu, anh trồi đầu khỏi mặt nước, vuốt mặt, đưa lên một cọng cỏ, loại cỏ dài hơn hai thước:

- Bảnh không! Nhờ cỏ này mà vợ chồng mình làm ruộng.

Lệ sững sốt vì anh chồng này nói như đùa giỡn. Xưa nay, chẳng ai làm ruộng nhờ cỏ. Cỏ là loại thù nghịch của nhà nông. Nước ngập cao hơn đầu người. Lệ nhớ đến những trận mưa tầm tã vào tháng Tám âm lịch. Lúc cấy xong, nếu nước dâng lên đột ngột, một đêm hai tấc, lẽ dĩ nhiên lúa phải hư

hao vì nạn lụt.

Đoán chừng sự ngạc nhiên của vợ, Tư Cồ nói tiếp:

- Lát nữa, anh... bắt đầu làm ruộng.

Lệ không còn chịu được nữa:

- Anh nói giỡn hoài. Giữa cảnh trời nước bao la, không một bóng người, cỏ hoang mọc đầy. Ngồi trên chòi như ngồi giữa cù lao, ngoài biển.

- Anh nói thiệt chứ không nói chơi. Em chưa tin à? Nấu cơm cho lẹ đi.

- Muốn ăn thì lên đây mà ăn! Anh coi chừng cảm mạo. Rùi mang bệnh, làm sao chạy thầy chạy thuốc.

Tư Cồ vẫn cười hề hề. Anh nhảy lên sàn, vuốt mặt. Nước vẫn chảy ròng ròng trên lưng:

- Ăn rồi làm liền!

- Thôi! Giỡn như anh, có ngày chết đói. Gạo còn đủ ăn có một hai ngày. Hết gạo, mượn ai?

- Đừng lo. Hết gạo thì mình đi chỗ khác chơi. Bộ mình muốn ở đây hoài sao? Chí trai, tang bồng hồ thỉ, rày đây mai đó. Nếu sống hoài một chỗ, mình... giống như loại cỏ cây sao?

Tư Cồ vừa nói vừa cười. Lệ thở dài. Nàng gặp anh chồng Sở Khanh rồi chẳng? Ai lại làm ruộng theo kiểu này. Hay là tư Cồ có dính líu đảng cướp nào đó. Căn chòi giữa nơi vùng nước ngập này là sào huyết của chúng. Tư Cồ hẹn hò với đồng đảng để chia của hoặc âm mưu bố trí một trận giết người cướp cửa. Làm ruộng mà không có lúa giống, không trâu bò, làm sao tin được.

Lệ dọn cơm cho chồng ăn, Tư Cồ vẫn nói giọng thiếu nghiêm trang:

- Em ăn cho no đi. Anh ăn ít lắm. Ăn nhiều tức bụng. Đúng theo sách vở... Trước khi làm, mình không nên ăn.

Trong một thoáng. Lệ hối hận vì trót vương mang với Tư Cồ. Hẳn lười biếng, ăn nói bóng gió nghe thô tục quá. Tiếng "làm" có nhiều nghĩa. Đôi vợ chồng trẻ, buổi xế trưa, trong căn chòi nhỏ, tư bề sóng dậy lăn tăn và gió thổi hiu hiu... Tư Cồ nói:

- Lát nữa tôi cày...

Lệ then thường:

- Thôi, đừng nói chuyện trên trời dưới đất. Anh làm ruộng à! Ruộng gì? Hay là anh gạt em, đưa em ra đây.

Tư Cồ cười dòn, xô chén cơm ra xa, rồi ho sặc sụa:

- Trời đất ơi! Con mẹ này... vô đoan quá. Ủ! Tôi là đũa bất lương, bắt cóc con gái ra đây để luyện "Thiên linh cái." Cây dao đây nè. Nãy giờ, tôi quên coi chừng, rui mất thì chắc ngồi ở không mà chơi.

Nói xong, Tư Cồ đứng dậy, lại nóc chòi, vạch mái lá. Lệ chột rú lên:

- Ghê quá! Anh đừng giỡn!

Một cây dao dài chừng non thước tây. Cán dao ngắn. Lưỡi dao sáng ngời, bên ngoài có thoa dầu mỡ, láng bóng. Cây dao được gói cẩn thận trong cái vỏ bằng mo cau. Tư Cồ thủ bộ như hiệp sĩ thời trung cổ đang tuốt thanh gươm khỏi vỏ. Lệ sực nhớ đến bọn cướp biển đang hươi ngọn mã tấu:

- Kỳ quá! Anh giỡn hoài.

- Làm thiệt chớ đâu phải giỡn. Làm ăn mà. Có làm mới có ăn.

Lệ nói gắt:

- Tôi về bây giờ! Tôi xuống xuống về nhà. Giỏi thì anh ở ngoài xứ này một mình...

- Sao lại về? Tình chồng nghĩa vợ gì mà kỳ cục vậy? Chưa cực khổ, đói kém mà lại bỏ chồng ra đi. Ở lại... bố phu nhân!

- Ở lại để làm gì?

- Để làm ruộng.

- Xứ ngập lụt, mênh mông như biển, làm ruộng gì?

- Ruộng "Lò Bom!"

- Lò Bom là ruộng gì?

- Là ruộng Lò Bom, ông bà nói vậy tôi hay vậy. Chẳng có ai "thông ngôn" tiếng đó. Tiếng Việt Nam.

- Lò Bom là gì?

- Ủa! Em hỏi cù cưa cù nhặng hoài vậy. Tôi cắt nghĩa rồi.

- Lúa Xom Mà Ca, ruộng Lò Bom. Em chưa biết lúa Xom Mà Ca à?

Tư Cồ giải thích:

- Đất này hoang vu từ hồi tạo thiên lập địa. Nghe đâu ông Mạc Cửu tới khai khẩn vùng Hà Tiên nhưng ông ưa ở vùng biển để lập chợ mua bán, lập sòng bạc. Ruộng bỏ hoang. Thế là ông Mạc Cửu tiêu tan sự nghiệp. Chợ Hà Tiên lần lần sụp đổ. Ông Mạc Cửu ở bên Tàu qua, đem theo nhiều quân sự quạt mo nhưng chẳng ai chú ý tới chuyện làm ruộng. Họ chê đất này ngập lụt. Họ dòm đất này rồi uống rượu, ngâm thơ, bày đặt đủ điều lãng nhãng. Đất này giáp mí với cái Đông Hồ. Nghe đâu, mấy ông Tàu nói rằng ở Đông Hồ, ban đêm có tiên hiện xuống. Vợ chồng mình là tiên... ở gần Đông Hồ.

Lệ đổi giận làm vui:

-Ồ! Em nghe nói chuyện ông Mạc Cửu...

- Ông Mạc Cửu bất tài, không khai thác nổi xứ này. Rồi tới trào này: Tây lăc đầu, chẳng biết làm thế nào để lập làng lập xóm. Bác vật Tây chê đất này phèn, ngập lụt, khó khăn, thiếu kinh rạch, muối mòng. Mấy ông điền chủ không thèm khai khẩn, sợ tốn tiền đóng thuế mà chẳng thu được huê lợi. Anh làm chuyện này, giỏi hơn Tây.

Nói xong, Tư Cồ cầm cây dao dài, đặt nhẹ xuống xuống. Rồi anh ta cầm cây dầm, bơi ra khỏi chòi chừng vài chục thước, nhảy xuống nước.

Lệ đứng trông theo. Tư Cồ đứng trên mặt đất - tức là đáy nước - Nước cao ngang cổ. Hai tay Tư Cồ cầm dao, chém cỏ, chém gốc cỏ dưới nước. Cỏ nổi lên từng giề, vàng lờm màu phèn, trông giống như mấy giề rau câu, hải thảo ngoài biển.

Tư Cồ bơi xuống lại gần chòi, kêu to:

- Mình ơi! Về...

Lệ ngơ ngác:

- Về nhà bây giờ à? Làm ruộng kiểu gì lạ vậy?

- Thì... ruộng Lò Bom, ruộng lúa Xom Mà Ca. Xong rồi. Hay là mình muốn ở đây một mình.

Chiếc xuống tiến nhanh, qua ngày đêm về nhà ông Hai Don. Dọc đường,

Tư Cồ nói dong dài về cách thức làm ruộng Lò Bom. Cỏ bị chặt đứt gốc trôi lều bều. Hai tháng nữa, nước giụt xuống. Cỏ đã thúi, trở thành loại phân tốt, rải đầy trên mặt đất. Hai tháng nữa, tức là tháng Hai tháng Ba âm lịch, trời nắng cháy. Vợ chồng Tư Cồ sẽ trở lại đó, đốt cỏ. Rồi gieo lúa giống, lại lúa Xom Mà Ca từ lúc gieo đến lúc trở bông là bốn tháng.

Tư Cồ lẩm bẩm:

- Nè! Mình phát cỏ mộ buổi, mình gieo giống một buổi. Hai buổi cộng lại là một ngày. Rồi nước mưa dâng lên, lúa trở lúa chín. Mình trở lại đó gặt, một buổi nữa. Tổng cộng, làm ruộng tốn có một ngày rưỡi mà có lúa ăn. Một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày, mình rảnh rang đến ba trăm sáu mươi ba ngày rưỡi!

- Mình làm biếng quá! Nhưng lúa Xom Mà Ca ra sao?

- Nó giống như lúa khác vậy thôi. Nhưng ăn không ngon cơm, bán mất giá. Mỗi mùa, mình cứ dèi chỗ, theo kiểu làm rẫy trên núi. Chim chuột sâu bọ đậu có hay biết mà phá hoại. Tháng Hai, sau ngày Tết, em tới đó gieo mạ với anh? Chịu không? Rồi tháng Bảy, mình gặt, chừa vài chục gạ. Mình mượn chiếc ghe của ba.

Lệ dầu dầu nét mặt, không trả lời. Bấy giờ nàng đã hiểu tại sao Tư Cồ cứ rong chơi quanh năm mà vẫn tự hào là kẻ... chí thú làm ăn, khôn ngoan, lương thiện. Anh ta tự hào đến mức khinh khi kẻ khác - những kẻ chỉ biết ham thích vùng đất cao ráo, không phèn, không ngập lụt, thứ đất sản xuất lúa ngon thơm hơn.

Tư Cồ nói:

- Sao em nín thinh vậy? Hay là em muốn bỏ anh? Chán thẳng chồng nghèo này hả?

Giọng Tư Cồ buồn rầu. Anh ta bớt nói, khi xuống vào xóm. Anh ta nhớ tới vùng đất gần Đông Hồ mà từ xưa đến giờ, không ai sản xuất ra lúa gạo nổi. Họ sợ nước. Họ sợ cỏ hoang. Họ là loại cỏ cây. Từ khi học được kỹ thuật làm ruộng Lò Bom với ông lão vô danh, tư Cồ mừng quýnh như kẻ học được phép tiên, do kẻ siêu phàm truyền lại. Anh bám lấy nghề, sống thử. Nhưng

muốn sống thì phải có lúa gạo, có tình yêu. Tình yêu muốn bền vững thì phải có thông cảm sâu sắc.

- Sao em lại không nói? Lệ...

- Nói gì bây giờ?

- Ở với anh không? Anh đã cưới hai người vợ, rồi cả hai người đó lần lượt bỏ anh, trong mùa phát cỏ. Chẳng cô nào trở lại với anh, khi gieo mạ, gặt lúa. Họ chê anh.

Lệ suy nghĩ vẫn vơ. Tư Cồ yêu vùng đất phèn mà thiên hạ đều chê là vùng đất bỏ. Giờ đây nàng yêu Tư Cồ, người mà thiên hạ chê là thô tục, bất lương. Thôi thì cũng hy sinh theo chàng ta vài năm, để chúng tỏ lòng nàng khác hơn loại cỏ cây. Nàng đáp:

- Ủ! Gieo mạ thì gieo mạ. Gặt lúa thì gặt, em không ngán. Nhưng em chỉ xin anh một điều.

- Điều gì? Anh sẵn sàng nghe theo em, miễn là em đừng xúi giục anh bỏ cái nghề ruộng Lò Bom.

- Em đâu dám. Mình làm ruộng thì cứ làm. Nhưng anh đừng nhắc tới chuyện cây cỏ cỏ cây. Thiên hạ họ không biết rõ, họ giận anh. Lại còn mấy tiến Lò Bom, Xm Mà Ca. Đừng nói cho ai nghe. Họ hỏi hoài, anh cắt nghĩa mãi, rốt cuộc chẳng ai hiểu được ai. Họ hỏi để cầu vui vậy thôi... Trừ ra hai vợ chồng mình.

Con Rắn Rì Voi

Một buổi trưa, vào năm 1937, chú biện Tống đang đánh tứ sắc cầu vui với vài người bạn, chợt nghe tiếng canô chạy âm âm, ngày càng gần. Chú biện giựt mình, buông tay bài, nheo mắt:

- À! Ông cò Lơ Hia lòng bắt chuyện gì đó...

Một người đưa ý kiến:

- Chẳng lẽ ông cò bắt bọn mình. Chú biện quen thân với ông mà?

Biện Tống lắc đầu:

- Ông Lơ Hia lợi hại lắm. Tôi làm biện làng, tức là làm thư ký cho thầy xã trưởng vậy thôi. Bất cứ giờ phút nào tôi cũng có thể mất chức, bà con dư biết: lương bổng của tôi có bảy đồng năm cắc. Mỗi người giăng câu, bắt cua hàng tháng huê lợi nhiều hơn tôi.

- Nhưng mà thầy được ngồi trong mát, khỏi dầm sương dãi nắng. hể cúng đình thì thầy ngồi gần mâm của mấy ông hương chức hội tề.

Tiếng máy canô im bật. Cả bọn ngỡ ngác. Ông cò Lơ Hia mặc quần áo kaki và đội kết trông oai vệ làm sao: dấu hiệu trái lựu đạn đặc biệt dành cho ngành cảnh sát thời Pháp thuộc... chói ngời màu bạc. Theo sau ông cò là một người mặc quần áo xá xầu bằng lụa trắng.

Chú biện Tống thủ lệ, chấp tay xá theo phong tục An Nam, nhưng ông cò Lơ Hia đã vui cười, đưa tay bông rua:

- Rảnh chưa? Chú biện. Dường như chú đánh bài tứ sắc với mấy người kia hả?

- Dạ, đâu có...,

- Đừng chối. Dòm bộ tịch của mấy người tôi đủ biết. Từ xưa tới giờ, tôi bắt hơn... ngàn vụ cờ bạc rồi. Lần này là vụ thứ một ngàn lẻ một.

Biện Tống nài nỉ:

- Xin quan lớn thương dùm.

- Nếu không thương thì này giờ chú biện phải bị còng rồi. Còng rồi đem xuống canô, đem về nhốt tại khám đường ở chợ Ngã Năm. Bây giờ, chú biện theo tôi, khỏi còng. Chú là người ốm yếu, còng tay làm chi thêm vô ích.

Nói xong, ông cò Lơ Hia khoát tay, ra lệnh giải tán đám người hiếu kỳ đang dùm năm, dùm bảy từ phía xa xa. Thật là hồn phi phách tán. Chú biện Tống riu riu bước theo ông cò. Người Huê kiều nói tiếng Việt khá rành:

- Đừng sợ. Đừng sợ. Thầy Hai đừng sợ. Thầy Hai làm việc ở xóm này lâu mau rồi?

Biện Tống liếc qua ông cò Lơ Hia như để xin phép trả lời. Là người am hiểu chút ít việc quan việc làng, biện Tống đã thuộc lòng nguyên tắc: khi bị bắt thì tội nhưn chẳng được quyền nói chuyện với kẻ khác, nhất là khi quan trên chưa lấy khẩu cung.

Đến bờ kinh xáng, ông cò Lơ Hia nói nhanh:

- Chú biện gặp dịp may rồi đó. Tôi làm bộ như vậy để dân làng đừng nghi kỵ. Thôi, chú cứ xuống canô uống rượu chát, bàn chuyện riêng với người này, ông Xìn Phóc, làm má chín giàu có lắm, ở Sanh Ca Bo mới qua.

Xuống canô, biện Tống mừng rỡ vì thoát nạn. Nhưng mấy tiếng má chín, Sanh Ca Bo mơ hồ quá. Bấy lâu nay, biện Tống ăn học rồi giao thiệp lẫn quần với những người làm ăn bậc trung ở chợ Gò Quao mà thôi. Người tên là Xìn Phóc tỏ bật thiệp, vui vẻ. Ông ta mở cặp da - thứ cặp da hơi lạ - đem ra tẩm danh thiệp:

- Thầy Hai uống rượu đi. Làm quen với thầy Hai, tôi mừng lắm.

Torng khi hai người đàm đạo với nhau, ông cò Lơ Hia ra sau lái canô ngắm cảnh rồi đem máy ảnh ra mà bấm. Xìn Phóc mới giải thích rõ ràng hai tiếng má chín. Biện Tống tỏ vẻ... lạnh lợi, nói mơ hồ:

- Vậy mà tôi tưởng má chín là kẻ làm công hạng sang trọng, bạn thân của

chủ tiệm hoặc có phần hùn trong công ty nào đó.

- Má chín, đúng ra là người mại bản, tiếng Tây kêu bằngcom ra đo . Tôi làmcom ra do cho hãng buôn lớn nhất ở Sanh Ca Bo, thuộc về miền Hạ Châu. Hãng này giàu bạc triệu chớ đâu phải ít. Phen này, nếu chịu hợp tác làm ăn với tôi thì thầy Hai lời bạc ngàn...

"Làm ăn"chuyện gì đây? Biện Tống chột nghĩ đến những giai thoại về buôn lậu quốc tế, bọn ăn cướp biển ở vịnh Xiêm La. Xóm này, ai nấy kiếm đủ cơm gạo qua ngày, tư bề là vườn rậm, nước mặn đồng chua. "Hay là Xìn Phóc muốn tổ chức gián điệp quốc tế? Ông cò Lơ Hia đưa hản đến để gài bẫy mình chẳng?" Biện Tống thở dài:

- Cám ơnmá chín . Tôi dờ lăm. Xóm này đâu có huê lợi gì. Dân chúng lo đặt lương, bắt rùa, bắt rắn...

Xìn Phóc gật đầu:

- Ông cò chỉ dạy tôi điều đó. Tôi tới đây, sau khi hiểu rõ tình hình. Nhưng còn chuyện này... nhỏ xíu thôi, tôi muốn nhờ thầy Hai giúp sức. Tôi ở lại đây với thầy Hai, bàn tén sau.

Ông cò Lơ Hia nhìn đồng hồ, nói nhanh:

- Đủ rồi. Má chín với biện Tống quen biết rồi hả? Này chú biện Tống.

- Dạ quan lớn dạy điều chi?

- Dịp may hiếm có. Nếumá chín bị cướp bóc, bắt cóc thì chú hoàn toàn chịu trách nhiệm nghe chưa? Má chín ở lại đây chừng một hoặc hai - ba tháng.

* * *

Xìn Phóc nhờ biện Tống tìm cho kỳ được một con rắn"quí báu" có vảy nhỏ và mịn giống như miếng da rắn đã thuộc xong làm kiếu. Xìn Phóc đem trọn con rắn ấy về Sài Gòn rồi trở xuống, mang theo khá nhiều tiền.

- Thầy Hai ơi! Con rắn đó... trúng lăm, tốt lăm. Chẳng hay ở xứ này bà con bắt nó dễ dàng không?

Biện Tống cười dòn:

- Loại rắn ri voi, hàng hà sa số. Nó lội dưới sông rạch trong rừng vào

tháng ngập nước như vậy.

- Bên Sanh Ca Bo, ông chủ tôi muốn đặt mua chừng bốn ngàn miếng da rắn thứ đó, chở gấp về bên, trong vòng hai mươi bữa. Bảo lãnh nổi không? Cứ một miếng da rắn, tôi để cho thầy một đồng xu tiền huê hồng. Lần đầu tiên trong đời, biện Tống mới gặp một trường hợp may mắn như vậy. Từ trăm năm rồi... nghe ông già bà cả nói lại thì rắn ri voi là loại vô dụng. Nó sống dưới nước, mỗi con to bằng bắp tay, cắn không chết ai cả. Mấy tay bợm nhậu chê rắn ri voi, thịt nó ăn không ngon bằng rắn hổ đất. Thỉnh thoảng, nếu bắt được rắn ri voi, mấy tay nhậu ăn tạm hoặc thả nó xuống nước, phóng sanh. Xìn Phóc quả quyết da rắn rất có giá tại Sanh Ca Bo. Người ta mua nó đem về, thuộc lại làm bóp đầm bán giá cao. Rắn ri voi có vẩy mịn, vẩy ấy bám sát vào da, nổi hột sáng ngời: Người Âu châu xem da rắn ri voi là bảo vật, quý gấp mấy lần da bò, da ngựa.

- Được không? Một miếng da rắn, tôi chịu hai xua huê hồng!

Biện Tống nói, thật thà:

- Một xu, hai xu huê hồng tuy là số tiền khá to nhưng làm sao tôi nói cho bà con lối xóm nghe. Họ bị gạt nhiều lần rồi. Năm xưa, có người đến mua con cắc kè, bảo rằng đem về lột da bán ra ngoại quốc cho Tây với đầm làm bóp, làm dây nịt. Hắn cho hàng mấy chục tay em vào thôn quê, mua cắc kè với giá hơi cao...

Người khá giả trong vùng nghĩ ra cách: xuất tiền mua cắc kè của bọn tay em này bán lại cho tay đầu nậu ở chợ Gò Quao. Bọn tay em này làm giàu. Nhưng số cắc kè dự trữ ấy chỉ bán được lần đầu mà thôi vì tay tổ lưu manh làm đầu nậu ấy chỉ mua một lần đầu lấy lệ. Mấy người khá giả làm trung gian đành ôm bụng kêu trời với số cắc kè quá nhiều dự trữ trong nhà, mua bằng giá khá cao, tưởng rằng bán lại thì lời to nhưng chẳng ai mua lần thứ nhì. Tay tổ lưu manh và số tay em nợ đã cao bay xa chạy... một cách hợp pháp.

Má chín Xìn Phóc cười dòn:

- Cắc kè là chuyện khác. Rắn ri voi là chuyện khác. Thầy Hai hãy cầm số tiền này, mua về cho tôi.

- Tiền nhiều quá, nếu tôi giữ trong mình, tội bất lương dám cướp bóc bắt tử...

- Thầy Hai quen với họ, chẳng lẽ họ giết thầy Hai...

Biện Tống nhận số tiền hơn ngàn đồng - số tiền to tát, thời bấy giờ. Xìn Phóc xem kỹ lần nữa. Đứng lăm. Rắn ri voi của miền U Minh đã được các nhà thuộc da ở bên Ấn Lê gọi là "Acrochordus javanicus" với lời chú thích: serpent - éléphant d'eau douce (rắn voi ở vùng nước ngọt). Ông ta chỉ dạy cho biện Tống về giá cả, cách lột da... Đầu đó xong xuôi, ông ta nằm nhà, chờ ngày gom góp da rắn, đem về Sanh Ca Bo. Nếu biện Tống giựt tiền thì ông ta sẽ nhờ sự can thiệp của tên cò Lơ Hia.

Hôm sau, biện Tống trở thành nhân vật quan trọng nhất trong xóm. Bà con bao vây chú ta, để mượn tiền trước. Biện Tống báo tin long trọng: - Xứ người ta có mỏ vàng. Xứ mình có rắn ri voi, quý như vàng. Da rắn này đem về thuộc lại, bán cho ông hoàng bà chúa ở bên tây. Hồi mấy năm trước, đã xảy ra vụ mua cắc kè. Lần này khác hẳn. Cắc kè nhỏ quá, lột da nhỏ xíu. Da rắn to hơn da cắc kè gấp bội, đẹp hơn da trăn. Bấy lâu nay, người Huê kiều mua da trăn, bà con dư biết điều đó.

Lời giảng giải ấy được đa số tán thành. Họ xin lãnh tiền trước. Biện Tống cho mượn, mỗi người năm đồng để làm sở phí, chừng nào nạp da rắn thì trả thêm. Tuy nhiên, điều kiện nêu ra khá gay go:

- Da rắn bán mắc hay rẻ, tùy theo bề ngang. Nếu bề ngang không đủ một tấc thì bị loại.

- Da phải lột sạch sẽ, cạo hết mỡ rắn.

- Nếu da bị lủng lỗ thì mất giá. Miếng da nào lủng năm lỗ thì kể bỏ.

Làm sao tìm ra da rắn cho thật nhiều, thật tốt để bán? Thiệt là thế gian hi hữu. Rắn ri voi vì nó to lớn (như con voi!), da nó mang nhiều vảy rắn ri, đẹp hơn da trăn được nâng lên hàng đầu, quý hơn rắn hổ, rắn mái gầm hoặc cá tôm. Nó quý hơn con gà con vịt, gà vịt phải nuôi, ấp trứng... tốn thì giờ. Đẳng này rắn ri voi thuộc vào loại chim trời cá nước, ai bắt được nấy hưởng, khỏi đóng thuế cho sở kiểm lâm. Mọi người đều mặc nhiên được quyền truy kích

rắn, chẳng cần xin phép hương chức làng, chủ đất, chủ vườn!

Bình thường dân trong xóm ưa... cờ bạc, đờn ca vọng cổ mùi mẫn hoặc hát huê tình đối đáp. Giờ đây, ai nấy đều bận việc, bất luận già trẻ bé lớn, chẳng ai thềm cờ bạc vì bắt rắn của trời đất, lột da nó ra, bán bằng giá quá cao... Cũng là hình thức cờ bạc tinh vi mà mọi người trong sòng đều hưởng lợi.

Vui sướng quá! Biện Tống lấy làm hãnh diện. Chú tìm ra công ăn việc làm cho bà con lối xóm. Số da rắn mua được tuy nhiều nhưng vẫn còn ít.

Ngày đầu, hai trăm miếng da.

Ngày kế đó, ba trăm miếng da.

Ngày kế, năm trăm miếng da.

Đến ngày kế, năm trăm miếng da... thứ thật to.

Thật là kỳ lạ, đáng suy nghĩ. Làm thế nào dân làng tìm ra năm trăm con rắn mỗi ngày? Ban đầu. Xìn Phóc sanh nghi, ngỡ là loại rắn khác. Nhưng sau khi xem kỹ, anh chàng má chín gật đầu xác nhận:

- Đó là rắn ri voi thứ thiệt. Dịp này, ta nên mua da rắn với giá thấp hơn. Thầy Hai nghĩ sao? Rắn ri voi ở xứ này sao mà mau lớn quá. Nè, mỗi tấm bề ngang hơn ba tấc!

Biện Tống đáp:

- Để tôi dạo khắp xóm làng rồi cho ý kiến sau.

Xìn Phóc ghé tai nói nhỏ với biện Tống:

- Hai người mình làm giàu rồi. Nếu rắn quá nhiều, tôi mua tám ngàn tấm da thay vì bốn ngàn như đã định. Đừng nói họ biết, họ làm núng. Luôn dịp, thầy Hai ghi chép cách bắt rắn của họ để sau này tôi qua bên Xiêm, qua Miến Điện dạy cho dân chúng. Dân Việt Nam giỏi quá.

Ban đêm hàng trăm chiếc xuồng tới lui khắp hang cùng ngõ hẻm. Dân làng đốt đèn như mở hội hoa đăng. Từ hồi lập quốc, khai hoang, chưa lần nào vùng rừng tràm U Minh Hạ lại tưng bừng như vậy. Biện Tống đã hiểu: dân làng không bắt bằng tay hoặc không dùng mũi chĩa mà xom. Phương pháp ấy quá chậm chạp, làm hỏng da rắn, mất giá. Xưa nay, họ quen nghề câu: câu

giăng, câu cắm. Mỗi người sắm hàng trăm cần câu, móc mồi cá sặc rồi cắm xuống bãi bùn, tùy thích. Cứ năm bảy phút, họ bơi xuống trở lại chỗ để gỡ rần.

Rần vi voi đớp mồi chậm chạp, lưỡi câu mắc vào mép miệng rần. Nếu gỡ ra quá chậm thì rần sẽ sứt mép, tẩu thoát.

Biện Tống đến gặp Hai Kỳ, người đó bán trên hai trăm miếng da rần. Nhà Hai Kỳ trở thành một cái xưởng khai thác rần sống. Trước sân, hàng chục tấm da, căng ra, đóng đinh cho thẳng thớm. Trong nhà, Hai Kỳ đang lui cui lột da rần. Rần bị siết cổ, buộc vào gốc cột nhà. Bàn tay khéo léo của Hai Kỳ cầm dao nhỏ, rọc một đường dài từ cổ tới hậu môn rần. Lột da là chuyện dễ, đàn bà có thể làm được.

Biện Tống hỏi:

- Xác rần đâu hết rồi?

- Dạ, mấy bữa đầu thì tôi nướng, nấu cà ri, thảng mỡ để dành. Mỡ rần làm thuốc dán trị ghẻ, trị phỏng lửa. Lâu ngày tôi đào lỗ mà chôn... Uống quá.

- Làm cách nào bắt rần cho nhanh?

Nghe câu hỏi ấy, Hai Kỳ nghĩ hồi lâu:

- Khó nói lắm. Tôi chỉ biết câu rần mà thôi, câu cắm như chú biện thấy. Đằng xóm, có ông Bảy Đẳng câu rần theo kiểu này lạ lắm.

- Kiểu gì?

- Ông ngồi một chỗ, thả cần câu xuống nước, tay ôm cần như ông Khương Thượng trên thạch bàn. Kế bên có chai rượu. Vậy mà mỗi ngày ổng câu hơn ba chục con rần, giỏi hơn tụi trai tơ, tụi này buồn bã suốt ngày, cắm hàng trăm cần, bơi xuống tới lui vất vả quá.

Bảy Đẳng là một ông lão khật khùng, uống rượu, li bì, say té lăn, ngủ bờ ngủ bụi. Riết rồi bà con hàng xóm chẳng ai màng săn sóc lão. Biện Tống bơi xuống đến gần chòi Bảy Đẳng buông cần câu, nói vồn vã:

- Vui lắm. Nhờ ông má chín Xìn Phóc mà sau này, tôi chết trong hòm. Mai chiều tôi mua cái hòm (quan tài) thứ tốt cho bà con ngán chơi. Nếu má chín Xìn Phóc ở đây vài năm, tôi sắm cái hòm bằng vàng.

- Ông làm cách nào mà câu rắn giỏi hơn thiên hạ?

Bảy Đăng cười khi:

- Tôi câu bằng thuốc mê.

- Thuốc gì? Dùng chất... hoá học hả? Hay là ông làm bùa?

- Đây nè!

Bảy Đăng chỉ vào chai rượu:

- Nó là rượu đế, thứ ngon.

Nói xong, lão mời biện Tống uống. Biện Tống từ chối. Lão nốc một hơi rồi để chai rượu xuống bãi cỏ. Chai rượu nằm hơi nghiêng, không đập nút.

- Lát nữa, chú biện coi!

Hai người im lặng. Từ mé nước, một con rắn ri voi trườn lên... đến gần miệng chai rượu rồi thập thò, rút lui như hoảng sợ. Bảy Đăng nâng chai rượu, nhều vài giọt xuống nước, trên cỏ. Con rắn... hăng hái bò trườn, đến gần miệng chai. Bàn tay lạnh lẽo của Bảy Đăng chụp xuống, bỏ rắn vào giỏ.

- Rắn xưa kia không biết uống rượu. Nhưng mà cho tụi nó tập tánh nếm mùi... cay đắng. Bữa đó, tôi uống rượu, ngủ quên rồi quơ tay kiểm chai rượu đổ hết. Chừng thức dậy, tối thấy rắn bò lại để hửi hơi.

Biện Tống như phát giác điều gì quan trọng:

- Té ra cái chai rượu là cái cần câu rắn.

Bảy Đăng vội đính chính:

- Là cái bẫy thì đúng hơn. Cần câu này, tôi cầm trong tay để che mắt thế gian, vậy thôi. Rắn mê rượu. Nếu giàu thì tôi giữ độc quyền bắt rắn, ngặt vì tôi nghèo. Tôi sẽ mua vài ngàn lít rượu, đổ xuống rạch. Rắn trồi đầu lên mà nhậu, lờ đờ ai muốn bắt thì bắt.

Nhưng biện Tống vẫn chưa thắc mắc. Mớ rắn của Bảy Đăng đều nhỏ. Làm sao mà lột được tấm da ba tấc bề ngang? Bảy Đăng gật gù:

- Chuyện đó bí mật. Muốn am tường thì nên tới nhà Sáu Kiến. Tôi bán cho Sáu Kiến. Thăng cha đó chuyên môn lột da.

Biện Tống đến nhà Sáu Kiến. Hắn đang làm việc trong căn chòi bí mật, sau hè, nài nỉ lắm vợ con hắn mới chỉ rõ địa điểm, Sáu kiến trợn mắt:

- Ừ! Chú biện, làm sao chú biết tôi ở đây?

- Thì vợ con của anh nói.

- Đồ mắc dịch! Vợ con tôi báo hại tôi...

Vừa nói Sáu Kiến vừa liếc lên trần nhà. Ô hô! Biện Tổng ngỡ mình lạc vào một cái hắc điểm trong truyện Tàu, loại hắc điểm làm thịt người mà bán cho thân chủ. Hàng chục con rắn no tròn, bón láng, treo lủng lẳng, đong đưa, như những khúc dồi to tướng. Sáu Kiến nói lẫn thẩn:

- Này chú biện. Chẳng lẽ tôi bắt buộc chú uống máu ăn thề. nếu chuyện này tiết lộ ra, chắc tôi giết chú.

- Sao? Nói gì ghê quá vậy? Giữa anh em mình nào xảy ra chuyện xích mích. Treo mấy con rắn đó lên nóc nhà để làm gì? Sao mà nó lớn quá vậy? Hèn gì mỗi tấm da lột ra ba tấc.

Sáu Kiến đưa ra một cái ống bơm xe máy:

- Đó! Chú hiểu chưa. Tôi buộc lỗ đít rắn lại rồi thì bơm hơi vô miệng rắn. Con rắn trở thành cái ruột xe máy, căng thẳng, no tròn và chẳng bao giờ nổ. Tôi bơm hoài, bơm mãi rồi vuộc miệng rắn lại, treo tòn ten. Tới nước nào đó, tôi lột da, tấm da rắn bề ngang hai tấc sẽ trở thành ba tấc, nhờ khí... của trời.

Biện Tổng cười chua chát:

- Bà con mình sáng chế nhiều kiểu hay quá.

Sáu Kiến nói:

- Cho thằng má chín Xìn Phóc nó biết một trận. Nếu bị bơm hơi, da rắn phải mỏng. Hễ mỏng thì Tây với đầm xài cái bóp mau rách hoặc sợi dây nịt mau đứt. Tụi nó phải qua đây mua thêm nữa...

Nhưng Sáu Kiến lầm to.

Phen đó, Xìn Phóc mua mấy ngàn tấm da rắn, trả tiền sòng phẳng, đi biệt tích. Mùa rắn năm sau, bà con lối xóm có lòng mong đợi nhưng hăn không trở lại. Hỏi lý do thì biện Tổng không biết. Đến tết, tình cờ biện Tổng ra chợ Ngã Năm gặp ông cò Lơ Hia. Ông cò cho biết:

- À! Cái ông má chín Xìn Phóc. Ông gửi thơ cho tôi, chúc mừng năm mới. Ông nói da rắn ở xứ U Minh mỏng quá, chuyển đó đem về, ông lỗ vốn.

Biện Tống giả bộ ngây thơ:

- Tại sao lỗ vốn?

- Xì Phóc nói: khi đem ngâm chất hoá học thì da rắn cũng như giấy hút thuốc, nhiều chỗ bị đứt theo lằn ngang, lằn dài. Thay vì làm được sợi dây nịt cho người lớn thì da nó chỉ dùng làm dây đeo đồng hồ tay. Thay vì làm bóp cho đàn bà thì da nó chỉ dùng làm bóp cho con nít. Mà con nít bên Tây đâu có xách bóp.

Bốn Cái Ngụ

Mấy người hàng xóm la hoảng lên:

- Tư Hưng đâu rồi! Nuôi heo bầy mà bỏ nó chạy cùng đường cùng sá. Sao không nhốt lại? ... Thiệt hết nói. Tanh rình tanh ói, chỗ nào cũng một đồng, ai hơi đâu mà hốt. Nó còn ủ nèn nhà, phá mấy liếp cải. Nói ra thì mịch lòng, để trong bụng thì ầm ức.

Tư Hưng từ đầu xóm chạy lơn tơn về, lên tiếng thanh minh:

- Bà con ơi! Tôi nhốt heo lại rồi. Chắc lại vợ tôi quên... Vợ tôi nó đại dột thì tôi chịu tội.

Nói xong, Tư Hưng chạy lùa ba con heo nái. Heo chạy tán loạn, đâm ngay vào vách lá, chui vào trong nhà. Anh ta nói to:

- Em ơi! Coi chừng heo chạy bể đồ đạc.

Nhưng hỡi ơi! Trong nhà không có một tiếng trả lời. Anh ta vào nhà, chạy tới trước cửa ngõ nhìn dáo dác. Vợ anh đâu rồi? Hay là đã xách gói trở về nhà cha mẹ ruột? Bốn tháng qua, vợ chồng anh ta gây lộn liên tu bất tận, tính đồ đồng hai ngày là xảy ra một cuộc cãi vã.

Tư Hưng nói:

- Đi đâu đi phút cho rảnh. Gặp con vợ như vậy mau tàn mạt lắm. Thật là...

Vừa lúc ấy, ông Hai Kiểm đi ngang qua, lên tiếng:

- Chuyện gì đó Hưng? Vợ chồng mới cưới, nếu cơm không lành canh không ngọt thì đóng cửa dạy nhau...

- Dạ, chuyện rắc rối lắm, đổ bể tùm lum.

- Cái gì đổ bể?... cháu nói mau.

Ông Hai Kiềm xụ mặt, tưởng tượng đến những hậu quả tai hại mà ông gánh lấy. Chính ông đã làm mai mối cho Tư Hưng cưới vợ. Bên gái đòi một đôi bông búp, hai chiếc vòng đúng một lượng vàng. Vì muốn tác hợp cho hai trẻ là người dưng nhưng ông Hai Kiềm vẫn làm gan lãnh nợ, vay dùm cho gia đình Tư Hưng số tiền khá to. Chủ nợ hỏi: "Rồi làm sao vợ chồng nó đủ sức trả?" Ông Hai Kiềm đáp: "Vợ chồng nó sẽ nuôi heo nái, bán heo con lần hồi."

Những chuyện đáng buồn đã xảy ra, đến tai ông Hai Kiềm. Dư luận hàng xóm đã đồn đãi quá nhiều. Ban nãy ông gặp cô vợ trẻ của Tư Hưng ở bờ chuối, sát ven đường. Ông hỏi:

- Cháu làm gì vậy đó?

Cô vợ nó đáp:

- Dạ, cháu cắt lá chuối khô đem về bó lại, làm ụ cho heo ngủ.

- Cháu biết lo xa, bác mừng lắm. Xứ này nhiều muỗi, để heo ngủ trần mà mang tội. Làm sao heo mau lớn đúng tạ được? Sao thằng Hưng không ra đây làm công việc tiếp với cháu?

Cô vợ nọ ôm mặt khóc. Bấy giờ, ông Hai Kiềm mới nhìn tường tận: gò má cô ta bầm tím. Ông thở dài, định tìm Tư Hưng để dấy dỗ. Dè đâu vừa đi ngang cửa là nghe giọng nói vô lễ của anh ta.

Ông Hai Kiềm vào sân, nói lẩm bẫm:

- Làm gì mà quát nạt? Cái gì đổ bể?

- Dạ, mời bác vô nhà, cháu nói hết đầu đuôi cho bác nghe.

Rồi Tư Hưng tố cáo bao nhiêu sự lơ đễnh của vợ: nào vợ ngủ trưa, nào vợ kho cá ăn mặn đắng, nào vợ lười biếng nuôi heo. Và nhất là ưa cãi vã với chồng. Hể giận hờn, lập tức cô vợ bỏ nhà ra sau vườn.

Ông Hai Kiềm dùng tình cảm để khuyên nhủ:

- Nó lo cắt lá chuối kho chớ đâu phải dạy xóm ngồi lê đôi mách hoặc đánh bài tứ sắc. Cháu hãy bình tĩnh. Vợ nó có lỗi thì dạy dỗ bằng lời nói nhỏ nhẹ.

Tư Hưng nói nhanh:

- Dạ, nó cứng đầu lắm. Hể cháu đánh thì nó đứng lì một chỗ, không thềm chạy.

- Ừ... Nhưng mà cháu đừng đánh ngay con mắt vợ.

Tư Hưng phục thềm sự nhận xét của ông Hai Kiềm:

- Sao bác biết?

- Trời đất xui kiến như vậy. Bác sống tới năm nay là sáu chục tuổi rồi.

Đàn ông ưa bặt tai vợ, táng ngay con mắt. Rủi đui con mắt thì sao?

* * *

- Cúc cu cu... cu! Cu!

Ông Hai Kiềm bước tới lui, ngắm nghía con cu mồi mới mua ở Xẻo Bần với giá là mười giạ lúa. Ông bắc ghế, đứng lên, mang cặp kiếng, nói thì thầm:

- Ô! Con cu hai cốt. Chưa chắc! Hồi bữa hôm, nó gáy tới bốn cốt.

Rồi bác đưa tay lên miệng, bụm lại, nhái giọng gáy:

- Cúc cú cu... cu!

Tức thời con cu mồi nhảy nhót, vỗ cánh, đòi bay ra khỏi cái lồng bằng tre. Nó đứng lại, há mỏ, ưỡn ngực:

- Cúc cú cu... cu! Cu! Cu!

Ông Hai Kiềm cười dòn:

- Giỏi quá! Trót làm thằng ngu thì ngu luôn cho trọn kiếp. Sáng mai, mầy nhớ gáy đủ bốn cốt cho tao!

Từ ngoài cửa, Tư Hưng bước vào. Anh ta nghe lóm tiếng được tiếng mất:

- Bác Hai ơi! Nói chuyện với ai vậy?

- Tư Hưng đó hả? Bác nói chuyện với con cu mồi. Gần tết rồi. Cu gáy vang dậy ngoài đồng, bác tính cho con cu mồi này ra nghê. Mua tới mười giạ lúa đó.

Tư Hưng vẫn thắc mắc:

- Con cu này mua quá mắc nhưng tại sao ngu dại. Nếu nó khờ thì luyện tập lại. Bác rành nghề gác cu lắm mà.

Một dịp may để ông Hai Kiềm giải toả bao nhiêu thắc mắc. Ông rót nước trà ngồi cao hứng rung đùi:

Ở đời có bốn cái ngu,

Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm châu...

- Mấy câu đó ý nghĩa như thế nào?

- Khó lắm. Nói ra sợ cháu hiểu lầm. Ông bà mình hồi xưa hồi xưa đặt để câu đó, nhằm nhủ mấy người lớn tuổi mà ưa làm chuyện bá vợ như bác. Cháu thử nghĩ: bác ở không suốt ngày, chỉ còn biết tiêu khiển bằng cách thăm viếng người chòm xóm, giúp đỡ lật vật. Rồi thì dưỡng nhàn. Cháu biết tại sao làm mai là cái ngu dại thứ nhất?

Tư Hưng đáp:

- Dạ cháu hiểu mơ màng thôi...

- Nói ra, cháu đừng giận nghe không. Mình làm mai, giúp hai gia đình bên trai, bên gái kết tình thông gia. Nếu con cái họ ăn ở với nhau êm ấm thì thôi. Nhược bằng gặp thứ trai lỗ mãng, thứ gái lười biếng hỗn hào thì thế nào bên trai hay bên gái cũng trách móc mốc ông mai. Nào là thẳng rể hoặc con dâu đó tệ quá. Không khéo, vài ngày nữa, nếu vợ chồng cháu chưa hoà thuận với nhau được....

Tư Hưng cúi đầu:

- Dạ, cháu hứa...

- Đây là cái ngu thứ nhì của bọn già cả, có chút ít thể diện hoặc điền sản như bác. Mình lãnh nợ dùm cho thiên hạ, nếu con nợ trả đủ thì chủ nợ vui sướng, hưởng tiền lời. Bằng không, họ lại mắng vốn... Còn cái ngu thứ ba là gác cu.

Nghe đến đó, Tư Hưng mỉm cười. Gác cu tức là đem con cu mồi ra ngoài ruộng để cho cu gáy lên, như bắt con cu rình. Mấy ông cai tổng, ông hội đồng địa hạt thường gác cu vào mùa này. Tư Hưng còn nhớ năm ngoái ông cai tổng đi gác cu với vài đứa tiểu đồng, mang theo nào trả ẩm, thịt gà, cơm nếp. Tại sao gác cu là cái ngu dại thứ ba? Anh ta hỏi mãi nhưng Hai Kiềm cứ lắc đầu. Sao rồi, anh ta gợi ý:

- Đạo này, hễ ở nhà thì gây gỗ với vợ. Cháu muốn theo bác, làm đứa tiểu đồng để học nghề. Hồi đó tới giờ, cháu ưa đá gà, đá cá thia thia. Mai kia mốt nợ, về già, cháu sẽ gác cu như bác.

- Đừng, cháu ơi. Dại dột lắm.

Con cu mồi gáy vang lên. Ngoài bờ tre xa xôi dường như có tiếng đáp lại. Khiêu khích - "Cu kêu ba tiếng cu kêu, cho mau tới Tết dựng nêu ăn chè." Ông Hai Kiếm căn dặn Tư Hưng nên về nhà giúp công việc lật vật cho vợ bớt mệt. Nhứt là sửa các chuồng heo, đừng để lổ xóm phiền hà...

Sáng hôm sau, Tư Hưng đã có mặt tại nhà ông Hai Kiếm. Hai người ăn cơm rang dần bụng rồi lên đường. Ông Hai Kiếm đi trước, xách cái lụp, tức là cái lồng bằng dây chì, trong đó có để con cu mồi. Tư Hưng theo sau, vác một cây sào dài, đầu cây sào có cái móc nhỏ bằng sắt. Lại còn có cái bình tích, đầy trà nóng, hộp quẹt và chiếc chiếu.

Gió chướng thổi lao xao mang hơi lạnh từ phía tây bắc, báo hiệu ngày gần Tết. Mặt trời lên cao, bầu trời vẫn chưa trong sáng. Vài đám mây đen bay lờn vờn, thứ mây chuyển mưa còn rơi rớt. Mùi lúa chín xông lên vừa nồng vừa ấm. Qua khỏi bờ ven, hai người đều xắn quần lên tận gối. Lá lúa cứ vào da, hơi rát. Đôi khi, bùn ngập tới nửa ống chân. Vài con cò trắng đáp xuống vũng nước cạn, rình cá tôm. Ông Hai Kiếm bước khá nhanh, đôi mắt nhìn đăm đăm về hướng cây gáo cổ thụ, giữa đồng.

Đến nơi, Tư Hưng đứng lóng nhóng. Ông Hai Kiếm nói:

- Trải chiếu ra, ngồi xuống. Nếu khát nước thì uống trà cho thấm giọng.

Trèo lên cây gáo, bẻ vài nhánh cây nhỏ, quấn xuống cho bác.

Ông Hai Kiếm đem lá cây ghim lên cái lụp:

- Nhờ làm như vậy để cho cu rừng không thấy cái lồng bằng dây chì. Lát nữa, cu rừng sẽ bay tới, đậu trên cái sào, trước mặt lụp.

- Còn mớ lưới này?

- Mình giương lưới lên, gài chốt. Cu rừng đến trước mặt cái lụp, khiêu chiến. Nếu cu đập nhằm cây chốt, lưới chụp xuống cái sào, tóm con cu rừng.

Đâu đó xong xuôi, ông Hai Kiếm dùng cây sào có móc sắt mà đưa cái lụp lên gần trên ngọn cây gáo. Ông bước ra xa, nhìn đôi ba lần khen ngợi:

- Được rồi, Cu rừng chẳng bao giờ biết con cu mồi đang bị nhốt trong cái lụp. Và trước mặt lụp là cái sào nhỏ, có lưới giương lên. Êm lắm!

Hai người rút lui vào lùm cây mua, hơi thấp, vạch một lỗ khá to trong lùm

rồi chui vào. Tư Hưng nói nhanh:

- Giống như ngòi trong hang...

- Ô! Người gác cu ngòi ngoài bờ ngoài bụi như vầy. Nếu đứng lom khom ở ngoài chỗ trống trải, cu rừng đâu thềm tới nạp mạng.

Ngòi giữa lùm cây, ông Hai Kiềm hút hết điều thuốc này qua điều thuốc khác. Con cu mồi bị nhốt trong lụp bắt đầu gáy vang:

- Cúc cù cu... cu! Cu! Cu!

Ông cười dòn:

- Giỏi quá! Ra đây, nó gáy tới ba cốt.

Tư Hưng hỏi:

- Dạ, cốt là cái gì?

- Theo tiếng lóng của nhà nghề, mấy tiếng cúc cú cu, gọi là tiếng cốt. Con cu mồi này gáy ba cốt. Bánh quá! Cháu nghe lại thử. Nó gáy kìa!

Từ ngọn cây gáo, con cu mồi cất tiếng thành thót:

- Cúc cù cu... cu! Cu! Cu!

Ông Hai Kiềm nhướng mắt!

- Đó... Nó gáy đủ bốn cốt. Loại cu nào nhiều cốt thì được cu mái say mê. Lúc lúa chín, cu rừng bắt đầu "phân đồng" mỗi con cu trống, chiếm một khu vực riêng biệt, từ cây này qua bờ tre bên kia. Nó tha hồ ăn lúa chín và tình ự với bọn cu mái. Nếu con con cu trống nào toan vào khu vực của nó, nó sẽ đánh đuổi, đá và cắn tơi bời. Thí dụ như khu vực này, từ cây gáo qua bờ tre, đã có sẵn một con cu trống làm bá chủ. Mìnhd đem con cu mồi này tới để xâm chiếm. Lát nữa, con cu trống sẽ ra tranh cắn, đánh đuổi con cu mồi này để rồi bị lưới chụp xuống.

Thời khắc trôi qua chậm chạp. Tư Hưng bắt đầu nản chí, muốn xin phép rút lui về nhà để... nuôi heo trả nợ đám cưới. Bỗng đâu từ phía bờ tre đối diện có giọng gáy thanh tao:

- Cúc cù cu... cu cu!

Ông Hai Kiềm ngòi nhồm tới, nép sát vào bụi cây mua, mang kiếng, nhìn qua kẽ lá:

- Đó! Con cu rừng lên tiếng, đòi đá lộn với con cu mồi của bác.

- Sao nó chưa qua?

- Cháu nên bền chí. Cu rừng khôn ngoan lắm. Nó hồ nghi điều gì... bất an.

Nhiều con cu rừng đã bị lưới chụp hụt vài trận rồi. Nó còn dè dặt, dò xét tình hình.

Trên ngọn cây, cu mồi gáy lên, thúc giục:

- Cú cù cu... cu! Cu! Cu!

Từ phía bờ tre, cu rừng bay nhanh qua cây gáo, đảo hai ba vòng, toan đáp xuống.

Tư Hưng nói:

- Nó tìm kẻ thù hả bác?

- Nói chuyện nhỏ nhỏ một chút. Coi chừng nó nghe. Nó tìm kẻ tình địch. Cu rừng này cho rằng con cu mồi trong bụi là kẻ từ nơi xa lạ đến xâm chiếm cánh đồng lúc để ăn no và chiếm đoạt người yêu của nó.

- Tại sao nó bay qua đây! Hồi nãy bác nói con cu rừng này đầy đủ kinh nghiệm, chết hụt nhiều lần nên khôn ngoan....

- Lời tục thường nói: Biết chết nhưng cũng nhào vô. Con chim ghét nhau ì tiếng gáy. Cu rừng gáy hai cốt ghét con cu mồi gáy tới bốn cốt. Nó cho rằng có kẻ bảnh trai hơn, toan chiếm đoạt sự sống của nó... Im đi.

Qua kẽ lá, Tư Hưng thấy rõ ràng con cu rừng. Nó thuộc loại cu cườm, mớ lông chung quanh cổ nhuộm màu hường dợt, lấm tẩm những điểm trắng tuyết, mỏ và đôi chân đỏ sậm, nhứt là con mắt tròn xoe, sáng ngời lấp lánh như giọt máu tươi.

- Nó khôn quá. Nó nhảy trên nóc lợp chớ không thềm nhảy trước cái sàn để vướng vào bẫy!

- Cháu nói đúng. Nhưng con cu mồi của bác còn khôn hơn!

Con cu mồi nhảy nhót, vỗ cánh ngược lên trời... nhưng bầu trời của nó quá hẹp, nó té xuống. Nó bước tới sát lưới, quơ chân. Cu đá nhau như gà, dùng mỏ mà cắn, đưa chân mà quào. Con cu rừng cứ bay quanh quẩn rồi đứng trên lợp mổ xuống, để khỏi Sa trại chủ vào cạm bẫy. Lát sau, nó bay lên trên cao...

trở qua bờ tre gáy inh ỏi, thứ tiếng gáy kém đẹp, có hai cốt "cu, cu" khi chấm dứt.

Ông Hai Kiềm đưa tay lên miệng, nhái tiếng gáy để thúc giục cu mồi. Cu mồi lại gáy, khoe giọng thiên phú, đến bốn cốt. Năng lên cao. Cu rừng dường như còn phân vân, chưa chịu xấp chiến.

Tư Hưng thở dài:

- Chừng nào nó bay qua đây...

Ông Hai Kiềm đáp:

- Bữa nay không xong thì chờ ngày mai, ngày mốt không xong thì ngày nọ, ngày kia... Gác được một con cu rừng khôn ngoan, mình vui hơn là gác con cu rừng thứ đại đột. Cháu mệt mỏi rồi hả?

Tư Hưng ngáp dài:

- Để cháu về nhà, lo cái chuồng heo.

- Cháu muốn về thì cứ về. Bác không dám cản cháu.

Nghe vậy, Tư Hưng lật đật cầm cây sào, bước ra khỏi lùm cây. Ông Hai Kiềm kêu lên thất thanh:

- Làm gì vậy? Cháu về thì về một mình. Để bác ở lại...

* * *

Bảy ngày sau, Tư Hưng đã quên hẳn chuyện gác cu của ông Hai Kiềm. Hàng ngày, anh ta lo nuôi heo, quét nhà, sửa sang bồ đựng lúa. Vợ chồng đối xử với nhau êm ấm.

Lúc vợ chồng Tư Hưng đang ăn cơm chiều, bà Hai Kiềm chạy vô sân, nói hơ hời:

- Tư! Mày thấy bác Hai mày ở đâu không?

Trời mưa lất phất, lạnh lẽo. Trận mưa bắc dai dẳng, còn rơi rớt. Tư Hưng nhìn bà Hai Kiềm, thương hại:

- Chuyện gì mà bác gái dầm mưa? Lâu rồi, cháu không gặp bác trai.

- Ông đi gác cu với mày mà! Mỗi ngày mỗi đi, từ bữa đi chung với mày đó.

- Dạ, cháu theo bác trai có một buổi đầu mà thôi...

- Kiểm bác trai mây dùm tao! Tao hồ nghi quá.

Lập tức, Tư Hưng buông chén đĩa, chạy ra sau vườn. Trời vẫn mưa. Mặt trời khuất đâu mất, cảnh vật tối om. Cây gáo đứng trơ vơ giữa đồng như bóng ma trôi. Tư Hưng lục soát bụi cây, chẳng có cái lụp nào cả. Tư Hưng thất vọng, trở về. Bỗng dừng, anh ta nhớ tới cái bờ tre bên kia, đối diện với cây gáo. Anh ta chạy qua, nhướng mắt: giữa bụi tre, cái lụp gác lơ lửng, trên đó có con cu mồi và một con cu rừng bị lưới chụp.

Cu rừng và cu mồi đều cú rũ, bất phân thắng bại vinh nhục, lông cánh lù xù vì dầm mưa quá lâu. Nhưng ông Hai Kiểm ở đâu? Tư Hưng toan kêu lên nhưng sợ làm lộ bí mật nhà nghề. Anh ta bèn đưa hai tay lên miệng, bùm lại, nhái tiếng cu kêu:

- Cúc cù cu... cu! Cu! Cu!

Bỗng nhiên, bụi nhãn lồng nhúc nhích. Có tiếng rên hừ hừ. Tư Hưng ngỡ là ma nhát, sửa soạn co chân tẩu thoát. Nhưng giọng run rẩy của ông Hai Kiểm vang ra từng đợt:

- Cứu... tao... tao gần chết... á khẩu...

Tư Hưng công ông Hai Kiểm vào nhà, đốt lửa hơ, cạo gió, mua thuốc cảm mạo, nấu cháo thương hàn... vài phút sau, ông Kiểm mới tỉnh táo, nói thân mật:

- Tao chờ đợi... mặc mưa suốt buổi. Con cu mồi bay quá. Rốt cuộc con cu rừng chịu đá lộn, mặc dù bị gài bẫy nhưng cũng đá. Vui quá... Ủa! Ngu quá. Con cu rừng đó, tao cho vợ chồng bầy nướng ăn. Hồi xưa, nhiều người đi gác cu như tao, ngồi rình mò dè đâu phía sau lưng có con cọt đang chờ ăn thịt họ. Gác cu không đem lợi lộc gì ráo mà mình ham. Cái thói phong lưu đó nguy hiểm lắm. Nếu mây không ra ngoài cứu kịp thì tao á khẩu, chết luôn ngoài bụi tre rồi. Đó là cái ngu thứ ba: "Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu mà!"

Tư Hưng mỉm cười, nhờ đến cái ngu thứ nhất, thứ nhì:

- Dạ, hai vợ chồng cháu cỡ này đề huề lắm. Ba con heo nái đang có chữa, món nợ mà bác bảo lãnh hồi cháu sửa soạn cưới vợ...

- Tao hiểu rồi. Ráng mà làm ăn. Thôi tao về kéo bác gái mây trông đợi.

- Dạ, trời còn mưa lai rai. Để cháu nhắn tin cho bác gái hay... Còn cái ngu thứ tư nó ra làm sao bác?

- Cầm chầu hát bội. Rằm tháng giêng, cháu sẽ thấy. Hễ mình ít "chầu" bọn đào kép cho rằng mình là thằng già cầm chầu khó khăn, phách lối, khinh khi kẻ xướng ca vô loại. Nhưng nếu mình đánh chầu đúng điệu thì có kẻ gièm siểm, cho rằng mình là thằng già dê, cứ định chửi khen ngợi mấy cô đào trẻ mà quên mấy cô đào già.

Tư Hưng nắm bàn tay gân guốc của ông Hai Kiếm:

- Bác tử tế quá.

- Sao mầy biết? Đừng nịnh tao. Vợ chồng mầy nên ăn ở thuận thảo đi.

Giọng Tư Hưng như ngậm ngùi:

- Bác dám lãnh đủ bốn cái ngu trên đời... Không màng tiếng bác, tiếng chửi. Cái tiêu khiển của bác không làm hại cho ai. Và bác dám gánh trách nhiệm để cho kẻ khác vui sướng. Cháu phục mấy ông già xưa quá trời.

Đồng Thanh Tương Ứng

Xóm Tà Lốc nằm trơ vơ gần khu rừng tràm, trên khoảng đất hoang dài gần năm chục cây số ngàn, giữa chợ Rạch Giá và Hà Tiên, theo vịnh Xiêm La .

Thời Pháp thuộc, dân chúng xóm ấy sống biệt lập: bắt cá, đốn củi đủ ăn ngày nào hay ngày ấy . Nếu cần mua sắm vài vật dụng cần thiết, họ ngồi tại nhà mà chờ đợi một chú Huê kiều . Chú ta quảy gánh gióng, bán nào kim chỉ, lưỡi búa, đường thẻ, thuốc rê . Đặc biệt nhất là loại kéo tàu, rên tại chợ Rạch Giá . Ai không tin thì cứ mua thử một cây kéo đó, để dành trong rổ may . Kéo sống dai hơn kiếp người, và từ thưở cô gái mới về nhà chồng, cho tới khi có con có cháu, chết vô hòm mà kéo vẫn chưa lứt - nếu cây kéo đó không bị đánh mất .

Cách vài ngày, chú Huê kiều đi qua xóm một lần . Tuy chú ta bán hàng với giá đập đổ, dân trong xóm Tà Lốc chẳng ai than phiền . Thưở ấy, đường giao thông dường như không có . Chú ta đi bộ suốt hai mươi cây số, qua vùng đất phèn đầy muối mòng rần rít và đầy kẻ lương thiện - những kẻ lương thiện nhưng nổi máu bất lương từng chập . Lắm khi, chú Huê kiều bị *gãy gánh* giữa đường thương mãi: hàng hóa và tài sản bị tịch thu, thân xác chú ta còn chịu thêm trận đòn như tử, kêu trời thì không thấu, kêu làng lính ở tận đâu đâu . Thà là nhịn nhục để ngày mai tiếp tục hành nghề . Dân trong xóm lần hồi thương mến chú Huê kiều . Khi đi qua xóm, chú ta rao hàng nghe lơ lớ, nã ruột:

- Kéo tàu! Kéoéo tàu !

Trẻ con bu lại, cười giỡn . Chú Huê sẵn sàng cho mỗi đứa một cục kẹo nhỏ rồi rảo bước, để lại giọng rao:

- Kéo tàu! Kéoéo tàu!

Nhưng ánh sáng văn minh lần lần soi rọi bên hè xóm Tà Lố . Vào những năm kinh tế khủng hoảng, chính phủ thuộc địa đã cố gắng biểu dương uy thế bằng cách cho xáng múc, đào con kinh thẳng tắp dọc theo duyên hải vịnh Xiêm La, nối liền chợ Rạch Giá lên chợ Hà Tiên, phía bắc . Lần hồi, khi đào xong xuôi, lệnh của quan chánh tham biện chủ tỉnh truyền ra, quan chủ quận liền *chạy* tờ về làng, làng *chạy* trát xuống ấp Tà Lố .

Đại ý như sau:

Trát cho hương ấp Tà Lố tuân cứ: Tới ngày tháng năm nhà nước làm lễ ăn khánh thành con kinh quản hạt Rạch Giá - Hà Tiên . Quan Toàn Quyền Đông Pháp đích thân đi trên tàu, theo con kinh này . lần đầu tiên, con dân ấp Tà Lố được đón rước trọng thể quan Toàn Quyền Đông Pháp đại thần . Vậy đúng hừng đông nói trên, dân đình trong ấp phải tề tựu ngay bờ kinh xáng, tại chợ, gần chỗ bàn hương án của hương chủ hội tề đặt ra . Hương ấp phải truyền rao cho dân trong xóm được rõ rồi phúc bẫm cho làng biết . Nếu bất tuân sẽ bị khiển trách .

Nhận được trát nọ, hương ấp Thum đi tới lui thăm viếng từng nhà để vừa uống rượu, vừa làm công tác . Chú ta mở đầu câu chuyện:

- Ngày mốt, mình nên đón rước quan Toàn Quyền đại thần . Bà con thấy làm sao ?

Ai nấy nhao nhao phản đối, trình ra nhiều bằng cứ xác đáng:

- Tụi tôi quần áo lem luốc, tay lấm chơn bùn . Vả lại, chưa đóng giấy thuế thân . Rủi có bề gì thì ... phải làm sao ?

Hương ấp Thum cười khì:

- Hỏi thử cho biết vậy thôi . Một mình tôi thay mặt tất cả bà con, đủ rồi . Nói chí tình, nếu bà con kéo nhau ra bờ kinh xáng, đứng khoanh tay gần bàn hương án để đón rước thì chắc thiên hạ cũng đuổi bà con trở về xóm, trước khi quan đại thần đến .

Nhưng dường như bà con trong xóm Tà Lốc hơi buồn phiền điều gì mơ hồ:

- Tụi tôi chưa được thấy mặt "tây u" và tàu bè tối tân của nước Pháp . Ai cũng muốn đi cho vui ngật còn món nợ ... quần áo và thuế thân . Chẳng hay quan Toàn Quyền đại thần có ghé lại xóm mình để uống nước trà lấy thảo hay không ?

Hương ấp Thum đáp:

- Ghé làm gì ?

- Bộ thầy rảnh lắm sao ? Mục đích của ông là tới chợ Hà Tiên cho mau . Nếu mỗi xóm mỗi ghé thì chừng nào mới tới nơi tới chốn ?

Thế là đêm đó xong xuôi, ai về nhà nấy . Dân chúng nói một câu thông:

- Thầy hương ấp cứ vui đi . Tụi tôi leo lên nóc nhà, hoặc trèo lên ngọn cây để coi tàu của Tây chơi, cho biết

Hương ấp Thum quày quả trở lại:

- Tôi không dám bảo đảm à . Đừng thậm thò thậm thụt như vậy . Ở dưới tàu, có ống dòm . Họ thấy xa lắm .

Một người trả lời:

- Thầy đừng lo . Từ đây ra tới kinh xáng, xa hơn hai chục công đất . Và lại, tụi tôi núp sát mái nhà, hoặc đeo dính trên ngọn cây . Ở dưới tàu dòm lên quan Toàn Quyền đại thần cho rằng tụi tôi là rùa bò trên mồ mả, hay là con dơi, con quạ đeo nhánh cây .

Đến nhà việc làng Sóc Sơn, hương ấp Thum nhờ chú biện thảo tờ phúc bẩm . Đại ý, hương ấp cho rằng dân xóm Tà Lốc bận việc đốn cây, mò cua ...v..v .. Hương chức làng chẳng may may phiền hà .

Trong thâm tâm, họ chẳng bao giờ muốn cho dân trong xóm Tà Lốc đi nghinh đón quan trên . Đó là hạng người không kỷ luật trật tự gì ráo . Dân chúng xóm chợ gần công sở cũng khá đông rồi . Thêm vào đó, mỗi tiệm phố đều sẽ treo cờ tam sắc .

Ai cần gì mời số người ở xóm Tà Lốc, không chợ cũng đông . Trời vừa rực sáng .



Dân chúng xóm Tà Lố đã kêu réo nhau inh ỏi:

- Thức dậy, anh em ơi!

- Tàu chưa tới mà . Thức thì thức .

- Tụi mình là "*phó thường dân*" xứ Nam kỳ, lâu lâu chào mừng quan trên: Chắc còn lâu lắm . Chừng này mặt trời mới ló dạng . Chắc quan Toàn Quyền đại thần đang ăn uống tại chợ Rạch Giá . Cỡ bốn giờ, mới tới .

Một ông lão khô hôi:

- Thiệt là dị hợm, kinh xáng đào rồi thì ... là rồi . Còn bày đặt ăn khánh thành giống như nhà vua làm lễ hạ điền . Làm như không có ông Toàn Quyền đi thử thì nước không chảy .

Có người hô to:

- Phía chợ vui quá hé ?

- Nóc nhà của tôi mới lợp, cột kèo bằng cây danh mộc ... lậu thuế . Ai muốn dưỡng già thì trèo qua nóc nhà tôi cho vui .

- Bậy nè! Lớn đầu mà còn dại . Ngồi trên nóc nhà, rồi hút thuốc, nguy hiểm lắm . Tại sao mình không ngồi trên cháng ba của cây xoài, cao hơn nóc nhà!

Chờ lâu quá nhiều người đâm ra nản chí . Họ tuột xuống đất, vô nhà uống nước cho thấm giọng rồi lại trèo lên . Đám trẻ càng xông xáo hơn . Chúng nó ở trường, lén ra ruộng, cỡi trâu, đánh thẳng tay cho trâu sãi tới sãi lui . Rồi mòn mõi, chúng nó nằm ngửa, phơi nắng trên lưng trâu để chờ đợi, sát kinh xáng trở về xóm .

Chuyện gì đến là đến! Vào khoảng tám giờ rưỡi sáng, đoàn tàu ăn lễ từ từ tiến tới . Dân xóm Tà Lố hò reo, chỉ trỏ . Họ hồi tiếc vì đã ngồi nhà . Tàu quá nhiều, chạy giăng hàng dài treo bông treo tụi đủ màu sắc . Đếm kỹ thì thấy hơn mười cái ống khói đen ngòm, tức là mười chiếc tàu .

Pháo đại, pháo tre, pháo trống ... nổ vang rền tại chợ . Nổ suốt năm mười phút mà chưa dứt ... Sau một hồi lẹt đẹt thì pháo lại rộ lên như con thú sắp dứt hơi cố gắng rống lên những tiếng cuối cùng vừa to, vừa dài

Một người nghĩ ra sáng kiến:

- Mấy đứa chăn trâu ơi! Tụi bay thử cỡi trâu, cho trâu sãi thật lẹ, coi họ làm gì ở ngoài chợ .

Vài đứa trẻ le lưỡi:

- Ngán lắm . Họ bắt tụi tôi không ?

- Tụi bây là ... con chó gì mà bắt . Thứ con nít ở trường mà tưởng mình như người lớn .

Bọn trẻ bàn bạc:

- Mấy ông Tây ưa bận quần áo trắng, đội nón trắng . Tụi mình sợ trâu nó ghét màu trắng . Nhè trâu chém ông Chánh soái thì nguy .

Một người lớn quát to:

- Nói tầm phào hoài . Làm như tụi bây quan trọng lắm . Chưa ra tới đó là thiên hạ đuổi tụi bây rồi . Cứ ở gần lếp ló, coi lén vậy mà . Hơn nữa, chưa chắc Ông Toàn Quyền Chánh Soái chịu lên bờ uống rượu để với ông đại hương cả . Tàu chạy qua rồi chạy luôn ... Không lẽ tàu chạy ngã khác .

Thế là bọn trẻ mục đồng được yên tâm: "*Tụi tôi ham lắm*" . Mấy người lớn nhìn theo, căn dặn:

- Về cho gấp, nói đầu đuôi cuộc lễ cho mấy thằng già này nghe chơi .

Hơn năm bảy con trâu xóm Tà Lố sãi nhanh ra công sở, mang trên lưng những sứ giả bé bỏng .

Đột nhiên, tiếng "*súp lê*" nổi lên inh ỏi:

- Tu ... tu ... Tu! uuu

Dân xóm Tà Lố khoái chí, vỗ tay:

- Đó là quan Toàn Quyền Chánh Soái chào mừng bà con xóm Tà Lố ? Hay quá! Trời ơi! Khói lên từng cuộn đen thui Coi mê quá .

Tiếng tu tu ... cứ vọng rền .

Một anh chàng có vẻ thông thạo:

- Luật quốc tế mà! Họ chào mình theo luật quốc tế là cứ súp lê hoài ...

Chiếc tàu dẫn đầu ngừng lại . Mấy chiếc sau cũng ngừng, dường như chẳng dám qua mặt .

- Đúng rồi! Tàu của quan Toàn Quyền Chánh Soái . Ông ghé lại chợ

Một ông lão thở dài:

- Các cha ơi . Quan Chánh Soái chào mấy ông hương chức hội tề chớ nào chú ý tới bọn mình . Đừng hí hửng mà buông tay, té gãy giò nghe các cha . Con nít quá vậy .

Nhưng bọn người háo thắng vẫn bàn bạc . Họ nghĩ mơ màng đến mấy ông hương chức hội tề . Nào ông cả Bon, ông chủ Xì, Ông Xà Mực, ông thầy giáo Kiết, ông ban trưởng Huê kiều - Ông ban Xinh . Tất cả đang cúi đầu, lưng hơi khom, hệt tay đưa ra để đón bàn tay ông Tây . Còn tay kia thì sờ lên ngực, ngay quả tim già, như để tỏ tình ... Pháp - Việt đề huề!

Vài phút sau, tàu "*súp lê*" vang dội như để tạm biệt . Từng chiếc một từ từ di chuyển . Mặt kính sáng lấp lánh ... Mỗi chiếc tàu là một ống khói đen, phun làn khói mỗi lúc một mỏng mịn . Khói vương vít, bay chập chờn trên nền mây trắng, che khuất từng chập vài bóng điều quạ .

Bỗng nhiên một người quát to:

- Thấy mẹ rồi! Còn một chiếc Ở lại . Neo luôn tại chợ . Hay mấy ống dòm thấy tụi mình trong này làm điều vô lễ ! Vô lý quá . Kìa

Từ phía chợ, bầy trâu phóng nước sôi, trở về xóm Tà Lốc Ai nấy phập phồng chờ đợi . Tin mừng hay tin buồn! Chẳng lẽ quan Toàn Quyền nghe ngóng được tiếng nói xa xôi của bọn người vô danh núp trên nóc nhà, trên ngọn cây, như rùa bò, như quạ đậu . Lạ thật . Trên con trâu dẫn đầu, có tới hai người . Một thằng bé và một người lớn .

Kìa! Trâu đã tới . Người lớn ấy ngồi vênh váo, như quen như lạ, chưa ai nhìn được hẳn là ai!

Đúng rồi! Hương ấp Thum . Thầy ta trở về xóm để làm gì mà hấp tấp như vậy . Giống như mấy ông tướng Tây cỡi ngựa phi báo, cấp báo!

Mồ hôi tuôn ra nhễ nhãi đầy mặt hương ấp . Vừa nhảy xuống lưng trâu, thầy ta la lớn:

- Đánh mõ lên cho dân chúng tụ họp . Chuyện sanh tử lắm . Đợi cho đủ mặt, tôi mới nói, đâu phải chuyện giỡn . Tài sản của nhà nước!

Ai nấy đều ngơ ngác, tuột xuống đất, ngồi chồm hổm, sắp hàng hai để chờ lệnh . Gương mặt hương ấp Thum trông vừa đáng ghét vừa tội nghiệp . Bỗng dưng mà thầy ta lên giọng đàn anh .

Có người hỏi:

- Có gì vậy ?....

Hương ấp Thum im lặng, thờ hốt hển . Một ông kỳ lão với giọng đàn anh kẻ cả:

- Cái gì vậy mầy Thum ?

- Dạ ... Dân xóm Tà Lốc chưa làm phận sự .

Ông kỳ lão quát:

- Phận sự gì ? Hay là ông Chánh Soái giận tụi tao, chỉ tụi tao vô lễ, ngồi trên ngọn cây

Hương ấp Thum nói:

- Dạ, dân xóm Tà Lốc phải ra sức ... kéo tàu .

- Tàu gì mà kéo ? Ai nấy giương mắt tròn xoe .

- Để người ta nói hết cho mà nghe . Số là đoàn tàu của quan Toàn Quyền đại thần bị trục trặc . Một chiếc bị tắt máy dọc đường, nhờ chiếc khác quăng đổi giòng tới đây rồi bỏ lại . Chẳng lẽ họ dùng chiếc tàu bệnh hoạn đó lên tới Hà Tiên thì mất thể diện cho "máy móc" của quan lớn quá, thiên hạ sẽ dòm hành chệ bai . Bởi vậy, chiếc tàu hơan nạn đó nằm tại chợ . Thầy hương quản giao cho tôi nhiệm vụ kéo chiếc tàu đó

- Ủa! Sao lại dân xóm Tà Lốc!

Hương ấp Thum đáp:

- Dân xóm chợ đã góp tiền, đốt pháo và đóng thuế đầy đủ . Mấy chục năm nay dân xóm Tà Lốc chưa làm gì ích lợi cho nhà nước . Vậy thì ...

- Kéo lên bờ hay kéo đi đâu ? Chiếc tàu đó bao lớn ?

- Dạ ... Kéo về chợ Rạch Giá . Bà con nghĩ dùm . Sức một mình tôi làm sao kéo nổi chiếc tàu sắt về chợ Rạch Giá, xa hơn mười lăm cây số .

- Bậy nè! Ai hơi đâu mà làm chuyện bá láp . Tại sao mình không kéo chiếc tàu đó vô bờ mời mấy ông bác vật tới sửa máy . Hoặc chuyển về, mấy

ông dòng tàu về ...

- Dạ, nghe đâu quan Toàn Quyền đại thần đi tuốt lên Nam Vang, về theo nẻo khác . Bà con nghĩ dùm .

Ai nấy suy nghĩ: Kéo thì cứ kéo, ngại gì! Nhưng còn cái tội trốn thuế thân, từ nhiều năm . Nhiều tay tiều đốn củi quá lâu, nhiều chàng thanh niên một vợ ba con ... chưa được hân hạnh ghi tên vô bộ sổ của nhà làng .

- Dễ quá . Tôi bảo lãnh dùm! - Hương ấp Thum nói.

o o o

Thế là bọn trai tráng sắp hàng, ra bờ kinh xáng để kéo tàu, trước là xem tàu của quan trên cho biết nó nặng nề đến mức nào, sau là để làm phận sự con dân thuộc địa .

Chiếc tàu quá nặng . Mấy sợi dây đỏi sắt cũng không nhẹ . Nước chảy ngược . Gió thổi ngược .

Hơn năm chục người nai lưng "*hố bụi*" , đưa chiếc tàu liệt máy nọ về chợ Rạch Giá . Mệt và đói quá chừng . Kéo tàu sắt khác hẳn chèo ghe . Làm sao thành thời mà ca vọng cổ . Đến canh một, canh hai đêm ấy, chiếc tàu mới xê dịch được hai phần ba lộ trình . Cũng may, hương chức hội tề đã chú ý ban cho dân ấp Tà Lốc năm đồng bạc để mua bánh tét, bánh lá dừa . Ăn tạm no . Nhưng làm sao tìm nước uống ? Nước dưới kinh xáng mặn đắng, chua chát quá chừng . Hễ ghé vô là chủ nhà hoảng sợ . Năm chục người uống hết nửa lu nước!

Nhứt là chuyển đi bộ trở về .

Dưới ánh trăng thanh, họ ca hát lai rai . Ai đủ sức thì cứ đi cho nhanh, về nhà cho vợ con mừng . Ai yếu đuối thì ngủ bờ ngủ bụi . Vài người mang bệnh cảm mạo, bắt gió vằn công . Khổ thay! Mười lăm cây số bận về là cả một điều khổ nhục . Muỗi cắn quá chừng . Hồi ra đi, họ quên mang theo cái nóp .

Rốt cuộc, chẳng ai ngủ mê hoặc chết dọc đường . Suốt đêm, họ đi lang thang nhắm hướng Tà Lốc . Chốn quê hương đẹp hơn cả! Đúng vậy . Vài người chửi rủa hương ấp Thum, cho rằng thầy ta muốn lập công đầu với nhà nước Pháp . Khi tàu tới chợ Rạch Giá, hương ấp Thum cút mất, vô quán ăn

hủ tiêu một mình . Và lúc kéo tàu, thầy ta ngồi trên tàu, hò hét, ngồi bên cạnh coi người lái . Khoẻ quá .

Đêm ấy, vì mình mẩy rêm nhức, dân kéo tàu đánh một giấc ngon lành trên giường thê nhi .

Nhưng lúc bình minh vừa ló dạng, từ đầu xóm vang lên tiếng mơ hồ:

- Kéo tàu! Kéo ...éo tà ...àu!

Ai nẩy nhẩy nhồm, mở cửa sau mà chạy, sau khi ... trần trối với vợ con:

- Trời! Mới kéo một chuyến mà mệt đuối . Kéo thêm chuyến nữa chắc chết luôn . Má bầy trẻ nhớ nói rằng tôi đi đốn củi rồi nghe . Tổ cha ... thắng hương ấp Thum!

Tiếng gọi mơ hồ cứ lan xa, rõ rệt trong sương sớm:

- Kéo tàu Kéo tà ...àu!

Ngồi sau khe cửa, các bà hiền phụ nín thở, quan sát, chờ bóng dáng của hương ấp Thum . Tại sao hăn không đánh mõ ?

Nhưng hỡi ôi! Các bà cười vang . Tiếng "*kéo tàu*" nọ xuất phát từ cổ họng của anh Huê kiều quen thuộc, bán kéo tàu, kim chỉ và tặng kẹo ngọt cho trẻ con . Hăn ngỡ ngác, thấy các thân chủ đều đóng cửa, ngủ trưa . Tại sao các thân chủ "*tẩy chay*" đột ngột như vậy ? Nhứt là các thân chủ ấy còn thiếu chịu của hăn một số tiền ngày càng to . Hăn bực dọc khi nghe tiếng cười, tiếng chửi thề . Nhưng hăn trung thành với nghề tổ, hăn cứ rao to, rao cho hả giận để đánh thức lương tâm dân chúng xóm Tà Lố!

- Kéo tàu! Kéo tàuàu!.....

Cái Tổ Ong

Vừa bước lên sân, việc đầu tiên của cậu Minh là phóng mắt vào nhà rồi liếc nhanh phía sau sàn nước để tìm hình bóng cô Kim Em. Hồm rày, cậu mang bình tương tử. Nhưng khi đến đây cậu gặp sự thất vọng.

Ông Tư hỏi:

- Lâu quá, không gặp cháu. Cháu vắng hồm rày, chắc lo học hành...

Cậu Minh đáp:

- Dạ, cháu không có chuyện chi. Bãi trường rồi, rảnh rang lắm. Chờng một tháng nữa, cháu mới lên chợ Rạch Giá nhập học lại.

Thằng Thích chạy tới, nói xen vào:

- Ba ơi! Cậu Minh đọc sách để coi kiểu nuôi ong lấy mật ở bên Tây! Hôm qua, con lại nhà cậu, cậu lật sách cho con coi mấy cái hình ăn ong. Ở bên tây hể muốn lấy mật, người ta bận áo mưa, đội mũ, mang bao tay bằng da bò. Hèn gì họ... mình đồng da sắt, không sợ ong đánh. Cậu Minh nói với con: Hể con dạy cách ăn ong ở xứ mình cho cậu... ăn được thì cậu mua cho con một cái bê hê , một cây đèn pin .

Ông tư lờm thằng Thích:

- Ai hỏi mà mầy lên tiếng. Bỏ cái tật nói hớt của mầy nghe không? Xuống bếp, lo dọn cơm.

Rồi ông day qua cậu Minh:

- Nhắm bữa, cậu ăn luôn với tôi. Hồm rày nhắm cỡ ong"dàn trận." Lui cui tối ngày với ba cái mật, cái sáp...

Cậu Minh vô cùng thắc mắc: "Cô Kim Em đi đâu vắng rồi? Sao ban nãy

thằng Thích rủ mình tới chơi, nó quả quyết rằng chị Hai nó có ở nhà."

Phía nhà dưới, nào thấy bóng hồng thấp thoáng. Gió phăng phắc nhưng mùi mật ong xông lên nồng nực khắp nhà. Ruồi bay từng bầy, bu lại gần mấy cái thùng thiếc đầy tàn ong mới "xắn" về. Mấy con ong non ngày non tháng như luyến tiếc ổ cũ, bò ra chung quanh miệng thùng, quạt cánh nhưng chẳng tài nào bay được. Cậu Minh nói hơi to:

- Chà! Ong nhiều quá. Mật thơm quá.

Rồi cậu đi lững thững xuống nhà bếp để xem cách nấu sáp, vắt mật, luôn dịp, tìm bóng giai nhân.

Trong buồng, vọng ra giọng chanh chua của thằng Thích. Nó đấu khẩu với chị nó:

- Ai biết cơm nước ra làm sao mà dọn? Sao chị nằm trong mùng hoài vậy? Ra dọn cơm cho người ta ăn. Kỳ cục quá.

Giọng cô Kim Em trả lời:

- Tao bệnh. Lâu lâu nhờ mầy dọn chén ra mà mầy cần nhân hả? Hết nói.

- Chị bệnh hả? Hôm rày sao không bệnh. Chờ khách tới thì chị bệnh... Tôi biết rồi.

- Đừng om sòm cái miệng. Nhớ đem con cá nướng trên bếp xuống, cạo sơ sơ cho tróc cái lớp khét cháy ở ngoài da cá.

Thằng Thích trở giọng khô hài:

- Ở phải. Ta biết rồi. Vậy hả? Cha chả...

Mâm cơm đã dọn ra. Cậu Minh ngần ngại, leo lên bộ ván nhưng chẳng dám ngồi đối diện với ông Tư. Ông Tư mời mọc đôi ba lần mà cậu vẫn rụt rè, nói nhỏ nhẹ như con gái:

- Dạ, bác cầm đũa trước, cháu mới dám.

"Thiệt cái thằng ăn học theo thời bấy giờ mà còn giữ được lễ phép thời xưa." Ông Tư khen thầm như vậy. Bấy lâu nay, ông nghe thiên hạ đồn đãi: cậu Minh yêu mến con gái ông. Lúc đầu, ông chưa tin. Không lẽ cậu Minh lại muốn cưới con gái nhà bản h; àn, dốt chữ nghĩa. Dư luận ngày càng phồng lên, gia đình cậu Minh dường như chẳng lên tiếng đính chánh. Ông Tư tin là

chuyện có thật. Gia đình cậu Minh thuộc vào hạng "có tiếng mà không có miếng" vì đã phá sản. Gia đình ông tuy vô danh nhưng đủ ăn nhờ nghề ăn ong mật ở góc rừng này. Con gái ông được nhiều người khen ngợi nhan sắc và nét na.

Nếu may mà hai đứa nó kết tóc với nhau, ; âu cũng là vinh hạnh lớn cho ông. Dường như cậu Minh ưa rủ thằng Thích đi chơi để "giả đồ mua khế bán chanh", viện cớ hợp lý tới lui thăm người đẹp. Ngoài ra, cậu Minh bắt đầu nghiên cứu về sinh hoạt của loài ong mật.

Ông Tư lên giọng:

- Bữa nay ăn uống sơ sài quá. Cá lóc nướng trui mà thiếu rau dấp cá, mất ngon. Nước mắm thì mặn đắng, thiếu me chua, ớt thì để nguyên trái. Thằng Thích mày sao tệ quá.

Thằng Thích cãi lại:

- Đâu phải tại tôi. Tại chị Hai đó. Hồi sáng, chỉ còn mảnh cùi cùi. Vậy mà chỉ vô mừng năm, đập mền, không biết đau chứng bệnh gì. Ba hỏi coi!

Nắm lấy cơ hội ấy, cậu Minh vào đề:

- Dạ thưa bác, cô Hai đau nặng nhẹ ra sao?

Ông Tư nín cười không được:

- Ối! Đau đớn gì. Vô ý vô tứ thì ong vò vẽ nó đánh, nóng lạnh một buổi là hết. Ố ong ngay nóc chuồng heo. Thứ ong vò vẽ bắt nhơn, không có mật vô ích. Lát nữa mày đốt ổ đó cho xong, nghe Thích. Bữa nào nó đánh tới tao nữa.

Thằng Thích mừng quýnh. Nó muốn trở tài, giúp cậu Minh thấy tận mắt thói ăn nết ở của bầy ong. Nhứt định cậu Minh sẽ vui mừng mua tặng cho nó cái bê rê và cây đèn pin, theo lời hứa. Nó ăn lua láo cho mau hết chén cơm rồi từ từ lui ra sau hè.

Còn lại ông Tư và cậu Minh. Cậu cố hướng dẫn cho cuộc đàm thoại đi sâu vào vấn đề... con ong. Hổm rày cậu chịu khó đọc qua một quyển sách khảo cứu in tại Ba Lê. Cậu hơi to giọng cố ý cho cô Kim Em trong buồng nghe ngóng.

- Thưa bác, sách Tây nói rằng ong mật là lại côn trùng có cánh, rất hữu ích cho loài người tự cổ chí kim.

Ông Tư trở mặt:

- Vậy hả? Nếu vậy thì sách Tây đâu có hay ho gì. Con ong có cánh để bay lẽ dĩ nhiên, ai cũng biết. Nhưng còn thiếu ...

- Thưa bác thiếu điểm nào?

- Điểm ích lợi... ong mật có ích cho loài người mà cũng cần thiết cho loài thú. Con gấu trong rừng sống nhờ mật ong.

Cậu Minh đáp:

- Đúng vậy. Rồi mấy hãng kẹo bên Tây thường lấy con gấu làm nhãn hiệu. Và mỗi hãng kẹo đều có mượn nhiều ông kỹ sư, nhiều ông khảo cứu. Họ nhìn nhận mật ong bổ ích cho loài người. Lịch sử của loài người làm nên...

- Khó hiểu quá. Ăn thua gì với con ong.

- Dạ thưa hồi thời Bàn Cổ sơ khai, càn khôn hỗn độn, trước khi tìm ra lửa để nướng thịt thú rừng, con người đã nhờ mật ong mà tấm bổ qua ngày qua tháng, chịu đựng sương tuyết. Đó là nền văn minh mật ong (civilisation du miel), trước khi có nền văn minh dùng búa dao bằng đá, bằng sắt.

Liên khi ấy, ông Tư thích thú, rót rượu đầy chén mời cậu Minh:

- Hay quá. Hồi nhỏ tới lớn, bác mới nghe cháu nói. Mới nghe qua thì hơi dở nhưng ngẫm lại thì hữu lý.

Cậu Minh hớp chút rượu, trình bày tiếp, trong khi đó cô Kim Em ho húng hắng...

- Thưa bác, xin nói qua các nhà chép sử phương Tây. Họ bảo rằng thời xưa mật ong là vậy quý. Ong là loài côn trùng oai hùng chẳng kém loài sư tử. Bên Do Thái đây gian còn truyền tụng tích chàng dũng sĩ Săm Sông đi tìm nàng Đa Li La . Chàng ta gặp con sư tử cản đường nên ra tay giết sư tử. Vài ngày sau trời lại chồn cũ thì ô hô! Có một ổ ong khá to đóng trong lồng ngực con ác thú, khoét gần hết xương thịt.

Ông Tư lắc đầu:

- Cháu nói hơi trật chĩa rồi! Chắc đó là loài ong lỗ, ong vò vẽ, thứ ong

đóng ổ ở sau chuồng heo. Loài ong mật thì ăn bông thối, tinh khiết lắm. Còn gì lạ nữa không?

- Thưa bác, nhà kiến trúc sư khen loài ong đã biết cất nhà lâu. Ổ ong là toà nhà bốn trăm hoặc tới năm trăm tăn. Loài người ở thời văn minh chưa làm chuyện đó. Mùa nực, ong xúm nhau quạt cánh cho mát bầy con. Mùa lạnh, ong nằm xo rút liền với nhau để sưởi ấm. Nhờ vậy không khí được tinh khiết điều hoà, chẳng khác gì lò sưởi hay quạt máy.

Ông Tư bắt đầu chán nản vì ở rừng Cà Mau chỉ có hai mùa mưa nắng và mùa nào cũng nực, ở trần. Ông hy vọng chấm dứt câu chuyện khá dài.

- Bác ít đi chợ búa nên chưa rành cái quạt máy, lò sưởi... Thiết là lắm chuyện.

- Dạ còn nữa, bác ơi. Nhà chính trị khen loài ong biết tổ chức thành những quốc gia, có vua, có tôi, có thần dân. Nhà y học công nhận rằng nọc độc của loài ong trị được bệnh tê bại. Họ khen mấy người ăn ong trong rừng vì người ăn ong giỏi như mấy ông thầy Chà thối ống sáo để chỉ huy loài rắn bàn nạo.

- Hơi lạ. Ăn ong với bắt rắn là hai nghề khác nhau.

- Thưa bác, đó là cách bào chế thuốc ngừa thiên thời, trái giống. Thầy rắn Chà Và đùa giỡn với rắn hổ con, rắn cắn không sao hết vì nọc còn non. Rắn lớn lên, nọc càng ngày càng độc. Máu huyết của thầy rắn cũng quen dần dần với nọc độc. Rủi bị rắn cắn thầy ta vẫn cười tươi! Người ăn ong ở rừng nào khác thầy rắn. Lần hồi, máu huyết người ăn ong trở thành lờn, ong đánh không đau đớn nữa...

Chén rượu thứ ba đã cạn. Ông Tư cười hề hề:

- Giống như uống rượu vậy thôi. Con nít uống rượu mau say, dân ghiền rượu thì coi rượu hơi giống nước lạnh. Uống đi cháu. Uống cho quen. Rượu còn hiếm hiem... Cháu giỏi quá.

Cậu Minh cao hứng, uống lần hồi cạn nửa chén rượu đế. Mặt trời sắp lặn, đỏ khé sau rừng nhưng cậu nào hay. Mặt mày cậu ta cũng hồng lên, đỏ khé như một cái mặt trời nhỏ bé trong căn nhà ấm áp này.

- Còn nữa hết vậy cháu. Nhà kiến trúc, nhà y học, nhà làm quốc sự đều

khen con ong. Còn nhà gì nữa không?

- Thưa bác, ong ong ngộ lắm... Nhà nghệ sĩ nói rằng hễ gặp bông đẹp, nhụy ngọt thì con ong bay trở về ổ, báo cáo sự tình với đồng loại bằng một điệu vũ tức là nhảy múa. Nhờ điệu vũ đó mà bầy ong xúm nhau tìm hoa, hút nhụy. Đẹp làm sao! Ổ ong tối mờ mờ như trong phòng ngủ. Con ong khiêu vũ trong bóng mờ. Khiêu vũ là cách nói chuyện tâm tình của loài ong. Có nhà thi sĩ cho rằng sáp ong là kết tinh bao nhiêu hương hoa của trời đất. Trong vũ trụ, đẹp nhất là hoa. Nhụy hoa được loài ong hút về, tạo ra chất tinh khiết, xứng đáng cho chúng ta... xe lại làm cây đèn sáp để đọc sách hoặc cúng vái thần thánh. Con ong lại là... ông Tư bà Nguyệt là lá thăm chữ hồng, đem nhụy bông đực rắc vô lòng bông cái. Vì vậy, bên Sa trại chumạc Phi châu, cây chà là mới sanh trái được. Mấy người Ả Rập quý trong con ong, nuôi ong gần vườn chà là để cho bông cái chà là đừng trở ra thứ trái lép xẹp!

Ông Tư ngờ ngẩn vì... cậu Minh nói hơi nhiều lời, nói hết sách vở mà cũng chẳng ích lợi gì ráo. Nói tới nói lui rồi cậu ta cũng loanh quanh trở lại chuyện ái tình hơi thô tục.

Ngoài cửa sau, có bóng thẳng Thích lấp ló. Ông tư hỏi:

- Gì vậy Thích?

Nó trả lời:

- Con muốn rủ cậu Minh ra ngoài này cho mát.

Ông Tư lắc đầu:

- Mày giả ngộ hả? Muỗi mòng như trấu. Ra ngoài sau hè để làm gì?

Cậu Minh bắt đầu chán tiệc rượu vì cậu ta chẳng còn lý luận gì để phô trương cả!

- Thưa bác. Cháu muốn nói chuyện với thẳng Thích. Cháu uống rượu hết vô rồi. Hơi say.

Khi thấy cậu Minh đến cửa nhà bếp, thẳng Thích reo lên:

- Điệu lắm. Không có chỗ chê. Cậu Minh ơi! Xong rồi. Mời cậu vô mừng kéo mất cơ hội.

Ông Tư càng sừng sốt, nạt lớn:

- Mày khùng rồi hả? Làm gì mà vô mừng? Đừng nói bậy.

Thằng Thích nói khẽ:

- Dạ... con giăng mừng ở gần cái chuồng heo để cho cậu Minh coi cái ổ ong vò vẽ. Cái ổ này kỳ cục lắm. Ba biểu con phá ổ đó cho xong. Cậu Minh thì muốn con giúp... làm cách nào cho cậu thấy tận mắt con ong sống nhả...

Ông Tư chép miện, muốn rầy thằng Thích nhưng sợ cậu Minh hiểu lầm:

- Ủ! Để tao coi mày làm ăn ra thế nào!

Cậu Minh đứng ngoài hè., liếc thấy cái chuồng heo và cái mừng giăng trên bãi cỏ, bốn sợi dây căng thẳng qua bốn cây chuối hột. Sợ làm phật ý ông Tư, cậu dò hỏi:

- Cháu vô đó với thằng Thích. Nhà xảy ra chuyện, gì nguy hại không bác?

Sực nhớ đến mớ lý thuyết mà cậu ta vừa nói lúc uống rượu, ông Tư lẩm bẩm:

- Ờ! Thuốc dạy thầy, cày dạy thợ. Biết đâu cháu thấy chuyện lạ hơn mấy ông bác vật! Đây là ong vò vẽ, đóng ở góc chuồng heo của... rừng Cà Mau... Hiền lắm... Bác đâu dè thằng Thích nó rần mắt. Mặt trời còn chạng vạng, ong nó thấy đường....

Lần đầu tiên, cậu Minh đánh bạo chui vô mừng. Ngồi bên trong, vui sướng làm sao. Vững như ngồi trong chiến bào. Ngoài kia, trời nhá nhem. Muỗi bay vo vo. Ông Tư chống nạnh, ho từng chập và dường như cô Kim Em cũng rón rén đến sát ngưỡng cửa.

Cậu Minh mỉm cười. Qua lớp vải mừng c3nh vật hiện ra mờ ảo, rung rinh. Mấy tàu lá chuối phất phơ. Con ruồi, con muỗi còn bay không lọt vào mừng, hướng gì con ong vò vẽ. Một đoạn sách mà cậu đọc sơ qua cho biết: bên Âu châu, mấy nhà nuôi ong đều sắm những thùng nhỏ, lọng kiếng hoặc lưới sắt để dễ bề quan sát.

Muỗi dưới mặt cỏ bay lượn lên, vo ve. Cậu Minh quên đập muỗi, mãi nhìn theo hướng ngón tay thằng Thích. Cái ổ ong vò vẽ lớn tròn, đen thui như cái trống, vừa một ôm. Ghê quá, đất chung quanh ổ ong chấp chóa, trơn láng. Năng thoi thóp nhưng còn chiếu thẳng vào miệng ổ: một cái lỗ nhỏ, có hai ba

con vàng bay loanh quanh như canh gác.

Cậu Minh muốn chứng minh tinh thần hăng hái:

- Nó không ra, làm sao mình coi được. Xa quá! Mầy Thích ơi. Phải chi hồi nãy mầy giăng mùng sát ổ ong.

Thằng Thích thở nhẹ:

- Nè anh! Tôi đem cây trúc này vô mùng để dành thọt.

- Làm sao mà thọt?

- Anh vén mí mùng, đưa cây trúc ra rồi đè mí mùng cho lẹ.

- Tao nghi ngờ quá.

- Để tôi!

Thằng Thích vén mí mùng, đưa cây trúc ra, nhắm ngay cái miệng ổ ong mà "chọt" tới.

Lẹ như điện xẹt, ba bốn con ong bay ra, theo cây trúc, chui vào mí mùng trước khi thằng Thích khép lại.

Hai người la hoảng:

- Chết tui. Anh ơi!

- Nó đánh tao. Ui da! Trời ơi! Thích ơi! Chạy ra được không?

Tình thế thật khó xử. Chạy sao kịp. Hàng ngàn con ong ào tới đậu ngoài mùng đen thui từng cục, từng dề... chớp cánh nghe lào xào. Vài con xung phong lách mình xuống gốc cỏ; chui rền rẹt vào mùng như con trùng, con kiến.

Bên ngoài, ông Tư kêu la ồm tỏi:

- Dại quá vậy. Tại sao giăng mùng mà không trải chiếu cho sát mặt đất? Giăng mùng lơ lửng như vậy đó. Rán chịu trận.

Cô Kim Em đứng nép vào bệ cửa, lỗ cười lỗ khóc: Thằng Thích và chàng trai thông minh kia đang bị nhốt trong mùng.

Chập sau, mặt trời lặn khuất. Bầy ong gom về ổ. Ông tư bước tới, cầm một cái bao bố, khom lưng rồi thừa cơ hội thuận tiện, gói trọn cái ổ ong vào bao, chạy nhanh trở lại mương, nhận xuống nước: ong chết ngộp. Cô Kim Em tuân lời cha, xuống mương đem cái bao lên. Cái ổ ong được phá ra. Ong

non trắng phau, lúc nhúc, gom hơn một thùng, đem lăn bột chiên ăn trong đêm ấy...

Cậu Minh uống rượu khá nhiều, ôm thằng Thích mà ngủ cho tới sáng...

Vài tháng sau, cậu Minh cưới cô Kim Em. Họ sống không mấy yên ổn, vì thời cuộc. Lần hồi, họ tản cư lên Sài Gòn. Chàng làm thợ ký ở một tiệm bán kem, nàng thì thủ phận đêm đêm gánh chè đậu kiếm thêm tiền để nuôi nấng bà con sáu đứa. Càng tiếc mùi mật thơm lành của quê nhà, thuở ban đầu. Nhứt là những đêm mưa gió, vợ chồng ngậm ngùi nhìn nhau không nói một câu. Ngọn đèn điện mập mờ gợi hình ảnh ngọn đèn sáp từ đâu lạc đến, để lộ hàng đêm, chẳng bao giờ lụn để soi sáng trang sách của cuộc đời bao la: cuộc đời vừa xói mòn vừa dễ hiểu nhưng họ chưa bao giờ hiểu - như cái ổ ong bên cạnh chuồng heo.

Con Heo Khịt

Từ hồi tháng mười một năm ngoái, mấy người cuốc rẫy ở ven rừng Ngã Bát không ngớt bàn tán xôn xao:

- Con heo Khịt về đây rồi. Nó lớn bằng con bò con lợn mà.

- Phải! Tôi nghe danh nó từ lâu. Chú vợ của tôi ở Rạch Ruộng có nói lại: nội một đêm, nó ủi phá gần hai chục công rẫy khoai mì. Củ lớn ăn đã đành, củ nhỏ cũng không chừa.

- Sao không đâm nó? Thợ săn ở dưới Rạch Ruộng coi bộ dờ quá, chưa xứng đáng là thợ rừng. Rầu lắm. Coi chừng con heo Khịt phá hại mùa khoai ở xóm mình. Nó đâu phải cọp mà mình sợ!

- Nói bậy đi. Chừng nào con heo Khịt phá hại, đừng chạm tới tài sản của mình thì hãy hay. Nói trước, xui xẻo lắm. Thợ săn ở Rạch Ruộng giỏi lắm chớ. Một người bị đổ ruột. Một người khác bị té đùi. Phen đó, con heo Khịt mắc bẫy dây chì. Vậy mà nó tẩu thoát được.

- Bằng cách nào?

- Nó cắn một khúc giò, bỏ lại coi chơi. Khúc giò còn dính trong cái vòng dây chì. Coi mà phát ớn. Nó cắn giò nó cho đứt, một mình nó đánh chết bốn con cho sẵn. Tôi đoán chừng con heo Khịt này ít nhất đã bảy - tám tuổi, nanh dài trên một tấc, mình mấy nổi dấu chì. Thôi chuyện đâu còn đó. Nó chưa tới nhà mà bàn tán hoài, ngán lắm. Cứ lo làm ăn cho vợ con nhờ.

Chuyện ấy thấu đến tai ông Hai Cháy và ông Năm TỰ. Vốn là thợ săn chuyên nghiệp, hai ông giữ vẻ mặt trầm tĩnh nhưng làm sao che giấu được

bao nhiêu nỗi lo âu áy náy trong lòng.

Tháng này nhằm mùa hạn, rừng khô nước, heo rừng không ngủ nơi nào nhất định, chi bằng chờ lúc Sa trại chũmừa, nước nổi chừng ba tấc, heo rừng phải tìm nơi gò đất cao ráo mà ngủ, để tìm tông tích nó. Nhưng phải đề phòng! Mặc dầu mình nặng nề, chân nhỏ thó, heo rừng lội nước khá nhanh. Đối phó lại, thợ săn nên tìm loại chó săn biết lội nước. Đã có người chống xuống cản chặn đầu con heo rừng đang lội. Heo thản nhiên, hụp đầu xuống rồi hất lên như công vào chiếc xuống nọ lên vai.

Ông Hai Cháy đến nhà ông Năm Tự mà nói:

- Mình ăn thịt hơn trăm con heo rừng. Nhưng mà chuyện này coi bộ khó nuốt.

Năm Tự cau mày:

- Sao vậy? Tôi dọ kỹ rồi. Nó thành danh con heo Khịt vì nó dữ, khi dọ63 quạu là sôi bọt mồm, khịt lên một tiếng lớn. Vậy thôi. Mình chưa ngán nó...

Ông Hai Cháy đáp lại chậm rãi:

- Bà con ở Rạch Ruộng cho biết: nó là heo độc giác. Theo chữ nho, chẳng hiểu nanh heo kêu bằng gì. Mình tạm kêu là "giác" đi. Trâu độc giác, voi một ngà, heo một nanh và ... người một mắt đều là thứ dữ.

Năm Tự im lặng:

- Ờ! Nếu con heo Khịt lên tới xóm này, nên lo liệu...

- Đánh nó cho chết chớ lo liệu cái gì. Tôi dám liều chết nếu nó là heo Khịt. Rủi gặp heo nhỏ, tầm thường thì uống công quá. Năm nay, gần sáu mươi tuổi rồi, tôi làm biếng lắm.

Năm Tự nói nhanh:

- Miễn là ông anh đi theo để làm quân sự, thằng em này vui vẻ ăn thua. Ông Anh cứ nhường cái bốn phận đó cho em. Em nhờ bà con dọ thám thử.

Giết heo là chuyện khó. Rình xem heo là chuyện dễ. Đêm đó, theo lời yêu cầu của Năm Tự và Hai Cháy, một đám con nít xúm nhau rình bên giồng khoai mì đã bị heo phá hại đêm trước. Đêm sáng trăng. Mù sương rắc xuống nhỏ từng hạt trắng mỗi lúc thêm dày. Biết chống muỗi, vắt, lũ trẻ xúm nhau

ngồi quanh gốc cây tràm. Cảnh rừng đêm mơ hồ. Ngồi hồi lâu không thấy gì lạ, lũ trẻ ngóng lên trời nhìn sương mù đang trôi gợn gợn như chất gì lỏng lẻo. Thích chí quá. Như ngồi dưới đáy biển sâu mà lớp sương kia là sóng gió trôi trên đầu. Nhìn mãi sanh chán. Vài đứa ngủ gục ngáy to tiếng.

Bỗng đâu sậy đẽ gây nghe rôm rốp. Rồi một bóng đen lộ ra đứng sát bụi mì ngóng mở rồi quay lưng, chạy về phía rừng tràm.

Lũ trẻ lập tức cho ông Năm Tự hay:

- Nó rồi! Nè ông Năm, nó như con bò con. Tưởng sao chứ vậy tui tui đâu sợ. Nó chạy cong đuôi.

Ông Năm cười:

- Tại tui bây đứng trên gió, nó đánh hơi được. Nó đâu sợ, nó xáp tới nhưng nó quay lưng vì sợ sụp nhảm bầy hoặc hầm hổ.

Nghe đến sáng kiến làm cần bẫy, bọn trẻ mừng quýnh. Vài đứa có kinh nghiệm lập tức bơi xuống ra chợ Thới Bình để mua dây chì làm vòng bẫy. Gặp thầy đội kiểm lâm có mang súng, chúng nó mời thầy vô xóm Ngã Bát để bắn con heo Khịt. Nghe tin ấy, ông Năm vô cùng mừng rỡ. Nếu bắn được con heo ghê tởm ấy, ông khỏi ra tay. Vả lại, bắn sớm chừng nào hay chừng ấy. Từ bây giờ cho đến mùa mưa. Khi thời cơ thuận lợi. Còn năm - sáu tháng nữa lận. Biết đâu tới chừng đó; con heo Khịt sẽ bỏ xóm Ngã Bạt, sau khi phá hại mùa màng.

Trời chạn vạng.

Thầy đội kiểm lâm tới xóm. Đêm đó, thầy ta hăng hái lắm vì mới vừa mượn được cây đènpin, loại năm pin của ông xếp kiểm lâm. Dịp may để thầy ta luyện tập về cách săn đèn!

Lại một đêm đầy sương, thứ sương mù khét lẹt, lạnh lẽo của rừng tràm U Minh khi mặt trời vừa chen lặn. Thầy đội mang đèn, ánh sáng chói mạnh tới trước soi một vòng tròn thấy rõ rết từng nhánh cây chiếc lá từng con muỗi.

- Tao làm gì thì làm. Tụi bây đừng nói chuyện. Đứa nào sáng mắt, coi chừng tiếp với tao. Hai đốm đỏ tức là con mắt ông hổ. Nếu hai đốm vàng tức là mình chiếu ngay mắt con heo Khịt. Tao nghe đồn đãi như vậy.

- Kìa! Hai đốm vàng hiện ra.

Thầy đội từ từ bước tới.

Một bước rồi hai bước.

- Đùng!

Súng nổ chát chúa, xé rừng. Một tiếng kêu rống. Lạ quá! Tiếng rống ấy nghe một chỗ và con thịt run rẩy, chẳng vang ra tiếng... khịt nào cả. Chùng xúm lại coi thì ô hô, thầy đội vừa bắn trúng một con heo rừng bé tí teo vừa mắc bẫy, chân còn treo lủng lẳng trên cây cần. Làm sao bây giờ. Ai dám gỡ nó xuống? Ấu là bồi thêm một phát nữa.

Đằng xóm, ai nấy đều thức giấc, chờ kết quả. Sau khi nghe hai tiếng súng, họ đốt đuốc, chạy tới nơi, hô to:

- Rồi rồi. Xong rồi. Con heo Khịt đi dodòi!

Chùng đụng đầu với con heo nhỏ bé, ai nấy cười ngã nghiêng.

* * *

Ông Năm Tự đồ quạu:

- Làm chuyện bá láp! Mấy đứa con nít thì rình trene gió. Người lớn thì bắn trúng cảm ơn heo "hà nàm" mắc bẫy. Không khéo, ai nấy là hề hạng bét. Bà con ở dưới Rạch Ruộng hay được là cười cả đám, chê đất này thiếu nhân tài.

Ông uống chút xiu rượu để rồi hét to:

- "Vực một" đâu?

Từ ngoài sân, một con chó săn chạy vào đứng ngay trước mặt ông, phía tay mặt.

- "Vực hai" đâu?

Con khác chạy vô, đứng im bên trái.

- "Vực ba"!

Nó đứng ngoan ngoãn phía sau, và con chó "Vực Tư" giành góc còn lại. Cái bộ ván nhỏ bé mà ông đang ngồi trở thành cái ngai vàng.

Vỗ đầu từng con, ông bảo:

- Hồi nào tới giờ, tụi bây ở nhà, chưa bao giờ ra trận đủ bốn đứa. Mai này, Vực một, Vực hai phải ứng phó cho lanh: "Vực" là cánh, mỗi đứa là một cánh

quân. Vực ba, Vực tư cũng vậy. Dưỡng sức đi. Thôi đi ngủ sớm, mùa nắng khó săn heo lăm. Đây là thể diện của ta.

Bốn con chó vẫy đuôi, ra chiều hăng hái. Chúng ra ngoài hàng ba, trước khi nằm xuống, mỗi con đều quay tròn dod6i ba vòng, nhìn kỹ chung quanh. "Chó ba khoanh mới năm." ông Năm Tự lăm bằm như vậy, tự hào cho rằng cho săn của mình là giống tốt nhất. Còn lại năm - sáu con chó nhỏ đứng xớ rớ chung quanh bộ ván, sủa gâu gâu, như kêu nài, bất mãn, ông nói:

- Còn tụi bây nữa. Chưa tới tuổi ra nghề. Tao lo cho tụi bây mà. Đi chỗ khác!

Gày gáy dứt canh hai. Sương lùa vào đầy nhà, vậy mà ông Năm Tự chưa nhắm mắt ngủ. Dựng đứng gần vách, ông ngắm nghía rõ ràng kìa... Một cây lao cổ phụng, một cây lao bay một cây mác thông. Tất cả khí giới này từ bảy tháng qua chưa xài tới mà vẫn sáng chói, không một bợn sét, nhờ ông lau chùi hằng ngày.

"Hùng đông, mình đi kêu Mười Hy phụ lực với mình. Khởi cần bận rộn tới ông Hai Cháy, ông già rồi."

Nghĩ vậy, ông Năm Tự ngủ yên. Ông có biết đâu là sự bố trí chua đáo ấy không được đúng với tình thế và đem lại nhiều hậu quả mà ông không đoán nổi.



- Tu... Tu... u...

Còi vừa túc lên. Bốn con chó Vực và năm con chó săn nhỏ bé đồng hè nhau chạy miết vô khu rừng tràm gáp ranh với đám rẫy khoai mì. Ông Năm Tự nói với Mười Hy:

- Chú Mười thấy chưa! Chó mà ăn cơm nguội thì lạnh lẽ. Ăn cơm nóng, nó hư lỗ mũi đánh hơi hờ ẹt. Cây lao bay với cây lao cổ phụng của tôi đây nè chú cầm dùm. Tôi hô lên cây nào chú nhớ đưa cây đó cho kịp.

Chim rừng hót vang. Bước chân của hai người dẫm lên mớ lá vàng ẩm ướt. Muỗi, bù mắc... động ồ bay lên. Họ chen vào khoảng giữa chật hẹp mấy gốc tràm chòi. Nắng lên chui vào vòm cây lộ ra những đốm vàng tươi. Cá

lóc, cá trê mắc cạn lăn tròn trên bùn non, mọi khi hễ gặp môi nhậu thì hai người bắt liền. Hôm nay có khác. Ông Năm Tự thỉnh thoảng tháo khăn trên đầu, bịt lại chặt hơn, quần xà lỏn được vo lên sát vào bắp đùi. Ông nướng mắt:

- Lâu quá vậy!

Rồi tức còi. Trong phút giây đàn chó gom lại. Ông căn dặn:

- Đừng sủa bậy nghe! Tụi bây gặp trăn sủa cách khác, gặp rùa sủa cách khác. Giỏi lắm. Nhưng bữa nay, khi nào gặp heo rừng thì hãy sủa. Làm động rừng con Khịt đi xa.

Dứt lời, bầy chó tản ra. Hai phút sau, phía Lung Cây Kè, có tiếng chó sủa to, ba tiếng còi tức lên liền hồi. Ông Năm Tự và Mười Hy vạch lau sậy, chạy đến.

Con heo Khịt đứng sững, hai chân trước cao nghệu, mình mẩy đen thui, hơi nanh. Tiếng đồn không sai: nanh dài trên một tấc, con heo Khịt như con bò nhỏ, mớ lông gáy dựng lên vàng hực, lấp lánh.

- Vực một!

Ông Năm quát to.

Con Vực một nhảy vô căn chân phía trước, bên hữu của con Khịt. Con Khịt vừa quay đầu là ông Năm ra lệnh:

- Vực hai!

Con Vực hai xốc tới căn chân trước, bên tả. Con Khịt trở mình ngó phía sau tìm cách thủ thế, lui vào lùm cây!

- Vực ba! Vực tư!

Bị vây bốn góc, Khịt đứng nhóng lên. Thật ra răng của chó đầu bén nhọn nhưng làm sao cắn lủng da nổi chùi của con Khịt được. Con Khịt lại đầy đủ kinh nghiệm: đây là thợ săn lão luyện và bầy chó hung hăng.

Nó tìm cách chạy tới. Mười Hy trao ngọn mác cho ông Năm Tự. Ông Năm ghìim ngọn mác trước ngực.

Heo Khịt thối lui, dùng hai chân sau bươi đất làm cái hố nhỏ, tạm che khuất cái mông dưới đất để hạn chế sự tấn công của Vực ba và Vực tư.

Nhưng đất cứng quá. Nó quỳ hai chân sau. Mấy con chó nhỏ bao vây, đứng ngoài xa, sủa vang lên nhưng hưởng ứng, thúc hối bốn con Vực đang quyết chiến.

Bỗng nhiên, con heo Khịt thở mạnh nghe... khịt một tiếng. Ông Năm Tư thối lui. Heo Khịt trợn mắt trắng, miệng sùi bọt, đang lướt qua phía Vực một, bất chấp Vực hai.

Lẹ như chớp, con chó Vực một nhảy dựng đứng lên không trung ngang tầm đọt sậy. Nó vừa rớt xuống là con heo Khịt chĩa nanh lên, hứng ngay bụng.

Vực một giãy đành đạch, lủng ruột. Thừa cơ hội ấy con Khịt phá vòng vây, chạy nhanh.

Thấy con chó thân yêu vừa thiệt mạng, gan mật ông Năm Tư sôi lên. Chụp ngọn lao bay trong tay Mười Hy, ông phóng mạnh, buông tay. Ngọn lao ghim vào ngực con Khịt.

Nó mang ngọn lao mà chạy.

Nhanh như chớp, ông Năm vớ cây lao cổ phụng - Loại lao cong, giống như cổ con phụng, có ngạnh như cái mồng - Mũi lao ghim vào hông con Khịt, đúng như sự tính toán của ông.

Bị đau điếng, con Khịt chạy nhanh, bất chấp cây cối, lau sậy, gò nong, ao vũng. Bầy chó sủa vang, cố chạy cho nhanh hơn để chặn đầu, cản mũi con Khịt. Nhưng may quá! Ông Năm Tư nói với Mười Hy:

- Nó chịu trận rồi

Mười Hy hơ hời:

- Nó chạy như vậy, làm sao chịu trận. Bầy chó của mình đuổi sức rồi.

Ông Năm Tư nói:

- Kia! Cây lao cổ phụng này... hay quá. Con Khịt chạy không lâu đâu... Mình ráng theo nó cho kịp.

- Làm sao theo kịp được? Nó mất dạng rồi. Mấy con chó làm sao dám xáp vô để ăn thua?

- Thằng Mười này dở hơi quá. Chưa biết cây lao cổ phụng sao?

Chớ cứ sủa, ngày càng xa, xa dần. Con Khịt đã khéo léo chọn phương hướng, tìm nơi rậm rạp mà chui, mà nhủi. Trong khi đó, hai người thợ săn chạy chậm hơn, và chạy vòng quanh tránh mấy bụi chà là gai. Gai chà là đâm nhức nhối, mỗi bụi chà là là một cái bàn chông.

Chó sủa rộ lên, càng gần, Mười Hy nói:

- Coi chừng! Hay là con Khịt trở lại ăn thua với anh em mình. Còn cái gì không!

Ông Năm Tự nói gắt:

- Bộ thằng Mười mất trí rồi sao? Có ba cái "bừu bổi," xài hết hai rồi. Còn cây mác thông này mà thôi.

- Tôi ngán lắm. Tôi... chạy à! Hai bàn tay không, làm sao tôi dám đứng lại.

- Ai biểu mày ăn thua với nó. Đứng ngoài xa mà coi. Chạy mau. Câu lao cổ phụng "ngon" rồi đó!

Phía trước mặt họ, con heo Khịt xuất hiện. Ngọn lao cổ phụng gồm hai bộ phận rời: Lưỡi và cán. Hai bộ phận này dính nhau nhờ một sợi dây dài. Lúc phóng tới, lưỡi và cán dính nhau, tạm thời nhờ cái khâu lỏng lẻo. Vì nhức nhích, lưỡi cứ ghim vào hông con Khịt trong khi cái cán sút ra, tòn ten, lê lết trên mặt đất, có sợi dây nối liền.

- Nó kìa!

Ông Năm Tự la to trong khi Mười Hy sợ sệt. Cái cán lao bị kéo dài... Nhưng vài phút sau, vô tình con heo Khịt chui vào bụi rậm.

Cái cán trở thành chướng ngại vật, day ngang giữa hai gốc cây, trở thành một cái neo...

Con heo Khịt đứng lại, trì nứu. Hai gốc cây trầm rung chuyển... Nó kêu rống vì càng trì nứu thì ngọn lao càng xoáy bên hông, giữa hai cái be sườn rướm máu.

- Chết cha mày!

Cây mác thông của ông Năm Tự lại cắm vào mông con heo Khịt, làm lủng da.

Con Khịt cảm ơn chôn, phóng tới, ghê thật. Ngọn lao cựa quậy từ bên hông con Khịt vì cái ngành lút khá sâu.

Ngọn lao sút ra, làm gãy một khúc như be sườn. Nhờ vậy, con Khịt thoát nạn.

Bầy chó xáp lại hiểu rằng con Khịt đã đổ máu quá nhiều... Chó bao vây con Khịt.

Lúc con Khịt bối rối, ông Năm Tự đến trước mặt nó, cầm một mũi mác vào ngực. Khịt gào thét nhóng lên. Tay ông Năm ghì xuống chịu đựng.

Và cứ như vậy suốt mười phút, con Khịt chưa chết, nhưng ông Năm đã run tay, mồ hôi xuống ướt mặt. Mười Hy đứng xó rớ chưa biết liệu lẽ nào.

Lâu lâu con Khịt rống lên xoay trở. Ông Năm Tự quỳ xuống hai tay bám chặt cây mác. Bầy chó giữ phía sau khiến con Khịt hết đường tháo lui. Hai hàng nước mắt tuôn ra tràn trề rưng rưng chảy trên má ông Năm. Ông dư hiểu: nếu con Khịt chạy vượt thì nó sẽ cắn đầu phóng cái nanh "độc giác" vào bụng ông trong tức khắc.

Mắt ông đổ hào quang, cảnh vật chập chõe đất trời nghênh ngửa, cây rừng như trở gốc lên trời dang ngọn xuống đất. Nhưng may thay từ xa có bóng người chạy tới:

- Dữ ác hông? Sao không cho tôi hay trước?

Ông Hai Cháy xuất hiện như một vì cứu tinh, phóng vô yết hầu con Khịt một lưỡi mác, ghim vô thật sâu gần lút hết lưỡi thép.

Con Khịt ngã lãn và ông Năm cũng ngã ngửa, xuôi tay thỏm mỏn.

Hôm sau, ông Năm Tự nằm mê man tại nhà, cơm ăn không trôi, phải nuốt nước cháo cầm hơi. Nhưng khi có ông Hai Cháy tới, ông Năm ngồi dậy như cái máy:

- Sao?

Hai Cháy đáp:

- Một trăm bảy chục ký lô! Cái nanh dài hai tấc.

Ông Năm Tự gật đầu lia lịa:

- Non ba tạ hả? Sướng quá! Cọp mà gặp con Khịt thì cọp đã rút lui. Tôi

cầm cự chừng nửa giờ rồi anh tới... tiếp cứu đó. Mộ Di Phật! Hú hồn.

Con Sấu Cuối Cùng.

Một tai hoạ thảm khốc vừa xảy đến cho gia đình ông cai tổng Hy. Hôm ngày cưới vợ của đứa con trai út, đoàn ghe rước dâu bị sấu cắn mũi, bà con hai họ kêu la ồm tỏi. Sấu lặn xuống rồi trồi lên đập đuôi ngay chiếc ghe chở cô dâu, chú rể.

Ai nấy trở về bình yên, trừ trường hợp đặc biệt của cô dâu. Nàng mất dạng sau khi quơ đôi chân ngược lên trời, lần cuối cùng, đầu và mình đều khuất dưới mặt nước xao động, trong miệng sấu.

Tôi đến chia buồn với ông cai tổng Hy. Ông nói giọng buồn bã:

- Nó mất xác. Bây giờ chỉ còn chờ báo thù.

Vì chưa biết rõ, tôi hỏi kỹ:

- Dạ thưa ông, ai báo thù?

- Sấu báo thù cho sấu... Theo tục lệ hồi xưa hồi xưa, sấu là loài thú bị đầy, mỗi con muốn thành tinh, để đầu thai kiếp khác cần phải nuốt... chín mươi chín nhơn mạng, thêm một người nữa là đúng một trăm chẵn. Nhưng mấy thầy câu sấu ở xứ mình quả quyết rằng họ có thể sửa đổi luật lệ của quỷ thần. Họ sẵn sàng giết sấu để báo thù cho người chết với điều kiện phải mượn bằng một số tiền khá cao.

- Ông mượn thầy câu sấu nào chưa?

- Họ đòi giá cao quá, dầu bắt được hay không, mình phải đặt tên tổ trước khi họ ra tay. Khổ lắm. Họ biết rằng kẻ bị "hùm tha, sấu bắt" chẳng bao giờ trở về nhà hưởng nhang khói nếu con sấu, con cạp sát nhân kia còn sống. Vì muốn cúng kiếng cho con dâu, bác dọ hỏi giá cả.... sơ sơ trên hai trăm đồng.

Còn thêm điều kiện: bao nhiêu vòng vàng trong bụng sấu đều thuộc quyền của họ. Cách đây vài bữa, lão Năm Hên tới đây hỏi han kỹ lưỡng rồi xin phép bắt con sấu đó, không ăn một đồng xu nào hết.

- Người đâu mà tử tế quá vậy?

- Khó hiểu lắm. Ông ta nói rằng muốn bắt một con sấu cuối cùng, trước khi giải nghệ...

Rồi ông cai tổng Hy nói khê:

- Chắc ông ta biết con dâu tôi... nó mang theo hai chiếc neo đúng hai lượng vàng nên động lòng tham. Hễ bắt được con sấu, ông ta mổ bụng nó lượm trước hết rồi tri hô sau, hoặc chẳng thèm tri hô gì ráo. Như vậy, ông ta vừa... làm giàu, vừa được tiếng tốt với hậu thế!



Để hiểu rõ hơn, tôi đến Ngã Ba Đình để làm quen với ông Năm Hên. Biết tôi là người quen thuộc với gia đình ông cai tổng Hy, ông Năm tỏ vẻ ái ngại:

- Nguy lắm. Tốt hơn cháu về nhà chờ đợi. Khi nào bắt được nó, bác cho cháu hay.

Tôi nài nỉ xin phép ở lại căn chòi che tạm ấy. Ông mãi im lặng. Tôi sanh nghi, liền tưởng đến hai chiếc neo hai lượng vàng còn nằm trong bao tử con sấu ác nghiệt. Gương mặt ông Năm Hên trông hiền nhưng bí hiểm lạ thường. Ông đi ra đi vào, quan sát bãi bùn, nhìn mấy giề lục bình trôi ngang qua rồi nói:

- Sợ cháu không đủ kiên nhẫn. Chuyện nguy hiểm này, bác muốn chịu đựng một mình. Nếu có mặt một người thứ nhì, bác e xảy ra nhiều tiến dị nghị. Hồi xưa, cháu nên nhớ rằng: bác làm nghề này vì miễn cưỡng. Hôm nay bác muốn tự ý bỏ nghề không trống, không kèn. Thôi, được rồi. Cháu ráng ở sớm hôm với bác. Điều quan trọng là cháu đừng làm điều gì mà bác ngăn cấm. Đừng chàng ràng hỏi tới hỏi lui. Đừng thắc mắc là tại sao cháu hỏi mà bác không trả lời. Bây giờ thì cháu ăn cơm rồi ngủ cho thẳng giấc.

Vì tò mò muốn điều tra những thủ đoạn của thầy câu sấu, tôi nhận lời và ngoan ngoan ăn cơm. Ăn xong tôi lựa một nhánh bần cổ thụ, trèo lên nằm co

mình. Gió thổi mát rượi. Ông Năm Hên cứ hút thuốc phì phà. Tôi vui sướng như nằm trên chiếc ghế dựa. Con sông Ngã Ba Đình nổi tiếng có nhiều sấu hung ác nên ghe xuống qua lại rất thưa thớt. Trời xế dần, chưa chi mà cò, diệc hay giăng hàng về rừng. Lục bình trôi hết giề này tới giề kia, mấy cây khô tróc gốc nổi lênh bênh quay qua quay lại như xác người rũ tóc.

Tôi ngủ từ bao giờ, không hay biết.

Bỗng nhiên, tôi giật mình thức dậy. Một trái bần chín khá to, vừa rụng xuống bãi bùn. Tôi mừng quỳnh, nhảy xuống đất, chạy ra ngoài bãi, cúi xuống lượm, chợt nghe nhiều tiếng động lạ lùng, giống như giọng cười the thé của cô hồn ma quái.

Trên chòi, ông Năm Hên vụt đứng dậy mỉm cười:

- Coi chừng. Không nguy hiểm nhưng đừng giật mình, đừng la lớn. Nó đó!

"Nó" là ma hay là con sấu ăn thịt đứa con dâu của ông cai tổng Hy? Tôi muốn hỏi to nhưng sức nhóo lời căn dặn. Và lại, tôi muốn tỏ rằng mình đây chẳng phải thợ câu sấu nhưng vẫn đầy đủ bản lĩnh.

Hai chân tôi đau điếng như đập nhằm gai. Vừa ngó xuống, tôi hoảng hốt: Hàng chục con thú nhỏ - vóc dáng bằng con cắc kè - chạy tới bao vây, nhe răng, phóng mình cắn khò mắt cá. Tôi rút chân khỏi bùn, toan rút lui về phía cây bần để tìm một nhánh cây làm roi. Không cần suy nghiệm, tôi hiểu ngay! Đó là bầy sấu con mới nở, dưới bụng mỗi con đều dính những bệt màu vàng - màu của trùng đỏ trứng sấu. Ông Năm Hên quát to:

- Chạy luôn đi!

Tới gốc bần, tôi leo lên thật cao rồi ngóng xuống bãi. Kia, một con sấu dài hơn ba thước từ mé nước bò trườn, bao vây đàn con, lùa xuống mé nước.

- Xuống đi!

Nghe theo lệnh ông Năm Hên, tôi tới căn chòi. Ông cứ ung dung hút thuốc, nhìn mơ màng theo làn khói. Trên vách lá, hàng chục cây mun - mũi tên bằng cây cau già phía trước có mũi nhọn bằng sắt - nằm im lìm trong cái ống tre khá to. Bỗng dưng, tôi nổi giận, thầm trách:

- Lão Năm Hên này quá ác, muốn nhử cho sấu ăn thịt kẻ khác. Đã ác, lão còn nhát gan. Cớ sao ông chưa chịu phóng vài cây mun bịt sắt để giết con ác thú?

Tôi nói:

- Sao bác thờ ơ quá vậy!

Lão trợn mắt:

- Đó là con sấu cái. Nó lo giữ bầy con. Con sấu đực mới là chánh phạm.

- "Nó" đâu rồi? Tại sao bác biết là "nó" ?

- Cháu đừng hỏi.

Rồi ông nói lảng qua chuyện khác. Nào loài sấu đẻ hàng đôi ba chục trứng, đẻ xong khoét lỗ, sắp trứng từng lớp, cứ mỗi lớp trứng glà có một lớp lá cây mục, cỏ khô. Đâu đó xong xuôi, sấu kiếm lục bình, nhánh cây, rác rến mà phủ lên giống như mô đất, cao đến sáu bảy tấc. Khi trứng gần ngày nở, sấu mẹ bò quanh quẩn, nghiêng tai nghe tiếng động trong lòng trứng... Lúc mới nở, sấu con sống bằng chút ít tròng đỏ còn dính dưới bụng. Hằng ngày sấu mẹ cạnh chừng sấu con, sợ sấu cha trở về ăn thịt con...

Chúng tôi ăn cơm chiều. Trời sụp tối. Ông ngồi chồm hổ, bấm đốt tay, tính lẩm bẫm.

Đến khoảng đầu canh hai, ông vỗ nhẹ vào vai tôi:

- Thức chưa hay còn ngủ?

Tôi trố mắt:

- "Nó" hả?

- "Người ta" hỏi đầu mùa rồi, đừng hỏi nữa. Nếu buồn bực thì lại đây cói cái này cho vui.

Tôi bắt đầu lo ngại, nghĩ tới bao nhiêu giai thoại về hồn ma hiện về cõi trên lưng loại sấu đội đèn. Ông Năm thúc hỏi:

- Mau mau!

Qua khi đèn, tôi thấy dưới này năm ba vật gì đen thui, giống như khúc củi nổi lều bều. Ông Năm giải thích:

- Tụi nó điếm đàng như vậy đó. Nó xuôi chân xuôi đuôi và cứ nổi phêu

phêu trên mặt nước. Con sấu cái ở chính giữa, xung quanh là bầy sấu đực tới ve vãn. Sấu cái lộ tới đâu, mũi "xạ" trong miệng nó hôi thúi tới đó, rừ quên bầy sấu đực... Tụi đực rựa đánh mùi, giành "mèo" . Coi kìa!

Mặt nước xao động. Mấy "đốm đen" chuyển mình rượt nhau, đập đuôi nghe ầm ầm vang lên chấp choá dưới ánh trăng non. Chập sau, bầy sấu mất dạng.

Ông Năm Hên khép kín cánh liếp, nói nhanh:

- Cháu thấy nhần tiền chưa? Con sấu cái này chờ "chồng" . Nó đánh bạt bầy sấu đực xấu máu. Bọn sấu đực giành mèo dữ tợn lắm. Bác gặp nhiều phen lạ lùng: sấu đực cắn lộn, con này cùi xuống bụng con kia để thiến lẫn nhau.

Rồi ông tắt đèn chui vào nóp ngủ.

* * *

Ngày qua ngày, ông Năm Hên xuống bãi bùn, cắm nhánh cây để ghi mức nước lớn, nước ròng. Đôi khi, thừa lúc tối nằm lim dim, ông xách cây dao phay, đi ra sau nhà, khuất dạng trong vùng rừng tràm lưa thưa. Tôi sực nhớ tới tập quán của vài người mỗi lần vào rừng phóng uế, "bón phân cho cây" là họ mang theo cây dao để đào lỗ rồi lấp lại cho hợp vệ sinh. Nhưng tại sao ông Năm Hên che dấu cái nhu cầu đơn giản ấy? Mọi buổi sáng, nghe tiếng quạ kêu sau rừng, lão hồi hã chạy ra khỏi nhà, hò hét inh ỏi:

- Quạ ùng! Quạ ùng!

Lão trở vào, hút thuốc, bấm đốt tay rồi chạy xuống bãi bùn. Hồi lâu, lão trở lên:

- Cháu ở nhà một mình nghe không? Bác qua bên kia chừng vài giờ đồng hồ. Ở nhà, nhớ đuổi quạ. Và đừng bao giờ ra sau nhà, phía rừng tràm.

Tôi gật đầu, hứa vâng lời. Chờ lão khuất dạng, tôi làm bài toán liều mạng. Ra sau rừng để xem thử. Tại sao lão ngăn cấm? Nhứt định lão chôn giấu một vật gì bí mật. Rủi lạo bắt gặp, tôi bị rầy, bị đuổi ra khỏi nhà là cùng. Vùng rừng tràm quá thấp, nước đọng quanh năm. Giữa ban ngày muỗi mòng cứ bay vo ve, từ mặt nước, bầy lăng quăng thoát xác bay lên như con ngài lột vỏ kén.

Hồi lâu, tôi đến vùng đất cao ráo, in tỏ rõ dấu chân người. Tôi dừng bước, ngạc nhiên và sợ sệt, nhận ra một nắm đất vuông vức. Kho tàng chằng? Bùa phép hoặc cạm bẫy gì đây? Sau khi hái một nhánh cây khôn, tôi xới đất: Hai khúc xương lòi ra, xương ống chân và xương bắp đùi và mớ xương vụn khác. Lập tức, tôi lấp đất lại rồi chạy nhanh về chòi để tránh mùi hôi thúi. Té ra ông Năm Hên đã chôn nguyên cái chân của một người, người ấy phải chăng là cô dâu của ông cai tổng Hy?

Chừng hai giờ sau, ông Năm Hên trở về, nhìn thẳng vào mặt tôi như muốn nói điều gì... Ông vẫn thuốc hút, mỉm cười:

- Hôm rày, cháu buồn bực, hồ nghi công việc làm của bác hả? Ráng ở thêm tối nay, tới trưa mai cháu về nhà được rồi.

- Xin lỗi bác. Lúc bác vắng mắt...

- Cháu đừng hiểu lầm. Bác mời cháu ở lại chớ đâu muốn đuổi. Cái gì bác cũng tha thứ được hết. À, tuổi trẻ, người ngoại cuộc như cháu ưa tò mò. Bác muốn cháu tò mò cho tới nơi tới chốn. Đời bác quá già rồi. Bác làm rẫy khoai mì ở rạch Ngan Trâu, tính giải nghệ từ lâu nh; ưng chưa giải nghệ được. Bữa nay hoặc sáng mai, bác giết con sấu cuối cùng. Sanh nghề tử nghiệp, bác đều sợ, vì nếu "tử vì nghiệp" thì đó là luật quả báo. Bác sợ những người tò mò, mới xem nửa chừng rồi bỏ cuộc...

Tôi im lặng, cúi đầu nghe lời trách mắng quá nghiêm khắc ấy. Dường như ông Năm Hên muốn trút bao nhiêu bất mãn chông chất từ bao nhiêu năm qua lên đầu tôi.

Lão day mặt, hỉ mũi, nói nghẹn ngào:

- Cháu nên ở lại. Bác sợ cháu đồn đãi... bậy bạ. Giờ phút này, cháu thấy sự thật khi đào lên sau rừng. Nhưng cháu có thể hiểu lầm... cũng như ông cai tổng Hy hiểu lầm.

Chiều hôm ấy, ông Năm Hên nhịn ăn, vì buồn bực. Tôi lục nồi cơm nguội, nuốt lua láo nửa chén rồi chun vô nóp.

Ông đốt đuốc lên, nói khê:

- Đừng ngủ. Hễ nghe phía sau rừng có tiếng sấu "nghe" đừng giật mình

nghe không! Nước ở cái lung bên kia cạn rồi. Tối nay nó về đó.

Tôi đứng lóm thóm bên ngoài cửa, nhướng mắt... Bỗng nhiên, ông Năm Hên chạy ra ngoài, ngoắt lia lịa:

- Đừng sợ. Cháu coi kìa! Nó trườn lẹ ghê, giống của nó dữ lắm. Bữa hôm, sấu cái lo ấp trứng, nó rảnh rồi sanh tạt hung hăng đón ghe... đám cưới. Hôm nay, đoán chừng bầy sấu con đã nở, nó bò về để ăn thịt con.

Dưới bãi bùn, con sấu hiện ra, đen ngòm giống như cái xuống độc mộc. Trăng sáng vằng vặc. Con sấu trườn dài, dọc theo bờ sông, day mũi qua bên tả, bên hữu. Ông Năm Hên nói:

- Cháu cầm cây đuốc đèn dầu. Đừng la hoảng nghe không. Để bác giết nó. Cầm đuốc cho thật chắc!

Tôi nhận lấy bó đuốc...

Ông Năm Hên bước xuống bãi với hai bàn tay không.... Sực nháo tới cái ống tre đựng mấy ngọn mun bịt sắt, tôi nói nhỏ:

- Đem ngọn mun theo chớ?

- Không cần. Chắc ăn lắm rồi. Nó đó. Nhất định là nó.

Con sấu tiến lần về cái ổ trứng - đúng nơi tôi bị bầy sấu con bao vây hôm nọ. Bầy sấu con hoảng chạy... Sấu đực lướt tới đón con. Nhanh như chớp, ông Năm Hên nhảy lên sấu mà cỡi... Ông cúi đầu xuống, hai tay cựa quậy... Sấu day mũi xuống nước rờ rõi quẹo lên bãi, trở mình, vật ông Năm Hên nằm ngửa dưới bãi... Trong phút giây, người và sấu chỉ là một đồng đen thui. Khói từ bó đuốc thổi tạt ngang mặt tôi... Gió thổi呼呼. Ông Năm Hên hò hét, làm vang động khu rừng tràm sau hè. Tôi đứng không vững vì dường như mặt đất rung rinh. Bỗng dưng ông Năm Hên đứng dậy, chạy bò càn lên bờ đến bên cạnh tôi rồi quỵ xuống, thở hổn hển:

- Nó gần chết rồi kìa.

Dưới bãi bùn lấp lánh ánh trăng, con sấu đen ngòm nằm im. Tôi hỏi:

- Tại sao bác không kéo xác nó lên. Hay là... để cháu tiếp sức với bác.

Ông khoát tay:

- Kìa! Con sấu cái với bầy sấu đực bữa hôm trườn lên đó. Tụi nó kéo xác

con sấu chết, ngâm vùi dưới đáy sông rồi chia phần với nhau. Mình giành cái xác đó làm gì?

Lão nhìn trừng trừng vào mắt tôi:

- Bộ cháu tiếc hai lượng vàng trong bụng của nó hả?

Tôi im lặng, cúi đầu:

- Xin lỗi bác.

- Lỗi phải gì? Bác giải nghệ rồi. Cháu tưởng bác vì tham hai lượng vàng mà liều mạng, cỡi trên lưng sấu hả? Thôi mình vô nhà, nói vài lời nữa rồi ai về nhà nấy.

Ánh đuốc tàn rụi dần. Ông Năm Hên nói:

- Sợ ma không? Nếu sợ thì cháu cứ dỡ cái nóc nhà lá này mà bó lại làm đuốc.

Ánh lửa tắt. Tôi lính quýnh chưa biết ứng phó ra sao. Thật ra tôi sợ ma, vì sự nhớ tới hai khúc xương chânchôn vùi sau hè. Giọng ông Năm Hên trỗi lên trong bóng tối, ghê rợn như giọng nói của ma:

- Ông cai tổng Hy hiểu lầm. Bữa nay, bác ra nghề lần chót... Ồ, sức bác còn dẻo lắm, cháu thấy không? Bác cỡi lên lưng sấu, lật hai cái chân trước của nó cho trở ngược lên lưng rồi bác điều khiển như người cầm cương ngựa. Nó phải quẹo lên bãi như ý muốn của bác. Rồi bác thọt cho nó đui hai con mắt. Kỳ sau, nếu muốn bắt sấu, cháu làm theo cách đó. Bốn mươi năm kinh nghiệm của đời bác!

- Dạ, cháu không dám. Để cháu thuật lại cho ông cai tổng Hy biết đầu đuôi.

Ông Năm Hên nói gắt:

- Đừng cho ông biết gì ráo. Hồi cỡi trên lưng sấu bác đâu nhớ tới hai lượng vàng? Bác ra nghề lần chót đâu phải vì ông cai tổng Hy mà vì lý do khác. Nếu tiếc hai lượng vàng, ông cứ mượn thợ chài tới đó mà vãi... mò lên. Trời đất chứng minh cho bác.

Bầu không khí trở nên nặng nề. Dưới mé sông, sấu quậy ùng ùng, con sống giành xác con chết. Ông Năm Hên vụt đứng dậy:

- Cháu ở đây ngủ, bác về liền bây giờ. Tối đây là dứt.

- Trời đất! ban đêm, bác đi đâu? Tội nghiệp cháu.

Ông Năm Hên ra khỏi cửa, mắt đăm đăm hướng về phía bãi bùn:

- Nhẫn với ông cai tổng: cứ cúng cơm trên bàn thờ, vì người chết đã ngậm cười.

Tôi lính quýnh, tìm cách cầm chân ông Năm:

- Thưa bác, còn cái ống tre đứng mấy ngọn mun nè!

Nhưng ông Năm mất dạng trong bóng tối. Tiếng nói của ông, ngày càng nhỏ rí nói vọng về căn chòi:

- Bỏ đi. Hay là cháu muốn giữ làm kỷ niệm để khoe khoang với bà con rằng ta đây... dám bắt sấu như ai kia. Nếu muốn kỷ niệm, tốt hơn cháu nên ra về, im lặng, với hai bàn tay không, trong bóng tối.

Xóm Cù Là

Xin tạm giải thích cái địa danh ấy. Dân trong xóm sống vui vẻ tập trung tại Ngã Tư, nơi gặp gỡ tự nhiên của hai con rạch cong queo và dùng đến ba thứ tiếng: tiếng Việt, tiếng Miên, tiếng Triều Châu.

Các vị bô lão cho biết: xưa kia, vài người mộ đạo đã cất ngôi chùa tại Ngã Tư. Một vị tướng nhà Nguyễn có tá túc tại chùa, dâng cho chùa một tượng Phật nhỏ mà ông đã thỉnh tại xứ Cù Là, lúc bôn ba hải ngoại. Các vị bô lão còn nói rõ: gọi là Cồ Là mới đúng sách vở, Cồ Là tức là xứ Miến Điện giáp ranh Xiêm La.

Nhân vật nổi danh nhất ở xóm Xù Là tên là Trần Hanh. Ông ta là chức cai tổng, có ruộng đất khá nhiều. Điền đất được giao cho người khác bao thầu, với số lúa phỏng định là mười ngàn giạ. Do đó, ông không tiếp xúc trực tiếp với đám tá điền. Vợ lớn của ông chết sớm để lại cậu Hai và cô Ba. Ông cai tổng Hanh ít khi có mặt tại xóm Cù Là. Dường như ông thăm viếng luân phiên ba bốn nàng hầu thiếp ở những vùng xa cách xóm Cù Là hàng ba bốn chục cây số.

Về mặt khai phát đất hoang, giúp đỡ dân chúng thì ông cai tổng Trần Hanh đã ghi thêm vài nét hơi đậm trên bản đồ xóm Cù Là. Ông mượn người đào kinh, xẻ ngang thửa ruộng, giúp tá điền chở lúa dễ dàng từ đồng ruộng đến lằm lúa: đó là "kinh Thầy Cai Hanh". Lại còn con lộ gọi nôm na là "lộ Thầy Cai Hanh". Số là vào năm 1936, thầy Cai mua được chiếc xe hơi du lịch hiệu Đờlahay. Điều ấy làm hãnh diện cho toàn thể dân chúng trong vùng. Trong lúc thầy cai còn do dự, chưa biết làm cách nào đem xe đến tận nhà tại

ngã tư Cù Là, dân chúng thúc hối:

- Thầy cứ mua. Tụi tôi sẵn sàng ra sức đẩy con lộ từ đường xe của nhà nước vô tới nhà thầy.

Chỉ trong vòng bốn hôm, con lộ bề ngang hai thước, bề dài hơn tám thước được hoàn thành, cao nghệu như bờ đê. Chiếc xe Đờlahay trông oai vệ làm sao! Nó giống hệt chiếc xe bò, với bốn bánh có từng cây cắm tua tua. Thùng xe hình vuông trước mũi có chũm hình đầu con đằm mọc cánh, màu bạc, khi đổ xăng là vụn con đằm ra. Ngày nay, xe hơi biến hoá tiến đến những hình dáng huê dạng hơn, giống như con rùa, con chim, con cá nước. Các bạn dưới hai mươi tuổi cứ tra các quyển tự điển là gặp kiểu xe cổ lỗ"vang bóng một thời" ấy.

Chiếc xe ấy bị hư, trước khi thầy Cai Hanh chết. Và thầy cai Hanh chết tại xóm Cù Là, trước khi việc tống táng người chết được nâng lên hàng tiểu công nghệ với những cửa hiệu chuyên nghề bao thầu quan tài, tấn liệm. Xe Đờlahay hư máy, nằm tại nhà, không được ai mua theo kiểu"ve chai" . Và việc tống táng thầy cai Hanh - lúc bấy giờ - trở nên rắc rối. Nếu hồi còn sống thầy cai đào kinh, đắp lộ điểm tô nét nhỏ trong bức địa đồ xóm Cù Là thì lúc chết - sau khi tắt thở - được vài phút, thầy cai bắt đầu đóng vai trò lịch sử trong xóm nhỏ, với cái xác nặng hơnbảy mươi ký lô (chi tiết này rất quan trọng). Muốn mô tả lại, không gì tốt hơn là dùng phương pháp..."chép sử" ngày qua ngày mà các phóng viên mặt trận hồi Đệ Nhị Thế Chiến thường áp dụng.

Ngày thứ nhứt: Vào khoảng bốn giờ chiều, cai tổng Trần Hanh tắt thở. Già thì chết, con người ai cũng chết một lần. Ông mang bệnh nan y - bệnh đau ruột - từ lâu, ông hy vọng được kéo dài thời gian sống, nhờ kỹ thuật điều trị của các bác sĩ Tây và ta ở Sài Gòn. Đến giờ chót, cái chết ấy quá đột ngột, một sự đột ngột nho nhỏ nằm trong cái phạm vi bình thường to lớn.

Ông nhắm mắt, sau khi làm"xung" chừng ba phút. Chẳng ai khám nghiệm thi hài ông, nhưng cậu Hai (con trưởng nam) quả quyết:

- Ông bị đứt ruột. Năm ngoái, ông bị cắt khúc ruột, bác sĩ Tây ở Sài Gòn

nổi hai khúc bằng một ống cao su. Vì mệt mỏi và quên thay ống nên cái ống ấy tuột ra, hai khúc ruột không nối liền được. Trễ rồi!

Cậu Hai leo lên cái giường nệm, sờ vào ngực cha. Ngực đã lạnh ngắt. Cậu đánh diêm quẹt và đốt ngọn đèn sáp giữa ban ngày.

Cô Ba căn nhắc:

- Làm gì vậy? Chưa tắm liệm tại sao anh đốt đèn cúng vái? Nên giữ đúng tục lệ ông bà, kéo xây ra...

Cậu Hai nói gằn:

- Mày đừng làm bộ. Lát nữa mày biết. Mày là em tao, chưa khôn hơn tao đâu.

Cô Ba gạt nước mắt:

- Anh đừng nói vậy! Anh đuổi tôi hả?

Nói xong, cô Ba bước ra khỏi phòng, khóc thật to, khóc quá to. Bọn gia nhân an ủi cô với những câu thường lệ. Cô vào phòng riêng lấy xâu chìa khoá mở tủ, lục lạo rồi khoá tủ. Đâu đó xong xuôi, cô ra khỏi cổng, hơi bí mật.

Bên giường nệm của cha, cậu Hai đi tới đi lui, tay cầm ngọn đèn sáp. Cậu đốt vào đầu ngón tay, vào lòng bàn chân của cha. Hỡi ơi! Da thịt người chết... đã chết thật. Nó không phồng lên, giộp da, chứa đựng nước giữa da và thịt. Bàn chân người chết không cựa quậy, mất tất cả cảm giác khi ngọn lửa châm vào.

Cậu Hai tắt ngọn đèn sáp. Ông đại hương cả đến, gương mặt thiếu não. Lẽ dĩ nhiên, ông đại hương cả sẵn lòng giúp đỡ cậu Hai trong việc tân liệm và tổng táng. Trong một phút xúc động, cậu Hai ngỏ ý rót rượu dâng cho ông hương cả và lạy tạ, cảm ơn ông trước khi ông ban ơn. Ông đại hương cả nói:

- Cậu Hai nên lo "giàn ngoài" . Lúc bình sinh, ông cai tổng giao thiệp rộng, quen biết nhiều người, có ơn nghĩa qua lại. Đây là đám tang của người làm "chức việc" . Tất cả hương chức hội tề mười làng trong tổng sẽ tới bái điếu, quan chủ quận, quan chánh tham biện chủ tỉnh nữa.

- Cháu hứa... báo hiếu tận tình.

Nói xong, cậu Hai trao cho ông đại hương cả một số tiền để mua sắm các dụng cụ cần thiết. Cậu ra khỏi cổng, trong khi cô Ba từ ngoài cổng bước vào sân nhà. Hai anh em lườm nhau, không nói.

Tư Tề là người chuyên lo tổng táng ở xóm Cù Là. Năm ấy, Tư Tề gần năm mươi tuổi. Tư Tề lo tổng táng, không lấy tiền thù lao. Dưới quyền ông ta, có gần hai mươi cậu thanh niên lực lưỡng, bọn này được tập dượt kỹ lưỡng về kỹ thuật khiêng quan tài ra khỏi nhà, đưa quan tài lên nhà vàng rồi hạ huyệt... một cách êm thấm.

Tư Tề mừng rỡ, đến nhà bọn đệ tử, thúc hối:

- Tụi bay chiều nay tới nhà tao để tập dượt. Ông cai tổng Hanh là người quá mập. Tụi bay dư hiểu: khi chết rồi, vài ba ngày sau, cái xác con người nặng thêm gấp đôi, gấp ba. Lại còn cái quan tài bằng cây trai Phú Quốc. Nặng lắm phải đủ mười sáu đứa mới mong khiêng nổi. Nếu làm xong phận sự, bọn mình được thưởng và được tiếng... thơm lây. Quan chủ quận, quan chánh tham biện và hương chức hội tề của mười làng trong tổng này tới chứng kiến đó. Cô Ba tới gặp mặt tao, nhờ tao lo dùm. Chôn thật gấp. Chắc là ngày mai, ngày mốt.

Bọn đệ tử của Tư Tề chưa phải là đồ tuý (đạo tỳ) chuyên nghiệp. Tư Tề muốn bắt chúng nó tập dượt suốt đêm. Trước khi thực hiện kế hoạch, ông ta vào quán mua năm lít rượu đế, đưa ra tấm giấy bạc "con công" - năm đồng - số tiền to tát thời bấy giờ. Bỗng nhiên, cậu Hai bước vào quán, nói to:

- Tư Tề! Tiền đâu nhiều dữ vậy?

Tư Tề hơi sững sốt. Mọi khi, cậu Hai tỏ ra rộng lượng đối với kẻ dưới.

Tư Tề đáp, thật thà:

- Dạ, của cô Ba gọi cho tôi. Tôi mua rượu đế anh em đạo tỳ tập dượt gấp.

Cậu Hai bủn môi, cười dòn:

- Cô Ba ngu dại quá, xài tiền không nhằm chỗ.

Người trong quán ngòিম. Tại sao cậu Hai tỏ ra keo kiệt lúc tang gia bối rối? Số tiền năm đồng bạc này chưa phải là nhiều, chưa xứng đáng với công lao của Tư Tề. Cậu Hai nói tiếp, không nhìn vào mặt Tư Tề:

- Cho nó uống rượu, ăn vài miếng thịt vụn là nó không dùm. Tụi đừng quan, tụi đô tùy ưa rượu thịt. Hễ thấy có đám ma là mừng như kiến, như ruồi thấy mật mỡ. Không mời, tụi nó cũng năn nỉ mà bò tới...

Bị chạm tự ái. Tư Tề nói băng quơ:

- Vậy thì tụi này nằm nhà ngủ chơi...

Cậu Hai bước ra khỏi quán.

Chờ khi cậu Hai khuất dạng. Tư Tề lắc đầu nói ba hoa với cử tọa:

- Để cho xác cai tổng Hanh hôi thúi tại nhà... mới hả giận tôi. Bà con nghĩ coi. Cô Ba tử tế bao nhiêu thì cậu Hai phách lối bấy nhiêu.

Lão chủ quán mỉm cười:

- Rắc rối lắm. Cậu Hai có tâm sự riêng. Thôi, ông về đi. Chừng nào họ cần tới mình thì mình tới.

Ngày thứ nhì: Xác cai tổng Trần Hanh còn nằm trên giường trong khi ông đại hương cả đi ra đi vào, thúc hối:

- Cậu Hai đừng làm vậy! Ông cai nhắm mắt rồi, con cháu nên sống thuận thảo. Không khéo, ông cai trở mình dưới mộ. Ông trở mình, cậu ơi!

Cậu Hai đáp:

- Tức mình lắm, bác ơi. Trước khi nhắm mắt, ba tôi còn giấu hai mươi lạng vàng trong tủ, do con Ba giữ chìa khoá. Hồi khuya này, con Ba cho biết: trong cái hộp vàng không còn... lạng nào cả. Tôi hỏi tại sao? Con ba gãy gổ với tôi...

Cô Ba chạy vào:

- Anh đừng nói bậy. Anh là con trưởng nam. Ba để tất cả của cải cho anh. Em là gái, nào biết chuyện gì?

- Mày không đưa vàng ra thì tao không đồng ý tấn liệm.

Cuộc trang chấp kéo dài cho đến hừng sáng. Cậu Hai đành nhượng bộ. Mãi xế chiều, bao nhiêu nguyên liệu tấn liệm đã chuẩn bị đầy đủ. Cái quan tài bằng cây trai đã nằm giữa nhà, nơi phòng khách. Ông đại hương cả thờ dài:

- Khổ quá. Chờ đợi quá lâu, bác e rằng nó bay mùi.

Cậu Hai thấy ngoài sân, nơi che rạp, đã xuất hiện quá nhiều thân hào. Họ chờ đợi để phúng điếu bằng... tiền bạc. Số tiền nà, nhứt định cậu năm giữ. Cậu nói:

- Xin bác điều khiển tấn liệm.

Ông đại hương cả nói:

- Phải tấn liệm cẩn thận. Bác coi rồi... Điệu này khó xong.

Bên cạnh quan tài, một số gia nhân lo quét một mớ ỏ muối, quét thành bột mịn, đem trộn với cháo nếp. Họ dùng thứ "xi măng" ấy trét vào đáy quan tài, nơi mấy tấm ván ráp với nhau. Trong đáy hòm, còn đổ thêm một lớp tòng chỉ (nhựa thông). Hằng trăm cái kèn đã cuốn sẵn chất đồng. Kèn là những gói giấy bên trong chứa gòn. Gòn là chất rút nước, thứ nước từ xác chết xảy ra khi bị biến chất...

Ông đại hương cả lật quyển lịch để xem ngày, xem giờ. Đã từng sống nhiều năm, ông đại hương cả dư biết sự tranh chấp giữa hai đứa con ông cai tổng Trần Hanh. Cô Ba muốn làm lễ tống táng thật sớm để rồi sau đó, cô ra chợ Rạch Giá, với số vốn hai chục lượng vàng và khá nhiều bạc mặt do ông Cai tổng để lại. Cậu Hai muốn kéo dài thời gian, để quà cái quan tài lại nhà hòng làm áp lực với cô Ba. Đồng thời, vì phương tiện giao thông và phương tiện báo tin khó khăn, cậu Hai tin chắc: "nếu quà suốt nửa tháng thì vẫn còn vô số thân bằng quyến hữu đến điếu. Tổng cộng số tiền ấy... tính đồ đồng mỗi người năm đồng..."

Theo phe nào bây giờ? Ông đại hương cả nói, lưỡng lự:

- Ngày nào cũng tốt, ngày nào cũng xấu. Khi nào cậu Hai và cô Ba đồng ý thì tôi xem giờ để chôn cất. Bởi vì trong ngày tốt có giờ xấu, ngày xấu nhưng nếu động quan nhằm giờ tốt thì mọi sự bằng an.

Xác ông cai tổng đã buộc lại, tấn ém kỹ lưỡng. Số kèn bông gòn dường như dư dùng vì xác ông cai choán gần trọn cái lòng quan tài. Bọn gia nhân trèo lên nắp quan tài, nhún nhảy để ém xuống, trước khi đóng bốn cái khoá sắt: nó giống như bản lề cửa. Nắp quan tài trở thành cái cửa không bao giờ mở ra được vì có đóng bản lề ở hai bên. Đinh đóng thật chắc, được kiểm soát

cẩn thận. Rồi thì nhang đèn cháy không dứt. Dưới quan tài ngay đầu và chân ông cai tổng, bọn gia nhân thay phiên nhau ngồi, đốt liên miên nào vàng bạc, nào bạch đàn, huỳnh đàn. Trước quan tài, đỉnh lư trầm toả khói, bức ảnh ông cai tổng được chưng trên bàn thờ. Qua làn khói người ta thấy dường như bức ảnh biết cười, biết nhăn nhó... mờ mờ nhân ảnh.

Ngày thứ ba: Cô Ba rót rượu mời ông đại hương cả ngõ ý thúc hối:

- Để như vậy, cháu đau khổ quá. Thấy cái quan tài, cháu cầm lòng không đậu... Anh Hai của cháu muốn quà cái quan tài chờ khi nào cháu đem mấy chục lượng vàng ra chia với ảnh, chừa đót ảnh mới cho động quan. Làm sao có đủ vàng? Ba cháu đâu thương con gái bằng con trai...

Ông đại hương cả gật gù:

- Cháu đừng lo. Chôn sớm mà!

Cô Ba chấp tay, cảm tạ tấm lòng ông đại hương cả. Đến trưa, ông đại hương cả ngủ lim dim chợt nghe tiếng gọi. Ông mở mắt nhìn. Đó là thầy hương quản làng Giục Tượng. Thầy ta đến làm lễ diếu, mặc áo dài, đội khăn đen trông thật chỉnh tề nhưng gương mặt tái mét:

- Ông đại hương cả! Mệt quá. Tôi nín thở mà lạy. Nó... có mùi rồi.

- Thôi đừng nói, thầy có thể qua nhà khác mà ở tạm cho khoẻ khoắn, chờ ngày dudua đám...

- Chừa nào lặn?

- Đừng lo. Cũng gần ngày rồi.

Đột nhiên, bọn gia nhân nói lên một lượt rồi rời bỏ phòng khách.

- Đứt néo!

Cậu Hai lắc đầu, đến cầu cứu với ông đại hương cả:

- Bác... giúp cháu. Đứt néo là làm sao! Tụi gia nhân này... chó chết quá.

Vừa lúc ấy, cậu Hai bắt gặp một thứ mùi khó chịu. Ông đại hương cả lấy khăn che mũi:

- Đứt néo là cái quan tài xì hơi.

Cậu Hai cắn nhả:

- Tại trét không cẩn thận.

- Cháu đừng nói bậy mà anh em chòm xóm họ giận. Xưa nay hễ lúc quan tài trong nhà mà anh em xích mích gây gổ để chia của thì người chết trở mình trong quan tài, sanh ra chuyện đứt néo. mấy cái bản lề còn nguyên nhưng nó xì hơi ở dưới đáy quan tài, nó xì hơi và nó xì ra... nước!

Cậu Hai bước tới nghiêng mình lên bên quan tài. Nước nhều nhều từ đáy quan tài xuống nền gạch, thứ nước xanh lè và sôi bọt.

- Trời! Làm sao bây giờ bác? Tất cả mười làng, hai ngày rày, mới có năm làng tới điếu. Còn năm làng nữa, ở xa xôi. Nhứt là mã người bà con ở ngoài Hòn Tre, sóng gió bất thường, làm sao họ vô trong đất liền được? Đứa em gái tôi thì ngộ nghịch. Hổm rày tốn hao khá nhiều. Tiền mua quan tài, tiền rượu thịt... Nếu không gom góp tiền bà con đi điếu thì khó bề xoay sở...

- Cậu đừng lo. Người ta chạy tứ tán hết rồi. Ở đây thanh vắng. Cậu lại gần quan tài kiểm cái nùi giẻ, chùi cho khéo léo. Cậu nhớ nghiêng mình, lom khom... cho thiên hạ tin lời của tôi.

Đám khách khứa ăn uống đã kéo nhau đến gần mé sông để đổi gió. Ông đại hương cả gọi:

- Bà con ơi! Hế rồi! cứ vào đây cho ấm cúng. Bà con dư biết: hễ xảy ra chuyện đứt néo thì con cái le lưỡi mà liếm để chịu tội với người trong quan tài. Cậu Hai là đứa con chí hiếu dám làm chuyện ấy.

Các quan khác vào trong. Họ thấy cậu Hai và cô Ba đang quỳ lạy, xin lỗi cha. Theo lệnh ông đại hương cả, bọn gia nhân đem thêm bạch đàn, huỳnh đàn, cây tóc... quăng vào lư đồng. Khói bay cuồn cuộn, trở thành bức trường thành ngăn cản luồng ám khí từ quan tài bốc ra. Tuy màn khói khá dày, khá thơm nhưng thỉnh thoảng vài người "thính hơi" đã nín thở. Dường như luồng ám khí tuôn ra từng đợt.

Đêm ấy, quan khách chạy tán loạn, đầu vào khoảng canh tư. Ông đại hương cả giải thích với cậu Hai:

- Hễ đứt néo một lần thì nó đứt hoài, độ ba giờ đứt một chập. Đốt trầm hương là chuyện tạm thời, có lời gần nhưng có hại xa. Mùi trầm hương đánh tan, che khuất làn hơi ô uế, đã đành. Ngặt nó nóng quá, làm cho người trong

quan tài mau"trở mình" . Cháu lo liệu là vừa. Ngày mai này, nếu đốt trầm hương tới xế trưa thì hơi lửa, hơi nắng dồn lại, ắt không chịu nổi.

Ngày thứ tư: Tư Tề nằm trần trọc, đau khổ như kẻ có tài nhưng chưa được dịp thi thố. Ông ta uống rượu khan, một mình. Nếu cậu Hai đừng ăn nói hỗ hào thì ông ta đã tình nguyện biểu diễn, là lễ động quan. Ông ta nhớ những giờ phút oai hùng đã qua: đám đô tùy cắm cây nhang trong miệng quỳ xuống lạy như con ếch, theo hiệu lệnh. Rồi ông ta xung phong phá quàn. Cái quan tài quàn trong nhà lâu ngày thì luôn luôn có ma quỷ kéo níu. Ông ta làm phận sự"đưng quan," tức là giành giật cái quan tài, chống bọn ma quỷ, để đem quan tài ra khỏi nhà. Trên nắp quan tài ông ta yêu cầu chủ nhà đặt một miếng vàng bạc, trên miếng vàng bạc, có chén rượu tràn đầy. Dưới sự điều khiển âm thầm của ông ta, bọn đô tùy khiêng quan tài , khiêng ngay ngắn, không lắc qua lắc lại. Chén rượu không bao giờ nghiêng, rượu nằm im trong chén, miếng giấy bạc vẫn khô ran. Khó nhưng mà dễ! Cứ rót rượu đầy chén vì chén đầy thì ít lúc lắc. Và lúc cầm ngọn đèn sáp để múa men đánh với bọn ma quỷ, ông ta đã khéo léo cho nhều một giọt sáp vào chén. Giọt sáp ấy đóng vai trò những nhánh cây mà người gánh nước giếng thường bỏ vào thùng, để nước ít xao động.

Phèn la và trống nổi lên inh ỏi!

Tư Tề thức dậy, tức giận:

- Úy! Mình tầy chay đám ma này rồi! Ai dám lãnh công việc động quan...

Vài người đi rộn rịp trước nhà Tư Tề. Họ bàn tán:

- Hay lắm. Bà con lối xóm dám liều mạng, bất chấp bệnh tật, tới nhà ông cai tổng lo dùm cậu Hai. Để lâu ngày, hơi độc bay ra, cả xóm phải mắc dịch. Ở đầu xóm, cách xa năm bảy trăm thước mà ... mùi bay nhức đầu. Cái hòm bị đứt néo liên miên, chảy nước vàng nước xanh... linh láng.

Tư Tề chạy ra sau hè đi xem "người ta không mời mình tới làm gì." Trên con đường lộ xe, tức là con lộ mang tên thầy Cai, hàng chục thanh niên xô đòn ngang, đòn dọc để khiêng quan tài. Mỗi cây đòn dài chừng năm sáu thước, xô qua xô lại trên vòng dây. Cái quan tài trở thành cái bánh xe, mỗi

cây đòn là một cây cắm tua tua. Gió thổi mạnh. Bọn người khiêng quan tài và bọn người đưa đám đều tỏ ra khôn ngoan, hiểu tình thế.

Cái quan tài di chuyển theo hướng gió xuôi, vì vậy, mùi ô uế luôn luôn bay về phía trước. Đôi khi gió trở ngược, bọn đô tùy dừng chân, xoay tròn một chỗ. Đám quan khách cũng xoay tròn để tránh hơi ô uế. Hễ đi được vài chục bước, bọn đô tùy như bị rịn, để quan tài xuống đất. Quan tài bằng cây trai, chứa đựng một người to xác đâu phải là nhẹ. Khi quan tài vừa dudụng mặt đất là bọn đô tùy và quan khách chạy dang xa. Cái quan tài nằm cô độc như cục đá, thiếu bóng cây tùng, con cò còn hạc. Lát sau, bọn đô tùy xáp vô, khiêng quan tài lên. Gió lại thổi. Bọn đô tùy xoay trở theo hướng gió. Họ di chuyển theo đường gãy đường con để tránh các hiểm họa mất vệ sinh. Lúc thì đầu quan tài đi trước, lúc thì chân quan tài đi trước.

Sau rớt, gần tới huyệt. Cái quan tài được di chuyển theo bề ngang, như con cua bò. Một tràng pháo nổ đì đẹt, vài tiếng súng nổ, ấy là mấy người lính mã tà do làng sở tại phái đến làm lễ hạ gông .

Từ Tề lui thủi đến nhà ông cai tổng Trần Hanh, không vui, không hối hận. Gian nhà vắng vẻ quá. Tại gian nhà để xe hơi, Tư Tề nghe tiếng lụp cụp. Năm sáu đứa bé xúm nhau trèo vào xe, cầm tay lái, lúc lắc. Chúng nó bắt chước ông cai tổng hồi thời nào: đạp ga xăng , bóp kèn nhưngga xăng không rồ, kèn thì kêu te te. Tư Tề quát to:

- Tụi bây không sợ ông bắt hả?

Khi lũ trẻ chạy tán loạn. Tư Tề đến nhà xe, nhìn trước nhìn sau rồi vặn cái nắp đậy bình xăng, cái nắp có gắn hình đầu con đằm mọc cánh. Tư Tề nhủ thầm:

- Xe hư rồi, để cái hình này cũng vô ích. Mình đem về để dành, lén lén coi chơi. Vài chục năm nữa, mình gắn nó lên hòn non bộ, coi cũng sướng.

Hai Viên Ngọc

Ông hội đồng Tần khi trở về già sống quanh quẩn trong gian phòng thiếu cửa sổ, suốt ngày sờ mó mấy cái tô, cái chén đời Khang Hy, Càn Long. Và mỗi đêm, trước khi ngủ, ông mở tủ sắt, đem ra chiếc hộp nhỏ cẩn xà cừ.

Sau khi đóng kín cửa phòng, ông từ từ mở nắp hộp, kiểm soát một lần chót mấy viên ngọc xanh, ngọc vàng, ngọc tím. Ông nâng một viên ngọc trắng tuyệt, tròn như chiếc nhẫn, để gần dod6i mắt tem hem. Trong kho tàng của ông chỉ món ấy là quý nhất.

Tục truyền đó là viên ngọc phòng thân của tướng Tôn Thất Hiệp - vị quan võ đàng cừ, thuộc hoàng tộc - được lệnh vua Tự Đức kéo binh từ Bình Thuận tới đánh chiếm đồn Khải Tường - Ngoại ô Sài Gòn - Đã lọt vào tay thực dân Pháp.

Trong một trận xung phong mãnh liệt, tướng Tôn Thất Hiệp tử thương. Nhiều người tỏ vẻ bi quan, cho rằng viên ngọc ấy chẳng có giá trị, thay vì hộ vệ chủ, nó trở thành sát chủ.

Tuy nhiên nhờ viên ngọc phòng thân ấy mặt của ông Tôn Thất Hiệp vẫn tươi rói, xác ông cứ điềm nhiên như người đang ngủ mê. Mãi đến bốn ngày sau, quân sĩ liệu chừng vị tướng soái khó bề hồi sinh nên đành tẩn liệm di hài, chở về Huế để mai táng. Một gia đình quý tộc ở An Nhơn đã thừa chơ hội lên trộm viên ngọc ấy.

Rồi kẻ trộm đã khoét vách vào phủ thờ của kiến họ nói trên. Dịp may. Ông hội đồng Tần mua lại với giá cao, tương đương với một trăm gia lúa vào khoảng năm 1940.

Bàn tay ông hội đồng đặt nhẹ viên ngọc quý ấy lên miếng gấm lót đáy hộp. Ông gật đầu, mỉm cười một mình với hy vọng xa xôi. Vài năm nữa, trước khi mãn phần, ông sẽ nuốt viên ngọc vào bụng (nếu đeo trước ngực thì biết đâu có kẻ sẽ đánh cắp). Xác của ông nhờ vậy mà bền vững với thiên thu...

Ngoài cửa có tiếng động.

Ông hội đồng giật mình, nghĩ đến trường hợp bọn gian phi xông vào nhà, cướp giật mấy món cổ ngoạn.

Ông hỏi:

- Ai làm gì vậy?

Người lão bộc nói khàn khàn:

- Thưa ông, khách tới.

Giọng của lão bộc vẫn tự nhiên. Nhưng ông hội đồng nghiêm mặt, chưa vội tin.

Như đoán được ý của chủ, người lão bộc lại lên tiếng:

- Thưa ông, ông chủ Hai ở Hà Tiên mới tới.

Ông Hội đồng vững bụng, bước lại mở cửa thật nhanh. Ông chủ Hai vốn là người bạn cố tri của ông. Từ Hà Tiên, ông bạn già chịu khó tới đây, ắt có chuyện quan trọng, lý thú.

- Ông anh ở Hà Tiên mới tới hà? Chờ tôi một chút.

Giọng ông chủ Hai trả lời:

- Tôi đây mà! Xe đò hư máy, bể vỏ nên tới trễ. Tôi lật đật lại đây...

Ông hội đồng vạy cái hột xoài ngay ở khoá rồi bước ra:

- Mời ông anh lại xa lông uống nước trà, chờ bầy trẻ lo cơm nước.

Chủ Hai lăm băm nhìn xéo về phía người lão bộc:

- Ồ! Để ông già này xuống bếp lo cơm nước. Tôi hơi mệt muốn nằm trong phòng cho ấm cúng hơn. Vả lại, công việc này hơi dài dòng...

Cửa phòng khoá chặt trở lại như trước. Ông hội đồng đề phòng "tai vách, mạch rừng." Đôi bạn già nheo mắt:

- Chuyện gì dài dòng, quan trọng dữ vậy? Uống tách nước trà này rồi ông

anh nói cho tôi nghe gấp. Chuyện ở Hà Tiên hả?

Ông chủ Hai cười khẽ:

- Tôi đố ông anh đoán ra. Bạn già với nhau, giống nhau ở điểm đó...

- Điểm gì? Nói mờ ớ hoài. Thôi, tôi chịu thua. Chắc là tôi chén đời Khang Hy.

- Trật rồi. Món đồ quý giá vô ngần, đông tây kim cổ...

- Chắc là ông đã gặp một viên ngọc quý giá?

Ông chủ Hai gật đầu lia lịa:

- Ông anh đoán tài tình lắm. Người ta vừa điềm chỉ cho tôi một viên ngọc trường sinh kỳ diệu. Ông anh chẳng bao giờ nghĩ tới công dụng lạ lùng của nó. Công dụng rõ rệt, thiết thực không phải mơ hồ như mấy loại ngọc kỳ phong, kỳ thuốc độc hoặc bản không lũng da thịt.

Bàn tay ông hội đồng Tần mãi mân mê điếu thuốc Gò Vấp vẫn chưa xong. Vừa rồi, ông chủ Hai cố ý hài hước, nhắc đến viên ngọc phòng thân của tướng Tôn Thất Hiệp. Để chứng tỏ sự hiểu biết khá rộng rãi của mình, ông hội đồng Tần cố vận dụng trí nhớ, nói thao thao bất thuyêt về con đường gay go mà mấy nhà chơi đồ xưa đã trải qua. Ngọc quý ở Việt Nam gồm nhiều loại...

Nào là ngọc như ý, loại đá cẩm thạch màu xanh, chạm nổi hình con giao long, hình dáng ngọc như ý giống như cây cù ngoéo để các vị vua chúa dùng gãi ngứa sau lưng.

Nào là ngọc lam quỳnh, tròn cỡ ngón tay cái, trong ruột khét bọng, chứa thuốc độc. Thời xưa, các vị đại thần hoặc sứ giả thường đeo nó ở ngực, phòng khi cần hy sinh, giữ tiết tháo. Gặp trường hợp khẩn cấp, các ngài đem viên ấy ra, mở nút mà uống để quyên sinh thung dung trực nghĩa.

Sau rớt, ông hội đồng Tần lắc đầu:

- Thôi, tôi chịu thua ông anh. Viên ngọc quý mà ông anh nói tới thuộc vào loại gì? Tôi suy nghĩ không ra. Ai có loại ngọc đó? Liệu chừng họ bán cho tôi không?

Ông chủ Hai bắt đầu trình bày:

- Gần đây mấy ông Tây tới núi Ba Thê để bòn vàng tại gò Óc Eo, đền vua hời xưa, cách đây mấy ngàn năm.

- Tôi biết tin tức đó rồi. Sao nữa?

- Ở núi Ba Thê, người ta tìm trong ngôi mộ xưa, gặp viên ngọc trường sinh.

Ông hội đồng Tần hơi thắc mắc:

- Ai dám bảo đ3m giá trị của viên ngọc đó. Nếu trường sinh thì tại sao chủ nhân lại chết trong ngôi mộ cổ đó?

- Xin ông hội đồng bớt nóng nảy. Ở xóm Lê Trì, có người Miên đi núi Ba Thê để bòn vàng. Năm sáu ngày liên tiếp, anh ta chẳng gặp móng gì ráo. Đến chừng nghe đồn rằng thiên hạ đã gặp một ngôi mộ xưa, anh ta đến quá trễ, chỉ còn lượm được viên ngọc màu trắng, lọt trong lòng ngực của người chết. Chắc hẳn xưa kia viên ngọc được chủ nhân đeo trước ngực, đến chừng thịt nát thì nó lọt vào trong.

Cúi còng, anh nọ lượm viên ngọc, đem về xóm Lê Trì, bỏ lăn lóc trong cái chén trên bàn thờ.

- Rồi làm sao ông anh gặp? Nó trường sinh ở điểm nào?

- Một người hương ấp ở Lê Trì lên Hà Tiên làm công tại lò vôi của ông Bang Sầm đến mách bảo riêng cho tôi hay. Lập tức, tôi đến nơi xem tận mắt.

Nó tròn cỡ ngón tay cái, khuyết một bên nhưng điều ấy không quan hệ. Thấy viên ngọc nó có tí vết, móp méo, tôi xin phép chủ nhà đi rửa ráy cho sạch.

Trời ơi! Nó cứng hơn đá. Tôi mài thử vào nắp lu. Nắp lu bị hao mòn. Tôi rưới nước vào, hy vọng rằng làm viên ngọc sẽ mềm "ăn" vào chất nhám. Nhưng tôi thất vọng, đem trả cho chủ. Chập sau, tôi nằm ngủ dưỡng sức, chờ chuyến xe lôi để về Hà Tiên. Ngủ xong, tôi thức dậy.

Ông hội đồng tần chẳng còn bình tĩnh được nữa.

- Chuyện ngủ, chuyện thức của ông sao mà dài dòng vậy? Thế gian này ai ngủ mà không thức, trừ người chết.

Ông chủ Hai cười dòn:

- Cái việc thức giặc của tôi thật là mâu nhiệm, phi phạm, đáng giá ngàn vàng. Sau khi thức, tôi đi rửa mặt. Tôi đứng bên cạnh lu nước, cầm cái gáo dừa. Bỗng nhiên, hai chân tôi ngứa ngáy khó chịu. Tôi dòm xuống, thấy một bầy kiến lửa; nó bụi vàng lờm ngay chổ tôi mài thử viên ngọc lúc nãy, nó sắp hàng bò tới bờ lui, từ nắp lu tới ngoài vườn. Kiến lửa ới là kiến lửa. Tôi sanh nghe, trở về nhà mượn viên ngọc của gia chủ để trong chén rồi rót nước mưa vào. Rõ ràng hạt ngọc méo mó nọ có chất ngọt, uống vào thì mát mẻ, bổ khỏe như nước dừa xiêm Bến Tre.

- À! May quá...

Sau bữa cơm thịt gà xé phay, ông chủ Hai và hội đồng tần nằm kề nhau, rì rì như dod6i tri kỷ quá tương đắc. Lát sau, chủ Hai ngủ khò. Nhưng ông hội đồng Tần khó dễ giấc ngủ. Lâu lâu, ông đánh thức người bạn già, dò hỏi về cách thức ngoại giao với người chủ viên ngọc, phỏng định giá cả. Rốt cuộc, hai người đồng ý tranh thủ thời gian lên đường vào ngày mai, theo chuyến xe đò sớm nhất.

Ông hội đồng hỏi:

- Nhà của nó ở đâu? tới hay chưa? Nó tên gì? Nó giàu hay nghèo? Tôi hồ nghi nó sẽ làm giá thật cao. Hoặc có kẻ nào đến đó phổng tay trên thì mình hựt đời.

Chủ Hai gật đầu từng chập:

- Đừng lo xa. Bữa hôm, tôi căn dặn kỹ lưỡng rồi. Chủ nhà là người đã từng chịu ơn tôi hồi châu xưa.

Hai người qua cây cầu khỉ, đến miếu ông Tà rồi theo đường mòn giữa hai hàng tre già mát rượi. Ông hội đồng vô cùng sung sướng, vì mình như kẻ "đạp tuyết tầm mai" mùa đông. Ông tưởng tượng đến những giờ phút mãn nguyện khi "viên ngọc nước dừa" nọ lọt vào tay mình. Chắc chắn là vị thuốc bổ khỏe cứ mỗi buổi trưa nóng nực, ông chỉ cần bỏ viên ngọc vào chén, đổ nước lạnh vào để bào chế ra thức nước dừa, hiếm có nước cam lồ thứ thiệt.

- Đây rồi. Nhà này - ông chủ Hai vừa nói vừa nắm tay ông hội đồng.

Sau vài câu xã giao thường lệ, ông chủ Hai đi thẳng vào vấn đề:

- Chú em? Cục ngọc bữa trước còn không?

Chủ nhà lặng thinh, gài nút cổ áo cho ra vẻ khiêm tốn, lễ phép. Đôi mắt ông hội đồng Tần cứ nhướng lên, hướng về phía bàn thờ để tìm cái chén to, trong đó có viên ngọc quý giá. Lạ quá. Mái nhà thấp chùn, trời tối om om. Cái lư nhang nằm đó trơ trẽn. Có tiến thẩn lẩn chắt lưỡi. Dưới bếp, mùi mắm bò hóc xông lên, khó thở.

Hồi lâu, chủ nhà mới khai khẩu:

- Cục ngọc nào? À, tôi nhớ rồi. Phen đó tôi đã thuật đầu đuôi cho ông nghe đó hả? Rồi chủ nhà nhìn về ông chủ Hai:

- Ờ... Ờ... để coi. Một người bạn của tôi mượn nó, đem về Mỹ Lâm. Tôi chờ ông lâu quá. Vài ngày nữa, chắc người bạn đem về đây...

Ông Hội đồng Tần hỏi gắt:

- Vài ngày là bao lâu?

- Dạ, đường xá xa xôi...

Ông hội đồng nghĩ đến thủ đoạn làm già nên mở lời:

- Trời! Sao không để dành cho tôi xem. Tôi biết mà "ngọc lành chờ đợi giá cao," người xưa thường nói. Tôi đến đây xem thử và sẵn sàng chuộc nó với bất cứ giá nào. Ông chủ nhà cứ nói thiệt đem cho tôi xem thử liền bây giờ. Tôi là bạn thân của anh chủ Hai chớ nào phải kẻ xa lạ mà ngại ngùng.

Chủ nhà như không lưu ý đến lời thỉnh cầu tha thiết ấy. Ông ta thông thả xuống nhà bếp, thúc hối vợ con bắt gà làm thịt, đãi khách quý.

Ông chủ Hai gật đầu:

- Thiệt mất công quá. Dường như chủ nhà muốn đãi khách để tổng khứ, phải không ông anh? Hay là mình đi qua Mỹ Lâm, cách đây chừng chục cây số thôi.

Rồi ông gọi chủ nhà:

- Tại sao chú không chờ tôi tới?

- Dạ, tôi không ngờ. Người bạn nọ dường như muốn xem thử để... so sánh.

Ông hội đồng trở mắt:

- So sánh cái gì? Người đó cũng có một viên ngọc khác nữa à? Bòn ở núi Ba Thê?

Chủ nhà thờ phào, nhẹ nhõm:

- Dạ... anh bạn đó tiểu nhân tìm vàng ở núi Ba Thê một lượt với tôi. Anh ta ghé nhà người quen để ăn cơm. Ăn cơm xong, trời sấm tối, chuyển mưa dông. Vì nóng lòng muốn tới núi Ba Thê cho kịp với thiên hạ, anh bạn bất chấp mưa gió, đội nón lá, mặc áo tơi ra sân. Bỗng đâu, anh ta thấy nhiều tia sáng chớp loè, từ dưới đất chớp ngược lên trên trời. Anh đi phăng tới, gặp trong bụi tre gai một viên ngọc. Quý giá vô song...

Chủ Hai nói:

- Ủa! Mầu nhiệm quá vậy? Nó quý như viên ngọc nước dứa không?

Chủ nhà nheo mắt:

- Dạ, thứ khác. Tại gọi là "ngọc chớp" !

Miệng ông hội đồng Tần há hốc: dè dàu ở thế gian này còn nhiều loại ngọc kỳ dị, có công dụng thiết thực hơn ngọc lam quỳnh, ngọc như ý mà ông gìn giữ trong cái hộp cẩn xa cừ. Ông hỏi gắt:

- Nó chớp thiết hay không?

Chủ nhà mỉm cười:

- Dạ, chớp thiết. Tôi xin lấy một thí dụ. Từ khi gặp viên ngọc chớp, gia đình người bạn tôi sanh thêm tật ăn cơm chiều hơi trễ nải. Cơm dọn ra, gia đình ngồi chung quanh mâm, không cần đốt đèn cho sáng. Vì họ để cục ngọc đó ở mâm. Ánh sáng do viên ngọc đó chớp ra... nào kéo ngọn đèn con cóc!

Hôm sau, hai người cảm ơn gia chủ, lên đường tìm ngọc nước dứa và ngọc chớp ở tận Mỹ Lâm, theo địa chỉ rõ rệt.

Người chủ nhà ở Mỹ Lâm tỏ vẻ thần nhiên, chẳng thềm mời hai ông khách quý vào nhà. Vừa cắt cỏ cho trâu ăn, ông ta vừa nói:

- Anh sui của tôi ở chợ Rạch Giá tới đây, mượn hai viên ngọc đó đem về coi chơi.

Nhà anh sui dễ kiếm lắm. Tại xóm Bánh Tằm, Cầu Đúc, hỏi tên Năm Hến.

Nỗi thất vọng hiện rõ rệt trên gương mặt ông hội đồng Tần. Thế rồi, ai lo

phận nấy. Mỗi tình tri kỷ dường như sút mẻ. Ông hội đồng cảm tạ chủ nhà rồi day qua ông chủ Hai:

- Cám ơn anh bạn đã có công diễm chí. Cui bộ gay go quá. Thiệt là "kỳ không là ông kỳ đà, kỳ đà là cha cắc kè, cắc kè là mẹ kỳ không..."

Ông chủ Hai nói, giọng buồn buồn: - Tôi nói bằng sự thật. Tiếc vì tuổi già sức yếu, công việc làng xã còn bẽ bộn. Tôi cần về Hà Tiên, ông anh chịu phiền vậy...

Hội đồng Tần nói gắt:

- Tôi đi tới cùng cho biết đá biết vàng. Một mình tôi, tôi đi. Thử xem thời thế ra sao?

Đây, chợ Rạch Giá, xóm Bánh Tằm, gần Cầu Đúc, nhà lão Năm Hến. Trước còn bờ ngõ, sau đến chỗ thân mật. Ông hội đồng nài nỉ hết lời:

- Giấu giếm làm gì? Tôi muốn coi cho biết mặt hai viên ngọc đó chớ chẳng muốn mua hoặc tịch thu. Tội nghiệp tôi. Phen này mà thất bại ắt thiên hạ cười dữ lắm.

Lão Năm Hến lắc đầu:

- Uống quá. Đối với tôi, hai viên ngọc đó cũng quý những gìn giữ mà làm gì? Đời này, ngoài chợ bán thiếu gì nước xá xị, nước dừa tươi. Đường phố sáng trưng bao nhiêu đèn điện. Tôi cất hai viên ngọc chộp và ngọc nước dừa đó trong cái hộp tử. Mấy đứa cháu nội của tôi đi học về, lục lạo, lúc tôi ngủ trưa. Tôi hỏi lại mới hay rằng tụi nó dùng ngọc mà bán "cu li," rớt xuống kinh xáng trước nhà từ lâu rồi!

Bỗng dưng ông hội đồng Tần cười ha hả. Chẳng lẽ đi năn nỉ mấy đứa cháu nội của lão Năm Hến này. Rõ ràng là kẻ thất phu, giá áo túi cơm đang đùa giỡn với ông từ mấy ngày qua. Khó sống quá. Ông hội đồng tự so sánh với một sứ giả thời xa xưa. Nếu có đem theo kiếu hột ngọc đựng thuốc độc, chắc là ông đã uống để quyên sinh, giữ giá trong tiết sạch. Ông nhớ tới cái hộp cẩn xa cừ ở trong phòng. Hay là chủ Hai đã dùng qui kế, bày chuyện cho ông đi xa nhà -điệu hổ ly sơn - để thừa cơ hội ấy bố trí tên lão bộc làm nội ứng. Chẳng lẽ chủ Hai lại tàn nhẫn đến thế. Ôi thôi, cái nghề sư tầm đồ cổ ngoạn

mục để làm của riêng, để sống dai, sống khỏe, để cái xác của mình chết khôn, không bao giờ hôi thúi... là cái nghề bạc bẽo, tuyệt vọng vậy thay!

Ông đứng dậy, nói với Năm Hến:

- Biết tôi cười chuyện gì không?

Lão Năm Hến trợn mắt:

- Làm sao tôi biết được? ông cười cho cái lão, người đời muôn sự của chung há? Tôi ăn học ít oi lắm.

- Ha ha... Tôi cười vì tôi sẽ làm giàu to.

Lão Năm Hến chưng hửng;

- Ông nói điều gì? Tôi chưa hiểu?

Hội đồng Tần lại mở gói thuốc Gò Vấp hút phì phà, nhìn dòng nước cuộn cuộn dưới kinh, chảy vội vào chân Cầu Đúc ra biển gần đó.

- Tôi sẽ xin phép quan chánh tham biện chủ tình đấu thầu khúc kinh xáng trước mặt nhà này. Tôi mười người ta đắp đập ở hai đầu kinh, chặn lại đừng cho nước chảy, uống lắm.

Lão Năm Hến trợn mắt:

- Bộ ông muốn tát nước lên để tìm hai viên ngọc chớp, ngọc nước dứa? Tốn kém lắm. Vô ích. Như mò kim đáy biển.

Ông hội đồng lắc đầu, buồn dùm cho những kẻ phàm tục:

- Mò lên làm chi. Tôi để nó nằm tại đó. Viên "ngọc nước dứa" sẽ pha vào nước. Tôi múc nước lên vô chai, đập nút bán hàng vạn chai, cạnh tranh với "xá xí," "li mô nách." Còn viên "ngọc chớp" thì cứ chớp hoài suốt đêm, gió thổi không tắt, tốn xăng nhớt chạy máy. Công ty nước ngọt và công ty nhà đèn của Tây phải phá sản vì tôi cạnh tranh với họ mà.

Bầu không khí trở nên trầm lặng. Lát sau, lão Năm Hến nói một câu xa xôi để đuổi ông khách lẩm cẩm nọ:

- Vậy thì đâu có gì lạ. Nước dưới sông bao giờ cũng ngọt xớt, nước Hậu Giang chảy về đây mà. Còn ban đêm, bữa rằm, trăng sáng soi bất cứ nhà ai. Ôi thôi! để tôi lo làm ăn... Ai mà rảnh rỗi như ông!

Cao Khí U Minh

Tôi ngả lưng vào gốc cột, nằm lim dim. Mùi rượu đế xông lên khiến mắt tôi lơ đãng, hơi thở bắt đầu nóng như sắp nhiễm bệnh cảm cúm. Ông Tư Huỳnh nói to:

- Thầy Hai bỏ cuộc rồi sao? Ăn thêm nữa chớ. Rừng U Minh thiếu gì cá.

Tôi đáp:

- Dạ, ngán quá. Ăn nhiều sanh bệnh.

- Thầy nói vậy đâu được. Ăn nhiều để trừ bệnh tật. Xưa nay, kẻ ăn ít thường chết sớm.

Ông Tư Huỳnh với tay ra sau lưng đập muỗi, xoè bàn tay lấm đốm máu tươi cho tôi xem rồi tiếp lời:

- Mỗi ngày mình mất bao nhiêu máu, nếu không ăn nhiều để tẩm bổ thì chết luôn. Hơn nữa, mùa này mà nhịn thì đợi bao giờ mới ăn!

Lý luận của ông Tư Huỳnh khiến tôi ngồi dậy, ăn thêm, ăn mãi. Từ phía nhà bếp con gái ông Tư Huỳnh lui cui nướng cá. Chúng tôi đã ăn suốt năm con cá lóc to, gọi là cá lóc nái, mỗi con nướng chín thơm phức, nằm trên miếng lá chuối tươi. Sau khi dùng bữa xong một lần dưới bụng cá, chúng tôi trải con cá ra, gắp chừng ba bốn đũa là quăng bỏ cái xương sống cá, mặc dầu trong xương còn dính khá nhiều thịt. Ông Tư Huỳnh lãnh phần thanh toán bộ ruột, nuốt gan và mật cá:

- Ô! Cái mật cá đắng thiệt nhưng vị đắng đó ngọt xót, trị bệnh yếu mật. Còn cái đầu cá, ngon lắm, thầy Hai ăn đi. Cứ gắp hai cục thịt ở gò má con cá là đủ. Nghe đâu ở Biển Hồ Nam Vang, người ta đem thú gò má ấy phơi khô,

nhậu rượu ngon lắm.

Chập sau, tôi ngán ngẫm, sợ mang chứng trúng thực. Ông Tư Huỳnh nói:

- Chưa hết. Bây giờ mình ăn qua món cá sặc răn...

Mỗi gắp là bốn hoặc năm con cá, mỗi con sặc to bằng bàn tay xoè, thơm mỡ. Ông Tư Huỳnh mời mọc:

- Ăn thêm nữa đi.

Tôi cầm đũa, chưa gắp miếng cá nào chợt nghe ông nói to với đứa con gái;

- Nướng thêm một chục con cá nữa. Nghe chưa con!

Tôi vội cản ngăn:

- Thưa ông, đủ rồi.

- Chưa đủ đâu, thầy Hai. Ăn nhiều cho đủ sức lực. Bà con xứ này nhờ ăn cá mà khỏi chết vì bệnh rét rừng. Muối cần sanh bệnh rét. Nhưng nhờ muối mà cá được mập mạp. Cá U Minh lớn con nhờ ăn muối. Tóm lại, vì muối mà mình mang bệnh, vì muối mà mình có đủ cá để ngừa bệnh...

Vừa rồi, ông Tư Huỳnh vừa dạy tôi cách ăn cá sặc răn nướng, "mỗi con ăn hai đũa." Ta cứ cầm đũa, giẻ một bên, đưa vào miệng rồi thì trở con cá, giẻ thêm đũa nữa, giẻ xong, cứ quăng cái xương cá... Tôi ngậm ngùi nhìn đồng xương cá vun lên khá cao, nếu rửa cho kỹ, trong đồng xương đó còn dính chừng một ký lô cá.

- Mình lãng phí quá, thưa ông.

Ông Tư nheo mắt:

- Ăn theo kiểu ông bà để lại. Ở sau hè này, còn một cái nền nhà xưa, từ đời nào không ai biết. Tôi đào nền nhà đó, tìm vàng bạc. Biết đâu hồi xưa, Gia Long tâu quốc đã hạ trại đó rồi bị quân Tây Sơn rượt, bỏ quên nhiều món ngọc ngà châu báu. Rốt cuộc tôi gặp từng đồng xương cá. Thầy hai hiểu chưa? Hồi xưa, họ ăn như bọn mình từ nãy giờ.

Tôi mang tật hiểu cố nên mừng quýnh:

- Vậy hả ông? Lát nữa, nhờ ông dẫn tôi ra nền nhà đó.

Ông Tư Huỳnh nói:

- Cỏ mọc um tùm như trước sân nhà này, vậy thôi.

- Nghĩa là răn ở đó chớ gì!

- Răn thì không đáng ngại. Chỉ ngại một điều khó nói trong lúc đang ăn...

- Thưa ông, chuyện gì quan trọng?

Ông Tư ghé miệng sát bên tai tôi, nói thật khẽ:

- Mấy cha nội giảng câu, đón củi thường tới cái nền nhà xưa đó mà ... phóng uế. Hôi hám lắm.

Tôi thất vọng, buột miệng nói một câu sâu thẳm:

- Uống quá. Nếu ở xứ khác, có lẽ cái nền nhà xưa đó trở thành nơi quan trọng, được các nhà bác học chiếu cố tới.

- Thầy Hai nói thiệt hay nói chơi đó?

- Dạ, nói thiệt chớ. Mấy đồng xương cá vụn đồng là những "sử liệu biết nói." Nó ghi lại hình ảnh oai hùng của người... di khai hoang. Và biết đâu, nói đánh dấu những nơi của loài người ở rừng U Minh từ ngàn năm về trước. Ở xứ Đan Mạch, các nhà khảo cổ đã gặp nhiều đồng võ sò vỏ ốc quển cục với nhau, chôn vùi trên bờ biển. Bên cạnh vỏ sò ốc đó còn nhiều thanh củi, tro bếp. Họ phỏng định: xưa kia hồi thời cổ sử, loài người tới đó cư trú... Lại còn nhiều món đồ gốm thô sơ nữa. nếu tìm cho kỹ, biết đâu cái nền nhà sau hè này là...

Ông Tư Huỳnh cười dòn:

- Thầy Hai điên chữ rồi? Thầy muốn nói đó là dấu tích của người Bàn Cổ hả? Ăn cá là kiểu săn bắn, hái trái cây chớ gì?

- Dạ, ông nói đúng. Ở xứ sinh lầy, phù sa mội địa, người Bàn Cổ bắt cá ăn thay thịt nai, thịt chồn và hái rau rừng ăn thay cho trái cây...

Hồi lâu, ông Tư Huỳnh nói:

- Dễ lắm. Ở xóm này có Hai Khị là người già nua, hiểu rành chuyện xưa tích cũ, ăn nói có đầu có đuôi. Nếu muốn biết về những Bàn Cổ ở rừng U Minh, thầy Hai nên tới thăm Hai Khị một phen. Như vậy chắc ăn hơn là đào cái nền nhà sau hè. Nhưng tôi căn dặn thầy một điều: Hai Khị nói hơi nhiều... Thầy ráng mà nghe một lần. Tôi nghe nhiều lần quá rồi...

Tôi nài nỉ ông Tư Huỳnh:

- Nhờ ông dẫn tôi tới nhà Hai Khị. Ông Hai Khị chắc già lắm rồi hả? Ông tới đây lập nghiệp từ bao giờ?

- Thời giờ rảnh rang, tôi sẵn sàng... Hai Khị đã lớn tuổi... Ủ! Cha nội đó rảnh lắm, ăn nói nghe mà mê. Làm nghề săn khỉ!

* * *

Từ nhà ông Tư Huỳnh đến nhà Hai Khị, chúng tôi bơi xuồng, qua nhiều con rạch quanh cảm ơn. Mùa mưa, lá tràm xanh biếc, xa xa có vài gốc cây đước, cây vẹt. Muỗi rừng bay ra khá nhiều, tôi chăm chú nhìn lên trời, tìm vợ vắn...

Ông Tư Huỳnh nói:

- Muỗi cắn no tròn trên mặt thầy Hai kìa! Kiểm cái gì ở trên ngọn cây?

- Dạ kiểm khỉ.

- Trời đất ơi! Rừng này đâu còn khỉ nữa.

- Hồi này, ông nói rằng Hai Khị sống bằng nghề săn khỉ mà.

- Đó là chuyện đời xưa. Lát nữa, thầy Hai mặc sức mà nghe. Bây giờ, nói sớm quá, hết vui. Vả lại, Hai Khị tới rừng này trước tôi. Tôi là kẻ vong gia thất thế, từ Tân An xuống đây làm ăn...

Tại sao ông Tư Huỳnh đổ kỵ với Hai Khị tới mức đó? Ông đề cao Hai Khị, đồng thời ông lại hạ địa vị mình một cách quá đáng. Hay là hai lão già này có mối cựu thù. Vô lý quá. nếu thù hằn nhau thì ông Tư Huỳnh đâu sẵn sàng tới nhà Hai Khị. Hai Khị là ai?

Chiếc thuyền rẽ nước khá nhanh. Vò trời mờ rộng. Tôi ngạc nhiên, chẳng hiểu tại sao giữa rừng mà lại có ngôi nhà ngói ba căn hai mái, cất theo kiểu xưa, giống như nhà mấy ông cai tổng ở vùng Cần Thơ. Mái ngói tuy đóng rêu đen nhưng vẫn giữ dáng điệu cong cong. Trước nhà có cửa ngõ và vài chậu kiếng. Chó sủa vang dậy. Ông Tư Huỳnh nói nhanh:

- Hai Khị ngồi hút thuốc đó! Bên gốc cột...

Hai Khị đứng dậy, ngó xuống bến, miệng cười tươi. Ông ta dường như còn tươi trẻ hơn ông Tư Huỳnh.

- Anh Tư tới đó hả?

- Ừa! Sẵn có thầy Hai này muốn biết chuyện cổ tích, tôi đưa thầy tới đây.

Hai ông lão nói chuyện khá nhiều, nào là mùa màng, thời tiết, ong, mật, rùa, rắn, cá tôm. Hồi lâu, ông Hai Khị mới ngỏ lời:

- Ờ... Thầy Hai đây hả!

Tôi cúi đầu:

- Dạ, cháu ở Sài Gòn, lâu lâu về đây chơi một lần.

Cả ba người vào nhà. Mặt trời lên quá cao rồi, bầu không khí bên trong dường như ẩm ướt. Mái nhà thấp, che khuất ánh nắng. Vách nhà đóng bằng ván, đóng kín, chẳng khoét một cái cửa sổ nào hết.

Ông Hai Khị mời ngồi nhưng cứ tần ngần, như lạc vào một thế giới nào xa lạ. Trên cái bàn khá to, bốn con khỉ đang ngồi - Những con khỉ chết khô - rụng hết lông, thịt da đen ngòm, thịt bám chặt vào xương giống như... xác ướp Ai Cập. Có một con to xác nhứt, ngồi lum khum trên nhánh cây, chân thòng xuống đụng vào mặt bàn, hai tay đặt trên đầu gối, hổ mắt sâu hoắm, ra dáng suy tư. Tôi vừa sợ, vừa buồn cười:

- Khi ở đâu vậy ông? Để trong nhà như vậy coi ghê quá!

Ông Hai Khị im lặng, đi thẳng đến tủ kiếng, mở cửa tủ, đem ra một ngọn đèn sáp, đốt lên. Ông nói mơ hồ:

- Nhà này cất theo kiểu xưa ở ngoài... Huế, ban ngày cũng như ban đêm...

Mặc dầu chưa đến xứ Huế lần nào, tôi cũng cải lại:

- Thưa ông, ở ngoài Huế nhà cửa sáng sủa... theo tân thời.

Ông Hai Khị vừa thắp ngọn nến, vừa nói:

- Thầy Hai còn trẻ quá. Tôi muốn nói tới kiểu nhà xưa của mấy ông quan đại thần, của vua chúa. Suốt ngày suốt đêm, đèn sáp cháy không dứt. Nếu tắt đèn thì tối om om. Mấy ông vua cũng vậy. Lúc đọc sách, lúc ngâm thơ, mấy ông thắp đèn sáp giữa ban ngày.

Ông Tư Huỳnh nheo mắt, che miệng, cười. Thưa lúc ông Hai Khị xuống nhà bếp. Ông Tư nói với tôi:

- Ngán chưa! Thầy Hai thấy chuyện lạ chưa? Mấy con "khỉ khô" đó. Tôi dặn thầy điều này: đừng cãi với ông Hai Khị. Ông ghét bất cứ kẻ nào dám

cãi. Thầy cứ thưa thưa dạ dạ. Lát nữa, ông nói chuyện sự tích mấy con "khỉ khô" đó, vui lắm.

Ông Hai Khi trở lại bộ ván, mời chúng tôi uống trà. Tôi ngó ý muốn hiểu vì sao ông chưng bày mấy bộ xác khỉ trong nhà rồi nói tiếp:

- Khỉ này đâu có lớn con! Ở Sở Thú Sài Gòn, tôi gặp nhiều thứ lạ hơn. Hay là con... xà niên, con đười ươi?

Ông Tư Huỳnh đưa tay khều nhẹ tôi. Tôi chợt nhớ lại lời căn dặn ban nãy nên nói vuốt ve trở lại:

- Thưa ông, chắc mấy con khỉ này có nguồn gốc lạ lùng...

Ông Hai Khi gật đầu:

- Quý lắm đó thầy Hai... Bởi vậy, tôi ít khi nói chuyện xưa cho người khác nghe.

Ông Tư Huỳnh nói xen vào:

- Thầy Hai này hơi bệnh. Thầy chưa hiểu tại sao ở đây thiên hạ sống hoài ăn cá quá nhiều. Thầy muốn tìm thuốc bổ đó.

- À! Hồi xưa, ông bà mình tới rừng U Minh này, mang bệnh nhưng cố gắng mà sống. "Bệnh ở đâu thì thuốc ở đó." Ông bà mình nói nghe thậm phải.

Rồi thì ông Hai Khi bắt đầu kể chuyện. Xưa kia, thời ông Mạc Thiên Tứ - con của Mạc Cửu, một người Trung Hoa sang tị nạn ở Việt Nam vùng chợ Hà Tiên - thì sung túc nhưng rừng U Minh còn sầm uất, khỉ sống từng bầy đôi ba chục con. Người Việt Nam đến rừng U Minh tìm huê lợi thiên nhiên. Họ ché cá tôm vì cá tôm bán rẻ hơn cọp và khỉ. Bấy giờ, cọp, khỉ và rừng rậm nuôi dưỡng cho nhau. Khỉ ăn trái rừng, lớn lên khỉ làm mồi cho cọp; cây sanh trái làm thức ăn cho khỉ.

Ông Hai Khi nói:

- Cách đây một trăm năm, ông cai Thoại đến U Minh, ra tài đánh cọp. Cọp chết quá nhiều hoặc chạy trốn về phía núi Tà Lơn, bên Cao Miên.

Tôi chợt nghĩ ra một ý:

- Thưa ông... Thế là khỉ sanh sản nảy nở quá nhiều.

Ông Hai Khi gật đầu lia lịa:

- Đúng vậy. Đúng vậy. Xưa kia, thiên địa tuần hoàn theo luật riêng. hết cọp, khi sống hoài trở thành... chúa sơn lâm. Ông cai Thoại đã vô tình là thay đổi luật trời đất. Nhưng may quá, người Việt Nam đến rừng U Minh, tìm cách để bắt khi.

Tôi hỏi:

- Bắt để làm gì? Ăn thịt khi à? Nhiều quá, làm sao ăn hết... Hay là ông bà mình hồi đời xưa bắt khi... làm khô, hoặc phơi khô nguyên xác khi, đem bán qua bên Tàu cho mấy người giàu có chưng bày trong phòng khác như vậy...

Vừa nói, tôi vừa liếc qua mấy cái xác khi.

Ông Hai Khi lắc đầu:

- Ông bà mình hồi xưa khôn ngoan hơn nhiều. Họ bán khi qua bên Tàu, bán cái "tinh túy" của con khi.

Theo lời ông Hai Khi, người tiên phong khai hoang ở U Minh đã bày ra nhiều cách lạ lùng để săn khi. Họ dùng lưới, mỗi tấm lưới to bằng cái nhà, lưới đang bằng dây gai thật chắc. Thợ săn khi vào rừng một mình, mang theo tấm lưới và vài nải chuối chín. Đến nơi nào có nhiều khi, họ chọn khoảng đất trống, trải lưới ra, phủ trên cỏ.

Đâu đó xong xuôi, họ leo lên cây mà ngồi, chờ đợi, nắm trong tay sợi dây buộc dính liền với bốn góc tấm lưới.

Từ trên cao um tùm, họ quăng xuống từng trái chuối chín, quăng vào tấm lưới vô hình ấy.

Bọn khi thấy chuối thì ham, xúm nhau chạy tới, con này gọi con kia, mỗi lúc một đông. Người thợ săn cứ quăng chuối để làm mồi nhử. Đến lúc nào đó, người thợ săn bèn giựt bốn sợi dây. Lũ khi mê ăn bị tóm lại, gói trọn trong tấm lưới. Lẽ dĩ nhiên, nhờ lạnh chân nên vài con khi chạy thoát kịp, nhưng đa số đành ở lại, chờ chết.

Thợ săn đem khi về nhà. Rồi họ tiếp tục đi săn mãi mãi.

Tôi hỏi:

- Thưa ông, săn nhiều quá, làm cách nào tiêu thụ. Mỗi ngày, phải tốn bao nhiêu trái cây để nuôi khi. Rủi bán ế thì làm sao?

- Thầy Hai chớ lo xa. Ông bà mình hồi xưa bày ra nhiều cách: nấu khí làm thuốc cao.

Vẫn theo lời ông Hai Khi, thợ săn đem khí về, đập đầu lột da, mổ bụng, lóc thịt để lấy xương khí làm thuốc. Họ bỏ xương khí vào một cái chảo thật to, nấu với nước, nấu ngày nấu đêm, thỉnh thoảng, họ cầm muỗng mà vớt màng màng, đổ bỏ. Năm bày ngày, năm bảy đêm trôi qua, xương khí trở thành mềm mại như "xí quách." Họ quăng bỏ xương ấy. Dưới đáy chảo, còn sót lại một thứ keo sền sệt. Đó là "cao khí" theo kiểu cao hổ cốt. Cao hổ cốt "sọ khí" tuy yếu hơn "cao cọp" nhưng bổ về đường khí huyết.

Ông Hai Khi cho biết: mỗi người chỉ có thể uống một miếng cao khí mỏng như đồng xu mà thôi; uống quá độ lượng thì sanh bệnh. Hồi thuở còn nhỏ, ông Hai Khi đã rần mắt, cắn vào cục cao khí. Sau đó, ông nằm mê man, ngủ li bì, mình mẩy nóng ran, sắp chết. May thay, cha của ông hay kịp, đem ông lên trên bộ ván rồi đốt lửa phía dưới. Lửa sưởi ấm bộ ván và hơi ấm ấy truyền qua cơ thể ông Hai. Nhờ vậy, ông thoát mồ hôi sống lại đến... giờ này, đến tuổi sáu mươi mà sức khoẻ vẫn còn đầy đủ.

Tôi hỏi:

- Lúc uống cao khí quá nhiều, chắc ông chết giấc?

- Ủ! Hồi đó, tôi mới có mười ba, khi tỉnh dậy, mình mẩy tôi ê ẩm, tứ chi bại hoại...

Rồi ông ghé miệng vào tai tôi mà nói khẽ:

- Giống như người thừa sức lúc... Chất "cao khí" gồm tinh túy của loài khí đó thầy Hai.

- Dạ, bây giờ rừng U Minh còn lai rai vài con khí già, chắc nghề nấu cao khí không còn nữa phải không ông?

Ông Hai Khi chỉ vào mấy cái xác khí khô:

- Tôi còn chút xíu cao khí của ông bà để lại. Nếu thầy Hai muốn hiểu sự tích khai hoang rừng U Minh, nếu thầy Hai muốn sống dai, ngừa bệnh rét rừng, sanh con đẻ cháu nhiều hơn thiên hạ thì...

Nói xong, ông Hai Khi mở tủ, đem ra một cục cao khí đen thui, gói trong

giấy hút thuốc. Tôi hửi thử: mùi cao khi hơi thum thum, giống mùi a dao vậy thôi.

Bây giờ, ông Tư Huỳnh khều nhẹ tôi, nói nhỏ:

- Mình về, đủ rồi. Đừng thêm mua.

Tôi nói to giọng:

- Thứ cao này ngộ quá. Thôi, hẹn với ông Hai sáng mai tôi trở lại...

Ông Hai Khị nói:

- Tôi chờ thầy Hai. Sáng mai, tôi cho thầy Hai uống thử một lát cao khi...

Tôi đứng dậy, cáo từ. Trước khi ra về, tôi đến gần mấy con "khí khô" sờ thử và nắm tay từng con. Có một con khí mới ướp xác ngồi chết đó, xoè bàn tay. Tôi nhướng mắt nhìn kỹ. Trong lòng bàn tay khí có nào là đường trí đạo, đường vận mạng giống hết bàn tay con người. Và đường sanh đạo của con khí đó lại đứt khúc, hèn gì nó... chết sớm.

- Về cho kịp nước ròng, thầy Hai!

Ông Tư Huỳnh nhắc nhở một lần nữa. Tôi với ông xuống xuống. Ông Tư Huỳnh bơi sau lái, cười to:

- Đó, sự tích rừng U Minh huyền bí như vậy đó. Nói theo kiểu ông Hai Khị thì chắc là chung quanh nền nhà của ông có ... hàng ngàn khúc xương khí, của ông bà hồi xưa nấu cao rồi quăng bỏ.

Tôi hỏi:

- Ông Hai Khị nói thiệt không vậy ông Tư?

- Phần đầu, chuyện săn khí bằng lưới, ổng nói đúng sự thật. Nhưng tới phần sau, chuyện nấu cao khi rồi... chuyện nằm mê mang, ổng nói dóc để bán cao khi! Thứ cao đó làm giả mạo. Nếu muốn bổ khỏe, thầy Hai cứ ăn cá cho nhiều như mình ăn hồi này là đủ. Nói thiệt với thầy Hai, ba năm rồi, Hai Khị bán cao khí ế ẩm lắm vì bà con trong xóm đều chán ngán. Cha của Hai Khị hồi xưa săn khí giỏi lắm. Tới đời Hai Khị thì khí đã hết, thợ săn khí trở thành thợ... nói chuyện đời xưa giữa ban ngày mà đốt đèn sáp trong nhà!

Chiếc xuồng trôi từ từ theo nước xuôi. Trong rừng sâu, vài người đốn củi ca vọng cổ nghe văng vẳng.

Anh Hùng Rơm

Thời pháp thuộc, làng Bình An, tỉnh Rạch Giá được nổi danh là sung túc. Ruộng đất quá phì nhiêu, chẳng cần bón phân, mỗi công đất (một ngàn thước vuông) thu hoạch hơn hai chục gạ. Qua tháng mười một, mãn mùa gặt, dân chúng còn hưởng thêm mùa dưa hấu trồng ngay trên ruộng. Nếu trúng mùa dưa thì rõ ràng là vốn một lời mười. Họ tha hồ mà ăn xài suốt tháng Giêng cờ bạc, đờn ca vọng cổ lai rai đến lúc tháng Ba, sa mưa.

Nhịp sống của đoàn nông phu cứ trôi qua đều đều. Nhưng đến năm 1937, một biến cố khá quan trọng xảy ra khiến dân chúng... nghệt thở. Hầu hết những kẻ tay lấm chân bùn trong làng đều bị lên án là ... kẻ ăn trộm trâu.

Tiên cáo là một ông lạ mặt, người Việt Nam, mặc âu phục, tay xách cặp da, hút ống vố.

Ông ta đến nhà thầy phó hương quản:

- Có ai ở nhà không?

Thầy phó hương quản ngỡ ngác:

- Xin lỗi, ông là ai? Xin cho biết quý danh.

Ông ta nói:

- tôi muốn nói chuyện...

Thầy phó hương quản mời ông khách vào nhà. Ông ta mở cặp da, đưa ra một tấm danh thiếp:

" Nguyễn Hữu Henri,

Domaine agricole de Saigon."

Sau khi đọc sơ qua, thầy phó hương quản lấy làm bối rối:

- Thưa ông. Xin ông vui lòng "thông ngôn" cho tôi được hiểu.

Thông ngôn có nghĩa là thông dịch. Ông khách cứ hút thuốc, chưa chịu làm công việc ấy. Hồi lâu, ông trợn mắt:

- Tắm "cạc" này nói nhiều rồi. Quyền hạn thanh tra... toàn Nam Kỳ thuộc địa của tôi như thế nào, chú phó hương quản dư hiểu.

Khổ quá! Thầy phó hương quản đành nài nỉ, thú nhận sự dốt nát của mình:

- Dạ, tắm "cạc" của quý ông... toàn là chữ Tây. Chắc là ở Sài Gòn!

Khách cười nhếch mép:

- Khá lắm. Còn hai chữ nữa "Nguyễn Hữu" tôi không thèm bỏ dấu cho đúng mẹo luật Lang Sa. Tôi thường giao thiệp với quan chủ tỉnh mà. Đây, tôi tạm "thông ngôn" cho chú hiểu: Tôi là Nguyễn Hữu Hăngri, thanh tra đồn điền Sai Gòn. Tôi vô dân Tây nên giữ chữ Nguyễn Hữu. Mới đây, sau khi tiếp xúc xa giao với quan chủ quận tôi ăn cơm ở nhà quan chánh sở mật thám. Bậy quá, chắc quan chủ quận phiền giận tôi...

- Thưa ông sao vậy?

- Ông là anh em bạn học.

Lần đầu tiên từ thưở nhỏ đến từng tuổi này. Thầy phó hương quản mới được vinh dự đón rước một nhân vật quan trọng. Lập tức, thầy gọi vợ ra chào khách, bắt gà làm thịt. Ông khách Hăngri nói, giọng bí mật:

- Tánh tôi bình dân lắm. Tôi ưa làm quen với người chất phác như chú. Vừa vừa thôi, đừng bày tiệc tùng, tốn kém lắm.

Thầy phó hương quản suy nghĩ hồi lâu rồi giả bộ như mình cũng rành tất cả lề lối làm việc của người cầm giềng mỗi trị dân:

- Ông nói chí lý quá. Các quan chủ quận đều rành chữ Tây. Đọc sơ qua tắm "cạc" của ông, mấy ông hiểu liền. Chẳng dám nào, ông cho phép...

- Chú nói đi. Chỗ quen biết với nhau mà.

- Ông cho tôi xin một tắm "cạc" như vậy để lộng kiếng, làm kỷ niệm. Hễ có khách quý tới nhà là tôi nhắc nhở, giới thiệu... lúc ông vắng mặt.

Ông Hăngri cau mày:

- Đây! Chú giữ tắm "cạc" này. Nhưng mà chú phải dè dặt. Đừng phô

trường quá sớm. Tôi muốn giữ bí mật. Chờ đôi ba ngày nữa, xảy ra nhiều việc lạ lùng lắm, có lợi cho chú... trong tương lai.

Thế là ông Hăngri nghiêm nhiên trở thành vị thượng khách của thầy phó hương quản. Thầy bắt đầu xa lánh bà con chòm xóm, vì lý do riêng. Trong lúc ông Hăngri nằm trên bộ ván gỗ, đọc báo Lục Tinh Tân Văn thì thầy phó hương quản trèo cây dừa xiêm hái xuống trọn quày.

Nhớ đến câu "gái ngoan làm quan cho chồng," thiếm phó hương quản thất lưỡng buộc bụng... sẵn sàng đi tiệm mua nào càri, củ hành, tiêu, tỏi đem về để thanh toán bằng bầy gà bầy vịt.

Tối hôm ấy, ông Hăngri mở đầu câu chuyện:

- Này chú phó hương quản. Chú là người đáng tin cậy, xứng danh là người làm việc nước. Tôi nhờ chú giúp tôi một vấn đề quan trọng. Chừng mãn nhiệm vụ thanh tra, tôi sẽ gặp quan chủ quận, gởi gắm để thăng chức chú lên chức chánh hương quản.

- Dạ, may phước cho đời tôi quá!

- Vợ chú ngủ chưa? Đừng cho đàn bà hay biết. Họ ưa chộn rộn.

- Dạ, để tôi coi thử.

Rồi chú trở ra:

- Nó ngủ rồi.

- Chú nên giữ bí mật hoàn toàn. Nếu hư hỏng công việc truy tầm của tôi, chú sẽ bị trừng phạt theo phép nước luật quan. Chừng đó mặc dầu thương mến chú, tôi cũng chẳng tài nào cạy gỡ dùm được.

Dưới ánh đèn toạ dăng, trong khi sương mù mịt, bất chấp tiếng chó sủa ma trong xóm vắng, ông Hăngri mở cặp da, đem ra một mớ giấy có đóng dấu đỏ. Thầy phó hương quản đếm thử: chừng ba chục tấm giấy cứng, màu xanh, lớn gấp đôi cái giấy thuế thân.

Ông Hăngri lâm bẫm:

- A lo! A lo!

Thầy phó hương quản giật mình, bước ra xa, vẩn thuốc hút. Thầy càng tò mò, liếc qua xấp giấy xanh của ông Hăngri. Thầy sực nhớ đến loại giấy mà

thầy có đôi ba tấm trong nhà.

Thời thực dân, dân chúng gọi nôm na là đó là "bài kía" trâu bò, trên mỗi tấm, hài rõ tên chủ của gia súc, tên con gia súc, tuổi tác, dấu riêng... và số thuế đã nạp.

Nhà thầy phó hương quản có hai con trâu và một con bò. Thầy đã lãnh "bài kía," xác nhận thầy làm chủ ba con gia súc đó. nếu bị trộm cắp, thầy đem "bài kía" để nhìn nhận của đã mất.

Ông Hăngri thừa hiểu rằng từ nãy giờ cặp mắt tò mò của chủ nhà đan xăm xoi về phía mình.

- Chú phó hương quản. Lại đây tôi dạy việc.

- Dạ, tôi sẵn sàng.

Ông Hăngri lật đật đem xấp... "bài kía" trâu bò ấy bỏ vào cặp da rồi đưa cho thầy phó hương quản xem một tấm giấy trắng có chữ đánh máy, chữ Pháp.

Ông giải thích:

"Số là đồn điền chúng tôi - ở chi nhánh Sóc Trăng - từ lâu thường bị ăn trộm trâu. Theo tin riêng của sở mật thám Sài Gòn cho biết thì bọn bất lương đem số trâu bất hợp pháp ấy về bán tại làng Bình An này. Vì vậy, thừa lệnh quan trên..."

Thật là đất bằng sóng dậy. Thầy Phó hương quản cố gọi lại trí nhớ. Thịnh thoảng vài người ở xóm này mua trâu, nhưng là trâu tơ, sanh đẻ tại làng. Lúc nhậ nhệ, nhiều người chế nhạo lẫn nhau: "mày là chủ phồn ăn trộm trâu!" nhưng đó là tiếng thường lệ cũng như "đồ mặc dịch! đồ ma bắt." Nó không có ngụ ý gì ráo.

Thầy lẩm bẩm:

- Té ra hõm rày ông làm nhiệm vụ mật thám.

- Tôi là thanh tra!

Phó hương quản bắt đầu e ngại:

- Dạ, quan thanh tra muốn "ăn kết" theo cách nào? Theo ý tôi thì dân chúng ở xóm này toàn là người lương thiện. Trâu bò của họ nuôi đều có "bài

kía," đóng thuế đầy đủ, do quan trên thừa nhận.

- Nhưng họ mua ở đâu? Mua của ai?

- Dạ, mua ở Châu Đốc, hoặc mua ở mấy xóm gần đây.

- À! À!

Ông Hăngri vừa gõ cái ống điếu vào gốc cột:

- Phó hương quản đừng che dấu tội lỗi của họ mà chịu chung số phận. bây giờ, việc đầu tiên của phó hương quản cần thi hành là tới cái chuồng trâu nào gần đây nhất, biểu họ trình cho tôi coi mấy cái "bài کیا" của trâu bò trong chuồng để tôi kiểm soát.

Trưa hôm sau, phó hương quản trở về:

- Đây! Nhà của Trần Văn Lén, tất cả bốn con trâu tên là trâu Pháo, trâu Bướm, trâu Điệu, trâu Mắm.

Ông Hăngri nói nhanh:

- Tôi muốn kiểm soát dấu riêng của mỗi con trâu. Nếu nó trúng dấu với mấy con đã ghi trong tờ cờ của tôi thì đó là trâu gian. Tôi cần làm việc cẩn thận. Phó hương quản cứ tới nhà mấy người khác, từ nhà tên Trần Văn Lén này dài đến cuối xóm, tom góp tất cả "bài کیا" đem cho tôi xem xét lại.

Cả xóm nhốn nháo lên vì nguồn tin bất lành ấy. Vốn làm ăn chất phác, tin tưởng nơi công lý, các chủ trâu đều ngoan ngoãn tuân lệnh.

- Vàng thiệt không sợ lửa, - họ tự an ủi.

* * *

Nhưng trò đời diễn ra khá phức tạp.

Sáng hôm sau, phó hương quản đổ mồ hôi trán, đi thất thểu đến mời mấy người chủ trâu:

- Nguy quá. Ông thanh tra mật thám mời bà con tới "hầu." Tôi e đã xảy ra điều gì bất trắc. Nhớ tới nhà tôi cho đủ mặt, bằng không thì ông Hăngri lên án khiếm diện.

Các đương sự lần lượt đến ngồi chồm hổm tại hàng ba, nhà thầy phó hương quản.

Ông Hăngri nâng ống vố lên, rít một hơi dài rồi nói từng tiếng một:

- Trần Văn Lén! Ai tên Trần Văn Lén?

Người tên Trần Văn Lén"ạ" một tiếng nhỏ rồi chạy tới, đứng trước mặt ông Hăngri để nghe lời dạy.

- Bốn con trâu Pháo, trâu Bướm, trâu Điệp, trâu Mắm của chú đều là trâu ăn trộm.

Trần Văn Lén trợn mắt:

- Làm sao có chuyện đó? Xin quan lớn... coi lại. Trâu nhà của tôi mà!

- Chú mua hồi nào?

- Dạ, hồi năm ngoái, 1936.

- Tôi cho biết: hồi năm 1935, đồn điền tôi bị mất trộm, có tờ cơ hãn hoi. Cái tấm"bài کیا..."của chú giữ ghi vô bộ năm 1936. Nhưng"bài کیا" của đồn điền tôi vô bộ 1934. Dấu riêng của con trâu Bướm y hệt: sừng cong, hai xoáy ở chân trước bên mặt.

Tên Lén hơ hời, kêu nài:

- Xin quan thanh tra cho tôi thấy cái"bài کیا" của đồn điền...

- Đùng lẻo lự. Này đây Tờ cơ rành rành."Bài کیا" của tôi cũ hơn... Chúng tôi rằng kẻ trộm đem trâu của đồn điền tôi đến làng Bình An này bán lại cho chú. Hoặc là chú có nhúng tay vô...

Tên Lén trố mắt."Bài کیا" (bài chỉ) của ông Hăngri vô bộ trước, có đóng dấu đỏ và chữ ký tên...

Ông Hăngri giựt cái "bài کیا" trở lại:

- Tôi tịch thu con trâu Bướm của chú. Chú ngồi đó suy nghĩ. Nếu cự nự tôi giao cho quan chủ quận, truy tố ra toà.

Sau tên Trần Văn Lén, lần lượt bốn năm khổ chủ khác đều bị cật vấn. Trâu của họ trùng dấu riêng với những con trâu mà đồn điền bị mất trộm, cách đó vài năm có ghi rõ trong tờ cơ. Kèm theo tờ cơ, ông Hăngri nên ra mấy cái"bài کیا" vô bộ số quá trẻ mà dân chúng trong làng Bình An đang giữ.

Bằng một giọng nhỏ nhẹ, ông Hăngri giải bày:

- Tôi chẳng muốn đưa mấy chú ra toà làm gì. Tội nghiệp cho vợ con mấy chú. Nếu mấy chú ăn năn hối cải, tôi ém dùm. Tôi hứa chạy tờ về ông chủ

đồn điền... Với điều kiện là mỗi người cho tôi năm chục đồng. Bằng không thì...

Ai nấy cúi đầu, áy náy. Năm chục đồng đâu phải là số tiền nhỏ.

Day qua phó hương quản, ông Hăngri tiếp lời:

- Thế nào? Phó hương quản dám bảo lãnh dùm họ không? Tới trưa mai họ phải chạy tiền đầy đủ.

Phó hương quản gãi đầu:

- Tôi xin bảo lãnh. Để họ về vay nợ, đền ơn quan thanh tra. Nếu ai trốn, tôi chịu trách nhiệm.

Đã quá mười hai giờ trưa.

Tại tiệm chạp phô ở cuối xóm, dân chúng tụ họp lại, bảo vây thầy phó hương quản. Hai ba chai rượu để trên bàn đều cạn. Ai nấy đều say ngà ngà. Người này sừng sộ:

- Rõ ràng hương quản a tòng với ông Hăngri làm tiền bọn tôi. Trâu nhà, trâu hégé nuôi lớn lên rành rành vậy mà ông ta dám quả quyết là trâu ăn trộm. Trời đất làm chứng dùm.

Kẻ khác khóc mùi mẫn:

- Rũi bề gì, mình mất trâu, lại ở tù oan mạng. Phó hương quản sao lại chấp chứa hãn?

Phó hương quản trợn mắt:

- Tôi hồ lắm rồi. Bà con yên tâm. Ta hãy tìm cách gỡ rối, lấy độc trừ độc... bà con giúp tôi vài cơ mưu...

Một người nói xen vào:

- Tôi biết trời. Thừa dịp này, mình nên sửa dầu riêng trên trâu bò mình để chạy án. Theo kinh nghiệm ông bà còn để lại, mình cứ nướng sắt cho đỏ rồi đốt ngay xoáy của con trâu để nó ... bớt xoáy. Hoặc chặt một khúc chuối cây hơ lửa cho nóng rồi đút sừng trâu vô mà uốn bộ sừng của nó cho bớt cong...

Phó hương quản gật gù, nhìn xuống mé sông. Thầy ta reo to:

- Hay quá. Vợ tôi tới thăm tôi kìa!

Có người nổi nóng:

- Vợ tới thăm mà cũng "hay quá"! Thầy sung sướng trong lúc bà con chòm xóm đang tán gia bại sản.

Sau khi ra sân nói chuyện rù rì với bà vợ, phó hương quản trở vào tiệm, nói khê:

- Mời anh em tụ họp lại, nghe tôi nói rõ đầu đuôi. Số là tên Hăngri nó nhiều hành động dian dối. Hôm rày, vợ tôi theo dõi hăn. Hăn dự trữ trong cặp da một số "bài kĩa," đóng dấu giả: Hăn coi "bài kĩa" của trâu bò lổi xóm rồi sao y, điền vô khoảng trống trong "bài kĩa" giả của hăn. Xong xuôi, hăn... ăn gian ngày tháng. Thí dụ như trâu bò của bọn mình vô bộ năm 1935 thì hăn ghi là 1934. Vợ tôi hấy rõ ràng hăn đang "sao y bốn chánh", lúc tôi vắng mặt. Hăn tưởng vợ tôi dốt.

Một nạn nhân nổi giận:

- Tôi chém nó mới được.

Phó hương quản nói:

- Đừng! Chém ruồi ai dùng gươm vàng làm chi. Tôi tính như vậy: đêm nay tôi ăn cắp cái cặp da đựng "bài kĩa" của hăn. Rồi tôi tri hô rằng ăn trộm đã lên vào nhà tôi. Tất nhiên bà con mình nên sắp xếp sẵn. Một người nào đó cứ chạy phía trước, giả như kẻ trộm xách cái cặp da. Rồi bà con xúm nhau đuổi phía sau. Tên Hăngri cũng rượt theo để giựt cái cặp da trở lại. Thừa dịp đó, mình dùng củ khúc mà ném cho hăn ta u đầu, què cẳng.

Nửa giờ sau, kế hoạch được thi hành. Tên Hăngri hốt hoảng, yêu cầu dân làng giúp hăn giựt lại cái cặp da:

- Tôi hứa trọng thưởng. Tôi hứa tha tội cho bà con!

Nhưng ai nấy cứ hò hét, chạy dồn về phía hăn, hơi gậy gộc... Hăn hốt hoảng chạy. Dân làng đuổi theo mãi.

Riêng thầy phó hương quản thì dè dặt hơn. Thầy ngồi núp trong bụi chuối, đề phòng trường hợp tên Hăngri là thanh tra... thứ thiệt. Hăn sẽ rút súng bắn thầy và truy tố thầy là kẻ chủ mưu.

Thầy thất vọng vì quả thật hăn không có súng.

Và dân làng hơi thất vọng, mất hào hứng. Cuộc rượt bắt diễn ra quá

nhanh. Chạy được chừng trăm thước, tên Hăngri quẹo xuống mé kinh sáng rồi té quy, rơi tòm trong bóng tối.

Có lẽ hẳn biết lộ, nên sáng hôm sau không ai thấy "anh hùng rơm" trở lại làng Bình An, và dân chài lưới tuyệt nhiên chẳng gặp cái thầy ma chết trôi nào!

Bức Tranh Con Heo

Gia đình ông hương trưởng Neo rất nổi danh ở làng Thạnh Hòa. Rồi mới đến lập nghiệp, ông hương trưởng chuyên nghề đốn củi trong rừng, bà thì bày ra sáng kiến nuôi heo nọc - heo đực, không thiến - dành để gây giống. Phương châm của hai vợ chồng trẻ thưở ấy là: "đại phú do thiên, tiểu phú do cần." Ông hương trưởng tỏ ra bảo thủ, giữ cái búi tóc và trung thành với chánh phủ thuộc địa, đến mức chẳng bao giờ đốn củi lậu thuế. Bà hương noi theo thôn lệ cổ truyền. Hễ ai có heo để nái, muốn cho nhảy đực lấy giống thì bà dẫn con heo nọc tới, kiểm soát cẩn thận, để phòng trường hợp thân chủ lợi dụng con heo nọc nọ "nhảy" liên tiếp hai con heo nái, thay vì một con. Đến ngày heo sinh đẻ, nơnh danh là là chủ heo nọc, bà được quyền "ưu tiên," lựa chọn con heo nào khoẻ khoắn nhất, đem về nuôi hoặc bán lại cho kẻ khác.

Lần hồi, gia đình trở nên khá giả, ông hương trưởng bỏ nghề đốn củi, mua đất, lập vườn. Theo sáng kiến của bà, ông cũng cho hương chức đình, liên tiếp ba năm liền, một số tiền khá to khi tổ chức lễ kỳ yên hàng năm. Lễ dĩ nhiên, ông được ngồi mâm trên tham dự phần xôi thịt hơi nhiều và hơi ngon. Việc gì đến phải đến. Ông được chức hội tề phong cho làm hương trưởng, cai trị dân làng bằng cách suốt ngày ở không. Thỉnh thoảng đi nhậu nhẹt hoặc mặc áo dài khăn đóng trong dịp đón rước quan chủ quận, chủ tỉnh thời Pháp thuộc. Thật ra, ông không có quyền hạn gì ráo. Ông muốn như thế để có thời giờ rảnh rỗi lo việc chăn nuôi, lập vườn.

Nhưng có tiền nhiều để làm gì? Trong làng Thạnh Hoà, từ mấy năm qua, thiên hạ đàm tiếu:

- Vợ chồng hương trưởng Neo Khờ khạo quá. Có tiền mà sống như người nhà quê, thời"đàng cựu." Không chừng ông bà chưa thấy đèn điện hoặc chiếc xe hơi.

Bà hương trưởng đã nhiều lần tỉ tê với chồng:

- Bữa nào mình ra chợ... một lần cho thiên hạ biết mặt. Tôi sợ tốn tiền.

Ông gật đầu:

- Lâu lâu cho nó tốn một lần. Hơi đâu bà ngán miệng lẫn lưỡi mỗi của thiên hạ. Mấy người kiêu ngạo vợ chồng mình, bà thử nhớ mặt họ. Nè, thằng Tám Theo, làm cu li xe kéo ở chợ rồi thất bại, trở về xóm này để làm ruộng. Nó tưởng làm ruộng dễ lắm. Ruộng thất, nó sạt nghiệp. Lại còn thằng Tư Mít, vừa bán hủ tiếu, vừa cờ bạc. Nó bị"tổ trác" phần vì thua cờ bạc, phần vì nấu hủ tiếu không ngon. Nó thấy vợ chồng mình làm ăn khá giả rồi nó ganh tỵ.

- Đâu phải! Nó khinh vợ chồng mình hạ tiện.

- Mà bà hà tiện thiệt! Họ nói không oan đâu!

- Hứ! lâu lâu tôi cũng dám xài tiền một lần. Ông đừng hùa theo người hàng xóm mà chê bai tôi. Bây giờ tôi nhứt định đi chợ Rạch Giá một chuyến cho... phi tình. Tôi sợ điều này...

- Điều gì? Đàn bà đâu có đóng thuế thân mà bà sợ lính bắt. Còn ôi thì năm nào năm nấy, đóng đầy đủ. Tôi là người"chức việc" trong làng.

Bà hương trưởng nói khẽ:

- Ở nhà thì tôi biết khôn biết dại, ngặt ra chợ ra búa, đi làm sao, đứng làm sao, mua sắm làm sao, tôi chưa từng biết.

Để tỏ rằng"ta đây xứng đáng làm chồng." Ông hương trưởng quả quyết:

- Bà đừng lo. Tôi chỉ dẫn cho bà từng đường đi nước bước. Tuy chưa ra chợ lần nào nhưng tôi giao thiệp nhiều với mấy người đã từng đi chợ. Bà tin tôi đi.

- Tôi sợ ông xài lãng nhách, tốn kém nhiều quá.

Ông hương trưởng Neo căn nhắc:

- Hà tiện gì dữ vậy? Chừng năm chục đồng đủ rồi.

- Làm gì tới năm chục đồng... Tính ra là một con heo đúng tạ, hàng trăm

con gà mái. Mình đi sáng sớm hoặc hừng đông, cho kịp chuyến đò. Tối chiều, mình đi tàu trở về. Để "thằng bạn" ở nhà, cho nó coi chừng trộm cướp. Tôi nghĩ cách: chèo ghe ra chợ. Ngặt tốn thêm một miệng ăn. Nghe đâu ở chợ, mỗi bữa ăn tốn kém bằng năm, bằng mười ở nhà quê.

Ông hương trưởng thở dài:

- Ra tới chợ, mình phải ăn, phải uống. Xuống tàu đò, mình phải ăn, phải uống.

Bà hương trưởng như chợt nảy ra sáng kiến:

- Ăn uống dễ quá, tôi lo cho ông... ăn canh hông. Để coi! Tiền tàu mỗi người bảy cắc, hai người là một đồng tư, bận đi bận về là hai đồng tám cắc. Mình đem theo năm đồng đủ rồi. Năm đồng là một phần mười của số tiền mà ông dự định. Sáng một mình ra chợ, cho thiên hạ đừng khinh, ông chịu không?

Chiếc tàu đò Phước Sanh tách bến từ lâu rồi - kiểu tàu xưa, không có tầu trên - tất cả hành khách ngồi chen chúc nhau trên hai hàng "băng" đóng sát be tàu. Hành khách bắt đầu mệt mỏi: máy tàu nổ quá to, hơi xăng nhớt toả ra ngùn ngụt. Tim và phổi của hành khách đều sống chung trong tình trạng bất bình thường.

Ông hương trưởng Neo đã khéo léo chen lấn, giành chỗ ngồi ở khoang giữa. Lẽ dĩ nhiên, bà ngồi kế bên ông. Ông cười tủm mỉm vì tàu đò ít nháy sóng. Nhiều người cho rằng hễ đi chưa quen thì hành khách có thể ựa mưa. Ông nói với bà:

- Sương hơn đi bằng ghe biển. Vậy mà thiên hạ đồn đãi lung tung.

Bà đáp:

- Chật chội quá. Làm sao ông nói với người kế bên... Xét dùm. Mọi cái bấp dù...

Bây giờ ông mới sực nhớ đến mớ hành lý quan trọng mà bà vợ cụ bị mang theo. Đó là mớ gà rô tiểu nhân, vịt luộc gói khéo léo trong tờ giấy nhứt trình. Bên ngoài, có hai ba sợi dây buộc chặt. Bà vợ lãnh phần gìn giữ, ôm sát vào mình. Lúc mới xuống tàu, ông đã chỉ dạy:

- Cứ để bên "băng" còn trống. Nhưng dọc đường, hành khách tăng thêm. Bà hương trưởng đành ôm gói hành lý vào lòng, đặt trên đùi. Dưới tàu, vài em bé đi tới lui, bán đậu phộng rang, nước cam, nước xá xí.

Bà nói khẽ với chồng:

- Máy thứ đó ăn uống vào sanh bệnh! Đồ ăn thiếu gì, trong gói nè. Cái gì... gói đậu phộng nhỏ xíu, bán năm cái!

Ông hương trưởng bắt đầu áy náy. Kế hoạch tự túc của bà vợ tuy khôn khéo nhưng hơi khác thiên hạ. Bà nói:

- Ăn được chưa?

Khó xử quá! Nếu mở gói "hành lý" ăn tại chỗ thì thiên hạ cười chê. Ngược lại, nếu bắt buộc bà ôm cái gói khá nặng ấy vào lòng thì lại tội nghiệp. Ông nhớ rõ: đêm rồi, bà vợ thức từ hồi canh tư, bắc nước nhổ lông gà, lông vịt rồi thì luộc, rô tiếu nhân, bay mùi thơm phức. Bà lại còn thắp đèn, ra sau vườn hái thêm mớ rau sống: "rau tốt quá! Bao nhiêu đây, nghe đâu ở ngoài chợ họ bán tới giá hai đồng bạc. Tội tình gì mình không hái đem theo".

- Ăn chưa! Tôi đói bụng rồi!

Nghe bà vợ thúc hối, ông hương trưởng bắt đầu hơi mệt. Ông cũng đói như bà. Ông rất thông cảm. Ở nhà quê, vào khoảng chín giờ sáng là ai nấy bắt đầu ăn cơm trưa, tức là buổi ăn lót lòng sáng và buổi cơm trưa nhập một. Nhưng trong lúc tất cả bộ hành đều tỉnh táo, chẳng lẽ hai vợ chồng ăn riêng, coi hơi kỳ.

Ông nói nhỏ:

- Chờ lát nữa. thiên hạ chưa ăn mà!

Nói xong, ông ho lên một tràng. Bên hàng ghế đối diện, một người gọi thằng bé bán dạo, mua chai xá xí, nút ở nghe cái bộp. Nước ngọt chảy từ từ vào cái ly, sôi bọt, ông hương trưởng không còn nhịn thêm được nữa:

- Bà có đem nước theo không? Tôi thèm nước trà quá. Uống được rồi. Thiên hạ uống kìa!

Gói giấy từ từ mở ra, rất lâu, theo ngón tay khéo léo của bà hương trưởng. Bà tháo gút dây cẩn thận rồi cuộn sợi dây lại, để dành.

- Quảng bỏ đi! Ông nói.

- Để buộc lại chớ. Gà tới hai con. Vịt luộc cũng vậy. Ăn sao hết, để ngoài gió, rùi bụi bặm vào hoặc có con dòi nó bò, dính vào thịt gà. Ăn nhằm con dòi là chết! Ông quên rồi sao?

- Đem làm gì nhiều dữ vậy! Tôi tưởng bà làm thịt một con gà, một con vịt, dè đâu tất cả tới bốn con...

- Ăn sáng rồi còn bận về, mình ăn chiều. Mấy chục năm qua, mình sống bằng nghề nuôi gà vịt, bữa nay ăn một bữa thoả thuê. Tốn kém gì? Cây nhà lá vườn mà!

Mấy người bên cạnh đều trở mắt, lảng tai nghe tâm sự của bà bộ hành đặc biệt ấy. Họ cố gắng che giấu nụ cười. Bà hương trưởng ngỡ mình có duyên, nói tiếp:

- Hay là ông nhớ thịt heo! Nhà mình còn hai con heo đúng tạ, bán sớm quá, hơi uổng. Tôi biết tánh ông ưa ăn thịt heo luộc nên mua hồi hôm qua tới nửa cân thịt ba rọi.

Ông hương trưởng nhăn mặt:

- Nhiều quá, ai ăn cho hết?

Bà vợ vẫn chưa hiểu:

- Tôi xắt từng miếng nhỏ rồi. Tôi hiểu mà. Dọc đường như vậy, dễ gì mượn tấm thớt với cây dao.

Để chấm dứt sự hiểu lầm ấy, ông gật đầu:

- Lát nữa hãy ăn. Tôi muốn uống hà.

Bà hương trưởng đưa ra chai nước, xung quanh chai có quần giấy nhựt trình để khỏi dính mùi thịt gà:

- Cái chai sạch thiệt sạch. Ông uống đi!

- Bà gói lại đi. Để cái chai này ở ngoài.

- Vậy hả?

Thấy ông chõng hơi lúng túng vì chẳng lẽ đưa miệng chai vào miệng mà nốc, bà chắt lưỡi:

- Tôi quên đem theo cái ly, cái chén. Hồi hừng sáng, tôi nhớ kỹ, đem theo

hai đôi đũa để gấp thịt, nhè quên cái ly uống nước.

- Được rồi!

Vừa nói, ông vờ anâng chai, uống ừng ực mở nước trà nguội ngắt trao cho bà. Bà uống, hạ chai xuống, thở ra khoan khoái.

- Như vậy đỡ tốn một đồng bạc. Ủa! Hai đồng bạc chớ. Một chai xá xí là một đồng. Hai chai là hai đồng. Chai gì mà nhỏ xíu cái ruột. Mình coi kìa!

Ông hương trưởng ngồi im, không dám gợi chuyện thêm. Tàu cứ chạy. Hành khách bắt đầu uể oải vì đường còn khá xa. Vài người dựa đầu vào vách mui tàu mà ngủ hoặc bàn tán chuyện riêng tư, chẳng còn ai chú ý tới sự thắc mắc của hai vợ chồng người đồng hành.

Ông hương trưởng hỏi người kế bên:

- Gần tới chợ Rạch Giá chưa?

Người nọ đáp:

- Chừng hai giờ nữa.

Ông buồn rầu. Như vậy là đúng ngọ tàu mới cặp bến. May thay, tiếng rao lanh lảnh của thàng bé bán hàng rong đã mở cho ông một lối thoát kỳ diệu:

- Ai ăn cơm sườn không?

Nó bưng hai đĩa cơm nghi ngút. Đi tới lui. Bà vợ mừng quýnh:

- Chừng này ăn được rồi. Mình đem thịt gà thịt vịt ra ăn. Tệ quá. Coi đĩa cơm kìa! Bán năm cắc, đâu chừng một chén cơm với nửa miếng sườn. Tôi đói quá.

Ông đáp:

- Ăn hấp tấp quá, người ta cười. Mình cứ chờ.

- Kìa! Có người mua cơm. Họ ăn kìa.

- Nãy giờ tôi suy nghĩ điều này, bà có nhớ hay quên? Ăn thịt gà thịt vịt với món gì? Để tôi biểu thằng nhỏ đó bán một cắc bạc cơm, cơm không rẽ tiền. Chẳng lẽ mình ăn thịt gà thịt vịt trừ cơm!

Bà cười tùm tùm, như kẻ đắc thắng, thắng một ván cờ khá gay go, với chồng:

- Tôi nấu cơm nếp đem theo. Nhiều lắm.

- Sao tôi không hửi mùi?

- Hửi làm sao được. Hồi khuya, rô tiếu nhânxong con gà, tôi thấy nó chảy mỡ quá nhiều. Tôi tiếc hùi hụi, nên nấu cơm nếp, trộn với mỡ gà. Cơm nếp đó nằm trong gói này. Nó thơm như thịt gà vậy!

Thế là hành khách lại chứng kiến một cảnh vui vui: gói hành lý, lương thực được mở ra. Bắp đùi của ông và của bà kề sát lại, trở thành cái mâm cơm. Họ ngồi kề vai nhau; bà tặng cho ông một cái đùi gà, ông nói lẩm bẫm:

- Bậy quá! thiếu rượu đế!

- Hí! Uống rượu say sưa, thiên hạ phiền. Nè, nem sống thiếu gì! Cây nhà lá vườn. Rau răm, rau húng cây, rau húng lủi... nè dưa leo, nè ớt.

Hành khách đổ dồn hàng chục đôi mắt về hía đôi vợ chồng già. Bà nói với ông:

- Mời họ ăn không? Mình nên mời một tiếng.

- Theo tục lệ, không ai mời ai cả. Ra đường, mạnh ai nấy lo, tiền ai nấy xài. Thí dụ như chiếc tàu này gặp dông bão, rủi chìm thì mạng ai nấy lộ. Chết ai nấy chịu. Mình mời lung tung, thiên hạ không ưa. Bộ mình khinh khi, cho rằng thiên hạ đói hay sao? Họ no hết rồi. Họ không ăn như mình chì vì... họ no hoặc họ chưa muốn ăn. Mình cứ tự nhiên, đừng mắc cỡ.

* * *

Hai vợ chồng lên bờ sau chót. Bầu không khí nóng nực quá. buổi trưa, chợ vắng teo. Hầu hết các tiệm phố đều đóng cửa hoặc hép bớt cửa cái.

Bà hương trưởng sừng sốt vì đường đá quá rộng và quá cứng! Chỗ này đá trời lên lờm chờm, đau chân, chỗ kia, mặt đường đen thui, nhão nhoẹt mớ dầu hắc trắng đường chảy ra như dầu sôi. Ông hương trưởng cầm đầu, bước tới, sát bên lề:

- Mình cứ đi theo tôi! Cứ theo đường thẳng từ đây tới mé sông. Rồi từ mé sông trở lại bến tàu này, kéo lác lối. Buồn quá!

Ông hương trưởng không muốn che giấu nỗi buồn vô tận của mình. Người quá lại khá nhiều nhưng chẳng một ai chịu khó nhìn ông, chào hỏi như ở thôn quê. Rõ ràng chợ búa là chốn buồn tẻ, buổi trưa, muốn tìm bóng mát, đâu

phải dễ. Vào quán thì sợ tốn tiền. Còn đi như vậy hoài, thiệt là hành hạ tấm thân.

Nhưng bà vợ phía sau đã nêu vấn đề:

- Kiểm chỗ nào nghỉ chân một chút.
- Nãy giờ tôi cũng như bà. Mỗi quá. Mình vô quán ăn.
- Bộ ông còn đói hả?

- Mình mượn cái ghế mà ngồi... tạm. Họ tính bao nhiêu thì mình trả. Vài cắc bạc, chớ không lẽ nhiều.

- Phải à, mình kiếm một cái quán nào nhỏ, uống bậy chén nước trà Huế, không chừng rẽ hơn.

- Ông bà đi chợ! Chào ông bà! Hân hạnh cho tôi quá.

Lần đầu tiên từ khi lên đường xa xứ, vợ chồng hương trưởng Neo nghe giọng nói ấm áp, mát rượi như vậy.

Người ấy ngồi trên chiếc chiếu hơi rách, đang ăn bữa cơm đạm bạc: một đĩa cá kho, một đĩa dưa cải. Ăn một mình, dựa lưng vào vách.

Ông hương trưởng nói:

- Chào ông! Xin lỗi, ông quen với vợ chồng tôi hồi nào?

Người ấy vuốt mái tóc, vuốt hai cái tay áo cho thẳng thớm:

- Chưa quen, nhưng tôi biết ông bà là người khá giả ở trong làng. Mấy khi ông bà ra chợ chơi. Ông bà làm trong ban hội tề. làm tới chức...

Bà vợ mừng quýnh, buột miệng nói:

- Chúc hương trưởng làng Thạnh Hoà.
- Mời ông bà ngồi, dùng cơm với tôi.

Người ấy vừa nói, vừa liếc nhìn cái gói hành lý mà bà hương trưởng đeo trong cánh tay.

Ông liếc về phía vợ, như để hỏi ý kiến:

- Mình ngồi cho khoẻ chân.

Bà gật đầu:

- Rồi ăn luôn với ông này.

Bữa tiệc... khai mạc khá sôi nổi ấm áp.

Ông bà ăn chiếu lệ vì còn hơi no. Nhưng anh nọ ăn hơi nhiều, vừa ăn vừa hỏi han về tình hình mùa màng trong làng Thạnh Hoà. Ăn hết con gà, con vịt, anh ta không ngần ngại gắp mấy miếng thịt ba rọi heo, nhai ngấu nghiến với rau sống, nhai liền miệng:

- Ngọt quá! Heo ngoài chợ ăn không mấy ngọt bằng heo của ông bà.

Bà vợ gật đầu:

- Nhà tôi nuôi heo nhiều lắm. Chừng nào rảnh ông vô Thạnh Hoà mà xem. Còn một chuồng... Ông cứ ăn cho hết đi.

- Cám ơn ông bà. Nhưng tôi biết lấy gì làm kỷ niệm. À... Xin thú thật với ông bà, tôi làm nghề.. thầy thuốc, chuyên bán thuốc nuôi heo mau lớn. Ngặt thuốc bán không đủ, thiên hạ mua nhiều quá rồi. Phải chi ông bà tới sớm một chút. Chờ xem.

Nói xong, anh ta đứng dậy, chạy vào ngõ kêu đem ra... một bức tranh: con heo khá to, đuôi cong lên, mình heo có điểm vòng tròn âm dương:

- Ông đem về, dán ngay cửa nhà, làm ăn phát đạt lắm!

Bà hương trưởng ngắm nghía bức tranh, gật đầu. Trong lòng khi đó, ông hương trưởng nghĩ ngợi xa xôi hơn. Anh nọ lạnh lùng gói mớ thịt heo, thịt gà... để làm của riêng, đặt trong góc vách. Trông anh ta đói quá. Còn đói, còn thèm nhưng anh ta muốn để dành cho buổi ăn chiều.

- Ngộ quá!

Anh nọ gật đầu, đứng dậy như để ... đuổi khách.

- Cám ơn ông bà. Hẹn ông bà lát nữa hoặc tối nay đi ăn cao lầu... đi coi hát!

Lại một sự tổn kém mới. Ông hương trưởng chợt hiểu: nếu hăn không là kẻ hoàn toàn bất lương thì hăn cũng đang sống trong tình trạng... ghiền á phiện hoặc thất nghiệp. Ông lật đật nắm tay vợ:

- Thôi mình về!

Rồi day lại chào anh nọ.

Bà vợ còn mân mê bức tranh heo:

- Ngộ quá! Đem về dán trước cửa nhà. Vui quá! Làm ăn tấn phát, thiệt vậy

hả ông?

- Mình về, đủ rồi.

- Cái hình ngộ quá. Mình thấy không! Bữa nay toàn chuyện may mắn, không tốn đồng xu. Coi hình tốt quá.

Ông nói cho bà vợ được hưởng trọn niềm vui trong ảo mộng xa vời:

- Tốt lắm. Dem về dán trước cửa. Hễ gà vịt hoặc heo mà đau ốm thì mình van vái cái hình đó. Gà đẻ ra nhiều trứng, heo mập như thổi, vài ngày đúng tạ... mình làm giàu, cái tờ cử hương trường của tôi đem danh, cái hình này đem lợi... Đủ danh đủ lợi rồi.

Đảng Xăm Minh

Ông Tây Lơ Pheo vừa được "nhà nước thuộc địa Nam Kỳ" cấp cho một phần đất hoang vu, sinh lầy ở rạch Xẻo Quao, làng Đông Hưng, sát mé biển vịnh Xiêm La.

Sau khi hay tin ấy, mấy ông điền chủ Việt Nam ở gần không ngớt bàn tán:

- Bộ thằng Tây đó muốn tán gia bại sản sao chớ? Thứ đất khô không ra khô, ướt không ra ướt, tràm mọc vài cụm xơ rơ... Biết chừng nào mới làm ruộng được. Cỏ mọc cao hơn đầu người.

Có người đáp lại:

- Ông Lơ Pheo không ngu dại gì đâu, ông làm tới chức "bác vật," ông có vốn liếng nhiều. Vài chục năm nữa, đất phèn, mùa nàng thạch mậu nhờ ông mượn người xẻ kinh, đào mương cho rút bớt chất phèn.

- Vô lý. Vài chục năm sau, ông Lơ Pheo chết ngắt. Biết đâu Tây rút lui về chánh quốc trước khi đất này trở thành "đất thuộc" có huê lợi. Ông Trạng Trình tiên đoán rằng... thầy tăng trở về... gì đó, bà con mình quên rồi sao?

Nhưng Sấm Trạng Trình, năm ấy, chưa ứng nghiệm. Co bộ còn hơi lâu Tây mới rút về nước họ. nhà nước Tây còn mạnh lắm. Quan chủ quận vừa gọi trát xuống cho thầy hương quản "tuân cứ" là hôm sau cả ban hội tề Đông Hưng mặc chỉnh tề, khăn đóng, áo dài đen, châu chực đón rước vị điền chủ mới.

Ông Lơ Pheo nói sành sỏi tiếng Việt Nam, không cần ai làm thôn ngôn. Ông không mang theo khí giới, súng đạn, khi người ta là một tay lịch lãm, dám bỏ quê xứ để qua thuộc địa miền nhiệt đới, khi người ta có bộ óc khá to,

có cái trán sồi sồi vì quá suy tư.

Nghe trình bày những khó khăn trong công việc làm ăn, ông Lơ Pheo mỉm cười:

- Hèn gì... Ngành canh nông ở đây kém phát triển, thua Nhật Bản, Miến Điện, Nam Dương. Đất nào mà không sanh ra huê lợi. Vậy chớ mấy ông điền chủ "An Nam" ở gần đất của tôi sanh sống bằng nghề gì?

Thầy hương quản nói:

- Dạ, họ không làm ruộng.

Ông Lơ Pheo trố mắt:

- Tại sao họ xưng là người trồng tĩa lúa gạo. Họ khai trong giấy tờ là Ri-di-cun-tựa (Riziculteur).

Thầy hương quản gãi đầu:

- Họ sống bằng nghề nuôi cá.

-Ồ! Phọt-mi-đáp . Nuôi cá là chuyện khác với làm ruộng. Bây giờ, thầy hương quản cứ cho tôi biết. Mỗi mùa nuôi bao nhiêu... con cá? Loại cá gì? Cho cá ăn mồi gì? Làm sao có đủ thức ăn cho cá lớn? Lúc cá đẻ, phải săn sóc cá mẹ cá con ra sao? Mỗi ngày, cá ăn mấy lần? Mỗi năm, bán được bao nhiêu tiền?...

Thầy hương quản nói tóm tắt:

- Dạ, theo chỗ tôi biết thì mỗi người chủ đều bán ra vài chục ngàn kí lô cá. Đó là cá lóc, cá trê, cá rô do trời sanh, trời dưỡng. Từ hồi... tạo thiên lập địa, cá kiếm ăn một mình. Mình cứ ở không, uống rượu mà chờ mùa nắng để bắt cá một lần. Gọi tắt là mấy ông điền chủ "An Nam" đắp vuông nuôi cá. Nuôi cá trong cái "vuông" .

- Vuông là cái gì? Sao tôi chưa nghe sách vở nói tới. Cái hình bốn góc bằng nhau. Làm sao cá ở trong đó?

Thật vô cùng bối rối cho thầy hương quản. Làm sao giải thích rõ ràng cho ông Tây thuộc địa nghe được. Thầ ngỏ ý muốn đưa ông Lơ Pheo ra ngoài vuông để ông ta quan sát tận nơi. Trời nắng chang chang, đổ sao. Ông Lơ Pheo lắc đầu, nghĩ đến những vụ ám sát, bắt cóc. Phía chân trời, dường như

có một dãy rừng chạy dài.

Rốt cuộc, thầy hương quản nói:

- Dạ, đó là một khoảng đất rộng từ bảy chục, tám chục hoặc hai ba trăm mẫu. Trong khoảng đất hoang vu, người ta đào nhiều đường mương nhỏ, như bàn cờ, cho cá ở. Bên ngoài có bờ bao ngăn như vòng thành khá cao. Cao hơn một thước tây. Vì vậy cá lội quanh quần trong vùng đất bao la bên trong. Làm sao cá nhảy ra khỏi bờ bao ngăn được. Cái vuông ấy không như thiết hình vuông. Nó méo mó, hoặc theo hình chữ nhật.

Ông Lơ Pheo thích chí:

- Tôi hiểu rồi. Giỏi quá! Nhưng mà... làm sao gom cá lại một chỗ, bắt cá đem lên. Chẳng lẽ dùng máy bơm để hút nước ra ngoài. Muốn bắt cá, phải tốn bao nhiêu nhân công?

- Dạ bẩm, quan lớn... Qua mùa hạn bao nhiêu cá đều rút xuống mương, tự nhiên. Chừng mương cạn thì cá rút lui từ từ, dẫn vào một cái đìa khá to, ở sát bờ bao ngăn. Mình cất nhà ở bên cái đìa đó, để coi chừng kẻ trộm. cứ tát đìa. Cá lớn thì bán. Cá nhỏ thì để dành làm giống cho mùa tới.

Ông Lơ Pheo gật đầu lia lịa, khoát tay ra dấu nhận lời thầy hương quản. Chẳng lẽ người Pháp lại thua trí người nông phu "An Nam" ? ông ta nói nhanh:

- Tôi hiểu rồi. Mấy người nuôi cá theo kiểu... cái Biển Hồ trên xứ Cao Miên. Mùa mưa cá lên rừng, lên ruộng, sanh đẻ trong lồng cỏ. Mùa nắng, cá gom xuống ao hồ. Tôi làm bài toán rồi. Mỗi năm, một cón cá mẹ sanh ra chừng mười ngàn cá con, hay quá.

- Như vậy nghĩa là quan lớn thấy xa hiểu rộng hơn tôi nhiều. Sáng mai, tôi dẫn quan lớn đi thăm mấy cái ruộng của điền chủ "bốn xứ" , gần đây...

- Cám ơn. Tôi đắp một cái ruộng, lớn bằng hai bằng ba... cho điền chủ An Nam noi theo. Ở, tại sao mấy người điền chủ ở đây không làm giàu. Cá nuôi không cần mồi. Tiền bạc ở đâu? Tại sao không ai cất nhà lầu, mua tàu bè, lập nhà máy xay lúa. Tại sao ông chủ ruộng nào cũng nghèo xơ xác?

Thầy hương quản mỉm cười bí mật. Thầy ta cũng là một người chủ vuông,

luôn cả những người trong ban hương chức hội tề:

- Thưa ông, khó nói quá.
- Sao vậy? Tại vì mấy người chủ vuông hút á phiện, mê cờ bạc?
- Dạ, khó nói quá.

* * *

Ông Lơ Pheo lấy làm hài lòng khi ông đích thân đến quan sát vùng đất, ông phác họa kế hoạch tương lai.

Này, cái bản đồ với bốn góc A,B,C,D có thể chứa hàng triệu con cá.

Này, cái trại vuông, lợp bằng thiếc, nền lát gạch, vách ván, có cửa sổ che lưới sắt mịn để ngừa loại muỗi đòn xóc gây bệnh rét rùng.

Này, cái phòng khách. Bên góc, có bình lọc nước, thư viện nghiên cứu. Và trước sân là một cái hồ nhỏ, cần xi măng để nuôi thử vài loại cá lóc, cá trê. mấy loại này sẽ lai giống, gây ra vài thứ cá mau lớn, dễ nuôi hơn, ăn ngon hơn.

Ngày đắp xong cái vuông, ông khen thưởng bọn "culi" một con heo quay.

Rồi suốt ngày, ông nằm trong trại, theo dõi tình hình nuôi cá.

Vài người đàn ông đen đúa, ở trần, tóc dài tới ót đi qua đi lại gần trại nuôi cá của ông Lơ Pheo.

Họ chào ông, ông chào họ. Họ tự xưng là người "làm ăn lương thiện" ở ngoài mé biển. Họ hút thuốc của ông Lơ Pheo thân tặng rồi họ nheo mắt, khều nhau.

Họ nói nói, cười cười như âm mưu chuyện gì.

Ông Lơ Pheo cau mày, linh tính như báo trước chuyện bất an. Ngược của mấy kẻ "làm ăn lương thiện" ấy xâm đầy chữ Tàu, chữ quốc ngữ, luôn cả chữ Pháp. Bí mật quá.

Chờ khi họ khuất dạng, ông Lơ Pheo đến nhà hương quản:

- Mấy người ở đâu vậy? Tên họ gì? Có đóng giấy thuế thân không? Hay là dân bất lương?

Thầy hương quản nói:

- Họ ngoài mé biển, làm nghề câu cua, đốn củi, gài bẫy chim. Mấy nghề

đó, nhà nước Lang Sa đâu cấm đoán. Còn về giấy thuế thân thì... khó quá. Tôi chưa dám hỏi thử vì làm vậy sợ mất cảm tình. Để tôi hỏi thầy xã trưởng xem thử họ có ghi tên trong bộ sổ không.

Ông Lơ Pheo lắc đầu:

- Họ còn làm gì khác không? Coi bộ họ rảnh rang hơn tôi. À, họ biết chữ Tây không?

- Dạ, làm sao biết được Ở làng này, chẳng ai biết chữ Tây hết.

- Nè, thầy hương quản. Họ xăm mấy chữ Pháp quá vô phép: "Plutôt la mort que la honte"(thà chết hơn chịu nhục). Họ lại ở trần cho tôi đọc.

Thầy hương quản hơi bối rối:

- Họ xăm mình từ hồi nào lận kìa! Vả lại, chữ nho cũng vậy "Ninh thọ tử bất ninh thọ nhục." đã xăm vào da vào thịt rồi thì làm sao bôi xóa được. Chữ Tây mà. Chữ Tây ngụ nhiều ý nghĩa quá.

Ông Lơ Pheo lẩm bẩm:

- Câu đó để dành cho người Pháp bên chánh quốc. Hoặc cho tôi. Ở xứ Nam Kỳ này, không nên nhắc lại câu đó, sợ dân tình bắt chước. Ngoài mé biển, còn chừng bao nhiêu người sống lang thang rảnh rỗi như vậy?

- Dạ, để tôi hỏi thầy phó hương quản. Phó hương quản lo trị dân ngoài đó.

- Phó hương quản là người nào? Mặt mày ra sao? Kêu lại cho tôi biết mặt.

Thầy hương quản im lặng. Người xăm mình, xoay mấy chữ ngạo nghễ khi nãy chính là phó hương quản chớ còn ai đâu xa lạ. Thầy che giấu:

- Dạ, phó hương quản giờ này đi câu cua ngoài biển.

- Dân ngoài mé biển hiền hậu không? Uống rượu nhiều không? Họ uống rượu với... thịt chó hả? Ở vùng đồng bằng sông Hồng...

Thầy hương quản gật đầu để chấm dứt câu chuyện rắc rối.

- Dạ, uống rượu với thịt chó.

Rồi thầy ra về với nụ cười bí mật. Sự thật là dân miền biển ưa nhậu rượu với cá, loại cá nước ngọt, nuôi trong vuông. Cá đồng ngon hơn loài cá biển. Nay mai, đến mùa nước cạn, họ sẽ nhậu với cá trong vuông của ông Lơ Pheo và ăn trộm cá để mua rượu. Họ ăn cá, thay cho cơm.

Ông Lơ Pheo vào trại, tỏ thái độ cương quyết. Ông vừa thắng một trận giặc lòng. Lương tâm ông chẳng còn cắn rứt nữa. Ông quyết tâm vượt những khó khăn đầu tiên mà cuộc kinh doanh nào cũng vấp phải. Kế hoạch đối phó của ông như thế này: Về chợ Rạch Giá, tìm một tay võ sĩ, đánh lộn hay, chém lộn giỏi, rồi phong cho hắn làm chức quản lý vuông cá. Ấy là lấy độc trị độc. Mỗi tháng, cứ tăng lương đều đều cho hắn.



Mấy tháng qua, Tư Liệt lấy làm vui thích. Với trách nhiệm to tát, chú tư còn được quyền hạn khá rộng do ông Lơ Pheo giao cho.

Sáng sớm, vừa thức giấc là chú Tư Liệt dạo vòng quan bờ ruộng, đi hơn một tiếng đồng hồ mới giáp bốn phía bờ bao ngạn. Chẳng có kẻ bắt lương nào ẩn náu trong vùng cấm địa cả! Ông Lơ Pheo đã la hoảng, vậ thôi. Trong vuông, chú Tư Liệt thấy nào chi, cò, trich, cúm nùm. Hàng trăm con le le bay lên từng chập, từ mấy cái lung đầy sen bạch, nở muộn. Gió chướng thổi hiu hiu. Mấy giề rong đuôi chồn tan rã, chìm xuống. Mắt nước lênh bênh, đầy bông súng.

Mấy tấm bảng "Vuông này là của riêng của ông Lơ Pheo, Cá có chủ! Coi chừng! Nếu trộm cắp sẽ bị nghiêm trị!" đứng trơ trên lạnh lùng trước cơn gió biển. Thịnh thoảng, vài con cò quắm đáp xuống, đầu thử trên đầu bảng. Nhưng chập sau, vì tấm bảng quá mỏng, nên cò quắm đau chân. Cò vỗ cánh, phóng uest, bay về phía rừng mả xanh rì để đậu. Cành mả tròn đậu êm ngón chân hơn.

Tư Liệt ngáp dài, trở về trại, uống viên ký ninh, đúng theo lời căn dặn của ông Lơ Pheo, và uống với nước lọc, những giọt nước mát lạnh nhều xuống từ cái "phít" bằng đất sét trắng. Buổi chớm chiều, chú ăn chậm rãi. Nhà đóng kín, muỗi không lọt vào được. Ông Lơ Pheo đã trở về Sài Gòn từ tháng trước. Tư Liệt nghiêm nhiên trở thành chủ nhà, chủ vuông cá. Còn năm ngày nữa, ông Lơ Pheo mới trở lại Xẻo Quao này.

Chú nằm trên giường lẳng tai. Bên ngoài có những tiếng động lạ thường.

Trong cái đìa sau trại, cá quậy nước nghe ầm ầm. Hàng ngàn con cá to đã

gom vào đó. Im một chập, lại nghe tiếng "chép chếp," "lụp bụp," "lào xào" ... cứ như thế, mỗi lúc một náo nhiệt.

Chú xách cây đèn "pin" , chạy ra ngoài rọi xuống đĩa. Nước đục ngầu pha trộn với bùn đen. Hăng hà sa số cá lóc, cá trê cố vùng vẫy, toan lội trở ngược. Chú dạo một vòng, chung quanh bờ vuông. Cá gom xuống mương rồi. Cá muốn lội dài theo dòng nước đục, gom vào cái đĩa lớn. Chú rọi đèn "pin" ... Vài con cá choá mắt, nhảy dựng đứng để trốn ra ngoài bờ bao ngạn khá cao. "Cá ở đâu mà nhiều quá vậy?" Tư Liệt hỏi thềm.

Sau cuộc tuần tra ấy, Tư Liệt vào nhà mừng thềm vì nay mai ông Lơ Pheo sẽ hài lòng.

Hừng sáng, chú thúc dậy sớm, dạo một vòng trên bờ vuông. Đẳng kia, đôi ba người lực lưỡng đưa tay ngoắt chú. Bên cạnh họ, đồng lửa cháy vàng lờm. Khói bay cuồn cuồn, đưa màu cá nướng thơm phức. Thấy họ đông đảo và mạnh khoẻ hơn mình, Tư Liệt dừng lại. Có tiếng kêu réo:

- Lại đây nhậu chơi nè. Chẳng lẽ ba người rập đánh một người. Anh hùng một thứ với nhau mà.

Tư Liệt cười gượng, đến gần. Ô hô! Nãy giờ, và có lẽ từ mấy ngày trước, họ ăn hằng hai ba chục con cá lóc, cá trê, bỏ xương bỏ thịt một đồng to. Dường như chưa thoả mãn, họ đang chuẩn bị cặp vào gắp tre chừng mười con cá trê mà nướng tiếp theo.

- Lại đây đại chúng ta. Uống một hớp cho tỉnh táo để thính lỗ tai, nghe tụi tôi hạch tội.

Tư Liệt ngạc nhiên:

- Hổm rày, tôi đã làm gì khiến bà con hờn giận?

Một người trong bọn nói:

- Hồi tối, đại ca đi đâu. Rọi đèn "pin" để rình bắt tụi tôi hả? Rình ban ngày chưa đủ sao? Lại đây ăn no rồi kéo tay sơ sơ coi ai mạnh, ai yếu. Nè! Cá lóc Xẻo Quao ngon lắm, ngốn một miếng cho biết mùi. Ăn lớn miếng mới biết ngon.

Cực chẳng đã, Tư Liệt phải ăn và uống. Bọn người cười vang:

- Cha nội này tiếc của dùm cho ông Lơ Pheo. Cá này là cá của mình mà. Tại sao đại ca lại trung thành "bất tử" với ông?

Tư Liệt hỏi nhanh:

- Cá ở đây vậy?

- Cá ở trong vuông trốn ra chớ ở đâu.

- Cá biết trốn à? Làm sao nó nhảy qua bờ bao ngàn, cao hơn một thước tây.

- Nó đào hang, đào ngạch. Đất mềm lắm. Kìa! Thí dụ, như mấy bụi sen bạch này. Nó mọc phía ngoài nhưng nó trở ngó, mọc thêm vài bụi phí trong vuông của ông Lơ Pheo. Hai bụi sen dính liền với nhau. Thử đào đất lên thì biết. Lờn tục thường ví: "Đất có con mắt" .

Hôm sau, ông Lơ Pheo từ Sài Gòn về Xẻo Quao để... bán cá. Ông hơi buồn phiền vì Tư Liệt cứ vắng mặt. Chỉ còn người bạn tâm giao của ông ta là thầy hương quản.

Thầy hương quản nói:

- Xứ này khó làm giàu lắm. Bởi vậy, mấy ông điền chủ Xẻo Quao chỉ lo nhậu rượu rồi làm hương chức hội tề cho vui. Làm sao phân biệt cái hang tự nhiên với cái hang của tụi nó đào. Tôi biết. Gây gỗ với tụi nó vô ích.

Ông Lơ Pheo nói giọng chán ngán:

- Chắc thằng Tư Liệt theo đảng xăm mình rồi. Còn thầy có xăm mình không?

Thầy hương quản mỉm cười:

- Ôi thôi. Cá nước chim trời mà.

Cái Va Li Bí Mật

Ở đây là hòn Móng Tay, cách bờ biển hơn hai mươi cây số ngàn. Tàu ngoại quốc thỉnh thoảng chạy qua lại ngoài xa xa. Ghe đánh lưới, ghe buôn lậu ít khi nào ghé vì trên hòn chỉ có một ngọn suối quá nhỏ, cạn khô khi trời vừa trở nắng.

Ấy thế mà Hai Khoánh ra đây, sống lây lất từ bốn tháng trường. Anh ta kéo chiếc ghe lên bãi, che giấu cẩn thận trong bụi cây đầy gai. Cái ngày trở lại đất liền, sống chung với xã hội loài người còn xa lơ xa lắc. Kẻ tù vượt ngục dường như sẽ được ân xá, nếu hăn trốn thoát vòng tập nã của nhà nước Pháp suốt hai mươi năm. Hồi bị giam ở khám đường Rạch Giá, Hai Khoánh nghe một bạn tù giảng giải như vậy. Hai Khoánh chưa vội tin vì người bạn ấy nào phải quan toà hay thầy kiện mà rành luật lệ.

- Tại sao nhà nước ân xá nếu mình trốn được hai chục năm?

Người bạn đáp:

- Vì suốt thời gian ấy mình ân hận, ăn không ngon, ngủ không yên. Nếu mười bảy, mười tám năm trôi qua mà mình còn hung bạo, cố lý thì tới năm thứ mười chín, hai mươi mình cũng sám hối...

Nghe lời hữu lý ấy, Hai Khoánh cương quyết tẩu thoát. Thừa lúc bọn lính mã tà dẫn đi nhổ cỏ trong vườn bông của ông chánh chủ tỉnh, anh ta cảm ơn trời, chạy nhanh ra bãi biển, cưỡi chiếc ghe lưới, xô buồm... nhờ gió đưa ra hòn Móng Tay. Lâu ngày sanh buồn bực, anh ta lén vô bờ, ăn trộm gà vịt, xúc gạo của dân miền duyên hải để rồi trở ra hòn Móng Tay, nơi hoang vu chẳng một bóng người.

Một sáng, khi thức dậy, Hai Khoánh nằm trên vồ đá khá cao chợt thấy có một chiếc ghe chạy thẳng vào bãi. Từ dưới ghe, một người cao lớn, mặc quần áo đen bước lên, tay xách vật gì giống như cái va li. Người nọ day lại, vẫy tay, tức thời chiếc ghe nọ quay mũi chạy trở về mất dạng phía đất liền. Hai Khoánh rất đổi vui mừng. Người nọ nhứt định không phải là mật thám hay lính mã tà theo dõi tung tích của mình! Chắc hẳn ta buôn lậu, bị tàu"đoan" rượt nên lên hòn Móng tay để ẩn thân, giấu mớ vàng hoặc á phiện. Không bỏ lỡ cơ hội, Hai Khoánh lập tức theo dõi kẻ lạ mặt. Hẳn theo con đường mòn duy nhất mà Hai Khoánh đã dọn sẵn. Độ nửa giờ sau, nhờ rình núp sau tảng đá khá to, hai Khoánh nghe tiếng lá khô xào xạc. Hẳn lú ra, gương mặt mặt nhọc, đưa hai bàn tay ôm cái va li trước ngực.

- Phải là vật nặng đôi ba chục kí lô! Hẳn trông lạ quá, mắt xếch, cườm tay xăm mình con rồng. Từ hồi nào tới giờ, mình chưa gặp hẳn lần nào!

Bỗng dừng khách lạ dừng bước. Hai Khoánh nín thở, ngỡ rằng hẳn đã đánh hơi, hồ nghi có kẻ đang rình! Nhưng Hai Khoánh lầm to. Khách lạ cúi mặt, bước vòng quanh để khỏi đập lên một con cuốn chiếu. Con cuốn chiếu thu mình, khoanh tròn như khu ốc. Hẳn nhặt nó, đưa lên mũi hửi rồi khom lưng thả nó trên chiếc lá khô.

Hẳn leo lên ngọn cây thao lao, một tay vịn nhánh cây, một tya nằm quai chiếc va li. Hai Khoánh hiểu rằng hẳn quan sát địa thế, tìm nơi an toàn nhứt. Rồi hẳn trở xuống đất, cố sức trèo lên gành Đá Trắng.

- Được rồi! Mình đi nom theo, hẳn sẽ giựt mình. Hẳn như con cọp hoang. Trước khi đánh cọp, mình nên biết cọp làm ổ chỗ nào rồi mới"điều hổ ly sơn."

Chờ khi hẳn khuất dạng, Hai Khoánh trở về động đá dưới sườn đồi, lục lạo mớ cơm nguội còn sót trong nồi đất. Đêm đến, anh ta nằm co chịu lạnh, không dám đốt lửa...

Hôm sau, Hai Khoánh mặc quần rách, ở trần, lên bờ suối hái mớ rau má, chặt ống tre lồ ô để đựng nước.

Từ phía sau lưng, Hai Khoánh chợt nghe tiếng gọi:

- Chú em ơi!

Người vừa gọi chính là "hắn" . Hắn cũng ở trần, ngồi dựa lưng vào bó củi khô. Hai Khoánh hỏi nhanh:

- Ủa! Ai đó?

Rồi lộ vẻ sợ sệt, để khách lạ đừng chạy đi chỗ khác. Hắn đưa tay ngoắc, với thái độ đàn anh kẻ cả, nói đúng hơn là hắn tự phong chức chúa đảo.

Khách lạ mỉm cười:

- Vậy mà tôi tưởng ở hòn Móng Tay này chẳng có ai, trừ tôi ra.

Hai Khoánh gật đầu:

- Tôi cũng nghĩ như "đại ca" vậy. Dè đâu còn người thứ hai là "đại ca" . Đại ca tới đây hồi nào? Lập nghiệp bao lâu năm ở sườn đồi phía mặt trời lặn hay phía mặt trời mọc? Đại ca có vợ con gì chưa?

Khách lạ bèn móc trong túi đem ra gói thuốc rê, vét mớ thuốc nát, chia cho Hai Khoánh một điếu. Khách giới thiệu:

- Tôi vừa giết vợ...

Rồi lăm bằm, nhìn chòng chọc vào mắt Hai Khoánh:

- Giết vợ rồi giết luôn con...

Hai Khoánh kêu lên:

- Ngán quá! vợ con của ai?

- Của tôi chớ của ai? Ông già vợ tôi đánh mỗ, tri hô... Nửa đêm, xóm giềng xách gậy, xách hèo tới vây bắt. Tôi ra bờ biển, mượn người đưa ra ngoài hòn để ở tù theo ý muốn của mình. Còn chú em?

- Dạ, tôi ăn cắp vặt trong xóm vì túng tiền, thua cờ bạc, nợ nần kêu réo. Chủ nợ thừa tôi. Tôi ở khám Rách Giá, chạy ra đây.

Khách lạ nhướng mắt:

- Giỏi thiệt. Nhưng khi trốn, chú em có giết bạn tù hoặc lính của tù không.

- Không.

Khách đưa tay vỗ nhẹ lên đầu Hai Khoánh:

- Xin lỗi. Thế là chú em... phải là em nuôi của tôi. Tội của chú em nhẹ quá. Bất quá, nhà nước Tây chòng án. Hồi đó chú em bị kêu án mấy tháng?

- Hai năm.

- Mai chiều, rủi ro bề gì chú em ở bốn năm, chồng án gấp đôi. Còn tôi đây thì...

Bấy giờ, Hai Khoánh tung ra luận điệu: nếu trốn thoát suốt hai mươi năm thì kể như trắng án. Khách lắc đầu:

- Chú em ở đâu?

Hai Khoánh đáp thật tình, cố ý mời khách lạ đến hang đá của anh ta để rồi sau đó, anh ta đến thăm viếng xã giao, dò xét cái xào huyết... có chiếc vali quá nặng của khách. Vừa bước vào hang khách mừng rỡ quá mức, thấy món gì cũng thèm.

- Chuối chín hả? Cho vài trái coi! Chuối ở đâu vậy? Tôi mới trốn ra đây vầy bữa, cơm gạo, áo quần, thức ăn.... món gì cũng thiếu. Còn thứ gì ăn được nữa không?

Hai Khoánh cố che giấu sự khinh bỉ đối với anh chàng "đại ca" nhỏ nhen ấy. Nhưng gây gỗ, giảng luân lý với kẻ giết đàn bà, giết con nít là điều ngu xuẩn, hơi đâu khảy đờn vào tai trâu, mức nước đổ lá môn. Phải tương kế tựu kế, áp dụng triệt để câu quân tử tham tài, tiểu nhân tham thực:

- Dạ, tôi vừa gài bẫy, bắt được một con gà rừng, buộc giò nó ngoài gốc cây...

- Cho tôi mượn luông.

Hai khoánh chẳng tài nào chịu đựng nổi con người khả ố đó nữa:

- Để tôi ăn chớ! Nếu thèm, đại ca chia nửa con.

- Tôi muốn ăn bộ đồ lòng gà.

Vừa nói, khách lạ vừa bước tới, vạy họng con gà rừng, rút trong lưng quần đem ra một "cây dao con chó," mổ bụng gà, cắt gan, ruột và thịt nạc ở đùi.

Khách từ giã. Hôm sau khách lại tới viếng Hai Khoánh:

- Còn gạo không? Chừng nào chú em vô trong bờ mua gạo?

Hai Khoánh đáp:

- Dạ, sáng mai.

- Nhớ kiếm cho tôi một hộp sữa bò, một cân bột nấu chè ăn chơi.

Hai Khoánh cau mày:

- Dạ, tôi ăn cắp gạo của thiên hạ. Sữa bò và bột là những món phải mua tại tiệm quán, lúc ban ngày, với tiền bạc sòng phẳng.

Khách lạ gãi lưng sột sột:

- Dễ quá. Tôi chỉ chỗ dùm chú em... Ở xóm Rạch Giồng, tiệm quán bán tới khuya, tư bề vắng vẻ. Tôi thèm sữa bò quá chừng quá đổi. Chú em phải đi gấp. Bằng không thì đừng vác mặt trở về hòn Móng Tay này. Cực chẳng đã, tôi phải nhờ chú em. Chẳng lẽ tôi lén về để họ nhìn mặt, bắt bỏ tù mãi đời. Tôi muốn sống chừng... mười lăm năm nữa... Ờ! Đúng mười lăm năm nữa là đủ.

* * *

Hai Khoánh xuống ghe, trương buồm... bao nhiêu công chuyện quan trọng to tát mà anh ta cần thực hiện! Rõ ràng "khách lạ" nọ là kẻ gian mà không ngoan. Hẳn thú nhận đã giết vợ con, quê quán ở Rạch Giồng, người ở Rạch Giồng có thể nhìn mặt hẳn. Va Li của hẳn chứa một số vàng bạc hoặc á phiện lậu dù cho cho hẳn... ăn chơi đến mười lăm năm ròng rã.

Vừa tới Rạch Giồng. Hai Khoánh đến tiệm tạp hoá, uống liên tiếp hai chén rượu. Việc sát nơn của "khách lạ" còn nóng hổi, dân chúng bàn tán xôn xao. Đại khái, "khách lạ" nọ tên là Nguyễn Văn Hi, làm mướn cho ông chủ Tân, nhờ ăn nói có duyên, tên Hi tư tình với cái gái chủ nhà. Cô gái nọ mang thai. Để cứu vớt danh giá cho dòng họ, chủ Tân đem con gái gả cho một phú thương, tuổi hơn năm chục, đã chết vợ. Tên Hi buồn rầu, bỏ xứ đi bật tăm tích.

Bốn năm sau, tên Hi lại xuất hiện, giết người tình và đưa bé.

Hai Khoánh hỏi người chủ tiệm:

- Nhà ông chủ Tân gần hay xa?
- Cái nhà ngói ba căn hai chái kia kìa!
- Thăng Hi hèn hạ quá.

Chủ quán nói:

- Nó hèn nhưng nó có tài cao bay xa chạy nên nó cứ sống nhẩn hoài. Nghe

đâu ông chủ Tân đặt giải thưởng năm trăm đồng cho ai điếm chỉ nơi nên Hi ẩn náu.

Thế là Hai Khoánh vững bụng. Anh ta sẽ điếm chỉ tên Hi để lãnh thưởng, để loại trừ một kẻ giết vợ giết con, để thanh toán một người bạn quá tham ăn, bóc lột kẻ yếu thế. Hai Khoánh lẩm bẫm:

- Nếu không mang tội giết người, tên Hi còn hung dữ gấp mười. Mình làm một việc... như đạo, đoái công chuộc tội.

Đến nhà ông chủ Tân. Hai Khoánh lân la, tự giới thiệu rồi trình bày kế hoạch. Chủ Tân mừng quýnh vì Hai Khoánh tả rất đúng hình dáng kẻ sát nhân, mắt xếch, có xăm nơi bắp tay. Chỉ có một chi tiết khó hiểu: chiếc va li đựng vàng hoặc á phiện lậu, đã cho tên Hi sống trên nhưng lượ suốt mười lăm năm.

Chủ Tân nói rí vào tai Hai Khoánh:

- Tôi hứa chia phần nửa cái va li á phiện đó với chú em. Hạ được thằng hi, tôi hả dạ rồi. Điều quan trọng là đừng cho ai biết nó mang cái va li kéo thẩu tai chủ quận, chủ tỉnh. Tôi gởi chú em đi Châu Đốc, cuộc rẫy tại Núi Dài, nơi nhà người bà con. Ở Núi Dài, dân trên núi sống thanh thoi, Tây tà chẳng bao giờ dám tới xét giấy thuế thân. Với phân nửa va li á phiện, chú em sẽ mua đất, trở thành điền chủ.

Hai Khoánh cau mày:

- Tôi chỉ buồn buồn... Thiên hạ sẽ đàm tiếu, họ khinh khi cho tôi là đứa phản bạn!

Chủ Tân cười dòn dĩa:

- Chú em kết bạn, uống máu, ăn thề với nó hồi nào mà sợ thần thánh... Hoặc lương tâm cắn rứt? Dễ quá, lúc về già, chú em cất một cái am ở Núi Dài, tha hồ ăn năn xám hối. Và lại, đạo Phật, đạo Lão đều dạy mình trừng trị kẻ gian tà. Nhà nước Tây bắt tư Hi bỏ tù vài mươi năm chớ đâu chặt đầu, xử bắn nó.

Tối hôm ấy, Hai Khoánh vạch ra một kế hoạch khá tinh vi. Tên Hi luôn luôn đứng trên gành Đá Trắng để theo dõi những người lạ mặt bước chân lên

hòn Móng Tay. Hai Khoánh về hòn trước một mình, mang theo đậu xanh, sữa hộp và thuốc hút.

- Nó là đứa ham ăn. Gặp đồ ăn, nó mừng quýnh. Sẵn dịp, tôi lên chốt hòn, thăm viếng sào huyết của nó. Ông dẫn bọn gia nhân tới sau, cho ghe cặp bãi lúc ban đêm. Ông cứ tới hang đá của tôi. Dọc đường, hễ đi được năm sáu bước là tôi bẻ một vài đọt cây để làm dấu. Phải tìm cho được cái va li của nó.

Chủ Tân nói:

- Nghĩa là tối mai tôi ra hòn. Sáng mốt, tôi theo dấu, tới hang của chú em rồi lên gành Đá Trắng, sào huyết của thằng Hi... Tôi nói thêm một điều này cho chú em vui mừng: Thằng Hi không biết võ nghệ. Nó chỉ có tài phóng dao mà thôi. Phóng dao chỉ có kết quả khi nào hai người đứng cách xa. Chú em nhớ coi chừng cây dao nó giấu đău đó. Tôi mang theo hai người võ sĩ, bạn cũ của thằng Hi. Hồi xưa, thằng Hi đánh lộn, vật lộn thua xa hai người đó.

* * *

Hai Khoánh ngồi trong hang mà chờ đợi. Anh ta đoán chừng: ông chủ Tân và bọn gia nhân đã có mặt tại hòn Móng Tay từ hồi hôm. Tại sao tên Hi chưa rời gành Đá Trắng xuống đây? Hay là cơ mưu đã bị tiết lộ?

Ngoài cửa hang, kia... tên Hi đứng thấp thoáng. Hai Khoánh mừng quýnh, kêu to:

- Anh Hi!

Tên Hi trợn mắt trong một thoáng rồi giữ vẻ mặt hồn nhiên bước vào. Hai Khoánh nghe trống ngực đánh thành thịch, nhận rằng mình đã vô ý, gọi hẳn đích danh, hẳn có thể nghi ngờ.

Vừa vào hang, hẳn hỏi nhanh:

- Sữa bò đâu? Tôi thèm thứ đó quá.

Hai Khoánh trao cho hẳn hai hộp sữa:

- Lát nữa mình khai ra, uống mỗi đứa một chén, bổ khoẻ lắm.

- Đâu được. Mình đem sữa bò lên gành Đá Trắng dự trữ phòng khi đau ốm. Sữa bò là vị thuốc. Sao! Ở Rạch Giồng, thiên hạ làm ăn vui vẻ chớ? Có ai nhắc tới tên tôi không?

- Dạ, tôi lên ăn trộm rồi về, sợ ngoài này đại ca nóng lòng trông đợi. Đói bụng quá. Đại ca có món gì ăn sốt dẻo không?

- Có gì đâu! Bây giờ mời chú em lên gành Đá Trắng thăm mấy "nhà cửa" của tôi một lần cho biết. Tụi mình sẽ uống một vài hộp sữa cho khoẻ.

Hai Khoánh mừng ra mặt. Anh ta đi theo sau tên Hi. Thỉnh thoảng, Hai Khoánh vói tay, ngắt một vài đọt cây, bỏ lại sau lưng để làm dấu cho chủ Tân theo dõi.

Đến cách gành Đá Trắng chừng mười bước, tên Hi ngồi xuống:

- Chú em mệt chưa?

Hai Khoánh sanh nghi "phải chăng hấn rủ mình lên thủ tiêu cho gọn?"

Tên Hi xắn tay áo, cầm hai hộp sữa bò, nhìn nhãn hiệu rồi cười giòn:

- Chú em đừng sợ sệt. Lát nữa tôi chết.

Hai Khoánh hốt hoảng:

- Dạ, đại ca đừng nói bậy.

- Chú em ngồi xuống. Chú em làm gì mà biết tôi tên Hi? Đừng nói dối với kẻ sắp chết như tôi. Chú em phản tôi, kêu thẳng cha chủ Tân ra đây hả?

Nói xong, tên Hi lắc đầu, tiếp lời:

- Sao, chủ Tân nói sao? Nó nói tôi giết ai?

Hai Khoánh cúi mặt, im lặng.

Tên Hi rút cây "dao con chó" nạt to:

- Nói thiệt đi. Chủ Tân nói tôi giết ai?

- Dạ... dạ... nó nói đại ca giết vợ rồi giết luôn đứa con mới ba tuổi.

Tên Hi cười sặc sụa:

- Chú em là ... đồ con nít, bày mưu điệu hổ ly sơn, để chiếm đoạt cái va li hả? Chừng nào chủ Tân tới đây? Nói mau...

- Dạ, lát nữa ổng tới.

Rồi Hai Khoánh chấp tay lạy:

- Em có tội đáng chết. Xin đại ca trốn tránh đi. Em chịu trách nhiệm với chủ Tân. Thà là nhà nước Tây bắt em bỏ tù chớ anh. Em đâu dám để họ bắt sống đại ca.

Tên Hi chẳng cần nghe lời năn nỉ của Hai Khoánh. Hắn trèo lên gành đá, nép mình rồi trở xuống:

- Nó tới bây giờ, nó đi với hai thằng thầy nghề võ. À! Lát nữa chú em dẫn nó qua cái hang của tôi. Đây nè!

Hai phút sau. Hai Khoánh trở mắt, thấy một đứa bé mạnh khoẻ chừng bốn tuổi đang bú tay. Trong hang, có manh chiếu nhỏ, cái gối nhỏ.

Thằng bé chạy lại ôm chân Hi.

Tên Hi hôn nó rồi trao cho Hai Khoánh.

Hai Khoánh run tay:

- Trời!

- Đừng cãi lời tao. Nó nằm trong cái va li của tao đó. Nó là cục vàng, là cục á phiện lậu của tao đó. Đem nó trả lãi cho chủ Tân. Nó ăn cục không được. Nó đòi ăn chuối chín, ăn gan gà. Suốt đêm, nó dứt sữa rồi mà còn đòi bú...

Nói xong, tên Hi chép miệng:

- Hai Khoánh mầy tộ quá.

Hai Khoánh ôm mặt khóc. Tên Hi tiếp lời:

- Khóc làm gì? Mỗi lần mầy học khôn như vậy là một phen giết hại thiên hạ. Tao đi đây...

Đoàn người trở xuống sườn núi. Ông chủ Tân bỗng đưa cháu ngoại, hai tên võ sĩ cúi đầu. Hai Khoánh nhìn dáo dác ra phía sau.

Bỗng nhiên, Hai Khoánh ôm ngực, ngã xuống.

Chủ Tân la hoảng:

- Nằm xuống! Nó tấn công.

Tên võ sĩ thứ nhứt đỡ Hai Khoánh:

- Thằng Hi trố tài phóng dao bay! Giỏi thiệt.

Chủ Tân nói gắt:

- Thằng Hi! Nó là đồ chó chết. Trời hại nó.

Tên võ sĩ thứ nhì trợn mắt:

- Đừng chửi thằng Hi. Kìa... Nó chứ ai?

Từ trên gành Đá Trắng, một bóng người lão đảo rơi tòm xuống biển sâu thẳm.

Yêu Cho Được

Cặp rằng Hực ngồi uống trong quán, tại chợ Ngã Năm. Bỗng đâu từ ngoài cửa, một thanh niên bước vào, kéo ghế ngồi, gọi hủ tiếu. Như bẽn lễn, sợ sệt, thanh niên nọ day mặt vào vách.

Cặp rằng Hực nhận ra: đó là thằng Cường, thuộc vào hàng thanh niên đa tình, đẹp trai, dặt mèò nhứt trong xóm. Thằng Cường đã nhiều lần đến tò vè cô Huệ, con gái cặp rằng Hực. Đôi bên dường như tâm đầu ý hiệp lắm.

Để chận đứng những hậu quả có thể xảy ra, cặp rằng Hực nói đồng, với giọng hách dịch thường lệ:

- Bọn hậu sinh quá dở...

Rồi uống thêm một hớp rượu, nhìn thẳng vào mặt Ba Lự, người chủ quán:

- Phải vậy không ông chủ? Tôi nói chuyện... đầu trúng, đầu trật, ông cu;4ng nên trả lời với tôi chớ?

Ba Lự đành nén giận, tránh mọi việc gây gổ với cặp rằng Hực. Hắn là tay cường hào nhứt nhì tại chợ này.

- Dạ phải. Ông nói đúng.

Cặp rằng Hực quắc mắt:

- Cái gì mà phải, cái gì mà đúng. Tôi không ưa kẻ nịnh hót, tôi muốn làm bạn với người ăn ngay nói thẳng.

Ba Lự nói tiếp, giọng thản nhiên:

- Ông cặp rằng nóng quá, tôi nói chưa hết lời. Bọn hậu sanh quá dở vì... chúng nó thiếu kinh nghiệm trường đời. Tuy nhiên, chúng nó hay hơn người lớn tuổi. Thí dụ, chúng nó biết cầm lái xe hơi, biết đánh nghề võ, biết...

Lời nịnh hót ấy khiến cặp rằng Hực khoái chí. Sẵn dịp ông ta tấn công thằng Cường, gọi là cảnh cáo để nó sợ, không dám ve vãn con gái ông ta nữa:

- Nhiều thằng hậu sanh bày mưu kế để o mèò. Tụi nó muốn qua mặt người trưởng thượng...

Ông ta chỉ vào ngực mình, nói tiếp:

- Cặp rằng Hực này hồi đó o mèò đủ trăm cách. Tụi hậu sanh làm sao o mèò bằng... thằng này.

- Nghĩa là sao?

- Nghĩa là đám hậu sanh quá dở. Hễ o mèò dở thì có ngày bị trói, đóng gông hoặc bị đánh lỗ máu đầu.

Rồi cặp rằng Hực gọi to.

- Phải thằng Cường ngồi ăn hủ tiếu đó không? Lại đây uống rượu cho vui mậy...

Vốn là tay giàu bản lĩnh, thằng Cường đứng dậy, đến gần cặp rằng Hực. Từ bốn tháng qua, nó tư tình với cô Huệ, nói chuyện riêng được bốn lần, gởi thơ tình được năm lần và nắm tay người đẹp hàng chục lần. May thay, chưa lần nào cặp rằng Hực bắt gặp quả tang, thằng cường nghĩ thầm:

- Bắt quá ông ta nói bóng nói gió, mắng chớ mắng mèò. Nếu muốn hành hung hoặc bắt bớ, ông ta đã hành động kiểu khác.

Cặp rằng Hực ra về ta đây là bậc cha chú, rót rượu vào ly, thúc giục từng chặp:

- Uống đi mầy Cường. Đừng e ngại. Bữa nay, tao dạy mầy cách o mèò. Mầy còn non tay ần lằm. Hồi còn nhỏ, tao khôn khéo hơn mầy nhiều.

Thế rồi cặp rằng Hực kể lại một giai thoại gay cấn nhất do ông ta đóng vai chánh, hồi hai mươi năm về trước. Ông ta có người tình nhân trẻ đẹp. Cô ấy bị gả ép làm vợ bé của viên cai tổng già nua nhưng nhiều tiền nhiều bạc. Khi rước dâu, cặp rằng Hực đứng chàng ràng trước mặt người yêu. Viên cai Tổng mắng nhiếc: "Mầy là đồ con nít." Cặp rằng Hực đáp: "Tôi không chịu thua ông đâu, mặc dầu tôi trẻ tuổi." Viên cai tổng cười gằn: "Tao đố mầy..." Về nhà, cặp rằng Hực thức liên tiếp năm sáu đêm, hình vóc ốm o, cặp mắt sâu

hoảm theo kiểu Câu Tiễn nằm gai nếm mật để tìm cách... trả mối thù... tình!

Thuật đến đó, cặp rằng Hực uống thêm rượu rồi vỗ vai thằng Cường:

- Mà mày biết tao làm cách nào để ăn nằm với vợ bé của ông cai tổng không?

Thằng Cường đáp:

- Dạ, cháu chưa gặp cảnh đau xót ấy.

- Nếu gặp mày làm sao? Thí dụ như nay mai con mèo của mày bị gả ép cho người khác.

Thằng Cường nổi giận, nói lầm bầm:

- Một là tôi trốn bỏ xứ. Hai là tôi... đâm cho chết người tình địch.

Ba Lự giựt mình: Người chủ quán nên tránh chuyện gây gổ trong quán. Ông ta đỡ lời dùm thằng Cường:

- Mày ăn nói nghe sanh tử quá! Làm thế nào mày không bỏ xứ, không đâm chém mà gần gũi được người yêu cà. Nếu chịu thua thì mày xin thọ giáo với ông cặp rằng... cho vui!

Thằng Cường đáp:

- Tôi chịu thua.

Lại thêm một cơ hội để cặp rằng Hực khoe tài khoe trí. Đại để, viên cai tổng bố trí cẩn thận, theo dõi mọi hành động của cô vợ trẻ tuổi. Ban đêm, ông cai lắng nghe từng tiếng chó sủa, từng tiếng khua động ở mái ngói, ở nhà bếp và nhà... tiểu tiện. Bất cứ khách lạ nào muốn nói chuyện với cô vợ đều phải trình diện với ông cai, và nói thật lớn tiếng cho ông cai nghe rõ. Ngày qua tháng lại, ông cai tổng vẫn... canh phòng nghiêm ngặt. Đến hôm đó, có người chị ruột của cô vợ bé đến kêu cửa:

- Xin ông cai cho cô Tư về thăm nhà. Con Năm đau nặng lắm, sợ chị không nổi đêm nay.

Cô Tư - vợ bé ông cai - liền thỏ thẻ với chồng:

- Mình cho em về thăm con Năm. Nó là em út trong gia đình. Từ hồi về ăn ở với mình tới nay, em chưa gặp mặt nó. Bây giờ, nó đau nặng, dầu gì đi nữa, em cũng phải về gặp mặt nó lần chót.

Thế là ông cai đồng ý cho vợ về thăm với điều kiện có ông đi theo... bèn

gót.

Đến nơi, cô vợ trẻ đẹp vào buồng để nói chuyện, rót nước an ủi đưa em gái. Ông cai tổng ngồi ngay cửa buồng, day mặt ra ngoài để canh chừng. Cửa buồng khép hé hé. Ông cai tỏ ra đứng đắn, chẳng muốn nhìn cô Năm - Cô em vợ - đang nằm sóng sượt. Nhưng hỡi ơi! Cô vợ bé bèn thừa cơ hội ấy mà chun xuống gầm giường của cô em.

Ba Lự cười vang:

- Thế là cô vợ bé được phi nguyên ước ao với chàng trai đa mưu, đa tình đang nằm dưới gầm giường, chờ sẵn.

Cặp rằng Hực gật đầu:

- Đúng vậy! Tôi bố trí kế hoạch đó. Tôi năn nỉ cô Năm đến gây lười, tôi đòi tự tử nên cô Năm đồng ý cho tôi rình sẵn. Tôi nói rõ: từ năm sáu đêm trước, mỗi đêm tôi nằm sẵn dưới gầm giường để chờ đợi... một vài phút trả thù ấy. Thật ra, tôi đâu có ăn nằm với người yêu cũ. Tôi muốn giữ thể diện làm trai, thực hiện lời thách đố hôm trước. Vì vậy gia đình cô Năm không là khó dễ...

Nói xong câu chuyện, cặp rằng Hực đứng dậy:

- Mày Cưng. Có giỏi như tao thì hãy có mèo. Nếu ngu ngốc hơn, mày nên trốn đi xứ khác.

Rồi ông ta day lại chủ quán:

- Ba Lự à! Nhớ ghi tiền rượu, thùng thỉnh tôi trả. Rượu bữa nay uống... "hét," gắt cổ quá.

Ba Lự nhìn theo cặp rằng Hực rồi lật sổ: tổng cộng số nợ của tên "ác bá" đó đã lên tới mười lăm đồng cộng thêm hai cốc nữa là mười lăm đồng hai cắc, một số tiền to tát hồi bấy giờ.

Vì số tiền ghi sổ đã lâu tới mức to tát mà câu chuyện lại tiếp tục như sau: Ba Lự gọi thẳng Cưng đến nói rí vào tai:

- Mày làm như vậy, như vậy... cho bõ ghét. Nhà cặp rằng Hực trống hoang, ban đêm chỉ có con Huệ ngủ phía gần nhà bếp. Ta bố trí rồi.. Mày ráng chờ ngày lành tháng tốt rồi làm như vậy, như vậy... cho thàng cha cặp

rằng đó hiểu rằng: hậu sinh khả úy, đám con nít đời nay o mèo giỏi hơn thằng chả gấp bội.

Đã tám giờ tối. Thằng Cường trèo rào, chạy đến cửa nhà bếp của cặp rắng Hực. Tư bề vắng lặng. Bầy cho sẵn đã chạy ra ngoài vườn, giành nhau miếng da trâu... thùm thùm mà thằng Cường đã buộc vào gốc dừa.

Tuy hay biết trước. Huệ vẫn phập phồng trong dạ, mở cái ống khoá rồi kéo nhẹ cánh cửa. Thằng Cường bước vào buồng của người yêu. Huệ xanh mặt, không dè chàng trai trẻ này táo bạo đến mức ấy. Mẹ nàng ngủ chưa say, cha nàng bận việc, đi thăm lằm lúc hồi trưa.

Rủi cha về thành linh, nàng ăn nói thế nào? Lại còn tánh mạng người yêu. Nhứt định cha nàng sẽ đánh chàng gậy xương sống rồi quăng cho xó xé, như lời ông đã hăm he trước.

Huệ khoát tay làm dấu đuổi người yêu ra ngoài.

Thằng Cường lạnh lùng cúi mình, khom lưng bò xuống gầm giường. Nó muốn nói thầm với người yêu:

- Nếu ông về bất tử, anh sẽ chun xuống sàn. Hồi xưa, ông o mèo, ngủ trộm với người yêu bằng cách đó.

Chàng chun trở ra nhưng Huệ vẫn chưa hiểu tất cả những gì chàng muốn nói.

bỗng nhiên, bà cặp rắng ho khúc khắc. Rồi bà im lặng. Quá nóng ruột, thằng Cường toan... hành động gấp. Nó nghiêng mình sát vai người yêu... Huệ chột rú lên nhưng nàng ngạc nhiên vì thằng Cường nghiêng mình để thổi tắt ngọn đèn con cóc.

Hốt hoảng nàng chạy ra sau hè.

Thằng Cường mừng thầm, bước ra, nắm tay Huệ. Huệ dừng dằng nhưng rốt cuộc, thằng Cường công nàng lên vai mà chạy ra sau vườn, giống hệt những chàng trai đa tình, liêu lĩnh ở vài bộ lạc còn theo chế độ mẫu hệ.

Nó ngồi xuống, kéo tay Huệ:

- Em đừng sợ.

Huệ nói hơ hãi:

- Thôi, em vô nhà.

- Kỳ quá vậy. Hồi ở trong nhà, em đòi chạy ra vườn. Ra tới vườn, em lại đòi trở vô.

Huệ lắc đầu:

- Điều này, chắc em chết quá. Em đâu muốn ra tới ngoài vườn như vậy.

- Vậy em muốn đi đâu?

- Em muốn ra ngoài sau hè để năn nỉ anh. Ba em về bất tử lắm. Nhiều khi, ông về vào lúc chín, mười giờ khuya.

Thằng Cường ngời vuốt ve người yêu rồi giải thích sơ qua kế hoạch. Vừa rồi, ở lùm lúa Na Rộn, trâu bò mắc toi, chết khá nhiều. Cặp rằng Hực tới đó xem xét tình hình để báo cáo lại với điền chủ là Tây Rôbe.

Huệ vẫn thắc mắc:

- Anh đừng... làm ầu! Thôi, em muốn vô nhà. Ở ngoài này muỗi cắn gần chết. Hồi nào tới bây giờ, ba em đi Na Rộn coi lùm lúa rồi về nhà nội trong đêm đó. Ông ngán đám tá điền.

Thằng Cường chẳng biết nói sao. Ba Lự đã căn dặn, khuyên nó đừng tiết lộ bí mật, dẫu là với người yêu. Đêm về khuya, đôi uyên ương vẫn thè non hện biển ở ngoài vườn.

Phía mé sông, lâu lâu có một chiếc ghe thương hồ lướt qua bạn ghe hò hát, chúng tavọng cổ nghe nã ruột. Huệ giựt mình.

- Coi chừng ông về.

Thằng Cường cãi lại:

- Ông còn ở Na Rộn.

- Sao anh biết?

- Xưa nay, hễ mang bệnh toi bệnh dịch thì trâu bò chết liên tu bất tận suốt tuần lễ. Khi có con trâu hoặc con bò nào chết, luôn luôn người cặp rằng ra lệnh xẻ thịt, phân phát cho đám tá điền.

Huệ vẫn chưa hiểu:

- Rồi ông Tây Rôbe ở Sài Gòn sẽ kiện thưa, cách chức ba em.

- Anh nói chưa hết. Thịt trâu, thịt bò thì tá điền được quyền ăn nhưng cặp

rằng phải giữ lại miếng da và cặp sừng để làm bằng chứng, trình cho chủ điền thấy rõ.

- Nếu chủ điền vắng mặt?

- Thì hương chức làng lập vi bằng. Ba của em vẫn đưa tờ vi bằng đó cho ông Tây Rôbe xem. Điều này, ba của em còn ở Na Rộn chừng vài ngày... và vài đêm nữa.

Huệ thở dài. Theo sự hiểu biết của nàng, bày trâu gần hàng trăm con. Qua trận mắc toi mắc dịch này, ít lắm cũng hao bớt một phần ba. Tây Rôbe vốn là kẻ gắt gông, hà tiện, tiết của. Ông ta sẽ khiển trách hoặc cách chức mấy người cặp rắng... Nàng lẩm bẫm:

- Vái trời cho trâu bò chết vài con thôi.

Thằng Cương cười dòn:

- Nếu chết vài con thì ba em đã về rồi. Anh vái trời cho trâu bò chết hết... để chúng ta mỗi đêm mỗi gặp nhau... Nhưng làm sao có chuyện đó được.

- Anh này nói bậy bạ quá. Thôi, em vô nhà.

- Vô làm gì? Ở nói chuyện chơi mà em.

- Em mệt lắm. Hay là này giờ, ba em đã về tới, ông rình trong nhà. Buông tay em ra.

Dưới ánh trăng tà, mãi đến đầu canh tư, đôi uyên ương vẫn còn dan díu. Thằng Cương thỉnh thoảng chạy vào nhà rồi trở ra ngoài vườn:

- Em đừng sợ, ông chưa về. Ai biểu em ra ngoài này cho muỗi mòng đĩa vất nó cắn. Hồi này anh tắt đèn...

Cặp rắng Hực chưa về thật.

Sau khi hay tin trâu bò ở lằm bờ Na Rộn chết toi chết dịch, ông ta hoảng sợ đến tận nơi điều tra sự thật. Từ Ngã Năm đến Na Rộn, đường không xa lắm nhưng sông rạch quanh cảm ơn, hai bên đầy lau sậy. Thằng Trạo chèo vát vả suốt hai tiếng đồng hồ. lúc tới lằm Na Rộn, bọn ta điền cho hay:

- Có một con trâu bỏ ăn, sắp chết.

Cặp rắng Hực mừng thầm vì tai họa xảy ra không to tát như lời đồn đãi. Ông ta lên bờ, tìm nơi uống rượu, nói đồng với bọn tá điền:

- Chết hai con càng tốt. Chết một con xẻ thịt ra ít quá. Tá điền thì đông, ai ăn, ai nhin! Chết một hai con trâu, ông Rôbe chẳng rầy rà gì đâu?

Côn trâu mắc toi vẫn chưa chết. Cặp rằng Hực cần nhả, ngồi uống rượu sông. Trong khi đó, thằng Trạo dựa lưng vào vách ngủ khò.

Vào khoảng sáu giờ chiều, con trâu mắc toi mới chịu chết. Đám tá điền bu lại, xẻ thịt, lột da. Cặp rằng Hực ngồi chờ đợi để nhậu cho kỳ được một đĩa thịt trâu xào lăn.

Nhậu xong, ông ta bỗng áy náy. Con mắt bên trái giựt lia lịa:

- Cái gì vậy kia?

Rồi thúc hỏi thằng Trạo:

- Về mày! Về gấp!

Thằng Trạo trố mắt:

- Về... uống quá!

- Trước sau gì mình cũng về, thôi thì về phút. Mày tiếc mớ thịt trâu hả. Để tao biểu tụi nó xẻ cho mày một thèo.

Đến mười giờ khuya, thằng Trạo bắt đầu gay chèo, khoát nước. Cặp rằng Hực nằm trong chiếc tam bản mũi ống, ông ta chếp miệng... Hơi rượu xông lên mặt, ông ta buồn ngủ nhưng làm sao ngủ được. Trong phút giây, ông ta ngồi ngổm dậy, bò ra trước mũi tam bản. Nguy rồi, có lẽ vụ trâu chết toi ở Na Rộn là một âm mưu đen tối của bọn thằng Cưng, để thừa cơ hội... Ông nghĩ thầm:

- Tương kế tựu kế. Nó tưởng mình đi vắng nhà suốt đêm. Mình về bắt thành linh cho nó biết mặt.

Rồi thét to:

- Mày Trạo! Chèo mau lên!

Chiếc tam bản phóng tới. Sau mỗi nhịp chèo, thằng Trạo nhún chân, mũi tam bản ngóc lên cao rồi hạ xuống... Bầu trời đen nghịt như sắp chuyển mưa.

Cặp rằng Hực tìm cách thúc hỏi:

- Bữa nay mày chèo giỏi hơn mọi lần. Ráng lên. Tao cho mày năm cặp nếu mày chèo về tới nhà vào khoảng đầu canh tư.

Thằng Trạo đáp:

- Dạ, ông vững bụng. Tôi dư sức.

Cặp rằng Hực vào trong mui năm, suy nghĩ. Đúng rồi! Sau trận thách đố ở quán rượu Ba Lự, thằng Cường tìm cách trả thù. Giờ phút này có lẽ nó tư tình với con Huệ. Nhưng nó lằm to. Trong vòng một tiếng đồng hồ nữa, ông bắt tại trận. Thằng Cường sẽ bị đóng trần, bị đánh bầm mình mẩy. Ông sẽ vu cáo là ăn trộm.

Nhưng từ sau lái, bỗng nhiên thằng Trạo la hoảng:

- Trời ơi ghe phá nước!

Nước chảy ào ào...

Thằng Trạo buông chèo, kê bàn chân ào ván để chặn lại. Nếu chậm trễ, chiếc tam bản sẽ chìm.

Cặp rằng Hực la hoảng:

- Sao vậy?

Thằng Trạo đáp:

- Dạ, chắc tụi tá điền nó phá. Lúc mình sơ ý, nó khoan cho lái tam bản lũng lổ rồi lấy đất sét trét sơ sài. Bây giờ, ông lên bờ cho tam bản nhẹ bớt. Nó gần chìm rồi!

Tức tối làm sao! Cặp rằng Hực ngồi chồm hồm trên bờ rạch. Ông ta muốn chạy bộ về chợ ngã Năm nhưng địa thế không cho phép. Đường bộ quá sinh súp. Còn ngồi ở đây mà chờ thì biết tới giờ phút nào.

Chiếc tam bản từ từ chìm xuống, thằng Trạo hì hực đỡ, rinh lái tam bản vô bờ... chờ khi trời sáng rõ, vả lại vì chiếc tam bản bị khoang tất cả... năm sáu lỗ, ở khoảng giữa. Nó ướt loi ngoi nhưng cười thềm trong bụng.

Nó là cháu của chủ quán Ba Lự.

Ba Lự hứa tặng cho nó một đồng bạc. Và trước khi lên đường, thằng Cường năn nỉ nó:

- Ráng dùm tao, nghe Trạo. Tao thương con Huệ quá chùng. Ráng... ở dọc đường suốt đêm. Nếu ông cặp rằng Hực đuổi mà, mày cứ theo tao đi núi Sập kiếm nghề khác, sướng hơn. Thí dụ như nghề bắn đá, đập đá. Mày sẽ khoét lỗ

trong đá, nhét thuốc nổ vô như bây giờ mầy khoan ghe, trét đất sét.

Con Rắn

Con rắn ấy vừa nhỏ vừa dài, giống như chiếc đũa ăn cơm. Nó bò tới, bò lui trên nệm rồi kéo dài thân hình ra, vặn ngược, vặn xuôi. Cặp mắt rắn đỏ ngầu như tóc lửa, lưỡi le dài thông. Chập sau, bụng rắn tươm ra hai giọt máu long lanh như hai giọt nước mắt... Bụng rắn lại xé ra, hàng chục con rắn nhỏ nhô đầu phá bụng mẹ rồi nhảy lên chiếc mền của bà cai tổng Bá.

Bà cửa quây nhưng tay chân đều tê liệt. Bầy rắn con chui xuống mền, bò lảng nhãng, lạnh ngắt trên bụng bà cai tổng. Bà ú ớ, co tay, duỗi chân, đôi mắt mở thao láo trong bóng đêm. Từ trong gan ruột bà lửa bốc phừng phừng... bầy rắn con ấy bò tới bò lui, cắn lộn nhau để giành thức ăn, giành chỗ ở.

Ngọn đèn chong lu dần trên đầu giường. Gà gáy văng vẳng, báo hiệu đầu canh năm. Bà cai tổng vặn tim đèn lên cao, bước ra khỏi phòng ngủ...

Mụ Hai đang ngủ ở giường ngoài lồm cồm ngồi dậy:

- Thưa bà, bà làm gì mà thức quá khuya vậy?

Bà cai tổng đáp:

- Mệt quá. Nhưng cũng may. Như vậy là tôi dậy sớm.

Đến bộ ván, bà cai mở nắp ô trầu, đem chai dầu cù là, xoa trên bụng. Mụ Hai im lặng. Từ ba tháng qua, cứ thỉnh thoảng là bà cai tổng lên cơn đau, một thứ đau đớn... không thể tả được. Bà hồ nghi rằng từ khi ông cai tổng mãn phần đến giờ, bà con bên chông toa rập nhau để ám hại bà, hòng chia gia tài. Đứng về mặt pháp lý mà xét, bà là người chánh thức được quyền thừa hưởng tài sản cò bay thẳng cánh ấy. Tuy vợ chồng ăn ở với nhau không con nhưng

xưa kia giữa hai người có làm giấy hôn thú. Bà đã nhiều lần nghe bà con bên chồng hăm dọa sẽ giết, sẽ thuốc, sẽ thư... Bao nhiêu kế hoạch đề phòng dường như gây đổ. Bà mang chứng đau bụng kỳ lạ. Mấy ông thầy thuốc ta trong xóm bảo rằng bà đau máu. Thầy thuốc tây ở Rạch Giá nói ngược lại: bà chẳng đau đớn gì cả.

Hai khoa Tây y và Đông y đều vô lý. Bà linh cảm rằng mình đã bị "thư" một vật gì trong bụng. Và vật đó là một con rắn hoặc một bầy rắn. Giấc mơ kinh khủng hồi này là bằng chứng tuy mơ hồ nhưng đáng tin cậy nhưt.

Mụ Hai thừa hiểu tâm bệnh của chủ nhà:

- Thừa bà, trước sau gì bệnh cũng hết. Bà ăn ở hiền lành, tu nhân tích đức. Kẻ gian manh không dám hại bà đâu!

Bà cai tổng lắc đầu:

- Chắc nó thư một con rắn vô trong bụng tôi.

- Xin bà đừng nói nhảm mà hao gầy thân thể. Thừa bà, nếu bà tin cậy thì con sẽ chỉ cách.

- Kiểm người mở bùa, mở thư à? Tốn kém bao nhiêu, bà không tiếc. Bà chỉ sợ tiền mất tật còn. Nhứt là tiếng đồn dãi xấu xa của thiên hạ. Con Hai biết không? Tụi nó trông cho bà chết, nếu không chết thì bà phải có chữa hoang để tụi nó chia gia tài.

Mụ Hai nhớ tới người tình nhân của mình, giờ phút này đang ngủ chèo queo trong lò gạch cũ hoang vắng của cậu Ba Chiêu. Anh ta tên là thầy Ngọc, chuyên nghề xem địa lý, xem tử vi và đánh bài gian lận. Mấy lần rồi, mụ đến gặp thầy Ngọc để vấn kế. Thầy Ngọc một mực từ chối: "Dục tốc bất đạt, Bà cai tổng ưa nghi ngờ." Mụ Hai thúc hỏi: "đế quá trẻ, bà cai tổng chết thì sao." Thầy đáp: "Trước sau gì, trái cây chín cũng phải rụng nhưng bây giờ nó còn hơi xanh."

Trời tờ mờ sáng, bà cai tổng nằm lim dim trong khi mụ Hai lui cui nấu nước pha trà. Bà lại dụi mắt:

- Thôi! Mệt lắm. Con Hai biết cách nào trị bệnh cho bà không?

Mụ Hai nhớ tới Thầy Ngọc nên trả lời:

- Dạ, có ông thầy này mở bùa hay lắm. Để con tới nhà ông, nói rõ chứng bệnh của bà rồi thỉnh thuốc về.

- Thỉnh thử coi. Nhớ dặn thầy đừng tiết lộ cho ai biết. Bà hồ nghi trong bụng... có con rắn sống nhả đang cựa quậy. Ban đêm, thỉnh thoảng bà nằm chiêm bao thấy bầy rắn hiện về, chun vô bụng.

o o o

Này giờ, ngồi nói chuyện với thầy Ngọc hơn nửa tiếng đồng hồ, mục Hai ảm ức quá chừng:

- Mình hãy cố gắng. Nếu trị dứt bệnh, bà dám đền ơn năm bảy trăm hoặc một ngàn đồng.

Thầy Ngọc ngồi chồm hồm, đôi mắt lấp lánh trong khung cảnh tối om:

- Tiền bạc, ai mà không ham. Tôi đâu ngu dại bỏ lỡ cơ hội. Đi chơi ngoài đường, gặp ai bỏ rơi một hai xu tôi còn cúi xuống lượm hưởng chi số bạc to tát. Thôi, em mang gói thuốc này về, nói rằng bà bị thư như vậy, như vậy... chớ không phải bị thư bầy rắn. Đừng cãi lời tôi mà hư hỏng đại sự.

Mục Hai ra về, tức giận vô cùng. Tại sao thầy Ngọc chỉ biểu những việc lạc đề, gãi không trúng chỗ ngứa của bà cai tổng.

Mục vừa vào tới sân, bà cai tổng chạy ra hỏi:

- Xong không?

Mục đáp:

- Tôi đem gói thuốc này về cho bà. Thầy giảng nghe hay lắm. Vô nhà, tôi nói đầu đuôi căn bệnh cho bà rõ.

Để giữ bí mật, mục Hai đóng cửa ngõ, đóng cửa cái rồi trình bày dông dài về kỹ thuật "thư, ếm" do một ông thầy vô danh nọ tiết lộ:

- Thầy đàn hoàng lắm, muốn làm việc nghĩa, cứu dân độ thế chớ không cầu danh, cầu lợi. Vì vậy thầy giấu tên thầy và chẳng bao giờ tọc mạch hỏi tên tuổi của bệnh nhân.

Bà cai tổng thích chí, khen tấm tắc:

- Con Hai mầy khôn lanh quá. Đừng nói cho bất cứ ai biết rằng bà mang bệnh. Bà con của ông cai tổng hay không, họ đàm tiếu hoặc tìm cách "thư"

loại bùa khác, độc hại hơn.

Bằng một giọng bí mật, mẹ Hai cho biết: Mấy thầy "thư" thường bỏ thuốc vô thức ăn hoặc nước uống. Sau khi ăn uống nhầm thuốc, bệnh nhân chẳng bao giờ hay biết. Nhiều người bị thư từ hai ba năm rồi sau đó ăn nhầm thịt gà, thịt bò, thịt ngỗng... bệnh mới phát ra. Nếu muốn tìm thủ phạm bệnh nhân chẳng còn nhớ là vào dịp nào, do ai thuốc.

- Ông thầy bí mật suy luận rất lâu, phân biệt mấy kiểu thư, nào thư cây đình, nào thư con rùa...

Bà cai tổng hỏi nhanh:

- Con gì trong bụng của bà đây?

Mẹ Hai nói e dè:

- Dạ, con muốn nói nhưng sợ bà không tin.

- Cứ nói. Ai giận hờn mà sợ.

- Dạ, thầy nói trong bụng của bà có một miếng da trâu. Lâu ngày miếng da trâu ấy dày lên, nở lớn, lông trên bụng mọc ngày càng dài.

Bà cai tổng lắc đầu:

- Thầy nói bậy! Con răn. Nó thư hàng chục con răn con, trong bụng bà.

Mẹ Hai vẫn trả lời đúng theo lời dặn riêng của thầy Ngọc:

- Dạ, đó là miếng da trâu, cắt miếng nhỏ dài nên nó nhút nhít giống như con răn. Bà còn nghi ngờ sao? Thầy nói, da trâu phơi khô, tán ra nhuyễn như bột, nếu bỏ vô nước thì nó nở ra.

Bà cai tổng sức nhớ tới bao nhiêu "điều tai nghe mắt thấy" liên quan tới thịt trâu. Loại thịt trâu ngâm trong nước lạnh, chẳng bao giờ hôi thúi hoặc rã xác, trái lại nó cứ tươi thêm. Khi gập xác trâu nổi lên bênh trên sông, nhiều người bơi xuống ra, cầm dao lóc mổ thịt khuấy dưới mặt nước đem về ăn ngon lành. Lại còn sự màu nhiệm khác: thịt trâu khó tiêu, có người mới nằm chõ, ăn thịt trâu rồi trúng mà chết trên giường với miếng thịt còn nằm ngoài cuống họng.

Bà gạt đầu:

- Cũng có lý. Bao tử của mình đầy nước và nóng hổi. Da trâu nở ra, còn

tươi xanh. Để bà uống thử một phen. Thuốc đâu rồi?

Mụ Hai trao cho bà cai tổng gói thuốc bột của thầy Ngọc rồi khuyên bà nên uống lúc còn đói và nhịn ăn để chờ đợi lúc miếng da trâu nọ xỏ ra.

Sáng hôm sau, bà cai tổng thở dài. Mụ Hai đã đoán trước những lời bà cai tổng sắp phiền hà. Và mụ cứ im lặng, hồi lâu mới dám thưa với chủ nhà:

- Thuốc dở quá! Nếu vậy, phải tìm thầy khác. Nếu thuốc công hiệu, miếng da trâu đã tuôn ra ngoài rồi.

Bà cai đáp:

- Nhớ kiếm ông thầy thuốc khác. Thằng cha thầy da trâu này bói lạc quẻ. Báo hại bà đói bụng rồi "trả nợ" muốn thụt con mắt, đứt hơi. Đấy, cầm năm cắc bạc... đền ơn tạm cho thằng cha da trâu đó... Nhớ ăn nói khéo léo, kéo nó giận rồi thụt vô bụng bà một miếng da trâu thứ thiệt khổ quá! Trời ơi... bây con rắn cứ quậy trong bụng bà hoài... Hồi tối, bà nằm mê...

Mụ Hai lẩm bẩm:

- Một con rắn đủ nguy hại rồi, nói chi tới mười con rắn. Bà rán chờ đợi. Để con kiếm thầy khác.

Đang nằm lim dim trong lò gạch, thầy Ngọc chợt thấy mụ Hai bước vào. Mụ căn nhắc:

- Mình báo hại quá. Bà cai tổng đòi thứ thuốc khác, thứ nào xỏ ra nguyên bầy rắn con trong bụng bà.

Thầy Ngọc mỉm cười:

- Bà ta là tay đa mưu, đa nghi. Dục tốc bất đạt. Cái trái cây mới chín nhưng chưa mùi. Hái quá sớm, thất bại, uống lắm.

Rồi hút thêm điếu thuốc, thầy gật gù:

- Nhứt là trái này vừa bổ, vừa ngon. Em Hai ơi! Mình ơi! Lại nằm gần anh để nghe anh làm bài toán thứ nhì. Ráng chịu cực với anh chừng một hai ngày nữa. Em về thuật lại như vậy... như vậy... rồi cho bà uống gói thuốc này.

Nói xong, thầy Ngọc tiễn người yêu ra ngoài cửa lò gạch:

- Phải kiên nhẫn, ban đầu mình dở rồi sau đó mới trở thành hay. Nhớ nghe không! Em cứng nhớ nói rằng em đã bỏ ông thầy thứ nhứt và đó là gói thuốc

của ông thầy thứ nhì.

Trưa hôm ấy, mẹ Hai tường thuật việc gặp gỡ với ông thầy "mở thư" thứ nhì. Theo lời mẹ, ông thầy này đã lớn tuổi, đầu rệu tóc bạc, mới xem qua ngỡ như ông tiên trên núi Tà Lơn. Ông "tiên" này cho rằng gia chủ bị thư một con đĩa trong bụng.

Bà Cai tổng sáng mắt lên:

- Có lý hơn ông thầy thứ nhất. Con đĩa nó dài, nó cựa quậy, sanh đẻ ra đĩa con. Hèn chi trong giấc chiêm bao bà thấy nó dài... như con rắn. Nhưng xưa nay bà đâu có ra ngoài vườn hoặc ra ngoài ruộng mà bị đĩa chun vô bụng.

Mẹ Hai cười dòn:

- Bà nói nghe chưa xuôi. Con đĩa sống dai lắm. Tụi bắt lương đem con đĩa phơi khô... vài ngày sau đem ngâm xuống nước, nó sống nhăn. Ông "tiên" còn cho biết: Đĩa sanh con đẻ cháu bằng trứng và bằng da... tụi bắt lương cắt một khúc da đĩa, đem phơi, tán ra thành bột rồi bỏ vô lu nước. Bà uống nhằm thứ nước đó. Miếng da đĩa vô bao tử, nở ra, trở thành đĩa mẹ. Rồi da của đĩa mẹ sanh ra đĩa con.

Lý thuyết ấy hơi khó tin nhưng bà cai tổng cố gắng dung nạp, như kẻ chết đuối ngoài biển khơi, tình cờ vớ được một cái phao nhỏ xíu, một thứ phao không phải là phao, vì bản thân của nó cũng sắp chìm.

Nhưng thà có còn hơn không! Đêm ấy, bà cai tổng uống liều thuốc thứ nhì với thái độ gượng gạo... để đi tới kết quả là nghe con vật gì cấu cào trong bụng nhưng chẳng bao giờ thấy nó bị tống ra. Bà nằm thêm thiếp, trong giấc mơ kinh khủng lại thấy con rắn nhỏ màu vàng hiện về. Rắn ta níu đầu níu đuôi vào góc giường như giăng võng rồi xé tét cho bụng nứt ra... Hàng chục con rắn nhỏ nhảy xuống mền, chui vào bụng bà. Rắn ấy càng ngày càng to dần, trở thành hàng chục con rắn mẹ, mỗi con rắn mẹ lại đẻ hàng chục rắn con khác. Bà tưởng tượng bầy rắn khổng lồ đang nô đùa, bò tới lui, le lưỡi, phun hơi độc vào tim, gan, phổi phèo...

Mẹ Hai chạy vào:

- Thừa bà...

Bà cai tổng ngữ ngữ như con thú bị thương:

- Chết rồi... Con Hai mầy kiếm dùm bà một ông thầy khác. Bụng của bà có con rắn, thứ gì nhỏ nhỏ chớ đâu phải miếng da trâu hay con đĩa... Phải kiếm ông thầy biết "mở thư" .

Mụ Hai sức nhớ lời căn dặn của thầy Ngọc:

- Dạ. thầy "mở thư" bây giờ khó kiếm lắm. Bà cho con xin chút ít tiền để con đi vài ngày ở bên Giồng Riềng...

- Tiền đây. Con Hai nhớ đi cho nhanh rồi về cho gấp nghe... Bà trông cậy vào một mình mầy mà thôi. Bà khổ lắm, chỉ còn là cái xác chết để cho bày răn con rúc rĩa. Tốn kém bao nhiêu, bà chẳng tiếc. Bán nhà bán đất, bà không màng... miễn là đem con rắn mệ với bày răn con ra khỏi bụng... Ác độc quá.

Sau một đêm ân ái với thầy Ngọc, mụ Hai khoan khoái nghĩ tới số tiền cúng tổ khá to:

- Mình nên cẩn thận.

- Em đừng dạy tôi điều ấy. Em về trước đi.

Thầy Ngọc lắc đầu:

- Em ngu quá vậy? Em phải về trước, bảo cho bà cai tổng biết. Hai đưa mình là kẻ xa lạ... Anh tới sau.

- Mình nói đúng. Để em về.

Thầy Ngọc nói gắt:

- Mặc dịch! Có cái đó, anh căn dặn kỹ mà em vẫn quên.

Mụ Hai trở vào lò gạch, nhận lãnh một cái ống trúc khá nhỏ rồi giấu trong ngực. Thầy Ngọc nói rí vào tai mụ vài câu, mụ đưa ống trúc lên tai để nghe rồi nheo mắt.

- Thưa bà. Thầy sắp tới. Ông thầy này khó lắm. Ông hứa bảo đảm sẽ mở thư cho bà thấy nhãn tiền.

Bà cai tổng mừng quýnh:

- Thiệt vậy không?

- Dạ... ông tới kìa!

Thầy Ngọc được bà cai tổng đón rước trọng thể. Thầy xem sắc mặt bà cai rồi nói khẽ:

- Xin phép bà cho tôi xem mạch và coi mấy lần gân xanh nổi trên bụng:

Bà cai tổng nói:

- Nhưng... xin thầy vô buồng của tôi mà xem mạch, kéo thiên hạ dị nghị. Hai à! Con vô đây với bà...

Thầy Ngọc sờ vào cườm tay bà cai tổng. Mụ Hai đứng đó để đóng vai tuồng của người thứ ba. Bà cai tổng nói:

- Hai à... con ra ngoài, khép cửa cho kỹ. Hễ có ai tới thăm thì nói là đang mệt. Đừng để họ vô nhà rồi đàm tiếu.

Thầy Ngọc gật đầu:

- Đàm tiếu thì tôi không sợ. Tôi chỉ sợ... là bùa của tôi mất linh nghiệm.

Mụ Hai bước ra khỏi phòng. Trong này, thầy Ngọc tiếp tục bắt mạch ở cườm tay rồi xem gân trên bụng của bà cai tổng.

Thầy mỉm cười:

- Đêm nay là biết... Thôi, để tôi ra ngoài, lo bào chế thuốc cho bà uống. Cờ chín hay mười giờ khuya là xổ ra. Nhớ kêu đứa ở để nó coi chừng kéo... con thú đó còn sống. Tôi cũng thức tới giờ phút đó...

Sau khi uống mớ thuốc tán, bà cai tổng nằm liệt giường, nhin đói. Giây lâu, thầy Ngọc vào phòng của bà để xem lại bộ mạch, rót nước cho bà uống rồi đưa ra các lý luận tràng giang đại hải về rắn trung, rắn nạp dưa, rắn Xiêm, rắn Ấn Độ, rắn Tà Lơn.

Trời đã tối. Thầy Ngọc nói ta:

- Đứa ở đâu rồi? Tôi muốn uống trà.

Mụ Hai đến gần tình nhân, mắng yêu:

- Mình dám kêu tôi bằng đứa hả?

Thầy Ngọc nói:

- Chừng bảxõ bùa em giấu cái ống tre trong áo rồi la hoảng, gọi anh tới. Nó còn sống không? đừng sợ gì ráo.

Từ trong buồng, bà cai tổng kêu rú lên:

- Hai ơi! Bà mệt quá. Hai ơi. Vô đây tiếp sức với bà. Trời ơi... cái gì nôn nao trong bụng quá!

Mụ Hai dạ thật to, chạy tất tả, tay sờ vào cái ống tre.

Ngoài này, thầy Ngọc lắng nghe... chờ hiệu lệnh.

Bỗng nhiên, mụ Hai quát to:

- Bà ơi! Con gì sống nhần đây nè! Để con đem cây đèn chong lại coi cho kỹ... Úy trời đất ơi!

Bà cai tổng rú lên:

- Con rắn hả? Thầy ơi! Vô coi dùm thử coi. Thuốc hay quá... Từ rày về sau...

Thầy Ngọc đốt thuốc hút rồi đến cửa phòng, gõ vài tiếng xin phép vào để tỏ rằng ta đây là người đứng đắn, tôn trọng thuần phong mỹ tục... Chập sau, mụ Hai mở cửa:

- Thầy coi thử... Con rắn ghê quá. Nó nằm lờ đờ...

Thầy Ngọc nói lông bông, để đùa với mụ Hai:

- Bị nhốt trong... bụng, nó ngộp thở.

Rồi day qua bà cai tổng, thầy nói:

- Bà thấy khoẻ khoản chưa? Bà đói bụng không?

Bà cai tổng nói nhanh:

- Hai à? Con ra ngoài, lo nấu cháo cho bà ăn.

Mụ Hai bước ra. Trong phòng, chỉ còn bệnh nhân và thầy bùa. Ai nấy đều thoả mãn, vui ra mặt. Kê thì mừng được hết bệnh, kê thì mơ ước xa xăm hơn:

- Bà cai à! Tôi muốn về gấp nhưng... bà đã thấy, mỗi lần uống thuốc chỉ có xổ ra một con rắn thôi. Trong bụng bà, còn chừng mười con rắn khác... Mười ngày nữa, mỗi ngày xổ một con.

Bà cai gật đầu:

- Tôi hiểu rồi. Thầy chịu phiền thức với tôi mười đêm nữa, tại đây chớ gì?

- Nếu bà hiểu... tấm lòng của tôi, tôi đâu ngại thức khuya dậy sớm.

Vài tháng sau, bà cai tổng bỗng lớn bụng. Rồi sau tháng Giêng, bà xổ ra

một đứa thầy răn con , giống hệt gương mặt lấu cá của thầy Ngọc.

Hồn Người Trong Ly Rượu

Trong gian phòng hơi tối, Hùng chăm chú nhìn mấy con số thêu xuất trong quyển sổ "công nho" của làng Tây Yên:

- Đinh Văn Mão đóng thuế điền 2 đồng biên lai số 00217.
- Quách Yến đóng thuế thủy lợi Kinh Dài 65 đồng, biên lai số 00218.
- Tu bổ trường làng ngày 21 - 1 - 1937, xuất 6 đồng 8 cắc 6 xu...

Chàng buông viết xuống, đi nhanh đến vách để tìm cái bàn toán. Từ hồi nhận chức vụ biện làng, làm việc tại nhà ông Tư đến nay chàng mới sáng mắt: người Trung Hoa bày ra cái bàn toán thật tiện lợi, để sử dụng, khi lắc mấy con toán, âm thanh vang lên đều đều, vui vui.

Cái bàn toán treo hơi cao, kế bên tấm lịch. Chàng với tay lên chọt rùng mình vì từ trong phòng, một bàn tay trắng muốt đưa ra, nắm chặt bàn tay chàng. Chàng suýt kêu to vì ngạc nhiên, vì sợ hãi:

- Ai... vậy?

Người chủ của cái bàn toán ngà vẫn chưa chịu xuất hiện. Nàng nói lạnh lạnh:

- Anh này giả ngộ hoài! hôm rày tôi biết... anh mê tôi lắm nhưng anh sợ, anh không dám nói ra. Phải vậy không?

Hùng định thần, tìm cách gỡ rối. Cô Huệ, người vợ mơn mớn của ông xã Tư đang trêu ghẹo, thử thách chàng. Huệ là người ở cùng xóm. Năm mười bảy tuổi, hồi năm ngoái, nàng vâng lệnh cha mẹ để làm lễ vu qui, làm vợ ông xã Tư. Ông xã tuổi hơn năm mươi, lớn hơn nàng những bốn chục cái xuân xanh, và ông ta cũng giàu có hơn gia đình nàng gấp trăm lần! Hùng lắm bẫm:

- Trời! Tội nghiệp tôi, bà ơi.

Huệ cười dòn, lú mặt ra, bàn tay nàng vẫn bám chặt cổ tay Hùng:

- Hễ anh kêu tôi bằng bà thì nắm chặt như vậy hoài.

Hùng lắc đầu, mấy giọt mồ hôi tươm ra như sương trên vầng trán đau khổ:

- Rủi ông xã về thành linh, chắc ông giết tôi quá!

- Bây giờ anh muốn chết hay muốn sống?

- Dạ, muốn sống.

Mấy ngón tay huệ như bắt đầu mở vòng vây.

Nàng nói:

- Sống để làm gì?

- Dạ, sống để... làm biện làng, giúp việc cho ông xã.

Huệ buông tay xuống cười khanh khách rồi tát yêu vào má Hùng:

- Anh này nói dóc quá. Tôi nói cho anh mừng, sáng nay nhà tôi đi hầu quan chủ quận, tới chiều mới về. Trong nhà, chẳng còn ai. Con nhỏ ở dưới bếp là đứa thân tín.

Dứt lời, Huệ bước ra khỏi phòng. Hùng cầm cái bàn toán, đặt trên bàn rồi ngồi ghế giả bộ như say sưa làm việc... Ngoài hiên, cơn gió nhẹ thổi qua, vô tình đẩy cánh cửa khép lại he hé. Ấm áp quá. Nhưng Hùng vẫn chưa yên tâm. Mấy năm trước, chàng gặp Huệ nhiều lần qua mấy dịp cúng đình làng, hai người cùng nhau trao đổi những cái liếc tình tứ. Thế thôi. Rồi nàng ngoan ngoãn vâng lệnh cha mẹ, làm vợ ông xã Tư. Hôn nhân trái cựa ấy khiến dân làng bàn tán không ngớt. Đa số cho rằng Huệ ham tiền, muốn chiếm đoạt gia tài ông xã Tư trong mai hậu. Nhưng lại còn giả thuyết:

- Ông xã Tư có bùa, có ngải, Huệ đã uống nhầm bùa của lão ta chuộc từ núi Tà Lơn huyền bí.

Huệ đứng dậy, bước khoan thai đến gần bàn giữa, rót tách nước đem lại dâng cho Hùng với dáng điệu trịnh trọng:

- Mời anh... Anh nhát quá.

Bấy giờ, Hùng bắt đầu tỉnh táo. Bao nhiêu khí phách bùng sôi mạnh trong huyết quản của chàng trai yêu đời. Huệ là gái có chồng, đang sống trong

vòng áp bức của ông chồng già, nghiêm khắc mà nàng còn đủ can đảm huống chi chàng... Nếu ông xã đuổi, chàng đi tìm sanh kế nơi khác và rủ Huệ trốn theo.

Chàng nâng tách nước uống một hơi. Nàng cười:

- Thùng thẳng mà uống. Coi chừng phỏng miệng.

Chàng đáp:

- Chết cũng không sợ, miễn là...

Rồi hai người tha hồ trò chuyện, kể lể cho nhau bao nỗi nhớ nhung uất hận. Nàng an ủi Hùng:

- Em nói với ba má gả Lan cho anh.

Lan là em gái của Huệ, siêng năng hơn Huệ nhưng kém lộng lẫy hơn. Hùng cau mày:

- Anh chỉ yêu Huệ mà thôi.

Huệ đáp:

- Anh này bướng quá, lì quá. Em hiểu lòng anh từ mấy tháng nay. Nhưng từ rày về sau, anh nên cẩn thận. hôm trước, anh vô tình vẽ lại mái tóc của em trên tấm giấy chặm. Chồng em đã chú ý rồi đó...

Từ đó về sau, mỗi dịp ông xã Tư đi hầu quan chủ quận mỗi tháng hai lần, để nộp thuế, hai người tha hồ ân ái. Hùng đánh bạo, vào phòng của Huệ, nằm trên chiếc gối thêu rồn thêu phụng bấy lâu chỉ dành cho ông xã Tư.

Huệ càng đẹp, càng xinh thêm.

Hùng thỉnh thoảng ca vọng cổ trước mặt ông xã Tư. Ông xã cười gằn, liếc lên vách, nhìn bàn toán treo sát cửa phòng. Và cách cái bàn toán chừng vài tấc là thanh đoản đao bén ngót mưa từ miền cao nguyên.

Hôm ấy, sau khi rảnh việc, Hùng về nhà trọ ở xóm vàm. Chàng đang sờ vào túi, đếm thử mấy đồng bạc chợt nghe tiếng gọi to, phía sau:

- Chú biện!

Đó là ông xã Tư. Ông ta gọi lần nữa, giọng rần rỏi hơn.

- Hùng! Mày đứng lại.

Nghĩ rằng xã Tư là kẻ đa mưu, chẳng lẽ ông ta dám giết mình lúc ban ngày, gần xóm đông đúc nên Hùng mạnh dạn đứng lại:

- Thưa ông...

- Mày đi đâu vậy?

- Dạ về nhà.

- Tao hỏi mày đi về... âm phủ hay muốn ở lại dương gian. Mày nghe rõ chưa?

Hai người bước chậm rãi bên cạnh nhau. Hùng chú ý một điều: ông xã không mang khí giới... gương mặt cau có chứng tỏ ông ta ghen bóng ghen gió chớ chưa nắm được bằng cứ nào cụ thể. Để tỏ rằng ta đây là anh hùng, chàng nói thẳng:

- Tôi đã nói chuyện riêng với... bà nhiều lần, lúc ông vắng mặt.

- Tại sao mày không nói lúc tao có mặt? Chuyện riêng là chuyện gì? Nói thật đi, tao tha tội cho. Tao biết mày quen với gia đình bên vợ tao, từ lâu...

Mấy tiếng gia đình bên vợ giúp Hùng tỉnh táo, sáng trí. Chàng xoay sang vấn đề khác:

- Thưa ông, tôi quen với gia đình bên ông... Xóm giềng ai cũng biết...

Rồi chàng cố tình ngưng c;6au nói, chờ ông xã Tư thúc hỏi:

- Mày muốn làm rể hả? Tao cưới con Huệ, mày tức hả?

Thấy xã Tư đã lọt vào quỷ kế của mình. Hùng nói:

- Xin ông đừng nóng giận. Tôi muốn làm rể và khi ông cưới cô Huệ, tôi tức giận thiệt đó...

Rồi chàng dang xa vài bước, thủ thế:

- Nhưng... tôi muốn cưới Lan, em cô Huệ. Tôi tức giận vì mình nghèo túng. Phải chi tôi có chức phận làm được hương thân, hương hào thì đâu đến nỗi thất vọng vì tình.

Ông xã Tư gật đầu từng chập, bán tin bán nghi. Có lẽ thằng Hùng thổ lộ tâm tình chân thành của nó vì Huệ còn đứa em gái khá đẹp mà ông xã toan đem về làm... tỳ thiếp trong mai hậu. Tuy nhiên, câu trả lời của Hùng vẫn chưa đánh tan sự ghen tương:

- Mày nói với vợ tao chuyện gì? Nói mấy lần? Nói tại đâu?

- Dạ, nói nhiều lần. Tôi nhờ cô Huệ trình bày hoàn cảnh tôi với ba má cô. Tôi muốn nhờ ông giúp dùm, nói vô vài tiếng ngọt tôi chưa dám.

- Ờ... Để tao coi lại.

Đến xóm trên, ông xã Tư ghé vào quán, uống rượu liên miên, tìm cách ứng phó. Hùng nhanh trí, bơi xuống thẳng về phía Kinh Dài, nơi trú ngụ của Huệ. Chàng thuật đầu đuôi tai nạn đã xảy ra rồi quỳ xuống lạy.

Ông Hương Kiềm Lưu, cha của Huệ ban đầu tức giận nhưng ông nghĩ đến tương lai Huệ, thở dài. Hùng nài nỉ thống thiết:

- Ông xã Tư đa mưu túc trí, dám giết tôi để trả thù, giết cách này hoặc cách khác... Xin bác bình tĩnh giúp đỡ cháu. Cháu hiểu phận mình chưa xứng đáng làm con rể trong gia đình.

Ông Hương Kiềm bồng giật mình:

- Xã Tư bây giờ ở đâu?

- Dạ, ông uống rượu ở quán, tại xóm Vàm.

- Nguy lắm. Lan ơi!

Lan bước tới, khép nép cúi chào Hùng. Ông Hương Kiềm dạy lại Hùng:

- Mày đi cho khuất, kéo thiên hạ sanh nghi.

Hùng trở mặt, bước ra về, nghe ông Hương Kiềm căn dặn Lan:

- Con tới nhà chị Huệ, nói như vậy, như vậy... Kéo người nói một đàng, người cung khai một nẻo. Đi cho gấp kẻo... xã Tư về trước. À! Đem nải chuối cau này, gọi là mượn có thăm viếng.

Năm ba hôm sau, Hùng cúi đầu làm việc, chẳng dám nhìn Huệ hoặc ông xã Tư. Thái độ ông ta thật khó hiểu, thỉnh thoảng vào phòng nói chuyện rù rì với Huệ rồi trở ra. Hùng mừng thầm hy vọng tai qua nạn khỏi vì chàng đã đánh lạc hướng xã Tư một cách khéo léo.

Xã Tư mở tủ, trao cho Hùng mười đồng bạc.

Hùng trở mặt:

- Thưa ông, chưa tới ngày lãnh lương.

- Tao cho mày mượn.

- Dạ, làm sao tôi có tiền trả lại.

Xã Tư nói:

- Tao biểu điều gì, mày đừng cãi. Ngày mốt, mày cưới vợ.

- Dạ, cưới ai?

Câu hỏi vặn ngược khiến ông Tư càng nghi ngờ. Tại sao biện Hùng thú thật rằng nó yêu Lan nhưng nó lại không biết... Cưới ai làm vợ? Ông ta nói:

- Cưới con Lan. Tao nói với con Lan rồi. Ông Hương Kiềm đồng ý. Mày cầm số tiền này may sắm quần áo. Ngày mốt ông Hương Kiềm làm đám nói cho mày có thể xuống nhà ông ăn cơm, ở lại đó để làm rể. Hàng ngày, mày được quyền nói chuyện tình với con Lan. Ban đêm mày... tự do ra vào phòng của nó.

Quả thật ông xã Tư là đối thủ lợi hại. Ông ta xuất ra số tiền ấy để làm kế ly gián khiến cô vợ trẻ nghi ngờ mối tình son sắt của Hùng. Hùng đau xót nhưng chẳng biết nói sao... Đôi mắt chàng long lanh ngấn lệ:

- Tôi chưa muốn cưới vợ.

Xã Tư cười, đắc chí:

- Thằng này lạ quá. Muốn cưới vợ lại không muốn. Mày giỡn với ta hả? Người ta cưới vợ rồi cười, mày lại khóc hận. Mua sắm quần áo đi. Từ giờ phút này, tao cấm mày nói chuyện riêng với vợ tao, hiểu chưa. Nếu bắt gặp, tao giết mà. Xứ này, thiên hạ nghe oai danh tao quá nhiều. Tao giết bất cứ ai, nếu tao muốn. Tao không sợ ở tù đâu... Và hễ giết kẻ gian thì lương tâm tao không bao giờ ăn năn hối hận gì ráo.

Hùng ngoan ngoãn cúi đầu. Bơ vơ quá. Bỗng dưng chàng yêu Huệ hơn bao giờ hết. Ngày mốt, chàng làm lễ hỏi Lan. Vô lý quá. Chẳng biết khi hay tin này, thái độ của Huệ ra sao? Xã Tư độc ác thật. hằn ghen tuông, trả thù, bày kế ly gián để giết lần giết mòn cuộc đời Hùng và Huệ.

Nhưng khối óc non nớt của Hùng chưa suy luận, tiên đoán nổi những chuyện sắp xảy tới.

Ngày mười lăm dương lịch, xã Tư đi hầu quan chủ quận như thường lệ.

Huệ nằm rũ rượi trong phòng. Từ khi làm lễ hỏi Lan tới giờ, xã Tư bắt buộc Hùng nghỉ việc mười hôm. Ông ta bảo với vợ:

- Em đừng hiểu lầm. Anh cho thằng Hùng nghỉ tạm để vợ chồng nó hưởng tuần trăng mật. Sau đó, nó về đây làm sổ sách như trước.

Huệ ngơ ngác:

- Mình nói sao? Hùng hưởng tuần trăng mật?

- Nó ngủ chung một phòng với con Lan.

Huệ đập tay xuống bàn, giận dữ. Xã Tư liếc thấy sự ghen tuông đang hiện rõ trên mặt vợ. Huệ còn yêu Hùng. Huệ không muốn Hùng... nhập phòng với Lan.

Ông ta cười gằn:

- Em giận ai?

Huệ lạnh trí, tìm được câu trả lời:

- Em giận tất cả mọi người, mới làm đám hỏi mà nhập phòng à? Tục lệ nào cho phép chuyện bất lương đó?

Ông ta đáp:

- Tôi muốn như vậy để thằng Hùng khỏi làm chuyện bất lương khác.

Nói xong, ông ta xuống ghe, ra lệnh cho mấy thằng trạo chèo đi dinh quan chủ quận ở tận chợ Gò Quao.

Gian nhà trống trải lạ thường. Hồi lâu, nàng thấy Hùng và Lan bước vào. Lan rưng rưng nước mắt khi gặp chị:

- Chị đừng hiểu lầm.

Huệ vội đóng cửa phòng:

- Về đi! Về hết đi! Tao muốn chết.

Hùng chạy tới, xô cửa phòng, nói nhanh:

- Huệ, em đừng đại dột. Hễ anh nói, chắc em không tin. Hôm nay, anh dẫn Lan tới đây. Lan sẽ trình bày cho em biết tất cả sự thật.

Bây giờ, Huệ mới bắt đầu yên tâm. Hai chị em Huệ và Lan ôm nhau khóc nức nở. Lan nói nghẹn ngào:

- Ông xã bắt buộc Hùng và em phải ngủ chung một phòng để gây dư luận

xấu. Thiệt ra anh Hùng là người tốt. Đêm đó, anh Hùng ngủ dưới đất, em thì ngủ một mình trên giường.

Hùng nghiêng răng:

- Khổ quá. Tại sao ba má không cản ngăn.

- Dạ, ông xã hăm he. Nếu ba má từ chối thì ông xã sẽ làm lớn chuyện, giết chị lập tức. Ông nói chị tư tình với anh Hùng...

- Chị hiểu rồi... Vợ chồng em về đi!

Hùng và Lan vô cùng bối rối. Cuộc thăm viếng này sẽ làm cho Huệ uất ức đến mức tự tử. Chàng nản nỉ Huệ:

- Lan đến thăm để nói sự thật. Huệ à, anh thề chung thủy, sống chết với Huệ. Anh chỉ sợ Huệ thay lòng đổi dạ thôi.

Rồi chàng lau nước mắt cho Huệ. Nàng nắm tay chàng:

- Anh nhớ giữ lời hứa. Em sợ rằng...

- Thôi, em đừng nói nhảm! Lan cứ về một mình. Anh ở lại đây làm sổ sách...

Khi xã Tư trở về nhà. Huệ và Hùng đều sợ sệt.

Mọi khi ông ta về vào khoảng bảy giờ tối. Phen này, mười hai giờ trưa, ông ta về để làm gì? Phải chăng Hùng và Huệ vừa sa vào cạm bẫy ông ta?

Hùng đứng dậy chào:

- Ủa! Ông không đi dinh quận sao?

Xã Tư vỗ vai Hùng:

- Đừng gọi tôi bằng ông! Hai đứa mình là bạn rể với nhau. Cứ gọi tôi bằng anh.

Rồi ông ta hạ giọng:

- Hay gọi thân mật... bằng thằng, thằng xã Tư cũng được.

Huệ đỡ lời:

- Mình nói khó nghe quá. Hay là bữa nay mình uống rượu nhiều?

- Mới uống rượu chút ít. Tôi mới mua được một con khỉ nên lật đật trở về làm tiệc. Mình ăn thịt khỉ chớ. Để Hùng xuống ghe, đem con khỉ lên.

Nói xong, ông xã Tư nắm tay, dắt vợ vào phòng.

Ngoài này, Hùng bước lững thững ra sân, xuống ghe với hai thằng trạo thân tín của ông xã. Chiếc ghe rời bến, vào mương nhỏ khuất lá um tùm.

Xã Tư đem cái ly to lớn để trên bàn nói rồi rút với Huệ:

- Máu khi uống bổ lắm. Hôm rày, em xanh xao...

Huệ trợn mắt. Linh cảm như báo trước điềm không may:

- Ừ! uống bổ lắm.

Cánh cửa hé mở. Một thằng trạo bước vào, nâng một tô rượu đỏ ngầu. Xã Tư cười hề hề:

- Em uống đi.

Huệ nâng tô rượu lên... Trong đáy tô rượu đỏ ngầu, tanh tanh, dường như ẩn hiện một dáng người... Nàng run rẩy, buông tay. Tô rượu đổ xuống bàn, văng vào áo ông xã.

Xã Tư hỏi:

- Em chóng mặt hả?

Huệ nói gắt:

- Em muốn mưa. Uống rượu như vậy, dã man quá! Dã man!

Xã Tư hiểu rằng Huệ đang chửi mắng mình. Ông ta nắm tay vợ:

- Em buồn mưa thì ngoài này... Mưa ở đây, dơ dáy nhà cửa.

Ông ta đưa Huệ đến cái mương sau vườn rồi dắt nàng xuống chiếc ghe, nơi Hùng nằm sóng sượt tắt thở trong vũng máu linh lảng.

Huệ chạy trở vào nhà, rút thanh đoản đao - thanh đoản đao treo gần cái bàn toán, ngay cửa phòng - Nàng chờ đợi, đứng nép bên cửa.

Nàng đâm ngay bụng xã Tư rồi đâm vào ngực mình ngã gục.

Từ đó về sau, thiên hạ đồn rằng Huệ trở thành ma quỷ linh thiêng, gọi là cô Huệ, cô Huệ ở cây dương đình làng Tây Uyên. Huệ chính là Huệ, nói theo giọng kỳ húy.

Con Trích Ré

Đêm ấy, ngôi nhà lâu của cai tổng Báú rộn rịp khác thường. Hàng chục cây đèn măng xông cháy sáng rực ở ngoài sân và trong phòng khách. Từ bốn hôm trước, bọn gia nhân phải thức khuya dậy sớm để treo bông kết tuột, chuẩn bị ngày gắn huy chương Nông Nghiệp (Mérite agricole) do quan phó tham biện cử hành.

Các thân hào, hương chức hội tề đã tề tựu từ hồi bốn giờ chiều.

Ông tổng Báú mặc áo dài khăn đóng đứng ngoài cửa bắt tay từng người. Mặt trời xuống dần, cảnh vật trở nên âm u. Ông tổng chạy tới lui, quát tháo từng chập:

- Xong chưa! Nhớ un muối bốn phía sân. Quan phó tham biện là người Lang Sa. Ông sợ muối lấm. Muối căn... tức là chích nọc vi trùng sốt rét. Hôm trước, ông căn dặn làm thế nào đừng cho muối căn ông!

Rồi ông tổng nói với tên tổng khậu (đầu bếp):

- Sửa soạn cho xong đi! Chừng một giờ nữa...

Tên tổng khậu đáp:

- Dạ, đầu đó xong xuôi rồi. Bữa này, nhứt định quan phó tham biện hài lòng. Món này đặc biệt... ngon hơn đồ Tây.

Rồi anh tổng khậu chạy vào phòng khách. Anh ta trở ra, mặt mày hờ hãi:

- Chết cha! Ông cho phép tôi sửa soạn ngay giữa sân này... Phải đốt lửa trước để có than...

Ông tổng Báú gật đầu:

- Cứ dọn ngay giữa sân. Nãy giờ, tao nói trừ hao... Còn sớm mà.

Dưới ánh đèn măng xông sáng trưng còn hơn ban ngày, bọn gia nhân hì hục làm việc dưới sự điều khiển của anh tổng khậu. Họ chất hàng bảy tám chục khúc củi, đốt cháy rục trời, theo kiểu... hương đạo đốt lửa trại, có điều khác là đồng lửa ấy dài như hình chữ nhật. Hồi lâu lửa ngọn hạ xuống, họ đem tới năm ba cần xé đựng đầy vỏ dừa, lolại vỏ dừa tươi, phơi khô.

Mấy ông hương chức hội tề khen nức nở:

- Than vỏ dừa đượm lắm.

Mớ vỏ dừa được tung vào đồng lửa. Một mùi thơm thơm bay ra... Trong khi ấy anh tổng khậu đến phía sau nhà, truyền lệnh:

- Đập đầu con bò con cho mau. rồi cạo lông sơ sơ. Nhớ mổ bụng, đem bộ đồ lòng ra cho sạch. Phải giữ nguyên hình dạng con bò: đuôi, móng, lưỡi, lỗ tai... Mất một món là bọn mình... mất danh dự.

Bọn gia nhân đốt đuốc, đập đầu con bò con. Anh tổng khậu vào nhà bếp thúc hối:

- Nhớ chưa! Bàn thứ nhất đây chuối chát; bàn thứ nhì, khế chua; bàn thứ ba, bánh hỏi; bàn thứ tư, bánh tráng; bàn thứ năm, mắm nêm; bàn thứ sáu, muối tiêu.

Mấy chỉ ở nhà bếp cười dòn!

- Đầy đủ hết rồi. Còn bàn thứ bảy?

Anh tổng khậu nói:

- Bàn thứ bảy thì dành riêng để uống rượu. Cứ khiêng lên sau, khi tôi ra lệnh...

Đồng lửa than đã ngún đỏ rục giữa sân.

Hai tên gia nhân cầm sẵn bốn cây nọc, mỗi đầu hai cây tréo lại. Ông tổng Báú cười hì hì:

- Món này đặc biệt lắm, bò gác tréo! Bên Tây, họ chưa ăn uống sang trọng như ở xứ mình.

Một ông hương chức hội tề nói phụ họa:

- Hồi nào tới bây giờ, tôi nghe nói thịt bò gác tréo nhưng chưa nếm lần nào. Đêm nay, dịp may hiếm có...

bỗng dưng mọi người đều nhảy nhồm. Từ phòng khách có tiếng con chim gì kêu to:

- Ré... ré... ké... ké...

Ông tổng Báu đứng dậy, giật xanh mặt:

- Bà Hai đâu? Tôi căn dặn mấy bữa rày mà cứ để như vậy. Con trích phá đám. Đêm nay, coi chừng...

Cử tọa cười vang lên. Con trích vừa nhảy vừa bay sập sập ra sân. Nó to bằng con gà tre, lông xanh mượt như lông chim sa sả (chim chả). Cái mồng con trích cứ đưa qua đưa lại, đỏ hói... Đôi chân đỏ đậm nhảy tới, quơ móng nhọn lều, bén như dao cạo. Ông Tổng Báu la tiếp:

Bà Hai chính là người vú già nuôi bé Kiền, đứa con gái út của ông tổng. Bà cố sức chạy theo... Con trích cứ "ré" lên, bay vòng quanh đồng lửa. May quá, bà Hai chặn đầu con trích, ôm vào lòng, nói khẽ với ông tổng như để giải thích, xin lỗi:

- Dạ, cô bé Kiền mở cửa thành linh.

Vừa dứt lời, bé Kiền chạy tới, khóc thút thít:

- Ba ơi! Con trích đâu rồi? Ba rầy con hả?

Ông tổng bấu vuốt tóc con:

- Thôi nín đi. Ba rầy bà Hai chớ đâu có rầy con, con lên lầu mà ngủ đi.

Bé Kiền nũng nịu:

- Con không ngủ đâu. Tại sao ba nhốt con trích trong lồng. Nó kêu hoài, tội nghiệp nó lắm.

Từ ngoài sân, đứa gia nhân chạy vào, nói giọng nghiêm trang:

- Thưa ông! Ca nô ông phá tham biện tới rồi!

Ông tổng Báu giật mình, nói với bà Hai:

- Được rồi Bà thả con trích ra khỏi lồng. Cho con trích vô ở trong phòng với bé Kiền nghe không?

Rồi ông nài nỉ:

- Bé Kiền! Đêm nay, ba mắc công chuyện. Con ở trong phòng mà chơi với con trích. Kẹo bánh thiếu gì ở trong đó.

Bà Hai ôm con trích, vào phòng khách rồi lên lầu, bé Kiều chạy theo bà. Nó mừng rỡ, ông tổng không nhốt con trích nữa. Nó tha hồ đùa giỡn, bẻ bách bích qui cho con trích ăn...



Con trích, gọi nôm na là "trích ré" thuộc vào loại chim rừng đẹp nhất. Nói đúng hơn, nó là loại chim sống ở nơi đồng cỏ hoang dại. Trích bay rất thấp, lúi trong cỏ rất khéo một khi lâm nguy, bay không kịp. Thịt trích ăn khá ngon, nào kém thịt gà.

Qua lúc sa mưa, nếu lội bộ qua vùng cỏ mênh mông, ta có thể gặp hàng chục ổ trích, trong mỗi ổ có năm sáu trứng. Như người, trích cất cánh bay bỗng hoặc chui xuống cỏ, đứng như chết.

Trích lại có tài đá lộn như gà. Nhiều người nuôi trích để giữ nhà. Mỗi khi gặp người lạ, trích "ré" lên inh ỏi để báo động, rồi chạy tới, vừa cắn, vừa đá, vừa bay... Bị tấn công thành linh, khách lạ khó bề xoay trở, thường chịu rách quần áo, trầy da hoặc đui mắt.

Bé Kiều là con gái út của ông tổng Báu. Ông tổng có đưa con trai lớn, chết vì bệnh ban đen hồi năm ngoái. Bé Kiều là đứa con gái duy nhất còn lại trong gia đình. Mẹ bé Kiều mất khi bé Kiều được đầy tháng. Vì vậy, bé Kiều là hòn ngọc trong gia đình.

Một hôm, lúc dạo xóm với ông tổng, bé Kiều gặp con trích nuôi trong nhà người tá điền. Bé Kiều khóc lóc, đòi đem con trích ấy về nhà nuôi cho bằng được. Ông tổng chiều con, sắm chiếc lồng sơn son để nuôi trích. Nhưng bé Kiều giận lẫy, không muốn nhốt con trích vào lồng.

Con trích trở thành con búp bê được bé Kiều nân niu... Hễ bé Kiều đi đâu là cont rích chạy theo đó như hình với bóng.

Thỉnh thoảng, con trích phóng uế nơi phòng khách. Bà Hai đành phải làm công việc lau chùi... và lau chùi không hờ tay nếu con trích ăn uống không tiêu. Những lúc ấy, bé Kiều khóc lóc, đòi kiếm thuốc cho con trích uống... Ông tổng Báu đành xuống nước nài nỉ con, hứa mai hứa mốt. Ban đêm bé Kiều để cont rích ngủ bên giường, sợ kẻ trộm len vào nhà bắt con trích cưng.

Ông tổng lăm lức bực mình và tỏ ra thông cảm với nỗi khổ nhọc của bà Hai:

- Bà đừng phiền, bé Kiều thiếu tình thương của mẹ. Nó gắt gỏng khó tánh, tội nghiệp nó. Vái trời cho con trích sống hoà. Rủi con trích chết, chắc nó mang bệnh theo.

* * *

Buổi gần huy chương Nông Nghiệp đã cử hành xong. Ông tổng Báu đứng im như một người lính, ưỡn ngực, nín thở. Sau đó, ông xin phép với quan phó tham biện:

- Mang huy chương lúc ăn uống là điều thất lễ với... chánh phủ Lang Sa. Tôi muốn đem cái huy chương này cất trong tủ thờ...

Quan phó tham biện cười nhếch mép rồi gật đầu, vỗ tay... Tất cả cử tọa đứng dậy, vỗ tay phụ hoạ hồi lâu mới dứt.

Cai tổng Báu bước ra sân, nói khẽ với anh tổng khậu:

- Đem món ăn ra giữa sân!

Quan phó tham biện hơi ngạc nhiên. Ban nãy ông tổng Báu giới thiệu món ăn duy nhất: thịt bò con. Bây giờ, bốn đứa gia nhân đặt con bò con lên kiệu, khiêng ra sân, gác lên mấy cây tre, trên đồng lửa than đỏ rực.

Trông con bò ngỗ nghĩnh, ngây thơ và nên thơ quá! Nhờ tài khéo léo của anh tổng khậu, con bò như sống lại, nhả răng cười trên đồng lửa hồng! Ban nãy, anh ta đã dùng hai khúc cây nhỏ, chỏi mí mắt khiến con bò vẫn thức tỉnh trong cái chết, đôi mắt tròn xoe, trao tráo!

Anh tổng khậu khoát tay làm dấu hiệu với mấy người nhà bếp.

Họ xúm nhau khiêng bàn, mấy cái bàn riêng biệt đầy chuối chát, khế chua, mắm nêm. Đâu đó xong xuôi, ông tổng Báu trịnh trọng đứng dậy.

- Thừa quan phó chủ tỉnh, thưa quý anh... hương chức hội tề. Hôm nay là ngày vui, chúng tôi xin đãi tiệc mọn. Muốn ăn món thịt bò gác tre này, xin quý vị chịu phiền dời gót ngọc dạo chung quanh con bò. Lời tục thường nói: Ngồi một chỗ ăn ít, trái lại, nếu vừa đứng vừa ăn thì ta ăn nhiều hơn...

Quan phó chủ tỉnh nhờ hiểu chút ít tiếng Việt nên gật đầu, vỗ tay. Chờ khi

tràng pháo tay chấm dứt, quan phó chủ tỉnh nói to:

- Ông cai tổng là chủ nhà, chủ tiệc. Vậy thì mời ông ăn trước cho mọi người bắt chước theo...

Ông tổng Báú cúi đầu:

- Cám ơn quan lớn.

Quan phó chủ tỉnh rót ly rượu chát để tán thưởng:

- Ông cai tổng uống, uống cạn ly...

Uống xong ly rượu, ông tổng Báú càng cao hứng, nói thao thao bất tuyệt:

- Món ăn này ăn bằng cây dao và đôi đũa. Trước tiên mình cầm dao, đâm lụn vào da con bò...

Quả đúng như lời, mũi dao vừa xắn vào da bò là một lõi thịt đỏ tươi từ từ vọt ra. Ông tổng Báú cắt khúc thịt nửa sống nửa chín ấy, gắp trong đũa.

Đến bàn thứ nhất, ông lượm một miếng chuối chát, kể đến, miếng rau sống, miếng bánh tráng rồi ông gói lại, đem chấm tại bàn có mắm nêm. Tràng pháo tay nổi lên... Ông tổng đưa miếng thịt bò vào miệng. Rồi ông đến bàn rượu, nâng lên chén rượu đế!

Cử toạ lần lượt vào tiệc.

Họ sáp hàng một, lụi mũi dao vào hông con bò, cắt thịt rồi đi dạo vòng quan con bò, từ bàn chuối chát đến bàn rượu... theo cái vòng lẩn quẩn thú vị. Đêm càng khuya, bao tử của đám thực khách càng đầy thịt rượu... Lần đầu tiên, được thưởng thức món ăn đầy đủ hương vị "bản xứ thuộc địa miền nhiệt đới," quan phó chủ tỉnh uống rượu say mèm... Ông ta nói:

- Uống quá! Phải chi ở chợ... mình mở ra dạ hội khiêu vũ.

Ông tổng Báú chấp tay, kiếu lỗi:

- Dạ, chốn này quê mùa, thiếu gái đẹp...

Đâu được. Đàn ông có thể khiêu vũ với đàn ông... Nãy giờ, ăn thịt bò hơi nhiều, ăn chỉ có một thứ.

Bỗng dừng, từ trong phòng khách có tiếng "Ké! Ké! Ré! Ré!" lanh lảnh!

Cử toạ giựt mình và ông tổng Báú như sống trong cơn ác mộng! Trời ơi! Con trích ré của bé Kiều lại chạy xuống, vừa chạy vừa vỗ cánh, vừa vỗ cánh

há mỏ, hươi móng.

Tất cả quan khách đều là kẻ lạ! Bản năng con chim rừng ấy thúc dục nó phải liều mạng để báo động, hành hung đánh đuổi... quân thù! Và trong đám quan khách ấy, người xa lạ và khó thương nhất chính là kẻ lớn con, ăn mặc lạ lùng mà hồi nào đến giờ nó chưa từng thấy.

Ông tổng Báú la lên:

- Bà Hai! Tôi giết bà bây giờ. Bộ bà ngủ gục ở trên hả?

Cử toạ xô ghế, đứng dậy... ông phá tham biện cứ ngồi lì một chỗ. Ông ta khòm xuống thấp, dang hai tay ra để chào đón cho chim quá đẹp.

Con trích nhảy tới, đá túi bụi... Ông phó tham biện chủ tỉnh cố gắng chụp nó vào lòng để vuốt ve...

Ông tổng Báú la hoảng:

- Quan lớn coi chừng!

Ông tổng vừa dứt lời, quan phó tham biện cau mày, rút khăn mù soa chùi mấy vết máu tươm ra trên làn da tay vừa bị đâm, bị mổ.

Con trích thối lui, thủ thế.

Từ phía sau, bé Kiều la lên:

- Trích! Trích! Mày chạy đi đâu vậy? Nãy giờ tao thức dậy kiểm mày gần chết! Lạ lắm hả?

Con trích lại phóng tới, mổ vào mặt quan phó tham biện. Tức giận, quan phó tham biện đứng dậy, đá mạnh. Trúng mũi giày da, cont rách đau điếng, té nhào vì mất thế quân bình.

Ông tổng Báú đổ mồ hôi hột vì linh tính như báo trước điềm không may. Ông chạy tới, chụp con trích rồi xin lỗi:

- Quan lớn đừng phiền. Nãy giờ tôi nhốt con trích này ở trên lầu. Chẳng qua lạ sự sơ sót. Để tôi lấy thuốc thoa cho quan lớn.

Nhưng... đường đường một đấng thượng quan, lẽ nào quan phó tham biện lại chịu thua một con chim nhỏ bé... Ông ta nói:

- Đưa cho tôi coi!

Tổng Báú run rẩy, nghĩ đến phản ứng của bé Kiều. Con trích ré lên thật to,

mổ vào mắt ông phó tham biện.

Lần này ông để phòng trước, chụp mỏ nó rồi vặn cổ.

Bé Kiền khóc thét lên:

- Trả cho tôi! Trả lại cho tôi!

Ông phó tham biện đắc thắng, mặt mày vênh váo như vừa giết được kẻ thù. Bé Kiền là đứa con nít quèn, đâu xứng mặt đối thoai với ông ta. Ông ta tiếp tục làm công việc của kẻ chiến thắng:

- Để tôi "rô ti" con trích này, thịt nó ngon lắm.

Vừa dứt lời, ông ta quăng xác con trích vào đồng than đỏ rực. Bé Kiền từ nãy giờ theo dõi mọi hành động của ông Tây tàn ác. Nó chạy tới để cầu xé ông Tây lạ mặt. may thay, bà Hai chặn lại, nài nỉ:

- Tội nghiệp tôi, cô ơi!

Mùi lông trích bay lên khét lẹt, bé Kiền cắn tay bà Hai để giải vây rồi chỉ ngón tay vào mặt quan phó tham biện:

- Chết mẹ mày! Mày nướng...

Nhanh như chớp, ông tổng Bá tới bên cạnh bé Kiền, bụm miệng con rồi giả vờ đóng kịch:

- Bà con xem... Thấy con trích cắn quan lớn, bé Kiền nổi giận, đòi nướng con trích, đòi giết con trích cho hả giận... À! Thôi, lên phòng nằm, sáng mai ba kiểm cho con một con trích khác.

Rồi ông nói với bà Hai:

- Đem bé Kiền lên tầng lầu trên. Còn bà thì đứng lẫn quần gần đây, coi chừng nó chạy trở xuống, nói bậy, ở tù cả đám.

Bé Kiền, nổi điên lên. Hai bàn tay bà Hai nhắc nó khỏi mặt đất, bồng nó lên tầng lầu. Rồi bà Hai trở xuống ngồi chặn ngay thang lầu.

Bé Kiền nhớ tới con trích khôn ngoan hằng đêm ngủ với nó, hằng ngày ăn uống đùa giỡn với nó. Trời! Con trích này chết rồi! Giận quá. Thủ phạm lại là cha nó. Nếu cha nó không trao cho ông Tây thì con trích vẫn sống nhăn. Bé Kiền quyết trả thù. Phải làm một việc mà cha nó khi hay tin sẽ khóc... như nó đã khóc. Nó sực nhớ đến cái hồ nước ở gần nhà bếp. Mọi khi cha nó căn dặn,

ngăn cấm không cho nó lại gần. Đêm nay, lát nữa, nó sẽ bắc ghế, rình lúc người ở nhà bấp sơ ý... Nó nhảy vô hồ nước để trốn. Hồ nước mát lắm. Nhảy vào đó như nhảy xuống sông. Tại sao cha nó ngăn cấm không cho nó tắm dưới sông...

* * *

Tàn bữa tiệc, sau khi quan khách ra về, ông tổng Báú đến tử thờ, đem cái huy chương Canh Nông ra gắn trước ngực. Rồi ông ta chạy lên lầu để an ủi bé Kiều, khoe khoang với bé Kiều rằng cái huy chương quý hơn con trích. Nếu cần, ông sẵn sàng cho bé Kiều mang cái huy chương để ngủ đêm nay.

Ông trở mắt:

- Bé Kiều đâu? Bà Hai.

Bà Hai đáp:

- Dạ, cô bé ở đâu đó mà!

Bọn gia nhân đốt đuốc, chạy lăng xăng. Hồi lâu, công việc tìm kiếm được chấm dứt vì một đứa gia nhân đã sức nhớ tới cái hồ nước. Anh ta cầm đuốc, dựa bên thành hồ, trở mắt... bàn tay rụng rời buông ngọn đuốc...

Đơn Hùng Tín Chào Đòi

Thời Pháp thuộc, đồng bào ở miền Tiền Giang, Hậu Giang đều nghe danh... Đơn Hùng Tín. Anh ta thuộc vào hàng "đại ca," điều khiển một số tay anh em giết người cướp của không gớm tay. Lời nói và việc làm của Đơn Hùng Tín luôn luôn đi đôi. Trước khi đánh cướp, Đơn Hùng Tín báo trước ngày giờ để cho gia chủ đề phòng. Khi quân cướp rút lui, chẳng ai dám hó hé tố cáo hoặc truy nã. Du đảng Đơn Hùng Tín thường vượt ngục phá khám hoặc được quan trên..."tha bổng." Vì vậy, dư luận cho rằng có nhiều ông hương chức hội tề hoặc ông cò Tây đã bí mật làm tay chân cho Đơn Hùng Tín vì sợ anh ta, vì tham của hoạnh tài.

Xưa kia, Đơn Hùng Tín chưa lấy biệt danh ấy. Anh ta còn là kẻ vô danh, đọc truyện Đường, nuôi chí lớn và chờ thời...

Vùng núi Tà Lơn nổi danh là nơi ẩn nấp của lã tay siêu phàm. Lúc phiêu bạt đến đó Đơn Hùng Tín chỉ là một hạt cát bé bỏng. Anh ta thường dạo khắp mấy hang đá cheo leo, hôm ấy gặp một thanh niên ốm o gầy mòn. Thanh niên hỏi:

- Anh là ai?

Đơn Hùng Tín hỏi ngược lại:

- Còn anh... anh là ai?

Chàng thanh niên bèn mời Đơn Hùng Tín vào hang đá mà nói:

- Ở đây, người nào cũng như người nấy. Đứng về võ nghệ mà phê phán thì có hơn chục người sành sỏi, bóp viên đá ra như cám hoặc nhảy như bay qua miệng hổ. Chẳng hay anh bạn giỏi về môn nào?

Để che giấu cái tài hèn đức kém của mình, Đơn Hùng Tín lại dùng thủ đoạn cũ, nghĩa là hỏi vặn:

- Còn anh bạn?

Thanh niên mỉm cười:

- Tôi mới biết sơ qua vài"ấn." Nè anh bạn tới thăm tôi trẻ, gặp dịp, tôi"triệt" bà cố cho bạn xem mãn nhãn.

Đơn Hùng Tín đâm ra nghĩ ngợi:"bà cố" là vị thần mạnh nhất, huyền diệu nhất so với các cô, các cậu đang bay bổng, phiêu du khắp cõi càn khôn. Người biết bắt ấn, triệt được"bà cố" hẳn phải là tay dày công luyện tập. Thanh niên nọ cứ day mắt vào vách đá, miệng đọc bùa chú lâm râm. Để tỏ rằng mình đầy đủ bản lĩnh. Đơn Hùng Tín cố ý khuấy rối sự yên tĩnh:

- Anh bạn hơi đâu mà luyện tập thứ ấn thấp kém đó. Tôi đây biết bùa phép và thường triệt"bà cố. " Chẳng hay anh bạn triệt kiểu nào?

Theo danh từ nhà nghề,"triệt" tức là kéo níu."Bà cố"bay phiêu diêu như chiếc xe mạnh bằng chục mã lực. Triệt"bà cố," chẳng khác nào kẻ vận dụng sức lực để níu lại một chiếc xe đang mở máy phóng tới. Thanh niên nọ vẫn mỉm cười đưa chân mặt ra phía trước rồi cong lưng, dùng tay trái mà nắm lấy một ngón chân:

- Đại để... tôi làm như vậy. Bà cố thường vân du, như bánh xe xoay tròn, muôn màu muôn sắc. Lúc tôi bắt ấn, mình mấy tôi râm nhưc, đầu óc nóng bừng bừng... Gần đây, còn một lão tổ sư khác thường tới lui thăm tôi, lão chê tôi làm trò chơi kiểu con nít.

Đơn Hùng Tín bắt đầu e ngại. Trên dãy núi Tà Lơn này anh ta rõ ràng là bất tài, chưa xứng đáng làm đệ tử của chàng thanh niên, nói chi đến lão tổ sư. Chàng thanh niên hiểu rõ nhược điểm của người bạn đang ngồi trước mặt.

Đơn Hùng Tín trở mắt như lao vào một thế giới vô hình. Từ đây tới điện Cán Dù, mỗi khi trời mưa lất rắt, ngoài dấu chân heo rừng hoặc hươu nai, đôi khi thiên hạ gặp ngoài dấu chân nhỏ nhỏ của một người con gái. Nàng là ai? Càng khó hiểu hơn là những bước chân ấy được in trên cát xa cách nhau. Dấu chân mặt và dấu chân trái nàng giống hệt dấu của kẻ đi với đôi hài... bầy

dặm.

Mưa bắt đầu rơi, Đơn Hùng Tín rùn mình hỏi kỹ:

- Thật vậy không?

Chàng thanh niên đáp:

- Nhiều tay tổ sư lập đàn để "triệt" vong hồn kẻ khuất mặt nhưng nàng vẫn chưa chịu về. Anh bạn mà triệt được nàng, ắt nổi danh.

- Tôi chưa học tới thứ ấy đó... Đơn Hùng Tín đáp.

Chàng thanh niên đặc ý, hiểu rằng người khách lạ có thân hình to lớn ấy đã lọt vào cạm bẫy tâm lý của mình. Chàng nói tiếp:

- Ở đằng kia, còn một ông lão tài ba lỗi lạc. Lão ta đang nắm giữ bộ sách "Thiên thư bí quyết." Anh bạn đọc qua bộ đó chưa?

Đơn Hùng Tín đáp:

- Tôi nghe sơ qua cái tựa chớ chưa đọc.

Chàng thanh niên cố ý giữ thể diện dùm cho người khách lạ. Theo lời thuật của anh ta thì ông lão kia học được vài phép màu nhiệm trong bộ "Thiên thư bí quyết." Lão nuôi một con khỉ, mỗi ngày cho khỉ uống một lá bùa. Uống đến lá bùa thứ bảy thì con khỉ tự nhiên ngã lăn ra chết. Lão đem xác con khỉ bỏ trong cái hộp bằng cây trầm hương. Đúng trăm ngày, lão mở hộp ra, cho con khỉ uống lá bùa thứ tám. Khi mở mắt, bắt đầu chạy nhảy lanh lẹ như xưa. Và mỗi ngày khỉ chạy đến chân núi, ăn cắp đúng hai đồng xu về nạp cho ông lão.

Động lòng tham, Đơn Hùng Tín nói:

- Mưa kể đó màu nhiệm, nhưng mỗi ngày có hai xu, ít quá. Con khỉ tuy khôn lanh ngậy nó hành động theo thói tiểu nham, trộm cắp lén lút. Tôi đây muốn làm cách nào... lấy của giữa ban ngày.

- Nghĩa là... ăn cướp:

Đơn Hùng Tín gật đầu:

- Nhưng ăn cướp đâu có nghĩ là làm chuyện bất lương thất đức. Mình ăn cướp đường đường, bắn súng cho chủ nhà cướp hay tin trước. Mình ăn cướp tiền bạc của Tây tà, đem phân phát cho kẻ bần hàn...

Luận điệu dối trá, giả nhân giả nghĩa ấy bỗng nhiên được chàng thanh niên tán đồng. Thật ra từ bốn năm trước nay, chàng thanh niên lên núi với hy vọng lập nghiệp. Hồi ở Châu Đốc, chàng ta làm nghề dạy học rồi bị sa thải vì tội cờ bạc và hút thuốc phiện.

Lên ở ẩn trên núi, chàng ta không đủ can đảm để luyện phép, tu tiên nhưng vẫn nuôi mộng được làm quân sư cho một kẻ anh hùng. Hôm nay, gặp kẻ anh hùng "vai năm tấc rộng, thân mười thước cao" như kẻ đang viếng động, chàng mừng khấp khởi.

Năm sáu ngày ròng rã, Đơn Hùng Tín ăn ngủ tại nhà chàng thanh niên. Chàng ta giới thiệu:

- Tôi là Giáo Phép, đại ca cứ gọi tôi bằng em.

Đơn Hùng Tín đáp:

- Gặp được chú Giáo, tôi mừng như cá gặp nước, như rồng gặp mây. Xem qua truyện Tống, truyện Đường, tôi thích có một người... Đó là Đơn Hùng Tín, người tận trung với chúa. Mai chiều mình làm giàu, cùng nhau chia cơm xẻ áo.

Giáo Phép nói rỉ vào tai Đơn Hùng Tín, mặc dầu chung quanh hang đá chẳng có người thứ ba nào rình nghe trộm:

- Mấy ông già tiên ở trên núi... nhứt định đâu thềm làm đệ tử cho anh em mình. Muốn lập đảng cướp, mình nên qui tụ bọn người đốn củi dưới chân núi.

Đơn Hùng Tín cau mày:

- Làm sao thu phục họ được? Mình không biết "triệt" bà cố, ngồi đàn bắt buộc cô gái ma xuất hiện hoặc... nuôi khi?

- Dễ quá. Đời vật chất văn minh. Tây cai trị nước mình được là vì Tây có súng. Mình nên dùng súng để trị súng!

Đơn Hùng Tín lắc đầu:

- Làm sao lập đạo binh chống với Tây tà được? Thú thiệt với chú Giáo, tôi có mang lên đây một khẩu súng "mút cơ tông" với ba viên đạn mà thôi.

Giáo Phép mừng quýnh, nói rỉ vào tai Đơn Hùng Tín ba điều bốn chuyện

rồi xin phép đại ca xuống núi vài ngày để mua sắm vài thứ bùa phép cần thiết, chờ khi phất cờ giống trống, chiêu quân mãi mãi. Nghe qua, Đơn Hùng Tín cười dòn, vỗ đùi bôm bốp...

Giáo Phép từ Châu Đốc trở về núi Tà Lơn.

Đơn Hùng Tín mừng rỡ sau khi nghe giải thích vài chi tiết trong quyển sách khá dày, đóng bìa da:

- Thiệt vậy há cháu Giáo? Ngày mai chú xuống chợ Cần Giọt truyền rao, ngày mốt tôi xưng vương, chánh thức ra mắt. Mười ngày sau nữa, tôi... làm giàu, công ơn chú, chẳng bao giờ tôi quên.

Giáo Phép đặc ý, lật qua lật lại mấy trang sách:

- Đúng là bộ Thiên thư bí quyết viết bằng chữ Tây. Bên Tây họ thí nghiệm nhiều lần rồi, ở hội chợ phiên... thiên hạ kéo tới đông nghẹt, nhiều người ngất xỉu vì ngọt hơi thở, vì quá sợ sệt. Huống chi ở xứ Tà Lơn khi ho cò gáy này.

Từ đó đến chiều. Đơn Hùng Tín uống rượu khá nhiều. Anh ta đem khẩu súng ra chùi cho bóng láng và đếm tới đếm lui mấy viên đạn. Với chiếc kềm sắt, anh ta tháo đầu đạn, ráp vào rồi lại tháo ra. Hồi lâu, như chưa vừa ý, anh ta đốt đèn sáp để lấy chất khói đèn...

Giáo Phép xuống núi, truyền rao với các anh hùng tứ chiến:

- Sáng mai, mời anh em tới điện Cán Dù xem Đơn Hùng Tín... thổi bùa.

Ai nấy tỏ vẻ lạnh lùng:

- Chán bùa phép quá rồi. Tụi tui muốn tìm thứ bùa phép nào... đem lại cơm gạo hoặc tiền bạc để nuôi vợ nuôi con. Chẳng lẽ tụi tui lưu lạc tới xứ này để học bay nhảy trên gành đá, tranh tài với loài khỉ, loài vượn.

Giáo Phép đáp:

- Bùa phép của Đơn Hùng Tín nhất định đem cơm gạo vàng bạc cho tất cả các đệ tử.

- Làm bạc giả à? Liệu Đơn Hùng Tín ăn thua với lính mã tà được không? Đơn Hùng Tín là ai? Ở xứ núi non, tụi tui nghe nhiều cái danh hiệu nghe điếc con ráy, rốt cuộc gặp toàn những đại ca thuộc vào hàng "khôn nhà đại chợ."

Để chứng tỏ mình là kẻ khiêm tốn. Giáo Phép ngồi xuống, nghe đám anh

hùng tứ chiến thuật lại những trận "hồ phong hoán võ" thất bại, lỗ cườì lỗ khóc. Nào là Tiết Đình San... chạy bò càn khi đánh cướp, bị chủ nhà vây bắt. Chủ nhà nào có tài ba gì đâu cho cam? Đám gia nhân chỉ hò hét, đốt pháo tre, liệng chai đựng đầy nước mắt. Miếng vè chai bể, dính nước mắt mà ghim vào da thịt thì phải biết! Nó gây thương tích nhức nhối vô kể.

Lại còn chuyện Tiết Nhơn Quý tự xưng biết "thăng thiên độn thổ" nhưng khi biểu diễn thì "thăng" lập tức! Một người trong đám cử tọa đưa ra "cây dao con chó," yêu cầu Tiết Nhơn Quý ngấm vào da thịt. Tiết Nhơn Quý ngáp rồi ụa mửa, đôi mắt ngơ ngác, hẹn sẽ lóc từng miếng thịt của mình cho cử tọa xem... vào dịp khác thuộc ngày lành hơn, tháng tốt hơn và giờ khác linh thiêng hơn.

Giáo Phép lắc đầu:

- Xưa nay, những người giả thì nhiều mà những người thiệt thì ít. Tôi là người có ăn học, anh em dư biết... Tôi chẳng bao giờ sùng bái ai, vậy mà tôi đành thọ giáo với Đơn Hùng Tín. Ông này ghê gớm lắm...

Bọn anh hùng tứ chiến đáp:

- Ghê tới mức nào? Ông thuộc vào hạng người siêu phàm, súng bắn vào không nổ chứ gì?

- Ông giỏi hơn một bậc. Súng bắn nổ rầm rầm không chết!

- Súng gì?

- Súng "mút cờ tông" của Tây.

- Tại sao ông không chết?

- Nhờ đọc bộ "Thiên thư bí quyết." Ông luyện tập... mười mấy năm trường ròng rã. Sau khi súng nổ, ông cười "hề hề." Ngày mai đúng vào giờ Ngọ, tại điện Cán Dù... Bà con nhớ tới xem cho biết.

Nguồn tin Đơn Hùng Tín sắp hạ san khiến bọn anh hùng tứ chiến xôn xao. Họ nói chuyện miệng, kéo tới điện Cán Dù. Đã từng lưu lạc giang hồ, sống ngoài vòng pháp luật, họ dư hiểu: Nếu phò tá cho một kẻ súng băng không chết dĩ nhiên họ sẽ làm giàu. Đơn Hùng Tín sẽ kéo... toàn đảng, dập khắp đó đây, từ thôn quê tới thị thành, tha hồ bao vây nhà mấy ông cai tổng, chặn xe

đồ... hoặc bắt cóc, thủ tiêu vài ông Tây cho biết mặt.

Đơn Hùng Tín mặc quần cụt ở trần, mình mẩy xăm toàn... rỗng và chim phụng hoàng. Ngay giữa ngực anh ta, còn có hàng chữ Pháp, nói lên ý nghĩa cao cả của cuộc phá khám Bách Ti 1789 ở mẫu quốc xa xôi...Tự Do - Bình Đẳng - Bác Ái.

Anh ta đứng sẵn trên miệng hố:

- Nếu chết thì tôi bỏ xương dưới cái hố oan nghiệt này để đền tội nói láo với bà con. Tôi biết bà con chưa tin.

Rồi anh ta khoác tay:

- Chú Giáo! Dem cây súng với viên đạn cho bà con coi trước. Xưa nay, bà con thường gặp nhiều vụ bắn súng giả, nào họ dũa"con cò" súng hoặc xài súng giả, đạn giả.

Giáo Phép trao cây súng"mút cơ tông" bóng láng cho từng người xem. Và điều này rất quan trọng. Chàng ta đưa ra một viên đạn bằng đồng. Đầu đạn sáng choang nhọn lều. Bọn anh hùng tứ chiến rất kiêng oai loại súng"mút cơ tông." Nghe đâu hồi giặc Âu Châu đại chiến 1914 - 1918, Pháp quốc thắng Đức quốc nhờ loại súng thần tốc này. Và anh hùng Phan Xích Long đòi phá khám Sài Gòn cũng đã bó tay chịu phép khi nhà cầm quyền Pháp cho nổ chỉ thiên vài phát.

Giáo Phép xin lại cây súng rồi nói:

- Súng thứ thiệt, đạn thứ thiệt. Bà con còn thắc mắc gì không? Và đằng kia là Đơn Hùng Tín đang ở trần.

Đơn Hùng Tín quát to:

- Cứ bắn cho mau. Tôi đứng cách họng súng chừng năm thước. Bà con cứ xáp lại gần, cách tôi chừng một thước.

Giáo Phép nạp đạn vào lòng súng trong khi hàng chục cặp mắt đổ dồn về mấy chữTự Do - Bình Đẳng - Bác Ái ... Lòng ngực của Đơn Hùng Tín phồng lên, xẹp xuống...

Đơn Hùng Tín nhép miệng như đang đọc thần chú...

- Đùng!

Mùi khói thuốc bay nồng nặc.

Cử toạ rú lên?

Đơn Hùng Tín vẫn đứng sững, sống nhăn. Và anh ta đang nghe răng cắn viên đạn đồng!

Ai nấy im lặng...

Đơn Hùng Tín nhả ra, viên đạn đồng rớt xuống đá nghe tiếng "bốc" lăn tròn...

Giáo Phép chạy tới lượm viên đạn, trao cho cử toạ:

- Thấy chưa! Đơn Hùng Tín... đớp viên đạn. Viên đạn còn nguyên không móp!

Trong đám cử toạ, có kẻ... như đang hồ nghi điều gì. Kẻ ấy cầm viên đạn, đưa qua đưa lại để quan sát.

Nhanh như chớp, Giáo Phép nấp viên đạn thứ nhì, nhắm ngay đầy kẻ ấy mà bắn:

- Chát!

Máu tuôn ra từng giọt trên vách đá. Kẻ ngạo mạn ấy nghiêng đầu, từ từ ngã gục. Giáo Phép chỉ tay vào mặt hắn:

- Tao bắn... cái vong hồn của mày cho mày thấy! Kìa! Trên vách... mấy giọt máu tươi của mày. Mày chưa chết đâu! Day mặt mà xem...

* * *

Từ đây oai danh của Đơn Hùng Tín nổi như cồn. Bọn đệ tử vững bụng rằng "đại ca" của mình thuộc vào hàng "súng bắn không chết." Đơn Hùng Tín trở thành vị hung thần của đất Nam Kỳ thuộc địa, gây nhiều sự bận rộn cho nhà cầm quyền Pháp.

Là kẻ sanh sau đẻ muộn, người viết bài này chỉ nghe thuật giai thoại kể trên. Bộ "Thiên thứ bí quyết" là loại sách gì? Tại sao anh ta cắn được viên đạn vào miệng?

Lão quân sư Giáo Phép bây giờ ở đâu để giải đáp?

Tình cờ, chúng tôi đọc được quyển sách ảo thuật của Yvon Yva, một

người Pháp. Sách ấy giải đáp toàn vẹn kỹ thuật súng bắn không chết của các tay gian đạo sĩ Âu Châu đang áp dụng.

Đại khái, họ nạp vào nòng súng một viên đạn có cái đầu "ban" giả, đúc bằng sáp. Đầu đạn sáp ấy nhuộm khói đèn nên giống màu đồng đen. Súng nổ, đầu đạn sáp chảy ra. Và Đơn Hùng Tín đã ngậm sẵn trong miệng một đầu đạn thứ thiệt, trưng ra sau khi súng nổ. Phát súng thứ nhì... đổ máu. Đó cũng là viên đạn có đầu "ban" bằng sáp, trong lòng đầu "ban" chứa son tàu, giống hệt máu.

Có điều chắc chắn là Đơn Hùng Tín và quân sư Giáo Phép chẳng bao giờ đọc sách của Yvon Yva, sách này mới xuất bản từ vài ba năm nay. Có thể là Giáo Phép đọc một quyển sách khác rồi nghiệm thêm, đem ra thực hành với sự góp ý của Đơn Hùng Tín.

Quả thật những người sống "nhàn cư" ở núi Tà Lơn là những kẻ lợi hại, thông minh hơn... người Pháp.

Ông Bang Cà Ròn

Mặt trời vừa ló dạng là ông Bang Linh bùng mắt. con đường từ chợ Rạch Giá đến xóm Sóc Xoài quá gồ ghề, chiếc xe lôi nhảy lừng từng từng chập, ấy thế mà ông Bang ngủ ngon lành. Anh đạp xe thỉnh thoảng day lại cười thầm:

- Người ta nói cũng phải, người Tàu ngủ ngồi giỏi lắm, vì từ thuở lọt lòng, họ đã ngủ ngồi trong cái đai sau lưng mẹ.

Mặt trời lên khỏi chừn trời quá nhanh. Ông Bang bo sù sụ vài tiếng rồi hỏi:

- Tới chợ chưa?

Anh đạp xe lôi nói:

- Dạ! thấy dạng cây sao ở chùa Miên đằng kia rồi. Chừng mười phút nữa... Ông Bang lạnh không?

- Ráng đạp đi, tôi thưởng chú thêm vài cắc. Lạnh chớ, trời mưa dọc đường. Chú mệt không?

Anh đạp xe lôi cứ khóm lừng, nói không day lại:

- Mệt thì ít mà sợ thì nhiều. Sợ dọc đường bị tụi nó chặn xe, tiền bạc mất mát, ông Bang buồn thì tôi đâu có vui.

Chiếc xe lôi cứ tiến tới một mình. Con đường lộ Rạch Giá - Hà Tiên chạy dài sát bờ kinh sáng, bên kia đường là rừng tràm lừa thưa và đồng cỏ hoang vắng. Xa xa mới có một xóm nhà, đa số là người Miên. Đất thấp, nhiều phèn. Nhiều người cày ruộng thử, nhưng họ thất vọng vì lúa bị háp, bỏ năm lúa vô thau nước thì mười hột, nổi lêu bêu có tới bảy. Nhiều khi tới mùa chẳng ai

thèm gặt cho tốn công, chuột từ đâu kéo tới cắn luột sấp, lúa ngã xuống như gặp giông bão. Con lộ này hồi quan toàn quyền tới ăn lễ khánh thành thì khá bằng phẳng, như qua trận lụt năm ngoái, nước tràn ngập, cuốn phăng mớ đá trải đường ra tận ngoài biển vịnh Xiêm La, uống công mấy anh lục lộ cán tới, cán lui suốt mấy tháng trường.

Chợ Sóc Xoài khá phần thịnh, như hòn đảo xanh tươi nổi lên giữa biển cỏ vàng úa. Xe dừng lại trước nhà ông Bang trong khi tiệm cà phê bên cạnh sửa soạn mở cửa. Ông nhảy xuống gọn gàng.

- Tôi bao cước xe này năm cắc, thêm cho anh một cắc, là sáu.

Sáu cắc là số tiền to tát. Năm đó, năm 1937, mỗi giạ lúa bán tại chợ là hai cắc rưỡi. Ông Bang gõ cửa. Bà Bang dáng người mập mạp như chông, mở cửa rồi vịn đèn lên cho cao:

- Sao ông về sớm vậy! Chờ sáng, đi xe đò ít tốn tiền hơn. Ông bao trọn chiếc xe lôi? Tốn bao nhiêu vậy?

- Sáu cắc!

Bà Bang hơi sốt ruột:

- Ông xài lớn quá, bốn cắc là vừa!

Ông Bang không trả lời. Trong khi bà nấu nước pha trà, ông đến cái bàn viết, ngồi xuống, lật sổ ra, lắc bàn toán nghe lắc cắc. Đôi mắt ông sáng rực lên. Mấy người bạn hàng gánh gồng nào gương sen, bông súng, cá lóc đi ngang qua cửa. Ông Bang hớp chén trà rồi gọi khẽ:

- Bà lại đây, có chuyện vui, đừng cho ai biết.

Bà Bang đến sát bên chông, nghiêng tai. Ông nói:

- Cà ròn bán có giá. Họ chịu mua tám xu một cái, ngày mốt, mình chở ra Rạch Giá bốn ngàn cái, còn sáu ngàn cái, bảy tám ngày nữa mình chở luôn, cho kịp chuyến tàu đi Bạc Liêu.

Còn gì mừng rỡ cho bằng! Bấy lâu nay, bà Bang giúp chông một tay đắc lực. Công việc duy nhất của bà là mua cà ròn, do người Miên trong sóc đang thật kỹ và thật khéo, với giá bốn xu một cái. Khi túng thiếu, họ đến gặp bà, nài nỉ mượn tiền trước với giá rẻ mạt là hai đồng bạc một trăm cái, tức là mỗi

cái hai xu! Vốn hai xu, bán lại tám xu. Như vậy mà ông Bang làm giàu thật mau và gây được cảm tình với tất cả dân chúng trong sóc Miên. Mỗi gia đình trong sóc đều thiếu nợ của ông bà, người nào ít thì năm đồng, gia đình nào đông con thì bà dám ứng lực, con nít trên mười tuổi có thể tiếp tay đờn cái mình cà ròn. Khó nhứt là bẻ miệng và bẻ đít cho cà ròn đừng sút mỗi, công việc này là của người lớn. Cà ròn đờn bằng cọng bàn, nhẹ và mềm như cọng lác.

Xóm Sóc Xoài cung cấp phần lớn cà ròn cho miền Hậu Giang: dạo ấy bao bố phải nhập cảng từ Ấn Độ, cà ròn là cái bao rẻ tiền nhất để đựng lúa gạo, đậu xanh, đường cát.

Bà Bang hỏi kỹ:

- Trong nhà kho, còn tồn trữ hơn sáu ngàn cái cà ròn, như vậy là dư chuyển đầu tiên, mình chở ra giao đúng hạn rồi hãy lo bốn ngàn cái kia.

Ông Bang lật sổ, coi lần chót:

- Tôi lặc bàn toán nãy giờ, trong kho có tới tám ngàn năm trăm bảy chục cái. Bà nấu cháo trắng, nấu một nồi lớn cho tôi ăn với lạp xưởng. Cháo nóng ăn khoẻ, dễ tiêu hơn hủ tít, tôi đi nhà kho, nhắc nhở ông già Lanh.

Nhà kho cất bằng cột tràm, lợp lá, nền cao ráo, dài đến bốn căn. Ông già Lanh là người Miên lai, tuổi hơn sáu mươi, lãnh trách nhiệm giữ kho, ăn ngủ tại chỗ. Khi ông Bang đến thì ông già Lanh ngồi ung dung hút thuốc, bên cạnh sáu, bảy cái rập chuột. Chuột bị đề giập xác, ông Lanh giả vờ như sốt sắng với công việc do ông Bang giao phó nên quên chào.

- Chuột hả! Nhiều không?

Ông già Lanh ngẩng đầu lên:

- Ông Bang ơi, mỗi đêm tôi thăm rập chuột ba lần, mỗi lần bảy con. Phải chi ông mua thêm vài chục cái rập nữa cho đủ dùng, một cái rập, một đêm tôi cũng thức hai ba lần, mười cái rập cũng đâu tốn công thêm.

Nhưng ông Bang Lành méo mặt, chạy nhanh vô nhà kho. Cà ròn bó kỹ lưỡng, mỗi bó mười hai cái, nằm ngay ngang từ nền lên cao tận mái nhà. Năm bảy con chuột chạy sột soạt, mùi ẩm ướt xông lên khiến ông Bang nhảy

mũi lia lia. Ông kêu lên:

- Hư hết rồi! Chuột là ổ trong đồng cà ròn. Một con chuột cắn một đê mê hư cả trăm cái. Một trăm con cắn bốn đê mê thì còn gì? Chuột nhiều sao ông không cho tôi biết. Trời đất ơi!

Ông Bang quăng từng bó cà ròn ra sân. Chuột cứ chạy vì động ổ. Năm ba con chuột đỏ hói nằm ngo ngoe, chó hoang đặng xóm chạy tới, sủa ồm ồm. Trẻ con xúm lại, rồi đi dang xa. Càng lục lạo, ông Bang càng tối tăm mặt mày vì cà ròn bị chuột khoét có đến hàng ngàn cái, hễ bị lũng thì coi như bỏ luôn. Quá tức giận, ông chạy tới trước mặt ông già Lanh:

- Mướn ông giữ kho mà ông cứ ngủ, uống tiền quá. Năm nay tôi tàn mạt, tại ông.

Rồi ông Bang bước nhanh về nhà. Ông Lanh ôm từng bó cà ròn đem ra sân, lành để một bên, rách một bên. Thỉnh thoảng, ông vẫn điếu thuốc, nghỉ tay. Một người đi qua nói giọng khô hời:

- Như con trâu rụng cái lông đuôi, thắm tháp gì! Ông Bang Lành hồi mới tới nghèo khó, làm giàu nhờ cà ròn. Lâu lâu trời hại ổng một năm. Bà Bang tới kìa!

Ông già Lanh lẩm bẩm:

- Bả tới thì cũng vậy thôi. Tôi ở mướn, giá rẻ mạt. Bọn trai tráng thì trốn thuế thân, đứa nào dám ngủ tại nhà kho này. Cái phận sự của tôi như vậy thì tôi làm như vậy. Tây còn rừ không nổi chuột bọ, huống gì thằng già này. Hiền như Phật, như ông Địa vậy mà chuột còn phá rối bàn thờ.

Bà Bang tới, dùng thủ đoạn thường lệ là sự ăn nói ngọt ngào với kẻ ăn người ở. Biết rằng lỗi không hoàn toàn ở ông già Lanh, bà an ủi khéo léo:

- Ông lựa giùm cho kỹ, chuyện qua rồi. Để tôi đi vô sóc thúc hối mấy người còn thiếu tiền cho họ đươn cà ròn thật mau, trễ ngày thì cà ròn xuống giá. Ông hơi tệ, tại sao chuột cắn năm, mười ngày rày mà không hay biết? Từ rày về sau, tôi mướn thêm một người coi chừng đuổi chuột.

Từ trên nóc nhà kho, con mèo nhảy xuống kêu ngao ngao. Như sự nhó điều gì, bà cắn nhần:

- Nuôi mèo thiệt vô ích. Tại sao nó không bắt chuột. Hôm trước có tới sáu bảy con?

Ông Lan cố ý nói đùa:

- Chuột đông quá, chuột rượt mèo để ăn thịt. Chuột cắn tôi bầy mình, bà coi mấy đầu ngón chân của tôi đây nè! Người ta nói hễ chuột rúc trong nhà là tiền bạc vô đầy đủ. Chuột rúc là chuột túc, mà túc là lúa, phải không bà Bang? Tại sao xứ này nhiều chuột mà không có lúa?

* * *

Hơi sức đâu mà nghe ông già khùng đó. Cãi vã thêm mất lòng, tốt hơn hết là mình vô xóm để thúc hối mấy người còn thiếu nợ để họ đờn cà ròn suốt ngày đêm cho kịp. Thời giờ gấp rút lắm. Bà Bang an ủi chồng như vậy.

Tuy không ghi sẵn trên giấy trắng, bà Bang Linh nhớ rõ danh tánh đầy đủ của con nợ. Đầu tiên là vợ chồng Sa Đơn, ở gần miếu ông Tà. Bà đứng dưới chân thang, trông lên sà nhà:

- Ai ở nhà không?

Chị Sa Đơn nghiêng mình trả lời:

- Bà Bang đi chơi! Chồng tôi uống rượu với anh em rồi!

- Làm cái gì đó?

- Chí cần ngựa đầu, con tôi bắt chí cho tôi. Ở không buồn quá không biết làm cái gì.

Gia đình Sa Đơn thiếu của bà Bang tám đồng bạc, tức là bốn trăm cái cà ròn, thế mà cô vợ lại nằm ngáp dài, anh chồng cứ uống rượu. Bà cắn nhả:

- Sao không đờn cà ròn? Chị làm giùm cho gấp. Chị giúp tôi thì mùa tới tôi mới giúp chị được. Như vậy thì hiệp tôi quá.

Chị Sa Đơn trở mặt:

- Trời ơi! Đờn cái gì bây giờ?

- Đờn cà ròn! Chị quên nợ của tôi sao chớ?

- Không phải! Mời bà Bang lên nhà, tôi nói cho bà nghe. Bà không một cọng, cắt cỏ ngoài đồng đem về nhà để đờn cà ròn sao chớ. Người ta nhổ bàng chưa về. Lâu lâu mới đem về một lần. Tiền mượn của bà, tôi chia với

người nhổ bàng.

- Nhưng chùng nào về?

Chị Sa Đơn chỉ về phía đầu xóm:

- Nhà Tứ Ớn, một mình ở gần cây mù u đó. Hễ Tứ Ớn đem bàng về là xóm này xúm nhau đờn cà ròn trả nợ cho bà.

Câu trả lời ấy găm lại hữu lý. Sau khi ghé qua thăm vài con nợ, bà Bang nhảy qua cái mương nhỏ để đến gốc cây mù u. Hai đứa bé trần truồng đang bốc cơm nguội ăn ngon lành, đứa khác lớn hơn thì lo nắn con trâu nhỏ bằng đất sét. Nó đẩy con trâu tới, miệng nhái tiếng ghé ngo... Để tin rằng nó nói sự thật, bà Bang ngồi xuống cho nó hai xu. Mầy là con của Tứ Ớn hả?

Lần này thằng bé nâng con trâu gọn trong lòng bàn tay, chạy lên sân nhà như sợ sệt. Hai đứa kia ngậm búng cơm, quên nhai.

* * *

Sau bữa cơm trưa, ông Bang nói với ông già Lanh:

- Chuột cắn cà ròn, đó là chuyện rủi, tôi hơi nóng nảy, ông đừng buồn. Dân trong sóc nói rằng Tứ Ớn nhổ bàng chua về. Ông chịu khó bơi xuống, đờn tôi kiếm nó. Hễ nó đem bàng về thì mọi việc đều xong xuôi. Mình đi liền, chiều nay, đi tới Đường Bàng.

Thật là chuyến đi du lịch bất ngờ. Từ Sóc Xoài tới Đường Bàng, đường hơi gập ghềnh nhưng ngặt một nỗi là muỗi mòng, đĩa vắt. Đáng lý thì ông già Lanh từ chối, viện lý do già yếu để xin thêm chút tiền công lao chèo chống. Ông là người giữ kho, được quyền ở nhà. Nhưng hôm nay là dịp để trả thù ông Bang Lành.

- Đi thì đi. Mình đem theo dầm chèo, sào dài để chống cho mau tới Đường Bàng. Ông Bang tới đó lần nào chưa?

Ông Bang Lành nói như thành thạo lắm:

- Biết chớ! Năm kia, tôi đi Vàm Răng, thấy họ nhổ bàng ở Đường Bàng, phải không?

Trả lời lúc chưa đến nơi là quá sớm và nhất là mất thú vị. Bởi vậy, ông già Lanh cứ im im. Trước tiên, ông gay chèo. Nhờ nước xuôi, chiếc xuống trôi

nhanh. lát sau, ông Bang Linh ngủ ngồi, ngáy khò khè. Để hưởng trọn vẹn lạc thú của chuyến du lịch, ông già Lanh ngồi xuống, bỏ dây chèo xuôi theo lái xuống rồi đẩy ra đẩy vào để giữ phương hướng. Mặt trời xế dần. Gió thổi mạnh qua vùng đất phèn, đầy năn và lác, một thứ âm thanh huyền bí từ lòng đất trời lên, lác và năn giống như những sợi tóc dây cước vàng lờm, run rẩy không nên lời. Núi Ba Thê hiện ra ở chân trời, xéo về hướng bắc, dãy Thất Sơn chạy dài qua khỏi biên giới Cao Miên, chót núi tiếp với vầng mây bạc đang chuyển sang màu cam. Vài chiếc xe lôi di chuyển trên lộ xe. Từ phía Vàm Răng chiếc ghe củi nhô lên sừng sững, trên chót cột buồm. Nước ngược và gió ngược, sức người chỉ có hiệu quả là giữ cho chiếc ghe nặng nề kia khỏi trôi ngược.

Ông Bang Linh vụt thức dậy:

- Tới đâu rồi?

Ông già Lanh đáp:

- Dạ, khỏi Vàm Răng.

- Sao không ghé lại Đường Bàng?

Bấy giờ ông già Lanh mới chịu giải thích:

- Đường Bàng là con nước nay đổi mai dời. Ba năm trước, ở Vàm Răng nhiều bàng nhưng năm nay thì hết. Dân nhỗ bàng phải lên trên này, lập một cái đường khác. Chỗ đèn đuốc sáng trưng đằng kia kìa!

Bóng tối đổ quá mau. Giữa khoảng đồng không mông quạnh, xóm nhà hiện ra, như hội chợ nho nhỏ với hàng chục ánh đèn. Toàn là quán rượu, quán hủ tía. Khi bước lên bờ, ông Bang Linh nhận ra người quen. Đó là Xìn Phóc, chủ quán. Xìn Phóc hỏi:

- Ông Bang ăn cơm chưa? Tới đây làm gì cho cực khổ?

Bếp un muối không đuổi được bầy muỗi bay ào ào. Vừa đập muỗi, ông Bang Linh vừa trả lời:

- Xìn Phóc biết Tư Én ở đâu không? Nó lên đây nhỗ bàng, lâu quá chưa thấy về.

Xìn Phóc nheo mắt, đưa tay ngoắc như làm dấu hiệu cho ông Bang Linh

lại gần để nói chuyện riêng:

- Nó đánh bài cào ở sau hè nhà tôi. Sòng bài lớn lắm.

Bang Linh cau mày. Khi vừa quay mặt thì gặp Tư Ân từ ngoài cửa bước vào. Anh ta ở trần, cười dòn:

- Ông Bang kiếm tôi? Hôm rày tôi nhỡ bàng nhiều lắm, nhưng chưa đủ. Đánh bài thua mấy đồng, tôi ngồi hút thuốc, tình cờ thấy ông.

Ông Bang Linh lại gần Tư Ân:

- Cỡ này ở Sóc Xoài thiếu bàng đươn cà ròn. Chú đem bàng về cho mau.

Tư Ân hơi giận vì nhỡ bàng đâu phải là chuyện dễ dàng, nhanh chóng. Chú muốn tặng cho ông Bang Linh, nổi danh là ông Bang cà ròn này, một bài học đích đáng. Ch1u đã chuẩn bị xuống xuống đi nhỡ bàng từ lúc nãy, nay gặp dịp, tại sao không mời ông Bang đi luôn một chuyến cho biết mùi đấng cay?

Ông già Lanh ở lại, ông Bang Linh ngồi trong chiếc xuống độc mộc, Tư Ân cầm cây sào dài, đứng chống sau lái. Chú ra lệnh;

- Ông Bang ngồi năm hai bên ghe cho vững. Tôi chống mạnh lắm.

Chiếc xuống độc mộc rời khỏi bờ kinh sáng, tiến sâu vào đồng cỏ âm u. Xuồng lướt re re trên cỏ, hồi lâu, ông Bang hỏi:

- Chống xuống đi đâu?

- Năm ngoài, nhỡ bàng tại chỗ nầy, năm nay, bàng mọc không kịp, nhỡ ở trên kia, giữa đồng hoang, chừng vài cây số nữa là tới.

- Xuồng lướt tới, mất hút trong bóng tối. Ông Bang Linh giật mình ngoảnh lại, chỉ còn thấy vài đốm sáng chập chờn, lu dần, phía quán hủ tếu. Lát sau, Tư Ân la lên:

- Tới rồi!

Xuồng tiến vào khu vực đầy bàng bàng mọc dày đặc, cao khỏi đầu Tư Ân, ông Bang cứ nhắm mắt, ngỡ mình chun vào cái bụng vô tận, đen ngòm. Bàng ngã rạp xuống, xuống lấn tới. Ông Bang la hoảng:

- Bàng ở đâu!

Tư Ân thích chí:

- Ở đây chớ ở đâu! Tôi nhớ rồi, hơn bảy chục bó, đúng trăm rưỡi bó tôi về Sóc Xoài.

Mặt nước phản chiếu vài ánh sao thưa. Mấy bó bàng nằm dầm trên đất bùn, như cây to cưa ra từng khúc đều đặn. Ông Bang Linh khen ngợi:

- Ráng nhớ thêm rồi ngày mai về Sóc Xoài.

- Thì tôi nhớ đây!

Lập tức Tư Én nhảy xuống nước. Nước sâu ngang gối, chú lội bì bõm đến cụm bàng dày kịch trước mặt. Đột nhiên ông Bang Linh kêu rú:

- Muối cắn! Trời ơi, muối ở đâu nhiều vậy! Sao hồi nãy không có muối?

- Bàng nhiều thì muối nhiều. Hồi nãy, xuống chống lẹ, muối bụ theo không kịp.

Thấy Tư Én cứ đi tới, ông Bang sợ sệt:

- Trở lại, đưa tôi về! Đưa tôi về!

- Dạ, tôi nhớ sáng đêm nay rồi luôn cả ngày mai mới đủ một trăm năm chục bó. Ngày một tôi mới về được, còn buộc mấy bó bàng cho nó nổi đuôi sau lái chiếc xuồng, ra ngoài kinh sáng, bàng nổi lên mặt nước, xuồng sẽ kéo theo dễ dàng.

- Muối cắn quá! Ái ô! Mọi lần tôi ngủ dễ lắm, ngồi như vậy, đêm nay tôi ngủ không được. Đưa tôi về. Tư Én ơi! Tôi mệt vì mấy con chuột. Chú mệt vì mấy con muối. Nhớ bấy nhiêu đó đủ rồi, về gấp tôi trừ nợ cho. Chuột với muối làm hại xứ này, phải không?

Tư Én lên sau lái xuồng, cứ im lặng. Vì con người xứ này đã quen chịu khổ nhục? Hay có lẽ vì lý do khác. Chú ngồi xuống, vẫn điều thuốc mời ông Bang. Ông Bang không hút. Chú hút một mình.

Một Kiểu Anh Hùng

Cái câu "được kiện như sọ trâu khô, thất kiện như mồ cha chết" dường như không đúng với trường hợp tranh chấp giữa hai ông điền chủ ở làng Vĩnh Hoà thời Pháp thuộc. Về tên tuổi của hai ông, kẻ viết bài này xin tạm dấu. Để dễ bề theo dõi, chúng tôi gọi ông thứ nhất là hội đồng Hai, ông thứ nhì là cai tổng Ba.

Về điền sản, hai ông đều làm chủ những khoảnh đất cò bay thẳng cánh, rộng tới đôi ba ngàn mẫu tây. Con cái của hai ông đều ăn học thành tài, nếp sống theo hình thức nửa tây nửa ta, "trên ô tô dưới thời ca nô." Điều đáng nói là hai ông này khác nhau ở vóc dáng: hội đồng Hai quá ốm yếu nhu người nghiện thuốc phiện, cai tổng Ba thì khoẻ mạnh, giỏi võ.

Từ lâu, hai ông tranh chấp một miếng nhỏ, ở bên ranh. Vụ kiện cáo dài bảy - tám năm, mỗi ôn gđều mượn thầy kiện riêng. Mãi đến tháng rồi toà tuyên bố hội đồng Hai bị thất kiện, bồi thường số tiền cho cai tổng Ba, kèm theo mười quan danh dự.

Bà hội đồng Hai thường căn nhắc với chồng:

- Tại sao không chống án lên toà trên. Cai tổng Ba rêu rao rằng nó sắp vật heo ăn mừng, kêu gánh hát bội về làng, hát thí cho đám tá điền coi chơi.

Dòng máu oanh liệt của ông hội đồng Hai bừng sống lên:

- Vậy hả? làm thịt heo ăn mừng! Ừ! Việc đó tôi bỏ qua. Nhưng còn việc kêu gánh hát về làng, rõ ràng là điều sỉ nhục. Chừng nào gánh hát tới?

- Mười lăm ngày nữa. Phải rồi, bữa hăm một tháng Chạp.

- Bà đừng lo. bữa đó, vợ nó làm đám ma cho nó. Bọn đờn cò, bọn đánh

trống cơm... hoà bản Nam ai, Xuân nữ. Con cái nó bện đồ tang... trắng nhà.

Nghe qua, bà hội đồng áy náy. Hiểu được nỗi lo âu của vợ, ông hội đồng nói rù rì bên tai rồi kết luận:

- Chẳng bao giờ ở tù. Bà khéo lo thời thôi! Tôi bắt đầu giết nó, kể từ hôm nay. Bà nhắn tin cho thằng Hùng, thằng Cứ lo tập dượt, chờ ngày dụng võ. Tôi đang chờ tin tức.

Lập tức, ông hội đồng ra sân, ngắm nghía mấy chậu kiếng. Con nhện nhện hùm buông mình lơ lửng từ ngọn cây tùng, chưa rơi xuống sát đất. Nó cố gắng cựa quậy, rút trở lên. Ông nói lầm bầm:

- Vì sợi tơ mà nó té, vì sợi tơ mà nó trở lên ngọn cây, như cũ.

Ông cười thích thú, tự hào rằng mình đã tìm ra một cách ngôn mới, không kém cách ngôn thánh hiền. Cánh cửa sắt từ từ mở. Một bóng người bước vào:

- Thưa ông!

Ông giật mình:

- À! Công việc ra sao? Tiến! Mày nói đầu đuôi cho tao nghe. Hả? Day mặt lại coi. Nó đánh mày bầm mặt hả?

Lát sau, chủ và tớ ngồi trên chiếc băng băng cẩm thạch. Thằng Tiến - đứa ở của ông hội đồng - từ từ cất giọng:

- Thưa ông, tôi đi ngang qua nhà cai tổng Ba, theo lời ông dạy. Tôi đi qua rồi tôi trở lại. Cai tổng Ba kêu tôi vô nhà, hạch hỏi, cho tôi là đứa dò thám. Lẽ dĩ nhiên, tôi cãi lại.

- Rồi sao nữa?

- Cai tổng Ba vu oan, cho tôi muốn rình nhà để vô ăn trộm. Ông đòi đánh tôi. Tôi cự nự. Rốt cuộc, tôi chịu thua, mặc tình cho bọn lâu la của ông sỉ vả, đấm đá. Ông thách đố: "Giỏi thì vô đây!" Rồi thì ông hỏi tôi ở đâu tới, đi rình nhà theo lệnh của ai. Tôi trả lời: "Theo lệnh của ông hội đồng Hai."

Nói xong, thằng Tiến ôm mặt khóc, không phải vì đau đớn nhưng vì quá xấu hổ. Qua tiếng nấc của nó, ông hội đồng đoán chừng: nó sẵn sàng đổ máu để rửa hận. Ông nói:

- Vô nhà nghỉ cho khoẻ, đây, mười đồng bạc.

Thằng Tiến hỏi:

- Chùng nào ông ra tay?

- Chưa thuận tiện. Mình mới dàn trận sơ sơ vậy thôi. Tao làm bài toán thứ nhì, trong nay mai. Giết thì phải giết cho chết. Đừng lo. Thể diện của tao lớn hơn thể diện của mày mà.

Cai tổng Ba thích chí sau khi ban trận đòn nên thân cho thằng Tiến. Ông sai mua rượu về, gọi bọn gia nhân đến để khao thưởng:

- Thằng cha hội đồng Hai thua em, gỡ bài cào. Nó thất kiện nên tìm cách trả thù, mượn ăn trộm cạy tủ sắt của tao. Thằng cha đó đê hèn quá.

Một đứa gia nhân nói;

- Thưa ông cả, tôi sợ nó mượn ăn cướp tới đánh nhà này, giết hoặc bắt sống gia chủ, cho chuộc lại với số tiền lớn.

- Võ nghệ như tao đây, một trăm đứa cướp tao cũng không sợ. Tao có sắm một cây súng, tụi bây dư biết. Lúc nguy nan, tụi bây sẵn sàng sống chết với tao không? Nhà này phòng thủ đầy đủ. Uống cạn chén đi. Rồi lên lầu xem xét lại. Tụi bây nói có lý. Thằng cha hội đồng Hai muốn bắt sống tao.

Lũ gia nhân theo ông cai tổng Ba, lên tầng lầu trên. Nóc xây bằng xi măng cốt sắt, bằng phẳng, bốn phía có vách hơi cao nhô lên, khoét từng lỗ nhỏ.

Một đứa gia nhân hỏi:

- Ông khoét vách để bắn xuống cho dễ, phải không?

Ông cai tổng Ba cười, giọng bí mật:

- Coi kìa!

Vừa nói, ông vừa chỉ tay về phía bên phải. Hàng trăm cái ve chai dựng đứng đây nút thật kỹ lưỡng, phía trên có miếng bao bố tời đây lại. Theo lời yêu cầu của một đứa gia nhân, ông xách một cái chai đặt trước mặt mở nút ra...

Ngoài cổng có tiếng nói vang:

- Cai tổng... bờ a ba? Ba con cá, ba con cua, ba con...

Cai tổng Ba quát to:

- Đứa nào chịu khó xuống dưới, ra ngoài bắt sống nó đem lên đây trị tội.

Đứa gia nhân chạy xuống. Cai tổng Ba cau mày, nuốt nước miếng ừng ực. Tất cả bọn tá điền, bấy nay đều phải "ky úy," tránh tiếng "ba" là tên của ông, khi đếm số, khi đong lúa họ nói "tam" thay vì ba.

Lát sưa, đứa gia nhân dẫn một chàng thanh niên lên tận nóc lầu. Ông Cai nói:

- Mày ở đâu? Mày chửi tao hả? Mày coi tao như loài thú vật, như đồ dơ dáy hả?

Sau trận đòn như tử, chàng thanh niên khai thật: hẳn là tá điền của ông hội đồng Hai, lãnh trách nhiệm dò thám để hiểu rõ tổng số gia nhân của nhà này ước chừng bao nhiêu người.

- Chi vậy?

Hắn trả lời:

- Dạ, để đánh cướp.

Một đứa gia nhân nói:

- Nguy quá. Tôi trót lỡ lầm, dặt nó lên trên này.

Ông cai vẫn bình tĩnh, nói với chàng thanh niên:

- Nè, đóng ve chai. Nè! Cái chai này mày hửi thử rồi về cho chủ mày biết mùi vị.

Chàng nọ hình hình lỗ mũi, nghiêng đầu về phía sau:

- Thúí quá! Giống như nước mắt hạng bét.

- Tao để dành, chờ bọn cướp. Một trăm cái ve chai đầy nước mắt này sẽ quăng xuống, trúng ai thì nấy chịu. Miếng chai nát ngườu, dính nước mắt. Nó cắt da thịt thì... voi cạp cũng té quị xuống. Chừng đó sân nhà đầy miếng ve chai, mày hiểu chưa?

Chàng nọ thở dài, quỳ xuống lạy, xin tha tội. Bấy giờ ông cai mới sức nhớ:

- Ai dạy mày câu nói hồi nãy?

- Dạ, ông hội đồng.

- Ông có tới đây chịu đòn thay thế cho mày không? Tướng mạo của ông như con nhái, tao bóp một cái là dẹp lép.

Và để chứng minh tài năng của mình, cai tổng Ba đến gần nơi tận cùng nóc lâu, dậm chân, nhảy phóc xuống đất. Bọn gia nhân chắt lưỡi:

- Tài nghệ siêu quần! Một trăm đứa võ sĩ vô đây cũng chết.

Từ phía dưới, ông cai gọi vọng lên:

- Dẫn nó xuống đây!

Chàng thanh niên xám mặt, chưa hiểu ông cai sẽ hăm dọa hoặc trừng trị bằng phương cách nào. Ông cai nắm lấy tay chàng ta, dẫn đến mé sông. Gió thổi hiu hiu. Mấy cây dừa trồng dài theo ven đường như xoã tóc rối. Ông cai đến cái nhà mát, cất gie ra trên sông. Đó là kiểu nhà thủy tạ, hình tròn, chung quanh có đóng băng ngòi.

Ông nói:

- Mày chờ tao. Đáng lý ra, tao bắt mày nhốt lại rồi cắt lỗ tai mày, gửi cho hội đồng Hai... làm kỷ niệm. Nhưng thôi, tao là người văn minh. Đừng hòng mượn bọn trộm cướp tới đây. Uống tiền lắm. Tao đâu sợ.

Chàng thanh niên cúi mặt, hổ thẹn như con chuột lặn hụp trong vũng bùn:

- Xin ông cho tôi về. Tôi hứa nói lại với ông hội đồng.

- À! Ông kêu tụi ăn cướp tới chưa?

Chàng thanh niên sức nhớ lời căn dặn của ông hội đồng Hai, nói nhanh:

- Dạ tới rồi. Chắc đêm nay hoặc đêm mai, tụi nó ra tay. Ông hội đồng muốn trả thù theo kiểu ném đá dẫu tay. Ông giúp tụi bắt lương về mặt dọ thám. Tụi kia tha hồ vợ vét, bắt sống gia chủ, đốt nhà...

- Vậy hả?

Cai tổng Ba hơi sợ, ông dư hiểu rằng tên thanh niên này sẽ thuật lại cho hội đồng Hai tất cả những điều tai nghe mắt thấy tại đây. Một cây dừa trồng sát mé sông khiến ông nảy ra một kế: "chẳng lẽ kẻ vừa thắng kiện như mình đây lại mượn trộm cướp trả thù hội đồng Hai. Trễ quá rồi. Bây giờ chỉ còn cách thị oai, hăm dọa để hội đồng Hai thôi chí, từ bỏ kế hoạch." Gió thổi ngày càng mạnh. Cai tổng Ba chú ý, gốc dừa lung lay khi mớ lá trên ngọn quật quá mạnh, chỉ chờ một cơn gió là gốc dừa tróc lên.

Bọn gia nhân kêu rú lên:

- Ông cai! Làm gì vậy?

Ông cai cứ tiếp tục làm công việc riêng, đứng ưỡn ngực, tấn bộ chữ dinh như bọn Sơn Đông mãi võ. Chàng thanh niên ngờ rằng ông cai sắp ban cho trận đòn quì xuống van nài:

- Con hứa từ rày về sau...

hai tay ông cai vươn ra, xoay tròn như hai cánh chim phụng hoàng rồi rơi thẳng trước mặt, ngón tay co quắp lại:

- Tại bây biết đây là miếng gì không?

Gia nhân đáp:

- Dạ không! Thế võ của ông, xem lợi hại quá.

- Miếng "Song long thủ châu."

- Dạ khó hiểu quá. Mấy chữ nho đó nghĩa gì?

- Là hai con rồng giành một trái châu, ôm và cắn hai trái châu trong miệng. Khi xáp trận, người ta dùng miếng "Song long thủ châu" để móc mắt kẻ thù. Nay mai, tao móc cặp mắt hội đồng Hai, kẹp giữa hai ngón tay như hai trái nhãn.

Đôi mắt cai tổng Ba nhìn trừng trừng phía mé sông. Từ xa, trận gió kéo tới, rặng dừa nước lá ngọn. Đọt cây dừa xoay tròn, thân cây nghiêng nghiêng. Nhanh như chớp, ông cai chạy tới, hai tay ôm gốc dừa, hai chân nhảy lên một lượt. Cây dừa nghiêng xuống, ngã âm trong khi ông quay mặt, nhún chân, nhảy trở lại phía sau cho khỏi té xuống sông. Chàng thanh niên trở mắt.

Ông cai đã chứng tỏ tài năng vô song dùng sức người mà đá tróc gốc cây dừa!

Sau hai lần khiêu khích ấy, ông hội đồng gọi gia nhân đến, quyết định:

- Tao hại thằng cha cai tổng Ba gần tới ngày rồi. Tụi bây nghe nói chừng nào nó mời gánh hát bội về làng để... chửi tao!

Thằng Tiến đáp:

- Dạ, hai ngày nữa.

- Cai tổng Ba mượn tiếng trống tiếng kèn của hát bội để chọc tức tao. Làm

sao tao nhện được.

Hùng và Cự - hai tên võ sĩ thân tín - đã đến ngụ tại nhà ông hội đồng từ bốn ngày rày. Chúng nó vừa thặng mấy độ võ đài ở hội chợ Phước Thiện, ngoài Rạch Giá. Hùng và Cự tỏ vẻ nóng nảy:

- Ông hội đồng cho phép chúng tôi giết cai tổng Ba là xong...

- Thùng thỉnh đã ...

- Trong lúc chờ đợi, tụi tôi đốt cháy đình làng hoặc là tìm ông bầu gánh hát bội, hăm dọa.

- Đừng làm vậy. Thần thánh quở phạt. Phải trị cho tận nọc. Cai tổng Ba giỏi lắm. Nó dám nhảy từ trên lầu xuống đất. Nhà của nó phòng thủ kiên cố, hàng trăm cái ve chai, đầy nước mắt, quăng xuống thì tụi bây phải biết. Hơn nữa nó biết mấy thế võ "Song long thủ châu" để móc mắt. Và cái thế... đá tróc gốc cây dừa gọi là...

Thằng Hùng nói nhanh:

- Hơi đâu mà sợ mấy chữ nho đó. Họ bịa thế này, thế kia. Thí dụ như "Phong xuy trịch liễu" hai chân người ví như hai con rắn giành gốc liễu, liễu là... cây dừa. Hoặc cai tổng Ba nói dóc là thế võ "Nhứt tiên quá hải." Xưa kia, tám ông tiên cỡi trên khúc gậy trầm hương, ngao du miền biển đông. Giờ đây, cai tổng Ba cỡi trên gốc dừa, khi gốc ấy ngã ầm xuống sông. Vậy thôi...

Hội đồng Hai cau mày:

- Hùng, Cự ơi! Tao còn nóng ruột hơn tụi bây nữa. Tóm lại, mình không thể giết cai tổng Ba ban lúc ban đêm... Nha trảo của nó quá đông, nhà của nó phòng thủ chắc chắn, mình khó bề phá cửa xông vào. Nếu vào được cũng chẳng làm gì ra trò trống. Rủi mấy em bị bắt rồi thì uổng mạng quá. Bây giờ chỉ còn cách này: giết nó giữa ban ngày.

Thằng Cự đáp:

- Hôm rày, con tới đó vài lần, cai tổng Ba ngồi dưới cầu mát, sát mé sông lim dim hút thuốc.

- Nó đá giỏi lắm! Coi chừng - hội đồng Hai nói.

Hùng và Cự nhìn nhau. Ăn cơm chúa thì phải múa tối ngày. Hai đứa nó

gọi thằng Tiến:

- Mày lại nhà cai tổng Ba, dọa thám cho kỹ. Mình không cần dùng kế "điệu hổ ly sơn" mà nó đã mắc kế rồi.

Mười phút sau, thằng Tiến chạy về cho biết:

- Cai tổng Ba đang ngồi dưới cầu mát đọc nhật trình.

Thằng Hùng nói:

- Nó có mang vũ khí gì không?

- Dạ không.

- Sao mày biết? Bộ mày rờ vô mình nó hả? Mấy tay võ nghệ cao cường thường giấu dao trong mình.

Thằng Tiến đáp:

- Dạ, hai bữa rày, cai tổng Ba mặc cái xà rồng ở trần trụi trụi. Thứ xà rồng của người Miên.

Hùng và Cú đứng dậy, tát tai thằng Tiến:

- Vậy mà mày không cho tụi tao biết.

Rồi day qua ông hội đồng Hai:

- Chừng năm phút nữa, cai tổng Ba phải chết. Thằng cha đó chưa biết mặt tụi con lần nào.

- Sao? Hai em nói giỡn hả? Nó đá giỏi lắm. Hai em đánh nó giữa ban ngày, nơi trống trải... Khó bề có kết quả.

- Ông đưa cho thằng Tiến một cái bao là đủ...

Cai tổng Ba mặc xà rồng ngồi trên cầu mát, đọc báo Lục Tỉnh Tân Văn.

Từ xa, thằng Tiến bước lại:

- Thưa ông, ông chủ tôi dạy tôi đem cái thư này.

Cai tổng Ba trợn mắt:

- Thư từ gì đó? Đưa đây.

Ông cía cúi mặt, xé phong thư. Một chiếc xuồng bơi đến gần cầu mát. Từ dưới xuồng, thằng Hùng thẳng cứ nhảy lên, hươi đao.

Trễ quá rồi!

Cai tổng Ba giật mình, thối lui. Nhưng sau lưng ông ta là khoảng trống,

lui thêm bước nữa là té xuống sông. Chạy trở về sân chẳng? Một đứa lạ mặt đã chặn đường. Ông sực nhớ đến sở trườn của mình. Cái thể đá - ngọn đá ngàn cân mà ngày trước ông ta quật tróc gốc dừa.

Ông toan hươi chân. Nhưng cái xà rông quá chặt, bó hai chân lại. Giống như mấy cô đầm mặc cái "cùng." Cái xà rông bằng tơ quá chắc. Tuột ra để chết loã lồ chẳng? Thiên hạ cười chết. Nhảy xuống sông chẳng? Hơi trễ. Hai đứa sát nhân này sẽ nhảy theo, đâm chết dưới sông. Dòng máu "yên hùng" sôi lên bùng bùng. Cai tổng Ba nói:

- Tụi bây muốn giết tao hả! Tao sẵn sàng đưa ngực cho tụi bây đâm. Tao đâu phải là đứa tiểu nhân. Thà đổ máu trên cầu mát này còn hơn sống loã lồ thân thể hoặc loi ngoi dưới nước. Giết tao đi!

Hùng và Cự nhìn nhau. Rõ ràng là cai tổng Ba là kẻ đáng sống. Chúng nó từ từ xuống xuống, bơi về. Thằng Tiến co chân chạy tuốt.

Từ đó về sau, suy nghĩ sao không biết, hội đồng Hai và cai tổng Ba chẳng còn khiêu khích nhau nữa, tuy họ tránh gặp mặt nhau.

Thơ Núi Tà Lơn

Đêm đó, đã quá mười một giờ. Khách du ngoạn trên cầu chữ Y đã thưa thớt. Quá nức nội không ngủ được, tôi đi rong đi rêu trên cầu chờ mong một làn gió mát. Cảnh vật hầu như im lặng, chiếc xích lô máy vượt qua rồi mất hút. Tôi thơ thần ngắm ánh đèn điện nơi xa rồi cúi đầu theo dõi đường nước đen ngòm phía dưới.

Một chiếc tàu hiện ra đằng kia, loại tàu kéo ghe. Tàu chạy chậm chậm vì nước đổ ngược. Tàu chạy dưới gầm là chuyện thường nên tôi không muốn để ý. Vì vậy tôi hơi ngạc nhiên khi thấy người khách bên cạnh cứ nhìn mãi chiếc tàu. Tàu đã khuất dạng, khách lặng lẽ thở dài.

Tôi tò mò nói để gợi chuyện:

- Tàu dòng ghe gì vậy bác?

- Ghe chở than. Bảo đảm than Cà Mau. Hồi này tôi thấy rõ ràng than gốc lớn bằng cây cột nhà.

Sực nhớ lại, ở Sài Gòn cột nhà bằng cây không có thứ nào to bằng gốc cây được Cà Mau như khách đã nói, tôi mỉm cười:

- Sài Gòn có hai thứ cột. Cột gạch thì mỗi bề ba tấc. Cột cây dầu thì chừng một tấc vuông. Đẳng này gốc than có khác.

Khách nhìn tôi với đôi mắt sáng rực:

- Ông anh nói đúng. Gốc đước hầm than lớn bằng cây cột nhà miệt dưới.

Tôi hỏi:

- Miệt nào?

Khách ra vẻ bực bội:

- Thì miệt Cà Mau, tôi nói này giờ. Xin lỗi ông anh có biết miệt đó không? Tôi trả lời rằng biết. Khách chưa tin nên gạn hỏi:

- Cũng là ở Cà Mau nhưng làng của ông anh cách làng tôi hai ngày đường. Để tôi hỏi câu này: Tam Giang ở đâu?

- Dạ Tam Giang ở chỗ sông cửa Lớn đổ ra cửa Bồ Đề. Từ Tam Giang tới mũi Cà Mau chừng ba mươi cây số.

Khách vỗ vai tôi, mời hút thuốc rồi hỏi tiếp:

- Tại sao kêu là xóm Năm Căn?

- Tôi nghe nói hồi xưa, nơi đó có năm miệng đáy. Sông sâu, nhiều sấu người ta không đóng cột xuống sông. Cứ neo sáu chiếc ghe cách khoảng đồng đều nhau. Giữa hai chiếc ghe, họ giăng miệng đáy. Căn có nghĩa là gian, là miệng...

Ông Tư đến Sài Gòn độ hai mươi năm rồi. Điều ân hận nhất của ông là không được dịp trở về quê cũ.

- Cha mẹ tôi mất hết rồi, còn người anh hiện giờ trên năm mươi tuổi đã có cháu nội ở Tam Giang. Anh tôi là người lang bạt kỳ hồ. Năm đó anh bỏ nhà trốn nợ tận núi Tà Lơn bên Cao Miên. Không hiểu ảnh làm gì ở bên, không hiểu ảnh tới núi không. Năm sau, ảnh trở về với cái quần xà lỏn dính da. Hỏi công chuyện làm ăn, ảnh cười. Lúc uống rượu, ảnh đọc thuộc lòng và gọi là vè Tà Lơn.

Ông Tư nhướng mắt như hỏi tôi biết bài vè đó chưa. Tôi trả lời chưa biết. Ông đọc cho tôi nghe một hơi.

Tà Lơn xứ rày tạm con ở.

Làm lưới chài ngày tháng nấu nường.

Gởi thơ về cho cha mẹ tỏ tường.

Cùng huynh đệ đặng cho hãn ý.

Kể từ thưở bôn trình vạn lý.

Đến bây giờ hơn bảy tháng dư.

Nghiêng mình năm nhóo tới mầu từ.

Ngồi chờ dây ruột tằm quấn thắt.

Nhớ huynh đệ lụy tuôn nước mắt.

Cam phận em ruột thắt từng hồi.

Vận bất tề nên phải nổi trôi.

Thời bất đạt nên con xa xứ.

Tôi hỏi:

- Bài về ai đặt ra. Cảm động quá. Ai lại không từng sống trong cảnh cô độc, xa nhà vì sinh kế.

Ông tư đáp:

- Của tác giả vô danh, phần đầu tả tình, phần sau tả cảnh tiếp theo như vậy:

Xứ lạ lòng con có một mình.

Cơ nguy hiểm lấy ai phò trợ.

Bởi thiếu thốn bao nhiêu đồng nợ,

Nay thân con phải chịu hoành hành.

.....

Việc ăn ở nhiều nỗi đắng cay,

Vái trời phật xin về quê cũ.

Xứ hiểm địa chim kêu vượn hú,

Dễ ngâms ầu nhiều nỗi đa đoan.

Ngó dưới sông con cá mập lợi dư ngàn,

Nhìn trên suối sấu nằm như trăm khúc.

Tôi cất vấn ông:

- Nhớ hơi quá. Không lẽ núi Tà Lơn âm u nguy hiểm như vậy.

Ông Tư cười:

- Có tích mới đặt tuồng. Còn nữa...

Nay con tới nguồn cay nước đục,

Loại thú cầm trông thấy chình ghê,

Giống chẳng tinh lai vãng dựa xó hè.

Con gấu ngựa tới lui gần xó vách.

Bầy chồn cáo đua nhau lúc nhúc,

*Lũ heo rừng chạy giỡn bát loạn thiên.
Trên chót núi, nai đi nối gót,
Cặp giả nhân kêu tiếng rảnh vang.
Ngó sau lưng, con kỳ lân mặt đỏ như vàng,
Nhìn phía trước, ông voi đen huyền như hổ.
Hướng đông bắc, con công như tổ họ.
Cõi tây nam, gà rừng gáy ó o...*

Bài về Tà Lơn, ông Tư đọc còn dài lắm. Đoạn sau tả các loài ong độc, loài rắn, loài kiến hùm. Tóm lại, toàn là loài thú dữ ở trong sở thú Sài Gòn. Chấm dứt bài còn mấy chữ cần ký nay thì. Ông Tư Khuyên tôi nên chép bài đó để học thuộc nằm lòng, xem như lá bùa hộ mạng. Ông còn khoe nhờ ông mà bài về này được phổ biến khá sâu rộng trong xóm nhỏ.

Ông nói:

- Khi quá vui thì mình đọc nó để cho tâm hồn bình tĩnh trở lại! Nhớ tới công lao cực nhọc của ông bà khi xưa. Khi nào túng tiền, mình nhớ xứ Cà Mau, bài về này sẽ gọi chút ấm áp. Cũng như trời lập đông, mua chút rượu để mà uống.



Hai ba năm sau.

Từ ngày dời nhà lên vùng Phú Nhuận, tôi không còn hoàn cảnh thuận tiện để thăm viếng ông Tư, hoặc lên cầu chữ Y hóng mát nữa.

Thỉnh thoảng gặp dịp đi qua, ghé hỏi thăm thì ông không có ở nhà. Mãi đến buổi chiều nọ, trời chuyển mưa to, tôi chạy ghé vào nhà ông. Bà vợ ông nói:

- Ôi thôi! Hơi đâu mà hỏi tới ông. Sợ là người anh ruột của ông chết từ hai tháng nay. Ông buồn, ông uống rượu, tối ngày không nói không rằng. Hồi nào hễ rảnh là ông đi đăng xóm dạy thiên hạ học bài về thơ Tà Lơn. Ai không học thì ông giận. Bây giờ ông thủ khẩu như bình. Ai nhắc lại thơ Tà Lơn, ông day mặt chỗ khác. Chú em nghĩ coi! Anh của ông, năm nay già sáu mươi tuổi. Đời người hưởng được bao nhiêu năm như vậy nghĩ cũng là thọ. Tôi

tình gì mà quá than khóc! Hôm trước, ông biểu tôi vay nợ để ông về Cà Mau. Chùng chạy đôn chạy đáo mượn được tiền, ông không thềm về. Khó hiểu quá.

Tôi hỏi:

- Ông đâu rồi, tôi muốn gặp để thăm. Hèn lâu không gặp.

Bà đáp lại:

- Chú em cứ lên cầu Chữ Y, chạng vạng là có mặt ông ở trên tới khuya. Ông dòm trời, dòm đất. Mấy ngày đầu, tôi sợ ông buồn rầu mà tự tử...

Đường lên cầu Chữ Y chiều hôm đó cũng rộn rịp ngựa xe như năm nào, đèn điện sáng rực lên, từng đoàn người đứng cười cười nói nói dựa theo lan can. Tôi đi suốt đầu này qua đầu kia, tìm ông Tư. Ông đứng đó, kìa. Mái tóc bạc phếu, khác hẳn ngày nào. Mắt ông nheo nheo nhìn về phía chợ Sài Gòn, môi ông mấp má.

Nói với ai? Nói chuyện gì hở ông lão? Tôi muốn hỏi lớn như vậy. Phải chăng là đoạn thơ Tà Lơn "Nhớ huynh đệ lụy tuôn nước mắt, cảm phận em ruột thắt từng hồi, vận bất tề nên phải nổi trôi?" hay là đoạn "Cõi tây nam gà rừng gáy ó o, hướng đông bắc, con công kêu tổ hộ?"

Nhưng mà thôi. Tôi đành đứng lại, không dám khuấy sự yên lặng của ông. Nhìn chung quanh rõ ràng cầu Chữ Y này cao quá, cao bằng cái nhà lầu hai tầng. Gió trên cầu giống như gió núi Tà Lơn, đem lại cho người đời đôi phút tiêu diêu thoát tục? Tại sao lòng ông Tư lại chứa chất nhiều bí ẩn như thế? Bài thơ núi Tà Lơn do một nông dân vùng Cà Mau soạn ra tại sao lại đủ khả năng quyến rũ, trở thành một món nợ đối với ông lão ở kinh thành ánh sáng này như ông là một?

Có lẽ nhờ mang nặng khối nợ đó nên ông không nhào đầu xuống sông khi ý nghĩ tự tử len lỏi vào tim óc. Đêm đó, mãi đến mười giờ khuya mà ông còn đứng trên cầu cúi xuống dòng sông đen thui, lổm đổm những bọt nước trắng.